

LỜI TỰA

Quán Thế Âm Bồ Tát (Tên Phạn là: Avalokite'svara) lại gọi là **Quang Thế Âm, Quán Tự Tại, Quán Thế Tự Tại, Quán Thế Âm Tự Tại...** Trong Phật Giáo dùng sự Từ Bi cứu giúp chúng sinh làm bốn nguyện, cũng được gọi là **Cứu Thế Bồ Tát, Cứu Thế Tịnh Thánh, Thí Vô Úy Giả, Liên Hoa Thủ, Phổ Môn hoặc Đại Bi Thánh Giả.**

Quán Thế Âm Bồ Tát là vị Bồ Tát rất được hoan nghênh trong Phật Giáo Đại Thừa, trong “**Kinh Pháp Hoa. Phẩm Phổ Môn**” nói rằng: “*Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh chịu các khổ não, nghe Quán Thế Âm Bồ Tát đó, một lòng xưng tên tức thời Quán Thế Âm Bồ Tát, quán âm thanh đó, đều được giải thoát.*”

Quán Thế Âm Bồ Tát Phật hiệu là “**Chánh Pháp Minh Như Lai**”. Trong “**Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” nói rằng: “*Quán Thế Âm Bồ Tát có sức uy thần chẳng thể nghĩ bàn, trong quá khứ vô lượng kiếp về trước, đã thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Do Nguyện Lực Đại Bi là làm an vui cho chúng sinh, cho nên hiện làm Bồ Tát.*”

Quán Thế Âm và **Đại Thế Chí** là hai Đại Hiếp Thị của **Đức Phật A Di Đà**, cùng ở thế giới Cực Lạc. Trong “**Bi Hoa Kinh**” ghi chép, tương lai sau khi Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc tại phương Tây nhập Niết Bàn, Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ được bổ nhiệm làm Phật nơi đó, hiệu là “**Nhất Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Như Lai**.” Tịnh Thổ ấy tên là “**Tịnh Bảo**”, so với thế giới Cực Lạc hiện tại lại càng trang nghiêm vi diệu hơn.

Sách này tập hợp tư liệu hoàn chỉnh có liên quan đến Quán Thế Âm Bồ Tát, bao gồm các loại Hình Tượng, Pháp Môn, Chân Ngôn Chú Ngữ của Quán Âm.... Là một bộ Bảo Điển toàn thư có liên quan đến Quán Âm.

Với tâm nguyện muốn góp chút ít công sức cho sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam. Tôi nương theo sự hướng dẫn của Cư Sĩ **Huyền Thanh**, cố gắng biên dịch quyển “**Quán Âm Bảo Điển**” là quyển 11 trong Bộ **Phật Giáo Tiểu Bách Khoa** ra tiếng Việt nhằm giúp cho người nghiên cứu Phật Giáo có thêm tài liệu để tu tập.

Do tài hèn sức kém nên bản dịch này vẫn còn nhiều sự thiếu sót. Ngưỡng mong các bậc Tôn Đức vui lòng sửa chữa và chỉ dạy thêm.

Mọi Công Đức có được trong bản dịch này, con xin kính dâng lên Thân Phụ và Thân Mẫu là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Tôi xin chân thành cảm ơn gia đình Cư Sĩ **Huyền Thanh** đã bỏ nhiều thời gian để sửa chữa chỗ sai lầm, chèn phần chữ Siddham, biên dịch âm Chú Tây Tạng (chữ Uchen) và scan các hình ảnh ... giúp cho hoàn thành bản dịch này.

Nguyện xin Tam Bảo, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực gia trì cho chúng con, các bậc ân nhân của chúng con và tất cả chúng

Hữu Tinh mau chóng tránh được mọi sai lầm trên bước đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát và mau chóng cùng đạt được Quả Vị Giải Thoát.

Mùa Thu năm Kỷ Sửu (2009)

Võ Thanh Tâm kính ghi

**_THIÊN THỨ NHẤT_
TỔNG LUẬN**

CHƯƠNG THỨ NHẤT ĐẠI TỬ ĐẠI BI CỦA QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Quán Thế Âm Bồ Tát (Tên Phạn là: Avalokite'svara), lại có các tên là **Quán Tự Tại, Quán Thế Tự Tại, Quang Thế Âm, Quán Thế Âm**, lại được gọi là **Cứu Thế Bồ Tát, Cứu Thế Tịnh Thánh, Thí Vô Úy Giả, Liên Hoa Thủ, Phổ Môn, Đại Bi Thánh Giả**. Trong Phật Giáo Đại Thừa là vị Bồ Tát rất được mọi người biết đến, Ngài dùng Đại Bi thị hiện, thệ nguyện nhổ sạch tất cả khổ nạn của Hữu Tình, nghe âm thanh để cứu khổ, chẳng bao giờ ngưng dứt. Trong “**Kinh Pháp Hoa. Phẩm Phổ Môn**” nói rằng: “*Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh chịu các khổ não, nghe Quán Thế Âm Bồ Tát đó, một lòng xưng tên tức thời Quán Thế Âm Bồ Tát, quán âm thanh đó, đều được giải thoát.*” Có thể thấy Pháp Môn đó rộng lớn và bi nguyện sâu rộng.

Liên quan đến danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát, chủ yếu là “**Quán Thế Âm**”, nhưng cách nói của **La Thập** từng nêu ra trong quyển nhất “**Chú Duy Ma Cật Kinh**” thì cho rằng: “*Đời có nguy nạn, xưng tên tự quy, Bồ Tát Quán âm thanh đó liền được giải thoát. Cũng gọi là Quán Thế Niệm, cũng tên là Quán Tự Tại vậy.*” Y theo đây có thể biết Ngài **Cưu Ma La Thập** cũng thừa nhận ý nghĩa của “**Quán Thế Âm**” có “**Quán Tự Tại**.”

Đại Sư **Khuy Cơ** của triều đại nhà Đường trong quyển thượng “**Bát Nhã Tâm Kinh U Tát**” cho rằng “**Quán**” nghĩa là chiếu soi, tức Trí Tuệ thông đạt Không Hữu, “**Tự Tại**” nghĩa là tùy ý nhận làm tức là Thắng Quả của Sở Đắc. Quá khứ rộng hành sáu độ, hiện tại được chứng Quả trọn vẹn, Tuệ Quán là trước tiên thành được mười loại Tự Tại. Mười Tự Tại là:

- (1) Thọ Tự Tại: Hay kéo dài bảo vệ tính mạng.
- (2) Tâm Tự Tại: chẳng nhiễm ở sinh tử.
- (3) Tài Tự Tại: Hay theo ý vui thích mà hiện, do Sở Đắc của Bố Thí.
- (4) Nghiệp Tự Tại: Chỉ làm việc lành và khuyên người khác làm lành.
- (5) Sinh Tự Tại: Tùy theo ý muốn hay hưởng tới, do Sở Đắc của Giới Hạnh.
- (6) Thắng Giải Tự Tại: Hay tùy theo sự ham muốn Biến Hiện, do Sở Đắc của An Nhẫn.
- (7) Nguyện Tự Tại: Tùy theo Quán nơi vui vẻ mà thành tựu, do Sở Đắc của Tinh Tiến.
- (8) Thần Lực Tự Tại: Bắt đầu Tối Thắng Thần Thông, do Sở Đắc của Định lực.
- (9) Trí Tự Tại: Thuận theo lời nói âm thanh Trí Tuệ.
- (10) Pháp Tự Tại: Vào Khế Kinh Do Sở Đắc của Trí Tuệ.

Ngài **Khuy Cơ** lại cho rằng, địa vị của Quán Thế Âm Bồ Tát là Bồ Xứ Bồ Tát, tu đạo thành Chứng Đẳng Giác, có đầy đủ Thắng Quả của mười loại Tự Tại kể trên, cho nên có tên là “**Quán Tự Tại**.”

Liên quan đến danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát, từ xưa đến nay có nhiều loại cách dịch khác nhau, căn cứ vào sự nghiên cứu của Học Giả y theo niên đại nêu ra mà ghi nhận như sau:

Cổ Dịch (Ngày xưa dịch)

1_ **Quán Âm** _____ đời Hậu Hán do **Chi Diệu** dịch “Thành Cụ Quang Minh Định Ý Kinh”

2_ **Khuy Âm** _____ Do Ngô **Chi Khiêm** dịch “Duy Ma Cật Kinh”

3_ **Quán Thế Âm** _____ đời Tào Ngụy do **Khang Tăng Khải** dịch “Vô Lượng Thọ Kinh”

4_ **Quang Thế Âm** _____ đời Tây Tấn do **Trúc Pháp Hộ** dịch “Quang Thế Âm Đại Thế Chí Kinh Thọ Quyết Kinh”

5_ **Hiện Âm Thanh** _____ đời Tây Tấn do **Vô La Xoa** dịch “Phóng Quang Bát Nhã Kinh”

Cựu Dịch (Ngày trước dịch)

1_ **Quán Thế Âm, Quán Âm** _____ đời Hậu Tần do **Cưu Ma La Thập** dịch “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”. Đời Bắc Lương do **Đàm Vô Sấm** dịch “Bi Hoa Kinh”. Đời Đông Tấn do **Phật Đà Bạt Đà La** dịch “Hoa Nghiêm Kinh”. Đời Lưu Tống do **Khương Lương Gia Xá** dịch “Quán Vô Lượng Thọ Kinh”. Đời Lưu Tống do **Đàm Vô Kiệt** dịch “Quán Thế Âm Bồ Tát Thọ Ký Kinh”

2_ **Quán Thế Tự Tại** _____ đời Hậu Ngụy do **Bồ Đề Lưu Chi** dịch “Pháp Hoa Kinh Luận”

Tân Dịch (Ngày nay dịch)

1_ **Quán Tự Tại** _____ đời Đường do **Huyền Trang** dịch “Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh”. Đời Đường do **Thục Xoa Nan Đà** dịch “Hoa Nghiêm Kinh”. Đời Đường do **Bồ Đề Lưu Chí** dịch “Đại Bảo Tích Kinh Vô Lượng Thọ Như Lai Hội”. Đời Tống do **Pháp Hiền** dịch “Đại Thừa Vô Lượng Trang Nghiêm Kinh”

2_ **Quán Thế Âm, Quán Âm** _____ đời Đường do **Bát Thích Mật Đế** dịch “Thủ Lăng Nghiêm Kinh”

3_ **Quán Tự Tại** _____ đời Đường do **Thiện Vô Úy** dịch “Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thân Biến Gia Trì Kinh”

Gọi là Cổ Dịch là chỉ **Cưu Ma La Thập** phiên dịch trở về trước. Niên đại liên quan với Cưu Ma La Thập đến trước **Huyền Trang** gọi là Cựu Dịch. Phiên dịch thời Huyền Trang thì gọi là Tân Dịch. Trong những phiên dịch này chủ yếu nhất là dùng Quán Thế Âm, Quán Tự Tại, hiện thời cũng rất được thông dụng.

Tính chất đặc biệt của Quán Thế Âm Bồ Tát

Quán Thế Âm Bồ Tát sớm đã thành Phật, Phật hiệu là “**Chánh Pháp Minh Như Lai**”, nhưng vì muốn tế độ tất cả chúng sinh, cho nên quay ngược thuyền Từ, thị hiện thân Bồ Tát. Trong “**Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni**” nói rằng: “*Quán Thế Âm Bồ Tát có sức uy thần chẳng thể nghĩ bàn, trong quá khứ vô lượng kiếp về trước, đã thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Do Nguyên Lực Đại Bi là làm an vui cho chúng sinh, cho nên hiện làm Bồ Tát.*” Nhưng lúc đó Thích Ca Mâu Ni Phật ở dưới Tòa của Ngài là đệ tử tu khổ hạnh, do đó cũng có thể thấy sự bình đẳng không hai của Phật Pháp.

Hai Đại Hiệp Thị của Đức Phật A Di Đà là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ Tát, các Ngài giúp đỡ cho Đức Phật A Di Đà giáo hóa chúng sinh. Căn cứ trong “**Bi Hoa Kinh**” ghi chép, tương lai sau khi Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc ở phương Tây nhập Niết Bàn, Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ được bổ nhiệm làm Phật, tên là “**Biến Xuất Nhất Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Như Lai**”, Tịnh Thổ của Ngài gọi là “**Nhất Thiết Trân Bảo Sở Thành Tự Thế Giới**”, so với thế giới Cực Lạc hiện tại lại càng trang nghiêm vi diệu hơn, chẳng thể nghĩ bàn.

Quán Tự Tại Bồ Tát đối với Bi và Trí

Quán Thế Âm Bồ Tát dùng Đại Bi cứu độ chúng sinh làm đức hạnh chủ yếu, mà ẩn giấu ở sau Đại Bi, chính là Đại Trí của sự vô biên, cho nên trong giới Phật Giáo, Kinh Điển Trí Tuệ “**Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh**” được lưu truyền rất rộng, tức là do Quán Thế Âm Bồ Tát đã tuyên nói, gọi là: “*Khi Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu, thời soi thấy năm uẩn đều trống rỗng mà vượt qua tất cả ách khổ đau.*” Tức là giải thích Quán Tự Tại Bồ Tát bởi vì hiểu sâu trí tuệ của Bát Nhã Ba La Mật Đa, cho nên hay độ hóa tất cả ách khổ đau.

Ngoài ra, Quán Thế Âm cũng là đại biểu cho Giác Tính ở bên trong tâm linh rất sâu lắng của chúng sinh, Ngài chẳng phải đến để quán chiếu âm thanh của người khác, mà nhường cho mỗi người quán chiếu âm thanh của chính mình, nếu như hay phát giác đến Giác Tính ở bên trong của mình thời tự mình là Quán Thế Âm.

“**Quán Tự Tại**” là chỉ mỗi một sinh mạng có thể chẳng bị bất cứ sự phiền não quấy rầy, trói buộc mà được đại tự tại.

Phổ Môn Thị Hiện Quán Thế Âm

Một đặc sắc riêng của Quán Thế Âm Bồ Tát là **Phổ Môn Thị Hiện** cũng chính là biểu thị cho chẳng kể chúng sinh có bất cứ nhu cầu nào, Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ thị hiện ra tương ứng với các loại nhân vật của chúng sinh để cứu độ cho họ.

Quán Thế Âm Bồ Tát do Tam Muội **Phổ Hiện Sắc Thân** mà hiện khởi thân biến hóa chẳng thể nghĩ bàn, luôn luôn ở trong mười phương thế giới làm việc cứu giúp vô biên khiến cho chúng sinh bị khổ nạn được đến chỗ an ổn và trong mát vô hạn. Các loại tinh thần của **Đại Từ Đại Bi** khiến cho rất nhiều người lập chí đi theo

Hạnh Bồ Tát hướng về Sinh Mạng Tâm, tóm lại hy vọng nhận được sự cứu giúp của Quán Thế Âm Bồ Tát, cũng phát nguyện cùng với **Đồng Bi Đồng Lực** của Ngài, bắt chước sự vĩ đại của Pháp thuộc các Hạnh mà Quán Thế Âm Bồ Tát đã làm ở mười phương thế giới cứu độ tất cả hữu tình.

Quán Thế Âm Bồ Tát là biểu hiện cụ thể của **Tâm Từ Bi và Bát Nhã Chánh Trí Viên Dung không hai** của sự vô hạn, Ngài thị hiện **Vô Sát Bất Ứng** (Không có cõi nào chẳng ứng hiện) cũng khiến Ngài trở thành vị Bồ Tát rất hợp với chúng sinh ở thế giới Sa Bà. Trung Quốc có nói câu tục ngữ là: “*Nhà nhà A Di Đà, cửa Cửa Quán Thế Âm*” chính là khắc họa rất tốt của các loại hiện tượng.

Trong lịch sử Trung Quốc, Quán Thế Âm Bồ Tát đang nắm giữ Bi Nguyện Tâm Ích Cứu Khổ, không ngừng thị hiện để cứu độ chúng sinh hữu tình.

Chúng sinh bị nguy khốn

Thân khổ đau vô lượng

Sức Diệu Trí Quán Âm

Giải cứu khổ thế gian

Nhưng ngày nay sắp bước vào thế kỷ 21, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng nhất định ứng vào chúng sinh bị mê hoặc khổ não, nên cầu nghiêng về cam lộ trong mát, ban cho cứu tế, mà rất nhiều sinh mạng giới hướng về Bồ Tát, cũng nguyện có đầy đủ uy lực Bi Nguyện vô hạn của Quán Thế Âm Bồ Tát, làm **Sứ Giả của Quán Âm**, hành trì Đại Hạnh cứu đời của Đức Đại Bi Quán Âm.

Cái dưng của sự bố thí không sợ hãi

Do Đại Bi cứu giúp của Quán Thế Âm Bồ Tát, cho nên lại được gọi là “**Cứu Thế Tôn**”, “**Cứu Thế Đại Bi**”. Lại do Ngài làm chỗ dựa của chúng sinh, mà khiến cho chẳng sinh sự sợ hãi, cho nên lại gọi là **Thí Vô Úy Giả**. Ngài là Bồ Tát ở địa vị Đẳng Giác, nguyên bản tướng mạo tự nhiên của Ngài là tướng **Đại Tướng Phu dũng mãnh** nhưng nói chung hiện nay mọi người đều xem Quán Thế Âm Bồ Tát là Thân nữ. Thế nhưng do Quán Thế Âm Bồ Tát là Phổ Môn Thị Hiện, có thể tùy loại hiện thân ắt tự nhiên cũng có thể thị hiện tướng nữ.

Do tập quán trên nên điều đó đã hiện hữu trong “**Sưu Thân Ký**” với ảnh hưởng của sự gán ghép thuộc Đạo Giáo, cho rằng Quán Thế Âm Bồ Tát là nữ tính, và lại Ngài là con gái thứ ba của **Diệu Trang Vương**, là công chúa **Diệu Thiện** thị hiện sau khi thành Đạo. Cách nói này so với Phật Giáo hoàn toàn khác nhau.

Sự thật Quán Thế Âm Bồ Tát thường hiện rõ trong tướng mạo vô biên, thân nữ chẳng qua là một loại trong đó. Dùng Tượng Quán Âm ở thời đại Tùy Đường của Trung Quốc và Tượng của Nhật Bản làm ví dụ thì có rất nhiều hình tượng được bảo tồn đều có râu ria; nhưng do Quán Âm Bồ Tát dùng sự Từ Bi ứng hóa, có sự yêu thương nhu hòa nên nói là tính chất đặc biệt của người mẹ. Nhân đây việc đắp Tượng của Ngài cũng có đặc trưng của **Nữ Tính**.



CHƯƠNG THỨ HAI

CÂU CHUYỆN VỀ ĐỜI QUÁ KHỨ CỦA QUÁN ÂM BỒ TÁT

Thái tử phát nguyện cứu hộ tất cả chúng sinh

Trong “**Bi Hoa Kinh**” nói rằng: Xưa kia trải qua Hằng Hà Sa Số A Tăng Kỳ Kiếp, có thế giới Phật tên là **San Đê Lam**, thế giới này ở thời Đại Kiếp tên là **Thiện Trì**, có một vị Chuyển Luân Thánh Vương tên là **Vô Trách Niệm**, đó là đời quá khứ của Đức Phật A Di Đà. Vua Vô Trách Niệm có một ngàn người con, người con cả tên là **Bất Tuần**, đó chính là đời quá khứ của Quán Thế Âm Bồ Tát. Danh hiệu của Đức Phật thời ấy là **Bảo Tạng Như Lai**.

Có một lần, Vô Trách Niệm và một ngàn người con của Ngài cùng nhau cúng dường Bảo Tạng Như Lai và hết thầy Tỷ Kheo Tăng kéo dài được 3 tháng. Sau khi việc cúng dường hoàn tất, tất cả mọi người liền phát nguyện đem Phước Báo của việc cúng dường Đức Phật, hồi hướng thực hiện ở đời sau. Có người phát nguyện làm vua Trời Đao Lợi, có người phát nguyện làm Phạm Vương của cõi Trời, có người cầu được tiền của giàu có lớn, có người khẩn cầu trở thành Thanh Văn để giải thoát, nhưng Vô Trách Niệm Vương lại tự mình cầu cho mình trở lại làm Chuyển Luân Thánh Vương. Những nguyện vọng trong đó đều là nguyện Phước Báo của Trời, Người, tối đa chỉ đến hàng Thanh Văn mà thôi, cũng không có phát tâm thành Phật.

Lúc này, Chuyển Luân Thánh Vương có một vị Đại Thần tên là **Bảo Hải**, Ngài là một vị cao nhân có kiến thức, thường đến nơi khuyên mỗi người phát khởi tâm Bồ Đề rộng lớn, thậm chí khuyên hàng Trời, Rồng, nhóm Quỷ Thần nên Quy Y Tam Bảo, nên phát tâm Bồ Đề, rất nhiều chúng sinh cũng nhân đây mà chí cầu Đại Thừa phát Tâm Bồ Đề.

Nên sau khi Vô Trách Niệm Vương và các Vương Tử của Ngài hồi hướng cầu nguyện. Trong đêm hôm đó, Đại Thần Bảo Hải liền nằm thấy một ác mộng: Trong mộng Ngài thấy đến mười phương Hằng Hà Sa Phật mỗi một Tôn Phật đều cầm Hoa Sen trao cho Bảo Hải, còn có xuất hiện các loại tướng tốt chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng Ngài lại nhìn thấy Vô Trách Niệm Vương biến thành hình người mặt Heo, trên thân thấm đầy vết máu, từ bốn phương tám hướng vội vã chạy đến và bắt đầu ăn các loại côn trùng.... Sau khi ăn no, bỗng nhiên lại có vô lượng chúng sinh đến tranh ăn thân thể của Chuyển Luân Thánh Vương, cứ như vậy, chết đi rồi đầu thai lại y nguyên là hình người mặt Heo, lại bị chúng sinh quay lại ăn thân thể, lại đầu thai lại chết đi, Bảo Hải càng xem cảnh tượng trong mộng càng cảm giác sợ hãi.

Chẳng những như vậy, Ngài cũng nhìn thấy các vị Vương Tử, có người là mặt Voi, có người là mặt Trâu, mặt Sư Tử hoặc là Cáo, mặt Beo, mặt Lợn Họ cũng đều ăn nuốt vô lượng chúng sinh, tiếp theo lại bị vô lượng chúng sinh ăn, cũng giống như một dạng phụ thân của họ, sinh lại chết, chết lại sinh, đời đời đều đúng như vậy.

Bảo Hải từ trong mộng giật mình tỉnh giấc, liền lập tức đến nơi **Bảo Tạng Như Lai**, đem cảnh trong mộng thỉnh giáo Như Lai. Như Lai bảo với Bảo Hải Phạm Chí, đây là vua Vô Trách Niệm và các Vương Tử tuy rằng tu Phước, nhưng lại một lòng cầu lấy phước báu của thế gian, cho nên sau khi hưởng hết Phước báu, lại luân chuyển rơi vào nẻo ác. Thế là Đức Phật Đà lại hướng về Bảo Hải Phạm Chí tuyên nói các loại khổ nơi sáu nẻo đầu thai. Thời Bảo Hải liền đem những gì thấy trong mộng và toàn bộ lời dạy bảo của Như Lai nói với Chuyển Luân Thánh Vương và các Thái Tử, khuyên họ nên phát khởi Tâm Bồ Đề thành tựu Phật Đạo, chẳng nên chỉ cầu Phước báu hàng Trời, Người mà thôi.

Quốc Vương và Thái Tử nghe theo sự khuyên bảo của Bảo Hải, một lần nữa quyết định tư duy phát nguyện.

Thái Tử Bất Tuân đặc biệt nhìn thấy khổ não của chúng sinh, chẳng chịu đựng nổi mà than thở rằng: Nay ta quán sát chúng sinh ở Địa Ngục, có các loại phiền não, khổ đau, nhưng sinh mạng của nẻo Trời, Người phần nhiều có Tâm nhiễm bụi, nhân đây thường xuyên đọa vào trong ba nẻo ác Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh...” Trong lòng Ngài lại tưởng: “Những chúng sinh này do không có gần gũi đầy đủ Thiện Tri Thức của Chánh Kiến, nhân đây thoái mất Chánh Pháp, đọa ở nơi rất ám tối, vận dụng các loại thiện căn của mình, nhiếp lấy các loại Tri Kiến Đẳng của Tà Khúc, để che đậy Tâm của chính mình mà đi vào Tà Đạo.

Bất Tuân Thái Tử nhìn thấy chúng sinh ở trong khổ lại khổ, tạo tội nghiệp, chịu ác báo, rồi lại tạo tội, luân hồi chẳng nghỉ, chẳng được thoát ra, thế là Ngài liền ở trước Bảo Tạng Như Lai phát khởi chí lớn nguyện rằng: *“Bạch Đức Thế Tôn! Hiện nay con dùng âm thanh lớn nói với tất cả chúng sinh rằng: Hết thấy tất cả thiện căn của con đều rộng rãi hướng thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nguyện khi con hành Bồ Tát Đạo, nếu như có chúng sinh nào bị tất cả các việc sợ hãi, khổ não, thoái mất chánh pháp đọa ở nơi rất ám tối, ưu sầu khổ cực nghèo túng, không có ai cứu giúp, không có nơi nương tựa, không có nhà cửa, nếu như hay nhớ niệm con, xưng niệm danh hiệu của con, nếu quả Thiên Nhãn của con đã nghe, Thiên nhãn của con đã thấy, chúng sinh như vậy, nếu như chẳng hay diệt trừ khổ não thì cuối cùng con không thể thành tựu cảnh địa Phật Quả”*.

Sau khi Bất Tuân Thái Tử phát nguyện như thế, Đức Phật Bảo Tạng liền khen ngợi rằng: *“Thiện Nam Tử ! ông hay Quán sát hàng Trời, Người và tất cả chúng sinh ở ba nẻo ác, khiến họ sinh khởi Tâm Đại Bi, giúp đỡ họ khử trừ tất cả phiền não, khiến họ cuối cùng an trú khoái lạc.”*

Đồng thời, Như Lai cũng thọ ký cho Ngài đời sau ắt thành Phật; *“Thiện Nam Tử ! Hiện tại xưng hô ông là Quán Thế Âm. Lúc Ngài Hành Bồ Tát Đạo, đã từng có trăm ngàn vô lượng ức na do tha chúng sinh được xa lìa khổ não. Lúc Ngài là Bồ Tát, đã từng làm sự nghiệp lớn của Chư Phật, sau khi Đức Phật Vô Lượng Thọ vào Niết Bàn, tịnh thổ của Ngài liền đổi tên là”**Nhất Thiết Trân Bảo Sở Thành Tựu Thế Giới**”* Đêm hôm sau Ngài ngồi ở dưới cây Bồ Đề ở Tòa Kim Cang, vào

giữa một niệm Thành Tựu Đẳng Chánh Giác (Như Lai) hiệu là “**Biến Xuất Nhất Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Vương Như Lai.**”

Đây là một đoạn câu chuyện rất lâu xa về trước nói về quan hệ của Đức Phật A Di Đà và Quán Thế Âm Bồ Tát, họ là cha con với nhau mà lại cùng nhau phát Tâm.

Hoa sen hóa sinh Đồng Tử

Trong “**Quán Thế Âm Bồ Tát Đắc Đại Thế Chí Bồ Tát Thọ Ký Kinh**”, ghi chép một đoạn câu chuyện khác về Bản Sinh của Quán Thế Âm Bồ Tát.

Trong vô lượng Đức Tụ An Lạc Thị Hiện Thế Giới, có **Sư Tử Du Hí Kim Quang Vương Phật** xuất hiện ở đời, bấy giờ có một vị **Thắng Uy Vương** sau khi nghe thấy Như Lai tuyên nói “**Vô Lượng Ẩn Thiện Xảo Pháp Môn**” ngay lúc đó liền Quán tất cả vạn pháp trong pháp giới đều chẳng sinh chẳng diệt, chẳng có cái gì đáng để chấp giữ hoặc chẳng chấp giữ. Bởi vì chẳng sinh chẳng diệt, cho nên không có số lượng hạn định. Nhân đây Hạnh Bồ Tát vô lượng thực tiễn của Ngài một tí cũng không chấp trước, viên mãn sáu Ba La Mật của Bồ Tát, mà ở trong mỗi một sát na đều hay đem tất cả việc lành màu nhiệm hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, đem tất cả công đức hóa làm con thuyền của chúng sinh, khiến tất cả chúng sinh được bình an vượt qua sinh tử trong biển lớn, mà an trú trong cảnh giới Chân Như Thực Tế, viên mãn giải thoát.

Sau khi Thắng Uy Vương thọ trì Vô Lượng Ẩn Thiện Xảo Pháp Môn xong, trong lòng tràn đầy Pháp Hỷ, ở trên con đường của Bồ Đề Vô Thượng, càng thêm tiến bước mạnh mẽ hướng về phía trước không sợ hãi.

Sau khi Ngài hướng về Đức Phật Đà đánh lễ vô số lần, liền lãnh đạo các vị Vương Tử cùng với quần chúng theo hầu về đến trong vương cung.

Sau khi Thắng Uy Vương về đến vương cung, liền không ngừng tư duy tu tập Phật Pháp của Thiện Xảo, một lòng an trú ở trong Vô Lượng Ẩn Thiện Xảo Pháp Môn.

Ngài đem những Pháp Môn đã thọ trì nơi Đức Phật Đà ứng dụng vào Thiền Quán, nên Ngài một lòng tu trì Thiền Pháp, thời tâm của Ngài càng ngày càng rộng lớn, hay bao hàm bảo dưỡng đủ Diệu Pháp của vô lượng.

Cảnh giới thiền định của Thắng Uy Vương càng ngày càng thù thắng hơn cũng càng ngày càng viên mãn hơn.

Tâm viên mãn trong sự tinh tiến không ngừng nối nhau dẫn đến cảnh giới của viên mãn, công đức của Thắng Uy Vương cũng càng ngày càng đầy đủ hơn.

Có một ngày, Thắng Uy Vương ở trong Vương Cung đang an trú ở trong thiền định của pháp vô lượng, bỗng nhiên dưới hai bên sườn bên trái bên phải của Ngài bất chợt sinh ra hai đóa Hoa Sen đáng yêu thù thắng màu nhiệm.

Hai đóa Hoa Sen này giống như một thứ Long Thực Chiên Đàn Hương trong sạch, khiến cho bất cứ người nào ngửi thấy mùi hương này, liền hay khứ trừ hết

thảy chương ngại của thân tâm và khiến cho trong lòng tràn đầy niềm vui vẻ, khoái lạc. Lúc này ánh sáng của vô tận cũng chiếu soi chạm đến cả tòa của Hoàng Cung.

Sau khi hai đóa Hoa Sen này sinh ra, liền triển khai nở từ từ, sau khi Hoa Sen hoàn toàn đã nở hết, bất chợt từ chính giữa Hoa Sen hóa sinh ra hai vị Đồng Tử mười phần rất trang nghiêm và hai chân ngài kiết già.

Thắng Uy Vương nhìn thấy hai vị Đồng Tử đáng yêu này từ trong Hoa Sen hóa sinh ra, trong lòng mười phần vui sướng, bởi vì đứa bé trang nghiêm đáng yêu như vậy quả thực là hiếm thấy.

Hai vị Đồng Tử này, từ bên sườn phải hóa hiện ra tự xưng là **Bảo Thượng**, tức là bản sinh của Quán Thế Âm Bồ Tát. Từ bên sườn trái hóa hiện ra tự xưng là **Bảo Nghiêm**, tức là bản sinh của Đại Thế Chí Bồ Tát, mà Thắng Uy Vương là bản sinh của Đức Phật **A Di Đà**.

Hai vị Pháp Tử này có đầy đủ công đức, khiến cho Thắng Uy Vương cảm thấy hưởng thụ mãn túc đến vô tận.

Ngài cho rằng hai vị Pháp Tử này sinh ra nhất định là do sự gia trì của Đức Phật Đà, cho nên liền mười phần vui sướng lãnh đạo hai đứa bé này là Bảo Nghiêm và Bảo Thượng cùng nhau đi về Bồ Đề Đạo Tràng yết kiến cảm tạ **Sư Tử Du hí Kim Quang Vương Như Lai**.

Ánh sáng của Bồ Đề Đạo Tràng vẫn như xưa, Pháp Âm vô biên cũng uyển chuyển tuôn ra ở trong Phật Pháp của hạnh phúc, hết thảy phiền não ràng buộc đều hóa làm khói bụi.

Thắng Uy Vương cùng hai vị Đồng Tử là Bảo Nghiêm và Bảo Thượng, mười phần cung kính đi đến trước Đức Phật Đà một lòng lễ bái sát đất, đầu mặt lễ chân, hướng về Đức Phật Đà lễ bái bày tỏ sự cung kính nhất, tiếp theo nhiều bên phải Đức Phật Đà 3 vòng rồi hướng về Đức Phật Đà bày tỏ lòng tôn kính thù thắng nhất, sau đó lui về một bên.

Lúc này hai vị Đồng Tử là Bảo Nghiêm cùng với Bảo Thượng, mười phần chân thành hai lòng bàn tay chấp lại hướng về Đức Phật Đà hỏi han, họ khác miệng đồng thanh dùng kệ tụng hỏi rằng:

“Chánh Giác Vĩ Đại của Đức Phật Đà! Hiện tại chúng con phải dùng vật phẩm như thế nào để cúng dường hai Phước Tuệ đầy đủ Thù Thắng nhất của Đấng Chánh Giác Chí Tôn? kỳ vọng Đức Phật Đà có thể dùng việc này để khai mở Tâm của chúng con, khiến chúng con sau khi nghe thấy, trong lòng được thấy mãn túc an định. Hiện tại chúng con không có hoa tươi cũng không có hương phẩm, lại không có thức ăn uống và quần áo để cúng dường các loại vi diệu, hiện tại hoàn toàn đều thiếu sót, loại tình huống này dưới đây chúng con cần phải dùng loại nào để cúng dường mới là Thù Thắng nhất?”

Lúc này Sư Tử Du hí Kim Quang Vương Như Lai nghe xong, mười phần vui sướng, mỉm cười hướng về hai vị Đồng Tử là Bảo Nghiêm và Bảo Thượng bảo rằng:

“Lành thay ! Lành thay ! Các Ngài là hai vị Đồng Tử do căn lành và Phước Đức mà biến hóa sinh ra. Hiện tại các Ngài có thể đã ngộ việc cúng dường Thù Thắng của Đức Phật Đà và phát khởi Tâm Bồ Đề rất sâu xa, ta mười phần vui sướng. Hiện tại liền hướng về các Ngài tuyên nói ý chỉ rất trọng yếu của việc cúng dường Đức Phật Đà.

Nếu như các Ngài nhớ cần phải cúng dường Đức Phật Đà, phải nên thể ngộ. Nếu như có thể phát khởi Tâm Bồ Đề Thù Thắng Vô Thượng, lại vì tất cả chúng sinh rộng làm sự nghiệp an vui có thể gọi là cúng dường chân chính vô thượng.

“Một vị Phật Đà có đầy đủ 32 tướng Chánh Giác, nói chung nếu như có người nào bằng lòng đem giống như Hằng Hà Sa Số Vô Lượng Vô Biên Thế Giới rộng lớn như cõi Phật, toàn bộ chứa đầy trên hoa tươi màu nhiệm để cúng dường Đức Phật Đà Thế Tôn, loại công đức này thực sự mười phần rộng lớn.

Nhưng cúng dường như vậy, nếu như nói một người chỉ một lòng một ý chấp tay lại thanh tịnh không tạp nhiễm so với công đức phát khởi Tâm Bồ Đề Vô Thượng, như vậy phát khởi Tâm Bồ Đề thì thu được Phước Đức Thù Thắng, so với dùng lại việc cúng dường Hằng Hà Sa hoa màu nhiệm cõi Phật, không chỉ tăng gấp bội công đức thậm chí là không có ranh giới hạn định của vô lượng. Cho nên, nếu như nói không có phát khởi Tâm Bồ Đề Vô Thượng thì đâu có thể gọi việc cúng dường trên là chân thật được? Nếu như nói không phải là phát khởi Tâm Bồ Đề Vô Thượng thì đâu có thể gọi là sự chấm dứt dựa vào Thù Thắng được?

“Nhân đây, nếu như có người nào có thể phát khởi Tâm Bồ Đề Chân Chánh Vô Thượng, tôi nói người như vậy mới là một người có đủ trí tuệ màu nhiệm.”

Đức Phật Đà hiện từ bảo với hai vị Đồng Tử về ý chân thành của việc Cúng Dường Vô Thượng.

Đây là câu chuyện rất lâu xa về trước của Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát.

Xưa kia là Thánh Mã Vương

Trong “**Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh**” ghi chép câu chuyện về Quán Thế Âm Bồ Tát xưa kia là Thánh Mã Vương.

Xưa kia Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Đại Thương Chủ cùng với 500 người lái buôn muốn đi đến nước Sư Tử (Simhaladvīpa), đem các loại Xe Cộ, Lạc Đà, Bò đổng lấy tài bảo. Sau khi thuyền đến gần nước Sư Tử, trong nước đó có 500 nữ La Sát, bỗng nhiên biến hóa thành trận gió lớn mạnh bạo kịch liệt làm cho sóng to gió lớn, khiến thuyền của người lái buôn đều bị hủy hoại hết. Lúc này 500 người lái buôn đều rơi xuống biển liền ôm lấy các vật nổi mới có thể sống sót trôi dạt đến bờ.

500 La Sát nhìn thấy những người lái buôn này, liền hóa hiện thành Tướng Đồng Nữ đi đến nơi của những người lái buôn bị trôi dạt, cung cấp cho họ quần áo khô. Những người lái buôn này thay quần áo xong, liền đến dưới gốc cây nghỉ ngơi cũng chẳng biết tương lai sẽ như thế nào. Lúc này, những nữ La Sát ấy lại đi đến

trước mặt những người lái buôn nói rằng: “*Chúng tôi đều không có chồng, các ông có thể làm chồng của chúng tôi không? Ở nơi này chúng tôi có thức ăn uống, quần áo, kho tàng, rừng vườn, ao tắm Hay khiến các ông không lo lắng về ăn mặc.*” Thế là những nữ La Sát mỗi cô cùng với một người lái buôn đi về nơi ở của mình.

Thủ lãnh của những nữ La Sát này tên là **La Để Ca Lãm** (Ratikara), cô ta dẫn Đại Thương Chủ (Tức là đời trước của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni) về đến nơi ở của mình, liền đem các loại thức ăn uống mỹ vị cao sang, khiến Ngài no đủ tràn đầy, Đại Thương Chủ cảm thấy khoái lạc không khác với nhân gian, ở như vậy được 6 ngày cho đến ngày thứ 7, có một ngày người lái buôn bỗng nhiên thấy La Để Ca Lãm vui mừng mà cười liền sinh lòng nghi ngờ, vì Ngài chưa từng thấy qua La Để Ca Lãm vui mừng cười qua như vậy, thế là Đại Thương Chủ hỏi nàng rằng: “*Tại sao nàng lại vui cười như vậy?*”

Nữ La Sát đáp lại rằng: *Nước Sư Tử này là nơi ở của nữ La Sát, tôi sợ sẽ làm tổn hại đến tính mạng của ông.*

Thế là người lái buôn lại hỏi: “*Làm sao mà nàng biết được như vậy?*”

Nữ La Sát đáp lại rằng: “*Từ nơi này đi về phía nam là cánh địa, bởi vì chỗ ấy có thành bằng sắt, trên dưới vòng quanh đều không có cửa nẻo, trong đó có vô số người lái buôn, phần lớn đã bị những nữ La Sát ăn thịt chỉ còn sót lại hài cốt. Nếu như ông không tin lời tôi có thể tự mình đi xem.*”

Thế là, Đại Thương Chủ liền nhân lúc nửa đêm nữ La Sát ngủ say, cầm theo cây kiếm Nguyệt Quang đi qua con đường ở phía nam rồi đi đến cái thành sắt xem xét một vòng cái thành ấy, quả nhiên không có cửa nẻo, cũng không có cửa sổ. Lúc này Đại Thương Chủ nhìn thấy bên cạnh cái thành sắt có một cây Chiêm Ba Ca (Campaka-vṛkṣa) liền leo lên trên cây, cao giọng kêu gọi. Bấy giờ, người lái buôn bên trong thành bảo với ta rằng: “*Hiền Đại Thương Chủ! ông có biết không? Chúng tôi bị nữ La Sát nhốt tại thành sắt này, các cô ấy nơi đây ngày ngày ăn nuốt một trăm người.*” Họ cùng bảo với Đại Thương Chủ, bản thân tôi trước kia cũng được nữ La Sát cứu lên rồi lại bị nhốt vào nơi đây. Sau khi Đại Thương Chủ hiểu rõ tình hình như thế, liền vội vã quay về chỗ của nữ La Sát ấy.

Lúc đó, nữ La Sát hỏi Đại Thương Chủ rằng: “*Hiền Đại Thương Chủ! cái thành sắt tôi đã nói ông nhìn thấy chưa? Nay nên nói thật.*”

Đại Thương Chủ trả lời rằng: “*Đã nhìn thấy rồi.*”

Bấy giờ Ngài lại hỏi nữ La Sát: “*Tôi phải làm thế nào mới có thể thoát khỏi nơi này?*”

Thời nữ La Sát này bảo với Ngài rằng: “*Nay có phương tiện lớn, có thể khiến ông an ổn, khéo ra khỏi nước Sư Tử này để quay về cõi Nam Thiệm Bộ Châu.*”

Lúc đó, nữ La Sát bảo với Ngài rằng: “**Có Thánh Mã Vương** (Bàlāho’svarāja) hay cứu độ tất cả Hữu Tình.”

Thế là Đại Thương Chủ lại nhân lúc nữ La Sát ngủ liền đi đến nơi ở của Thánh Mã Vương, nhìn thấy Thánh Mã Vương đang ăn Bạch Thảo Dược [cây cỏ thuốc (Uṣadhī) tên là **Nhất Thiết Bạch** (Sarva’svetà)]. Sau khi ăn xong lẫn mình

nơi đất cát vàng rồi đứng dậy lắc rũ lông trên thân, rồi hỏi Bồ Tát (vị Đại Thương Chủ) rằng: *“Người nào muốn đến bờ bên kia?”* sau khi hỏi như vậy ba lần, lại bảo với Đại Thương Chủ rằng: *“Nếu ai muốn đi nên tự nói ra.”* Thế là Đại Thương Chủ bảo với Thánh Mã Vương rằng: *“Tôi muốn qua bờ bên kia.”* Nói như vậy xong Đại Thương Chủ lại trở về chỗ của nữ La Sát, cùng chung nghỉ ngơi.

Sau khi nữ La Sát ngủ dậy, thì sinh tâm hối tiếc về việc đã qua, liền hỏi Đại Thương Chủ rằng: *“Thương Chủ! Vì sao thân của ông lạnh thế?”* Đại Thương Chủ biết nữ La Sát đã hối tiếc, chẳng muốn cho Ngài đi, Ngài liền nói là chỉ đi ra ngoài thành dạo chơi.

Cách một ngày vào buổi sáng sớm Bồ Tát liền gọi những người lái buôn khác hẹn nhau cùng ra khỏi thành, sau khi ra khỏi thành liền nghỉ tạm ở một nơi, thế là trong lời nói của các lái buôn họ đem so sánh xem vợ của người nào quyến luyến chồng nhất? Có việc lạ lùng gì không. Lúc đó, trong Đại Chúng có người nói rằng: *“Nàng đem các loại thức ăn uống thượng vị cung cấp cho tôi.”*

Hoặc có người nói: *“Nàng đem mọi loại quần áo cung cấp cho tôi.”*

Hoặc có người nói: *“Nàng đem các loại Mão Trời, vòng đeo tai, quần áo cho tôi.”*

Hoặc có người nói: *“Nàng đem mọi thứ hương Long Xạ, Chiên Đàn cho tôi.”*

Đang lúc những người lái buôn so sánh với nhau thì Đại Thương Chủ liền bảo với họ rằng: *“Các ông như vậy thật khó giải thoát! Vì sao lại tham ái những nữ La Sát này?”* Những người lái buôn nghe xong trong lòng chẳng chịu đựng được sợ hãi mà hỏi Ngài rằng: *“Đại Thương Chủ ông nói thật như vậy không?”* Đại Thương Chủ bèn bảo với họ rằng: *“Thật vậy! Đây là nước Sư Tử nơi ở của nữ La Sát chứ chẳng phải con người, các ông cùng ở chung với mỹ nhân trên thực tế là nữ La Sát.”*

Thế là mọi người ước hẹn ba ngày sau cùng nhau đến nơi ở của Thánh Mã Vương, khẩn cầu Thánh Mã Vương dẫn đưa họ rời khỏi nước Sư Tử đến bờ bên kia.

Ba ngày sau đã đến, trời vừa hừng sáng, 500 người lái buôn liền đến nơi đã ước định tập hợp tại một điểm rồi đi về nơi ở của Thánh Mã Vương.

Sau khi đến nơi, mọi người nhìn thấy Mã Vương ăn cỏ, lăn mình xong, lắc rũ lông trên thân, khi ấy đất của nước Sư Tử đều chấn động hết, thế là Mã Vương lại hỏi rằng: *“Nay người nào muốn đi đến bờ bên kia?”* các lái buôn đều đáp lại rằng: *“Nay chúng tôi muốn đi đến bờ bên kia.”* Lúc ấy Thánh Mã Vương vươn mình mạnh mẽ nói lời này: *“Các người nên một lòng tiến về phía trước, nhất thiết đừng nên ngoái lại nhìn nước Sư Tử!”* Thánh Mã Vương ấy nói như vậy xong thì Thương Chủ bèn cỡi lên Mã Vương trước tiên sau đó 500 người lái buôn đều lên trên lưng ngựa.

Khi ấy, những nữ La Sát này bỗng nhiên nghe tin tức 500 người lái buôn bỏ đi, thời trong miệng phát ra tiếng kêu thảm thiết, liền gấp rút đuổi theo, thương khóc, la gào, kêu gọi phía sau. Lúc đó rất nhiều người lái buôn nghe tiếng đó xong chẳng chịu đựng được quay đầu ngó lại, chẳng biết trong chốc lát bị rơi xuống biển, thế là nữ La Sát liền xuất hiện nguyên hình tranh nhau lấy thịt của thân ấy để ăn

nuốt. Cuối cùng chỉ còn lại một người là Đại Thương Chủ an nhiên về đến cố hương.

Thánh Mã Vương bấy giờ tức là Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát, mà Đại Thương Chủ tức là bản sinh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.



CHƯƠNG THỨ BA

CÂU CHUYỆN VỀ QUÁN ÂM ĐỘ HÓA SÁU NỂO

Quán Âm Bồ Tát tiêu trừ bệnh dịch độc hại

Trong “**Thỉnh Quán Thế Âm Bồ Tát Tiêu Phục Độc Hại Đà La Ni Chú Kinh**”, ghi chép câu chuyện về Bồ Tát tiêu trừ bệnh dịch độc hại nguy hiểm.

Lúc Đức Phật Đà tại thế, có một lần nước Tỳ Xá Ly phát sinh một loại bệnh lạ chẳng biết tên, mỗi người mắc bệnh đều xuất hiện 5 loại (? 6 loại) chứng trạng nêu rõ như sau:

(1) Mắt đỏ như máu; (2) Hai lỗ tai tuôn chảy máu mủ; (3) Trong lỗ mũi chảy máu; (4) Đầu lưỡi tê dại không phát ra tiếng nói; (5) Thức ăn vào trong miệng trở nên cứng rít không mùi vị; (6) Sáu thức bị ngăn bít không biết cảm giác, nói chung giống như người uống rượu say. Đó là do năm con Dạ Xoa tên là **Hất Nộ Ca La** quấy phá, chúng nó mặt đen như màu mực, trên mặt có 5 con mắt, lộ răng nanh chó hướng lên trên, chuyên môn ăn hút tinh khí con người gây nên.

Khi ấy trong Đại Thành Tỳ Xá Ly có một vị Trưởng Giả tên là **Nguyệt Cái** và 500 Trưởng Giả vì sự việc này đến bái kiến Đức Phật Đà, họ hướng về Đức Phật Đà cúi đầu đánh lễ xong, liền bẩm với Đức Phật Đà rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nhân dân nước con gặp phải bệnh tật đại ác, ngay cả thầy thuốc giỏi, những Bồ Lão (người lớn tuổi) cũng đành bó tay không có kế sách, nguyện xin Đức Thế Tôn từ bi thương xót tất cả chúng sinh, cứu giúp bệnh khổ, khiến chúng sinh không có bệnh tật.”

Đức Thế Tôn bảo với Trưởng Giả Nguyệt Cái rằng: “Cách nơi đây chẳng xa ở phương Tây, có Đức Phật Thế Tôn tên là **Vô Lượng Thọ** (Amitayus). Nơi ấy có hai vị Bồ Tát tên là Quán Thế Âm (Avalokite'svara) và Đại Thế Chí (Mahà Sthamapràpta), thường dùng Tâm Đại Bi thương xót tất cả chúng sinh, cứu giúp ách khổ đau. Hiện nay các người phải nên đem 5 vốc cúi sát đất hướng về nơi ấy làm lễ và đốt hương rải hoa, một lòng một ý, cột niệm đếm hơi thở (Phương pháp tu theo cách đếm hơi thở), khiến cho tâm ý chẳng tán loạn, như vậy trải qua 10 lần niệm xong, một lòng vì chúng sinh, hướng về Đức Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Bồ Tát mà cầu thỉnh.”

Lúc Đức Thế Tôn đang nói lời này, Đại Chúng liền vào trong ánh sáng Phật nhìn thấy ở phương Tây Đức Phật Vô Lượng Thọ và Hai vị Bồ Tát. Do sức uy thần của Như Lai cho nên Đức Phật cùng với hai vị Bồ Tát đều đến nước này, tới Tỳ Xá Ly, an trú ở trên cửa thành, Đức Phật Vô Lượng Thọ cùng với hai vị Bồ Tát và các Thánh Chúng phóng ra ánh sáng rộng lớn, đem chiếu soi Tỳ Xá Ly đều thành màu vàng ròng.

Bấy giờ, người dân Tỳ Xá Ly liền chuẩn bị **Dương Chi Tịnh Thủy** (Nước trong sạch của cành Dương Liễu) đem dâng cho Quán Thế Âm Bồ Tát. Cầu xin Đức Đại Bi Quán Âm thương xót cứu giúp tất cả chúng sinh mà tuyên nói thần chú, trước tiên Ngài bảo với Đại Chúng rằng: “*Ngày nay các người cần phải một lòng*

xưng niệm Nam Mô Phật, Nam Mô Pháp, Nam Mô Tăng, Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát, Bạc Đại Bi Đại Danh Xưng Cứu Hộ Khổ Ách”.

Như vậy 3 lần xưng niệm tam bảo, 3 lần xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, đốt nhiều loại Danh Hương và cúi 5 vóc sát đất, mặt hướng về phương tây, một lòng một ý, khiến cho hơi thở an định chuyên chú, vì muốn miễn trừ tất cả ách khổ đau mà cầu thỉnh Quán Thế Âm và chấp tay lại rồi nói kệ rằng:

Nguyện cứu con thoát khổ
 Đại Bi che tất cả
 Phóng khắp ánh sáng trong
 Diệt trừ Si, ám tối
 Miễn trừ khổ giết hại
 Phiền não với mọi bệnh
 Quyết định đến chỗ con
 Cho con được an vui
 Nay con cúi đầu lễ
 Nghe tên bạc cứu nguy
 Nay con tự quy y
 Cha lành của thế gian
 Nguyện xin quyết định đến
 Miễn ba độc của con
 Cho con đời nay vui
 Cùng với Đại Niết Bàn

Quán Thế Âm Bồ Tát cung kính Bạch Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! thân chú như vậy rất là tốt lành. Đây chính là **Ấn Đại Từ Đại Bi Đà La Ni** của mười phương Chư Phật trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Người hay nghe thấy chú này thì vĩnh viễn dứt hẳn mọi khổ, thường được an vui, xa lìa tám loại tai nạn và được Niệm Phật Định, nhìn thấy Đức Phật Đà ngay trước mắt.

Lúc đó, Quán Thế Âm Bồ Tát tuyên nói thân chú cứu giúp chúng sinh của mười phương Chư Phật, không chỉ giải trừ nguy cơ của nước Tỳ Xá Ly mà còn cứu giúp tất cả chúng sinh đời sau bị ác tật, khiến họ xa lìa tai chướng, thân tâm an ổn.

Quán Âm Bồ Tát hóa độ Thiên Tử

Có một lần, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát giống như đám lửa rực bay lên hư không, đi đến cung Trời. Sau khi Bồ Tát đi đến cung Trời, liền hóa hiện thân Bà La Môn. Bấy giờ ở trong Thiên Chúng có một vị Thiên Tử (Devaputa) tên là **Diệu Nghiêm Nhĩ** (Sukundala) thường xuyên chịu các khổ báo nghèo túng. Lúc đó, Quán Tự Tại Bồ Tát đã hóa hiện thân Bà La Môn, đi đến thăm hỏi Ngài. Đến nơi ở của vị Thiên Tử này xong, Bà La Môn bảo với vị Thiên Tử rằng: “*Tôi bị đói mệt lại rất khát*”.

Lúc đó vị Thiên Tử không cầm được nước mắt rơi lệ mà nói với Bà La Môn rằng: “*Nay tôi nghèo túng không có vật gì để bố thí cho Ngài*”.

Bà La Môn liền nói: “*Thật sự tôi vừa đói lại vừa khát, nhất định xin Ngài phải bố thí cho tôi, cho dù một ít cũng không sau?*”. Vị Thiên Tử bất đắc dĩ đành phải vào trong cung tìm kiếm tất cả vật còn có được, bỗng nhiên nhìn thấy trong cung có các vật khí báu lớn ấy, đều tràn ngập các thứ quý báu khác lạ chứa đầy trong đó. Lại có vật khí báu mà bên trong tràn ngập các thức ăn uống thượng vị. Lại có quần áo thượng diệu để trang nghiêm thân đầy dẫy khắp trong cung.

Lúc đó, vị Thiên Tử khởi tâm suy nghĩ: “*vị Bà La Môn này, quyết định là người chẳng thể luận bàn, khiến ta được phước báu thù thắng như vậy*”. Thế là Ngài liền nghinh thỉnh vị Đại Bà La Môn này vào trong cung và đem vật báu màu nhiệm của cõi Trời và các loại thức ăn uống thượng vị trong cung Trời đem dâng lên cúng dường.

Vị Bà La Môn nhận vật cúng dường xong, liền chú nguyện rằng: “*Nguyện xin cho Thí Chủ được an vui sống lâu*”.

Bấy giờ, vị Thiên Tử bạch với Bà La Môn rằng: “*Hiền Giả! Ngài từ nơi nào mà đi đến đây?*”

Bà La Môn bảo: “*Tôi từ trong Đại Tịnh Xá ở rừng cây Kỳ Đà đi đến đây*”.

Vị Thiên Tử lại hỏi: “*Đất ấy như thế nào?*”

Bà La Môn bảo: “*Đất ấy ở bên trong Tịnh Xá của rừng cây Kỳ Đà ấy, thanh tịnh hiện ra báu Ma Ni của cõi Trời trang nghiêm cây Kiếp Thọ. Lại hiện ra các loại báu Ma Ni Ý Thích. Lại hiện ra các loại ao báu. Lại có vô số Đại Chúng có Giới Đức uy nghiêm, đầy đủ Đại Trí Tuệ thường xuyên hiện ra trong đó. Nơi ấy có Đức Phật, hiệu là **Vĩ Xá Phù Như Lai**. Nơi ấy là đất an trú của bậc Thánh Thiên nên mới có việc biến hóa hiện ra các loại như vậy*”.

Bấy giờ vị thiên Tử lại bạch rằng: “*Hiền Giả! Bậc Đại Bà La Môn này vì sao Ngài lại đến nơi đây? Ngài là vị Trời nào? Là người nào? Hiền Giả! Vì sao Ngài đến lại hiện ra các loại điềm lành này?*”

Bà La Môn bảo rằng: “*Ta chẳng phải Trời, cũng chẳng phải người, ta là Bồ Tát vì muốn cứu độ tất cả hữu tình khiến họ được thấy đạo Bồ Đề rộng lớn*”.

Sau khi vị Thiên Tử nghe xong, liền đem Mãng báu màu nhiệm của cõi Trời, vòng đeo tai trang nghiêm.... Cúng dường Bồ Tát và nói kệ rằng:

Con gặp đất công Đức

Xa lìa các tội dơ

Như nay gieo ruộng tốt (Thắng Điền)

Hiện được nơi Quả Báo

Khi vị Thiên Tử nói kệ này thời việc hóa độ của Bà La Môn ấy đã xong, liền đi vào nước Sư Tử (Simhaladvipa).

Quán Âm Bồ Tát hóa độ nữ La Sát và loài sâu giòi

Quán Thế Âm Bồ Tát đến nước Sư Tử, tiến vào quốc độ của nữ La Sát. Tướng mạo của Bồ Tát cao lớn anh hùng kiệt xuất, đứng ngay trước mặt nữ La Sát. Do Ngài thị hiện tướng mạo đoan chính trang nghiêm, thế gian hiếm có, các nữ La Sát nhìn thấy dáng dấp tư chấp của Bồ Tát, không chịu đựng được khởi tâm ham muốn, đem lòng hâm mộ, bước lại gần và nói: “*Ông có thể làm chồng của tôi, tôi là Đồng nữ chưa từng thích ai. Hôm nay ông đã đến đây, thì đừng đi nơi khác.... Trong này tôi có thức ăn uống, quần áo chứa đầy trong kho tàng, cũng có vườn quả trái thích ý, ao nước hợp ý*”.

Bồ Tát bảo nữ La Sát rằng: “*Trước tiên cần phải nghe điều ta nói*”.

Nữ La Sát nói: “*Dạ vâng! Nguyện nghe Ngài chỉ bảo thế nào?*”

Bồ Tát nói: “*Nay ta vì người giảng nói pháp **Tám Chính Đạo** cho đến pháp **Bốn Thánh Đế**, thế là nữ La Sát sau khi nghe pháp đó, từng người một đều được Thánh Quả, có người được quả Dự Lưu, hoặc được quả Nhất Lai, không còn các khổ Tham Sân Si, chẳng khởi tâm ác, không có ý giết hại sinh mạng. Tâm ấy ưa thích Pháp, ưa thích trụ nơi giới. Và mỗi người đều tự nói như vậy: “*Từ nay trở đi chúng tôi chẳng sát sinh như người phụng giữ giới luật ở cõi Nam Thiệm Bộ Châu, ăn uống trong sạch để nuôi mạng sống như vậy. Tôi từ hôm nay cũng bắt đầu nuôi mạng sống của mình như thế*”.*

Lúc đó những nữ La Sát này chẳng gây tạo nghiệp ác, thọ trì nơi học.

Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát ra khỏi nước Sư Tử liền đi đến nơi uế ác trong Đại Thành Ba Nại (Vārāṇa), chỗ ấy có vô số trăm ngàn vạn loại sâu giòi chuyên nường tựa nơi đó để sống. Quán Tự Tại Bồ Tát vì muốn cứu độ những hữu tình ấy, liền hiện thành con ong bay đến, ở trong miệng phát ra tiếng nói như vậy:

“**Năng mô một đà dã**”

[Bản Phạn ghi là: NAMO BUDDHĀYA _ NAMO DHARMĀYA _ NAMAḤ SAMGĀYA]

Những loài trùng ấy tùy theo nơi được nghe, rồi đều xưng niệm:

“**Năng mô một đà dã**”

[NAMO BUDDHĀYA]

Do sức Phước Đức âm này cho nên nơi chấp vào thân kiến của loài hữu tình ấy tuy nhiên như ngọn núi cao, giống như bị chày Kim Cang Trí phá hoại tất cả, liền được sinh về thế giới cực lạc, đều sinh làm Bồ Tát, có tên chung là **Diệu Hương Khẩu Bồ Tát**. Đó là câu chuyện kể về Quán Thế Âm Bồ Tát hóa độ nữ La Sát và loài sâu giòi.

Quán Âm Bồ Tát cứu độ chúng sinh ở cõi Địa Ngục

Ở Địa Ngục Đại A Tỳ, xung quanh đều là thành sắt, mặt đất cũng làm bằng sắt, bốn vòng quanh thành ấy không có gián đoạn, khói lửa mạnh nóng bức luôn cháy sáng. Trong cõi Địa Ngục của nẻo ác như vậy trong đó có nước nóng trong cái vạc lớn, nước ấy sôi trào sùng sục, có cả trăm ngàn câu chi na dữu đa hữu tình thấy đều bị ném vào nước nóng trong cái vạc ấy ví như nổi nước sặc nấu chưng các thứ

đậu, lúc thì sôi sùng sục hoặc trôi lên hoặc lộn xuống chừng nấu chín không gián đoạn, các hữu tình ấy trong Địa Ngục A Tỳ phải chịu khổ như vậy. Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát dùng phương tiện nào vào ở trong ấy?

Khi Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát vào địa ngục Đại A Tỳ thời thân ấy hoàn toàn không hề có sự chướng ngại. Tất cả dụng cụ hình phạt gây khổ trong Địa Ngục A Tỳ không thể bức ép thân của Bồ Tát nên khi Bồ Tát vào thời lửa mạnh của Đại Địa Ngục ấy hoàn toàn bị dập tắt hóa thành đất mát mẻ (Thanh lương địa).

Lúc đó, Diêm Ma Ngục Tốt trong Địa Ngục sinh tâm nghi sợ lạ lùng, đây là hiện tượng chưa từng có, Quán Tự Tại Bồ Tát vào trong Địa Ngục ấy phá hoại vạc nước sôi, dập tắt hoàn toàn lửa mạnh, ngay cả lửa lớn cũng biến thành ao báu, trong ao hóa hiện Hoa Sen lớn như bánh xe.

Bấy giờ, Diêm Ma Ngục Tốt nhìn thấy những sự việc này, vội vàng đem các loại khí tượng trị phạt như cung, kiếm, chùy, gậy, cung tên, bánh xe sắt, tam cổ xoa... đi đến bẩm báo Diêm Ma Thiên Tử (Yama-dharmaraja: Diêm Ma Pháp Vương). Bạch rằng: “Đại Vương, chắc Ngài đã hay biết đất Địa Ngục này nơi hiển bày nghiệp báu của chúng con, hiện tại chẳng biết tại sao lại hoàn toàn bị tiêu diệt hết?”

Lúc ấy, Diêm Ma Thiên Tử nói: “Người nói lời này là ý gì?”

Ngục Tốt Bạch rằng: “Hôm nay Địa Ngục Đại A Tỳ bỗng nhiên biến thành trong mát, có một người sắc tướng đoan chính trang nghiêm, đầu búi tóc đội mũo báu màu nhiệm của cõi Trời, trang nghiêm thân ấy, vào trong Địa Ngục phá vỡ vạc nước nóng, hầm lửa biến thành ao nước, trong ao có Hoa Sen lớn như bánh xe”.

Khi ấy Diêm Ma Thiên Tử dùng Tâm chân thật suy nghĩ: “Người ở cõi Trời nào đến mà có uy lực như thế? Là Trời Đại Tự Tại (Mahe'svara)? Là Trời Na La Diên? (Nàràyaṇa) Đến Địa Ngục biến hiện chẳng thể nghĩ bàn như vậy? Hay là uy thần của Đại Lực Thập Đầu La Sát biến hóa ư?”

Bấy giờ Diêm Ma Thiên Tử dùng Thiên Nhân thông quán khắp các cõi Trời. Quán Chư Thiên xong, lại quán Địa Ngục A Tỳ thời nhìn thấy Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát. Thế là Diêm Ma Thiên Tử liền nhanh chóng đi đến chỗ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát. Đến xong, cúi đầu lễ hai bàn chân Bồ Tát rồi phát lời thành thật, dùng kệ khen rằng:

Quy mạng Liên Hoa Vương,
 Đại Bi Quán Tự Tại,
 Đại Tự Tại Cát Tường,
 Hay cho **nguyện** hữu tình.
 Đủ sức đại uy thần,
 Giáng phục rất bạo ác,
 Néo tối làm đèn sáng,
 Kẻ thấy đều không sợ.
 Thị hiện trăm ngàn tay,
 Mắt ấy cũng như thế,

Đây đủ mười một mặt,
 Trí như bốn biển lớn.
 Yêu thích Pháp vi diệu,
 Vì cứu các hữu tình,
 Rùa, cá, hàng thủy tộc,
 Trí tối thượng như núi,
 Ban báu cứu Quần Sinh,
 Tối thượng Đại Cát Tường,
 Đủ phước Trí trang nghiêm.
 Vào Địa Ngục A Tỳ,
 Biến thành đất mát mẻ,
 Các Trời đều cúng dường,
 Đỉnh lễ Thí Vô Uý.
 Nói sáu Ba La Mật,
 Luôn thấp đèn đuốc Pháp,
 Mắt Pháp hơn mắt Trời (nhật minh: ánh sáng của mặt trời).
 Sắc tướng diệu đoan nghiêm,
 Thân tướng như núi vàng,
 Bụng chứa biển pháp sâu,
 Tương ứng ý Chân Như.
 Trong miệng Diệu Đức hiện,
 Gom chứa Tam Ma Địa,
 Vô số trăm ngàn vạn,
 Có vô lượng khoái lạc.
 Tiên tối thượng đoan nghiêm,
 Sợ hãi trong nẻo ác,
 Gông cùm được giải thoát,
 Cho tất cả không sợ,
 Chúng Quyến Thuộc vây quanh,
 Ước nguyện đều như ý,
 Như được báu Ma Ni.
 Phá hoại thành (cái thành) Quỷ đói,
 Khai mở nẻo vắng lặng (Tịch Tĩnh Đạo),
 Cứu độ bệnh Thế Gian,
 Như lọng che nơi phướng.
 Nan Đà Bạt Nan Đà,
 Hai Long Vương quấn nách,
 Tay cầm dây Bất Không,
 Hiện vô số Uy Đức,
 Hay phá sợ ba cõi (Tam Giới BỐ: sợ hãi trong ba cõi).
 Kim Cang Thủ (Vajra-pàṇi), Dực Xoa (Yakṣa),

La Sát (Ràksaṣa) với Bộ Đa (Bhàta),
 Vĩ Đa (Vetàla) Nộ chỉ Nhĩ (Ḍàkiṇi),
 Cùng với Củng Bàn Nã (Kumbhaṇḍa),
 A Bát Sa Ma La (Apsamàra),
 Thấy đều ôm sợ hãi.
 Mắt hoa Ưu Bát La,
 Minh Chủ Thí Vô Úy,
 Tất cả nhóm phiền não,
 Mọi thứ đều giải thoát.
 Vào ở vi trần số,
 Trăm ngàn Tam Ma Địa,
 Mở bày các cảnh giới,
 Tất cả trong nẻo ác,
 Đều khiến được giải thoát,
 Thành tựu Đạo Bồ Đề.

Khi ấy, Diêm Ma Thiên Tử dùng mọi loại khen ngợi cúng dường Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát xong, liền nhiễu quanh ba vòng rồi lui về chỗ của mình (Bản Xứ). Trong Kệ khen ngợi của Diêm Ma Thiên Tử chúng ta cũng có thể hiểu rõ, Quán Thế Âm Bồ Tát vì cứu độ chúng sinh ở nẻo Địa Ngục mà hóa hiện làm Quán âm có đủ 11 mặt và ngàn cánh tay.

Quán Âm Bồ Tát cứu độ quỷ đói

Quán Tự Tại Bồ Tát ấy từ Địa Ngục Đại A Tỳ ra xong lại vào thành lớn của Quỷ đói. Trong đó có vô số trăm ngàn Quỷ đói với phát ra lửa nóng đốt cháy mặt mày, hình thể khô gầy, đầu tóc rối tung, lông trên mình dựng đứng, bụng lớn như ngọn núi, cổ nhỏ như cây kim.

Khi Quán Tự Tại Bồ Tát đi đến thành lớn của Quỷ đói thời trong thành đang rực cháy lửa nghiệp ấy bỗng nhiên hoàn toàn tiêu diệt hết, biến thành mát mẻ.

Thời có một Quỷ Tướng giữ cửa cầm gậy sắt nóng, hình thể to lớn xấu xí, đôi mắt đỏ ngầu bỗng nhiên phát khởi tâm lành: “*Nay tôi chẳng thể thủ hộ đất của nghiệp ác như vậy*”.

Lúc đó, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát khởi Tâm Đại Bi, nơi mười đầu ngón tay mỗi mỗi đều tuôn ra giòng sông, lại ở ngón chân cũng đều tuôn ra giòng sông, lại mỗi một lỗ chân lông đều tuôn ra dòng sông lớn, các Quỷ đói trong thành vui sướng uống nước trong dòng sông ấy. Lúc uống nước ấy thì cổ họng của họ bỗng nhiên mở rộng ra, thân tướng đầy đủ, lại được các loại thức ăn uống thượng vị, thân tâm no đầy hoàn toàn không hề lo lắng.

Những Quỷ đói này đã được lợi ích an vui như vậy, trong tâm của mỗi một Quỷ đói đều suy xét, chân thành suy nghĩ rằng: “*Vì sao người Nam Thiệm Bộ Châu (Jambudvìpakà) thường hay được mát mẻ, an ổn, khoái lạc? Ở trong cõi đó hoặc có người khéo hay thường làm cung kính hiếu dưỡng cha mẹ? Hoặc có người khéo hay*

hành Huệ Thí tuân phục bậc Thiện Tri Thức? Hoặc có người Thông Tuệ hiểu đạt, thường ưa thích Đại Thừa? Hoặc có người hay hành trì tám Thánh Đạo? Hoặc có người khéo hay đánh gõ chuông mõ? Hoặc có người khéo tu sửa chốn Tăng Già Lam bị phá hoại? Hoặc có người khéo hay tu sửa tháp Phật? Hoặc có người khéo hay tu sửa Tháp Tượng Luân bị phá hư? Hoặc có người khéo hay cúng dường tôn trọng Pháp Sư? Hoặc có người khéo hay thấy được nơi Đức Như Lai kinh hành? Hoặc có người khéo hay thấy nơi Bồ Tát kinh hành? Hoặc có người khéo hay thấy được nơi Bích Chi Phật kinh hành? Hoặc có người khéo hay thấy được nơi A La Hán kinh hành?”

Thế là các Quỷ đói tác suy nghĩ rằng: “*Nam Thiệm Bộ Châu có các việc tu hành thuộc nhóm như vậy*”.

Lúc ấy từ trong “**Kinh Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương**” (Kàraṇḍavīyaha) tự nhiên phát ra âm thanh vi diệu, những Quỷ đói này một lần nghe âm thanh ấy thời chỗ chấp Thân Kiến tuy cao như ngọn núi đều được chày Kim Cang Trí phá hoại không dư sót, liền được vãng sinh về Thế Giới Cực Lạc, đều là Bồ Tát có tên chung là **Tùy Ý Khẩu Bồ Tát** (Àkàn ksita-mukhà) .

Đó là câu chuyện kể về Quán Thế Âm Bồ Tát cứu độ Quỷ đói.

Quán Âm Bồ Tát hóa hiện làm Quỷ Vương

Quán Thế Âm Bồ Tát cũng từng hóa hiện làm Ngạ Quỷ Vương.

Đó là câu chuyện ghi chép trong “**Kinh Phật Thuyết Cứu Diện Nhiên Ngạ Quỷ Đà La Ni Thần Chú**”. Vào một đêm tối, Tôn Giả A Nan ngồi nhập định ở núi rừng thời bỗng nhiên nhìn thấy một con Ngạ Quỷ (Quỷ đói) nó tự xưng là Diễm Khẩu, thân hình xấu xí, móng tay dài bén, bụng lớn như ngọn núi, cổ họng nhỏ như cây kim, trong miệng phun lửa. A Nan nhìn thấy hình thái của con Ngạ Quỷ ấy khác thường rất là sợ hãi liền thỉnh hỏi nó tại sao lại biến thành như thế.

Ngạ Quỷ trả lời A Nan rằng: “Bởi vì lúc còn sống tôi keo kiệt, cho nên sau khi chết bị đọa vào trong nẻo Ngạ Quỷ biến thành loại thân hình này, đồng thời nhiều năm chịu đói, chịu đủ các khổ”.

Ngạ Quỷ nói với A Nan rằng: “Ba ngày sau ông sẽ chết bị đọa vào trong nẻo Ngạ Quỷ”.

A Nan nghe xong rất là sợ hãi, liền hỏi Ngạ Quỷ có phương pháp nào để được giải thoát, Diễm Khẩu Ngạ Quỷ nói với A Nan rằng: “Ông chỉ cần hay thí thực cho vô lượng Ngạ Quỷ, Thần Tiên và hay vì tôi cúng dường Tam Bảo như vậy thì hay tiêu tai tăng thọ và hay khiến Ngạ Quỷ lia khổ sinh lên cõi Trời”.

Sau khi A Nan nghe lời này trong lòng kinh hoàng sợ hãi, liền đi đến trước mặt Đức Phật Đà Thế Tôn thỉnh cầu phương pháp khai thị cứu độ, Đức Phật Đà liền vì A Nan và Đại Chúng nói về Diễm Khẩu cùng với Pháp môn Thí Thực. Đó là nhân duyên lưu truyền của Du Già Diễm Khẩu.

Tiếp theo đó Đức Phật Đà bảo A Nan, vị Diễm Khẩu Ngạ Quỷ này là Quán Thế Âm Bồ Tát hóa hiện, vì muốn cứu độ Ngạ Quỷ nên thị hiện thân Quỷ Vương,

khiến A Nan cầu thỉnh Đức Phật Đà tuyên nói Pháp môn Diễm Khẩu Thí Thực để lợi ích Ngạ Quỷ Chúng Sinh. Vì nhân duyên này mỗi khi chùa chiền lập Đàn Trường Diễm Khẩu Thí Thực đều cúng dường một Tôn Diện Nhiên Đại Sĩ, cũng gọi là Tiêu Diện Đại Sĩ tức là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát.



CHƯƠNG THỨ TƯ **TỊNH THỔ CỦA QUÁN ÂM BỒ TÁT**

Quán Âm Bồ Tát dựa vào các loại nhân duyên ở quá khứ, vị lai hoặc mỗi một cõi để giáo hóa và trong Kinh Điển cũng đều có giới thiệu các loại Tịnh Thổ thuộc Quán Âm Bồ Tát.

TỊNH THỔ Ở PHƯƠNG TÂY

THẾ GIỚI CỰC LẠC

Từ thế giới Sa Bà qua mười vạn ức cõi Phật, đó là nơi Tịnh Thổ ở Phương Tây, hiện nay Đức Phật A Di Đà làm Pháp Vương, Tịnh Thổ tên là thế giới Cực Lạc, mà **Quán Thế Âm Bồ Tát** và **Đại Thế Chí Bồ Tát** chính là hai Đại Hiếp Thị của **Đức Phật A Di Đà**. Trong nhân duyên bản sinh của Quán Thế Âm Bồ Tát, Ngài và Đức Phật A Di Đà xưa kia là cha con, cùng nhau tu học Phật Pháp, nguyện hành Đạo Bồ Tát, nhân đây lúc Đức Phật A Di Đà viên mãn Tịnh Thổ thành Phật thời Quán Thế Âm Bồ Tát liền làm một trong hai Đại Bồ Tát bên cạnh thân Ngài, giúp đỡ Ngài giáo hóa quyến thuộc của thế giới Cực Lạc. Nhân đây khuyên bảo chúng sinh ở thế giới Sa Bà vãng sinh về thế giới Cực Lạc ở phương Tây để an dưỡng, cũng trở thành nguyện lực của Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nếu có người nào lúc lâm chung, một lòng chánh niệm Đức Phật A Di Đà, ngoài Đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn ra, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng sẽ cầm Đài Sen đến tiếp dẫn người đó vãng sinh, thậm chí xưng niệm danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát, ý người đó muốn vãng sinh về thế giới Cực Lạc ở phương Tây cũng hay theo nguyện mà vãng sinh.

THẾ GIỚI CHÚNG BẢO PHỔ TẬP TRANG NGHIÊM

Căn cứ trong “**Quán Thế Âm Bồ Tát Thọ Ký Kinh**” nói, sau khi Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc ở phương Tây nhập Niết Bàn, Chánh Pháp đã diệt thời Quán Thế Âm Bồ Tát liền Thành Chánh Đẳng Giác, danh hiệu là **Biến Nhất thiết Quang Minh Công Đức Sơn Vương Như Lai** hoặc gọi là **Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai**, mà thế giới ấy tên là: **Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm** hoặc là **Nhất Thiết Trân Bảo Sở Thành Tựu Thế giới**, đó là Tịnh Thổ sau này của Quán Thế Âm Bồ Tát, lời thuyết minh nguyên nhân trên là nơi Tịnh Thổ của Bồ Tát thành tựu viên mãn Phật Quả.

TỊNH THỔ NƠI LỖ CHÂN LÔNG

Trong “**Kinh Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương**” Quán Thế Âm Bồ Tát vào trong Địa Ngục A Tỳ, phóng ánh sáng lớn cõi Địa Ngục cứu độ tất cả các hữu

tình chịu khổ não lớn, do nhân duyên này Đức Phật Đà mới nói rõ mọi thứ uy đức sức phương tiện chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát, trong đó đặc biệt là công đức rất là Thù Thắng của lỗ chân lông trên thân của Quán Tự Tại Bồ Tát, trong thế giới này không có bờ mé như cõi hư không cũng không có chướng ngại, cho nên Phổ Hiền Bồ Tát (Saman ta-bhadra từng vào trong đó dạo chơi hết 12 năm, còn tìm không được bờ mé, mà trong mỗi một lỗ chân lông ấy, đều có trăm Đức Phật sống ở trong đó. Tịnh Thổ nơi lỗ chân lông như thế là cõi **Báo Thân** Thù Thắng của Bồ Tát.

Trong Tịnh Thổ nơi lỗ chân lông, trong đó có một tên là Sái Cam Lộ Ma Khổng Tịnh Thổ, trong Kinh Đức Phật nói: “Thiện nam tử! Thân của Bồ Tát ấy có lỗ chân lông tên là **Sái Cam Lộ** (Amṛta-bindu: Giọt Cam Lộ), ngay trong lỗ chân lông đó có vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa Trời Người ngưng trụ trong đó, có người chứng đắc Sơ Địa (Eka-bhūmi), Nhị Địa (Dvi-bhūmi) thậm chí có kẻ chứng Thập Địa Bồ Tát Ma Ha Tát (Da’sa-bhūmi)”. Đó là nói rõ hữu tình cư trú trong đó. Những hoàn cảnh tự nhiên đó là: “Có sáu mươi núi báu vàng bạc, mỗi một ngọn núi ấy cao sáu mươi vạn Du Thiện Na, có chín vạn chín ngàn đỉnh núi, dùng ngọc báu, vàng màu nhiệm của cõi trời trang nghiêm khắp nơi, Nhất Sinh Bồ Xứ Bồ Tát an trụ ở trong đó”. Lại có âm nhạc luôn luôn diễn tấu, dùng báu Ma Ni màu nhiệm của cõi Trời trang nghiêm khắp nơi vô lượng cung điện, có thể khiến chúng sinh nhìn thấy an ổn dễ chịu, mà trong mỗi cung điện đều có Bồ Tát tuyên nói Pháp vi diệu. Ngoài cung điện ra lại có ao nước, trong đó có nước tám công đức và có ao nước trường sinh, dùng vàng bạc của cõi Trời làm lá, các loại quý báu trang nghiêm trên cây đó. Bồ Tát sống trong đó đều nghe theo Pháp tư duy này vào Tâm Từ Tam Ma Địa. Tình hình trên là Sái Cam Lộ Mao Khổng Tịnh Thổ.

Còn có Tịnh Thổ Lỗ Chân Lông là: Kim Cang Điện Mao Khổng, Nhật Quang Minh Mao Khổng, Đế Thích Vương Mao Khổng, Đại Dược Mao Khổng, Hội Họa Vương Mao Khổng, Phiền Vương Mao Khổng.... Trong đó Hội Họa Vương Mao Khổng là: “ Có vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa nhóm Duyên Giác, hiện ánh sáng lửa rực, nơi lỗ chân lông ấy có trăm ngàn vạn Sơn Vương, các Sơn Vương ấy dùng bảy báu để trang nghiêm, lại có mọi thứ cây Kiếp Thụ dùng vàng bạc làm lá, vô số mọi thứ trăm báu trang nghiêm, ở trên treo mào báu, vòng đeo tai, quần áo mọi thứ anh lạc, treo các chuông báu, áo lễ Kiều Thi Ca, lại có chuông báu vàng bạc phát ra tiếng kêu leng keng, giống như (như thị) cây Kiếp Thụ lấp kín trong núi, có vô số Duyên Giác đi vào nơi ấy thường nói Khế Kinh nên tụng thọ ký đọc tụng ngâm nga, ví như bản sinh, Phương Quảng Hy Pháp, nghị luận Pháp như vậy.

Mọi thứ thế giới của lỗ chân lông chẳng thể nghĩ bàn, đều là Quán Tự Tại Bồ Tát nhập vào Vô Tướng, mà thị hiện thân tướng, Vô Trí Vô Đắc mà có biến hóa cứu độ chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn. Có Tâm học tập nguyện hạnh Bồ Tát, muốn vãng sinh Tịnh Thổ của Bồ Tát cũng có thể tuyển chọn Tịnh Thổ trong Lỗ chân lông thù thắng mà không có bờ mé của Quán Âm này.

Núi Bồ Đà Lạc của Thế Giới Sa Bà

Lúc Đức Phật Đà tại thế, Quán Thế Âm Bồ Tát ở thế giới Sa Bà đã có Thánh Địa Đạo Tràng, Thánh Địa này gọi là Bồ Đà Lạc Sơn, vị trí ở phương nam Ấn Độ, Đức Phật Thích Ca đã từng đến cung điện Bồ Đà Sơn này giảng kinh nói Pháp, cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát cùng nhau giáo hóa chúng sinh, có một số Kinh điển đã tuyên nói ở nơi đây, cho nên Bồ Đà Lạc Sơn là Tịnh Thổ của Quán Âm, Quán Âm Đạo Tràng rất là nổi tiếng.

Lại do Bi Nguyện của Bồ Tát là Phổ Môn Thị Hiện, Phật giáo Đồ bên ngoài Ấn Độ tuy xa lìa Quán Âm ở Tịnh thổ Bồ Đà Lạc Sơn của cõi Sa Bà, nhưng vẫn cứ mong mưa Đại Bi tưới nhuần của Bồ Tát, nhìn thấy mọi thứ vết tích màu nhiệm ứng hóa của Bồ Tát. Nhân đây cho nên chúng sinh từ xưa đến nay bên ngoài Ấn Độ cũng có dùng “**Bồ Đà Lạc**” làm tên gọi mà xuất hiện Quán Âm Đạo Tràng làm nơi tín ngưỡng của mọi người, nghe nói tổng cộng có 7 nơi: Phổ Đà Sơn ở phương Nam Tư Lý Lan Ca của Ấn Độ, Phổ Đà Sơn ở ngoài biển đông Đại Lục của Trung Quốc (“Phổ Đà” lấy âm từ “Bồ Đà Lạc”), ở cung Bồ Đạt Lạp của Lạp Tát ở Tây Tạng, chùa Bồ Đà Lạc của Nhiệt Hà Thừa Đức ở Trung Quốc, Lạc Sơn của Triều Tiên, Bồ Đà Lạc của Kỳ Y ở Nhật Bản Dùng các nước Ấn Độ, Trung Quốc và Tây Tạng rất nổi tiếng để nói rõ.

Núi Bồ Đà Lạc

Trong “**Kinh Hoa Nghiêm**” nói, Thiện Tài Đồng Tử đến thăm Bồ Đà Lạc Sơn là Đạo Tràng của Quán Âm từng đối với nơi này có một số miêu tả cụ thể như :

“.... Ở phương Nam có núi, tên là Bồ Hằng Lạc Ca, nơi ấy có Bồ Tát tên là Quán Tự Tại. Ông đến đó hỏi Bồ Tát xem làm thế nào để học Hạnh Bồ Tát, tu Đạo Bồ Tát, liền đọc một bài tụng rằng:

Trên biển có núi nhiều Thánh Hiền
Nhóm báu tạo thành rất sạch trong
Hoa quả rừng cây đầy rẫy khắp
Suối chảy, ao đầm chẳng thiếu chi
Dũng mãnh Trượng Phu Quán Tự Tại
Vì lợi chúng sinh đến núi này

Lúc đó, Thiện Tài Đồng Tử vào Tịnh Thổ này, nhìn thấy bốn mặt đều có hang cốc, trong hang cốc có suối chảy quanh co, rừng cây xanh tươi rậm kín, cỏ đất mềm mại thơm tho, dùng phương thức xoay sang bên phải an bày khắp mặt đất. Quán Tự Tại Bồ Tát ngồi kiết già trên tảng đá báu Kim Cang, có vô lượng Bồ Tát cung kính vây quanh bên cạnh trên tảng đá báu nghe Bồ Tát tuyên nói Pháp môn Đại Từ Bi.

Bồ Tát sống ở nơi này hoàn cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp dễ chịu, cùng với vô lượng quyến thuộc Bồ Tát thuyết Pháp nơi đây, tạo thành mưa Pháp tưới nhuần tịnh thổ Đạo Tràng.

“**Bồ Đà Lạc**” là dịch âm, ý nghĩa ấy là cây của ánh sáng, cũng có hoa thơm thường nở cho nên núi này lại gọi là Quang Minh Sơn, lại gọi là Tiểu Thụ Trang Nghiêm Sơn, Tiểu Hoa Sơn. Mà ý nghĩa âm này ở trong Phạm ngữ cổ đại lại là Thuyền, Cảng cho nên do đây cũng bày tỏ được đặc trưng địa lý nơi này của Bồ Đà Lạc Sơn: Khoảng cách gần cảng biển hoặc thậm chí là các đảo lớn nhỏ trong biển, cho nên trong Kinh mới nói trên biển có núi, Phổ Đà Lạc Sơn Thánh Địa Quán Âm ở Tỉnh Triết Giang của Trung Quốc cũng là một đảo trên biển. Đó là danh nghĩa của Bồ Đà Lạc Sơn.

Căn cứ trong “**Đại Đường Tây Vực Ký**” của Huyền Trang nói: Ở phía Nam bờ biển Mạt La Cử Tra có một tòa núi Mạt Thích Gia, ở phía Đông của núi Mạt Thích Gia có tòa núi Bồ Đản Lạc Ca, núi này con đường nhỏ hẹp lại vô cùng nguy hiểm, hang cốc gập ghềnh hiểm trở, đỉnh núi có ao nước, nước ấy trong suốt như mặt gương, có sông lớn quấn quanh núi, chảy vòng quanh khắp 20 phố chợ, lại chảy vào Nam Hải (biển phương Nam). Bên cạnh ao nước có Thiên Cung bằng đá, Quán Tự Tại Bồ Tát tới lui vui chơi nghỉ ngơi. Người phát nguyện vì muốn nhìn thấy Bồ Tát nên bất chấp thân mạng, trèo non vượt thác mà quên đi hiểm họa dọc đường, vì thế người đến núi này rất là thưa thớt. Chỉ có cư sĩ dưới núi, nếu như lòng cung kính khẩn cầu chiêm ngưỡng dung mạo của Bồ Tát, thì Bồ Tát có lúc thị hiện thân Tự Tại Thiên, có lúc thị hiện thân tro bùn của ngoại đạo (đồ khôi địch ngoại đạo thân), để an ủi khuyên dụ người này, cầu nguyện mãn túc khác. Đó là tình hình Bồ Đà Lạc Sơn ở Ấn Độ thời nhà Đường, Trung Văn nói ở hang cốc Kỳ Hiểm bên cạnh ao nước trên đỉnh núi có vết tích nghỉ ngơi của Bồ Tát hóa hiện, cũng có sông lớn chảy quanh co cạnh núi lại chảy vào biển Nam, rất phù hợp với tên gọi Đảo (Núi) trong Biển (nước) hay gọi là “**Nam Hải Quán Âm**”.

Rất nhiều Tín Chúng, người tu hành, đều thành kính mong cầu muốn thấy Bồ Tát nơi này, đó là tình huống màu nhiệm tuy khác nhau nhưng cũng như nhau của Phổ Đà Sơn ở Nam Hải, có thể thấy Bồ Đà Sơn trở thành tịnh thổ Thánh Địa lịch sử lâu đời chính xác của Quán Âm. Học giả cận đại cho rằng cõi này ở nam Ấn Độ giáp phụ cận vùng A Ma Lâm (Comorin), phía Đông Sơn Khu của hang cốc Kỳ Khuynh núi Mã Lai Á (Malaya, núi Mạt Thích Gia mà Huyền Trang đã nói) mà ở nơi này thời cổ đại có thể có Hải Lưu (dòng chảy của nước biển) hoặc Thủy Lưu (dòng chảy của sông hồ).

Núi Phổ Đà

Ở Đại Lục Trung Quốc có bốn Đại Danh Sơn, là sự tích ứng hóa bốn cõi của bốn vị Đại Bồ Tát, trong đó Phổ Đà Sơn nhô lên từ các đảo lớn nhỏ thuộc quần đảo Chu Sơn ngoài biển đông huyện Định Hải Tỉnh Triết Giang, tức là Tịnh Thổ thị hiện thế giới Sa Bà của Quán Thế Âm Bồ Tát, để ứng hóa chúng sinh có duyên ở trung thổ.

Phổ Đà Sơn có liên quan đến sự tích Bất Thắng Mai Cử linh nghiệm ứng hóa của Bồ Tát.

Nguồn gốc khởi đầu của nó là do một vị Hòa Thượng Nhật Bản tên là Tuệ Ngạc đến Trung Quốc, ở Ngũ Đài Sơn trộm cắp một Tôn Tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, muốn trèo thuyền vượt biển đông về đến Nhật Bản, nhưng lại bị sóng gió làm cho khốn đốn tại Phổ Đà Sơn này nên đành phải neo thuyền lại, thậm chí khi thuyền muốn rời khỏi thời trong biển sinh ra Hoa Sen sắt ngăn chặn không cho thuyền đi về phía trước, khiến thuyền của Tăng nhân Nhật Bản lay động một tí cũng không được. Sau đó vì không thể đi được nên đành phải để Tượng Quán Âm này lưu lại trên núi gần các đảo lớn nhỏ, tức là Phổ Đà Sơn ngày nay trở thành câu chuyện “**Quán Âm không đồng ý đi**”. Trên núi cũng đã xây dựng một Tòa Quán Âm Viện không đồng ý đi. Từ đây chùa chiền để cung phụng Quán Âm trên Phổ Đà Sơn càng ngày càng nhiều, các loại thị hiện cảm ứng của Bồ Tát cũng càng ngày càng nhiều, danh tiếng truyền bá vang xa, khiến nơi đây trở thành Tịnh Thổ Đạo Tràng của Quán Âm ở Trung Quốc. Người tín ngưỡng Quán Âm Bồ Tát không thể không hành hương về nơi đất Thánh để chiêm ngưỡng, vì một tâm nguyện trọng yếu khẩn cầu hay thấy được Pháp Tướng dung từ của Bồ Tát.

Cung Bố Đạt Lạp của Tây Tạng

Lạp Tát của Tây Tạng có Tòa núi hồng, tương truyền là nơi bản tôn của Quán Âm, cho nên người dân Tây Tạng nơi đây xây dựng Đạo Tràng của Quán Âm Bồ Tát, và chọn tên “Bố Đạt Lạp” (Bổ Đà Lạc) đồng âm với bản xứ Ấn Độ, mà lãnh tụ Đạt Lạp Thích Ma của Phật Giáo Tây Tạng được coi là hóa thân của Thiên Thủ Quán Âm, cho nên được ở trong cung Bố Đạt Lạp hình thành Đạo Tràng Quán Âm ở Tây Tạng.

Ngoài tịnh thổ của Quán Âm Bồ Tát vừa giới thiệu ở trên ra, trong “**Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Đà La Ni Kinh**” Đức Phật Đà cũng nói rõ trong quá khứ vô lượng kiếp Quán Thế Âm Bồ Tát đã thành Phật danh hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai, theo lý mà nói, công đức viên mãn của Đức Phật ắt có đủ tịnh thổ cõi Phật, cho nên đã thành Phật cũng liền có tịnh thổ của Chánh Pháp Minh Như Lai. Đó là tịnh thổ cõi Phật quá khứ của Bồ Tát.

Những tịnh thổ trên đều là tịnh thổ của Quán Âm Bồ Tát, bao gồm tịnh thổ quá khứ của Chánh Pháp Minh Như Lai, thế giới vị lai phổ cập nhóm báu trang nghiêm, hiện tại Bồ Đà Lạc Sơn (Phổ Đà Sơn, Cung Bố Đạt Lạp), thế giới Cực Lạc, Tịnh Thổ lỗ chân lông Thực ra, đem thể tính trên để nói chúng là ba cõi hoàn toàn giống nhau, đều hiện khởi thể tính tự nhiên trong Pháp giới.

CHƯƠNG THỨ NĂM QUYẾN THUỘC CỦA QUÁN ÂM BỒ TÁT

Quyển thuộc của Chư Phật Bồ Tát đều có đủ vô lượng, Quán Thế Âm Bồ Tát đương nhiên cũng có như vậy. Do Quán Thế Âm Bồ Tát có sự hóa hiện vô biên, nhân đây hết thấy hóa thân của Quán Âm Bồ Tát và những quyển thuộc của Quán Âm này, đều có thể coi là quyển thuộc của Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nhưng Quán Thế Âm Bồ Tát trong mười phương thế giới đều có sự hóa hiện, như ở thế giới Cực Lạc ở phương Tây, ngoài chủ Tôn A Di Đà ra, các Tôn của thế giới Cực Lạc đều có thể coi là quyển thuộc của Ngài. Trong “**Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh**” Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện Tịnh Thổ lỗ chân lông, sống trong lỗ chân lông của Quán Thế Âm Bồ Tát, vô lượng Bồ Tát, hàng Trời Người, thậm chí Bồ Xứ Bồ Tát đều là quyển thuộc của Ngài. Trong “**Hoa Nghiêm Kinh**” kể rằng: Trong Phổ Đà Sơn nghe thấy Pháp môn Đại Bi của Quán Âm Bồ Tát, vô lượng Bồ Tát đều là quyển thuộc của Ngài.

Ngoài ra trong “**Nhiếp Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại Đà La Ni Kinh Quỷ**” nêu rõ các Tôn trong Bồ Đà Lạc Hải Hội như : Bất Không Quyển Sách Quán Âm, Tỳ Câu Chi Quán Âm, Thập Nhất Diện Quán Âm, Mã Đầu Quán Âm, Phần Nộ Câu Quán Âm, Bất Không Quán Âm, Nhất Kế La Sát Quán Âm và các hóa thân của Quán Âm cùng với Hộ Pháp, hàng Tiên Nhân.... Đều là quyển thuộc của Quán Âm.

Ngoài “**Nhiếp Vô Lượng**” ra, hai mươi tám Bộ Chúng của Thiên Thủ Quán Âm, có thể nói là nhóm quyển thuộc rất là nổi tiếng.

Hai mươi tám Bộ Chúng của Quán Âm là hai mươi tám bộ quyển thuộc Hoàng Pháp của Thiên Thủ Quán Âm, cũng là nhóm Quỷ Thần hiền lành ủng hộ người tu trì Pháp Môn của Quán Âm.

Thiên Thủ Quán Âm là Bản Tôn của chú Đại Bi người trong nước thường trì tụng. Người trì tụng chú Đại Bi ngoài việc nhận được Pháp lợi ích trực tiếp của Thần Chú này và sự Hộ Niệm của Quán Thế Âm Bồ Tát ra, Đại Phạm Thiên Vương cũng sẽ phái hai mươi tám bộ Thiện Thần dẫn theo năm trăm quyển thuộc và Đại Lực Dạ Xoa đến bảo hộ người đó.

Trong “**Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” nói: “ Nếu người ấy ở núi non vắng vẻ một mình ngủ qua đêm, thì các Thiện Thần thay phiên nhau canh giữ suốt đêm, tịch trừ tai ương. Nếu ở núi sâu, quên mất lối về, tụng thần chú này, Thiện Thần, Long Vương hóa làm người lành, chỉ dẫn đường chánh. Nếu ở nơi núi rừng vắng vẻ, thiếu thốn nước lửa, Long Vương giúp đỡ hóa ra nước lửa”. Có thể thấy hai mươi tám Bộ Chúng và người hành chú Đại Bi có quan hệ mật thiết.

Căn cứ trong “**Thiên Thủ Đà La Ni Kinh**” ghi chép về điều lệ Tôn danh của Hai mươi tám bộ chúng và y theo Tôn Tượng Đồ của Ngài Nhật Tăng Khoan Tín

vẽ, tham khảo trong “**Thiên Thủ Tạo Thứ Đệ Pháp Nghi Quy**” ghi chép , kể sơ lược hình tượng ấy như sau:

1_ Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ Ô Sô Quân Trà Ưng Câu Thi: Mặt phần nộ, màu thịt đỏ, tay trái chống eo, tay Phải cầm cây chày Tam Cổ, thân mặc giáp trụ.

2_ Bát Bộ Lực Sĩ Thượng Ca La: Dung mạo rất là phần nộ, thân màu thịt đỏ, tay trái để ở eo, lòng bàn tay phải hướng ra ngoài, lưng mặc áo xanh.

3_ Ma Hê Na La Diên: Đầu đội mũ kim cương, tay trái để ngang ngực lòng bàn tay hướng ra ngoài, tay phải duỗi khuỷu hướng về phía trước, cầm cây đao lớn đâm xuống đất.

4_ Kim Cang Đà La Ca Tỳ La: Mặt và thân màu như trên, tay trái để ở eo, tay phải hướng về ngực rút cây đại đao, thân mặc giáp trụ.

5_ Bà Cấp Bà Lô La: Mặt màu vàng trắng, hình phần nộ, đầu đội mũ bằng vàng, tay trái giơ lên để trước ngực, lòng bàn tay hướng ra ngoài, đầu ngón tay rũ xuống, tay phải cầm cây đao lớn, mặc giáp trụ.

6_ Mãn Thiện Xa Bát Chân Đà La: Nét mặt hơi cười, tay trái nắm quyền để ở eo, tay phải để ngang ngực cầm Hoa Sen, mặc áo cà sa màu xanh.

7_ Tát Giá Ma Ma Hòa La: Nét mặt hơi cười và cũng hơi sân nộ, đầu đội mũ Trời, hơi giơ cánh tay trái lên, giữa lòng bàn tay duỗi 5 ngón tay, tay phải để ngang ngực cầm cây búa, trang nghiêm như Thiên nữ.

8_ Cứu Lan Đôn Tra Bán Kỳ La: Nét mặt hơi cười, màu xanh, tay trái để ngang ngực, lòng bàn tay úp xuống duỗi 5 ngón tay, cánh tay phải rũ xuống cầm cây đao lớn, thân mặc giáp trụ.

9_ Hoa Bà Già La Vương: Nét mặt hơi cười lại hơi phần nộ, màu đỏ trắng, đầu có giáp bằng vàng, tay trái nắm quyền để ở vùng rốn, tay phải cầm cây Tam Kích, mặc giáp trụ bằng vàng.

10_ Ứng Đức Tỳ Đa Tát Hòa La: Nét mặt hơi phần nộ, đầu có mũ ngọc, tay bên trái bên phải đều cầm cây chày Độc Cổ.

11_ Phạm Ma Tam Bát La: Mặt như Thiên nữ, đầu đội mũ Trời, tay trái đặt ở sát rốn, tay phải để ngang ngực cầm cây phát trần màu trắng, anh lạc trang nghiêm như Thiên nữ.

12_ Diêm Ma La: Mặt phần nộ, ngửa nhìn lên hư không, màu xanh lục, tay trái để ngang ngực, duỗi cánh tay phải lật úp lòng bàn tay, 5 ngón tay mở ra để ở dưới eo.

13_ Thích Vương: Tay trái nắm quyền để ở eo, tay phải cầm cây chày Độc Cổ, mang giày cỏ.

14_ Đại Biện Công Đức Sa Đát Na: Như Cát Tường Thiên nữ, tay trái giơ cánh tay lên, cầm Hoa Sen đỏ, tay phải để ngang ngực, lòng bàn tay hướng ra ngoài, ngón cái và ngón giữa cùng vịn nhau.

15_ Đề Đầu Lại Tra Vương: Mặt phần nộ, tay trái để ở eo, cánh tay phải giơ lên cầm cây chày Tam Cổ, thân mặc giáp trụ.

16_ Thần Mẫu Nữ Đẳng Đại Lực Chúng: Ngửa lòng bàn tay trái để ở trước ngực, lòng bàn tay phải hướng ra ngoài, ngón cái và ngón giữa vịn nhau.

17_ Tỳ Lô Lặc Xoa: Cánh tay phải giơ lên cầm Tam Kích Xoa, tay phải để ở cạnh eo cầm cây đao lớn, thân mặc giáp trụ.

18_ Tỳ Lô Đông Bác Xoa Tỳ Sa Môn: Tay trái cầm cái Tháp, tay phải cầm cây Kích Tam Cổ.

19_ Kim Sắc Khổng Tước Vương: Đầu chim công thân người, tay trái tay phải đều cầm bàn chân con chim công dùng làm cây gậy.

20_ 28 Bộ Đại Tiên Chúng: Hình Tiên Nhân, cánh tay trái giơ lên cầm quyển Kinh, tay phải để ngang ngực cầm cây Gậy.

21_ Ma Ni Bạt Đà La: Diện mạo như Thiên Nữ, tóc màu đỏ, dùng hoa để nghiêm sức, hai tay chấp lại.

22_ Tán Chi Đại Tướng Phát La Bà: Mặt hơi cười phần nộ, màu trắng, đầu đội mũ Trời, tay trái để ngang ngực, ngón cái và ngón giữa cùng vịn nhau, tay phải cầm cây đao lớn.

23_ Nan Đà Bạt Nan Đà: Mặt rất phần nộ, màu xanh lục, trên đầu có con Rồng, tay trái giơ lên để trước ngực, lòng bàn tay hướng ra ngoài rũ 5 ngón tay xuống, tay phải để ở eo cầm cây Kích Tam Xoa, thân mặc giáp trụ.

24_ Sa Gia La Long Y Bát La: Mặt phần nộ, màu đen xanh, dùng hai tay cầm cây đao lớn đâm xuống đất.

25_ Tu La Càn Thát Bà: Có 3 mặt 6 cánh tay, mỗi mặt đều có 3 con mắt, màu trắng, bên trái bên phải tay thứ nhất chấp tay lại để ngang ngực, bên trái tay thứ hai cầm Hoa Sen, bên phải tay thứ hai cầm Bánh Xe, cánh tay bên trái bên phải cùng giơ lên cầm Vòng Mặt Trời.

26_ Ca Lôu Khẩn Na Ma Hầu La: Mặt rất phần nộ, màu đỏ trắng, trên đầu đội đầu con ngựa trắng, tay trái để ở eo, tay phải giơ lên cao qua đầu, cầm cây đao lớn nằm ngang, mặc giáp trụ.

27_ Thủy Hỏa Lô Điện Thần: Thủy Hỏa Lô Điện Thần, mặt rất phần nộ, màu đen đỏ, lòng bàn tay trái úp lại để trước ngực, tay phải duỗi cánh tay mở rộng 5 ngón, làm trạng thái như đèn xuống đất, đứng trong sóng đen. Hỏa Lô Điện Thần, nét mặt như Quỷ ác, màu xanh, hai tay tác nội phộc để trước ngực, duỗi hai ngón giữa, co ngón trỏ trụ vào nhau, đứng trong sóng.

28_ Cưu Bàn Trà Vương Tỳ Xá Đô: Cưu Bàn Trà Vương là hình thân nộ màu đen mũi dài, tay trái cầm khí cụ chiến tranh (chiến cụ), tay phải cầm sợi dây; Tỳ Xá Đô là hình màu đen, mắt to trợn mắt giận dữ, tay trái cầm viên ngọc lửa (Hỏa Ngọc).

Tín ngưỡng và Hành ở đời của 28 Bộ Chúng và Thiên Thủ Quán Âm, đời sau việc tạo tượng liên quan với nhau rất nhiều. Trong Bích Họa bị rách từng đoạn được khai quật ở Cao Xương Trung Á có Tượng Tam Nhân Thần Tướng Tượng Thần Hộ Pháp đứng bên cạnh thân của Thiên Thủ Quán Âm, tức là 28 Bộ Chúng.

Ngoài ra căn cứ trong quyển 2 “**Nhập Đường Cầu Pháp Tuân Lễ Hành Kỳ**” ghi chép trong chùa Trúc Lâm ở Ngũ Đài Sơn của Trung Quốc có an trí 28 Tượng Thiên Thích Phạm Vương. Viện Liên Hoa Vương ở Kinh Đô Nhật Bản đến nay còn 28 Tôn Tượng đứng bằng gỗ được những người họ Trạh họ Khánh cung phụng.

TÊN BỘ	TÔN HÌNH	TƯỚNG MẶT	TỬ THẾ
1. Mật Tích Kim Cang Sĩ	Màu thịt đỏ, mặc Giáp Trụ	Tướng phần nộ	Tay trái chống eo
2. Bát Bộ Lực Sĩ	Màu thịt đỏ, mặc áo xanh	Tướng Phần Nộ	Tay trái để ở eo, lòng bàn tay phải hướng ra ngoài
3. Ma Hê Na La Đạt	Mặc áo Giáp Kim Cang		Tay trái duỗi khuỷu, tay phải cầm cây đao lớn đâm xuống đất
4. Kim Tỳ La Đà	Mặc Giáp Trụ		Tay trái để ở eo, tay phải rút cây đao lớn
5. Ba Cấp Bà Lô Na	Màu vàng trắng, mặc Giáp Trụ bằng vàng	Tướng phần nộ	Tay trái để sát ngực, tay phải để cạnh eo cầm cây đao lớn
6. Mãn Thiện Xa Bát Chân Đà La	Mặc áo Cà Sa màu xanh	Hơi cười	Tay trái nắm quyền để ở eo, tay phải cầm Hoa Sen
7. Tát Giá Ma Hòa La	Màu đỏ hơi trắng, đội mũ trang sức trên thân	Hơi cười, giận ít	Giơ cánh tay trái lên duỗi 5 ngón tay, tay phải cầm cán búa
8. Cưu Lan Đôn Tra	Màu xanh, mặc Giáp Trụ vàng ròng	Hơi cười	Tay trái để bên cạnh ngực duỗi 5 ngón tay, tay phải rũ cánh tay xuống, cầm Đại Đao
9. Hoa Bà Già La Vương	Màu đỏ trắng, mặc Giáp Trụ bằng vàng	Hơi cười phần nộ	Tay trái nắm lại thành quyền để ở giữa rốn, tay phải cầm cây Tam Kích
10. Ứng Đức Tỳ Đa Tát Hòa La	Đầu đội mũ ngọc	Hơi phần nộ	Hai tay bên trái bên phải chắp lại cầm chày Độc Cổ
11. Phạm Ma Tam	Trang sức	Như Thiên Nữ	Tay trái để ở cạnh rốn, tay

Bát La	anh lạc trên thân, đầu đội mũ Trời		phải cầm cây phất trần màu trắng
12. Diêm Ma La	Màu xanh lục	Phần nộ, ngửa nhìn lên Trời	Tay trái để ngang ngực, tay phải duỗi 5 ngón tay để ở dưới eo
13. Thích Vương	Mang giày cỏ		Tay trái nắm thành quyền để ở eo, tay phải cầm chày Độc Cổ
14. Đại Biện Công Đức Sa Đát Na	Như Cát Tường Thiên Nữ		Tay trái cầm cọng Hoa Sen đỏ trên có Hoa Sen đỏ, tay phải để ngang ngực ngón cái và ngón giữa cùng vịn nhau
15. Đề Đầu Lại Tra Vương	Mặc Giáp Trụ	Tướng phần nộ	Tay trái để ở eo lưng, tay phải cầm chày Tam Cổ
16. Thần Mẫu Nữ Đẳng			Ngửa lòng bàn tay trái để trước ngực, lòng bàn tay phải hướng ra ngoài, ngón cái và ngón giữa cùng vịn nhau
17. Tỳ Lô Lặc Xoa	Mặc Giáp Trụ		Tay trái cầm cây Tam Kích, tay phải cầm cây đao lớn
18. Tỳ Lô Môn			Tay trái cầm cái Tháp, tay phải cầm chày Tam Cổ
19. Kim Sắc Khổng Tước Vương	Đầu là Chim công, từ vai trở xuống là hình người		Hai tay dùng một bàn chân của con chim công làm cây gậy
20. Đại Tiên Chúng	Hình Tiên Nhân		Tay trái giơ cánh tay lên, cầm quyển Kinh, tay phải cầm gậy
21. Ma Ni Bạt Đà La	Tóc đỏ kết hoa trang sức trên đầu	Mặt như Thiên Nữ	Hai tay chấp lại
22. Tán Chi Đại Tướng Phất La Bà	Màu trắng, đội mũ	Hơi cười phần nộ	Tay trái ngón cái vịn ngón giữa, tay phải cầm cây đao

	Trời		lớn
23. Nan Đà Bạt Nan Đà	Màu xanh lục, mặc Giáp Trụ, đầu đội con Rồng	Tướng phần nộ	Tay trái để trước ngực rữ 5 ngón tay xuống, tay phải cầm cây Tam Kích
24. Sa Già La Long Y Bát La		Tướng phần nộ	Hai tay cầm Đại Dao đâm xuống đất
25. Tu La Càn Thất Bà	Màu trắng, có 3 mặt 6 cánh tay, mỗi mặt có 3 con mắt		Bên trái bên phải tay thứ nhất chấp lại. Bên trái bên phải tay thứ hai cầm Vòng Mặt Trời. Tay trái cầm Hoa Sen, tay phải cầm Bánh Xe
26. Ca Lôu Khẩn Na Ma Hầu La		Tướng phần nộ	Tay trái để ở eo , tay phải cầm cây đao lớn
27. Hỏa Lôì Điện Thần	Màu đen đỏ, đứng trong sóng màu đen	Tướng phần nộ	Tay trái để trước ngực, tay phải làm tư thế đè xuống đất
28. Thủy Lôì Điện Thần	Màu xanh, do thân trú mưa, đứng trong sóng	Như Quý Thần Ác	Hai tay tác nội phộc để trước ngực

THIÊN THỨ HAI CÁC LOẠI HÌNH TƯỢNG QUÁN ÂM

CHƯƠNG THỨ NHẤT KHÁI QUÁT

Quán Thế Âm Bồ Tát có ngàn trăm ức hóa thân, đương nhiên hình tượng ấy là thiên biến vạn hóa, hướng hồ trong vũ trụ lại có vô biên hình thái sinh mạng của Dục Giới có nam có nữ, chẳng qua cũng là một loại trong đó, do đây xem xét vấn đề Quán Âm Bồ Tát là nam là nữ hoặc là ngàn tay hoặc là trăm tay.... Điều có thể chẳng cần phải phân định giới hạn để thảo luận làm gì. Nhưng vì nhân duyên chúng sinh ở thế giới này của chúng ta, hoặc do sự cần thiết trên pháp tu Truyền Thừa mà đem Quán Thế Âm Bồ Tát xác lập một số hình tượng cố định nào đó, để hình thành tiêu chí đặc trưng của Ngài. Quán Thế Âm Bồ Tát rất nổi tiếng, hình tượng phổ biến rộng rãi được mọi người biết đến đó là xuất hiện hình tượng người mẹ hiền đầy nữ tính, tay cầm Tịnh Bình, Dương Liễu, dùng Cam Lộ rưới thấm khắp chúng sinh bị đau khổ. Đặc biệt là ở Trung Quốc hình tượng Quán Âm như vậy rất là phổ biến.

Ngoài ra, trong dân gian có lưu truyền 33 thể Quán Âm, trong Mật Giáo cũng có nói 6 Quán Âm, Quán Âm trong Kim Cang Giới, Thai Tạng Giới đều có hình thái khác nhau. Chúng tôi đem mấy loại hình thường thấy để giới thiệu như sau:

Hình tượng Quán Âm của Thế Giới Cực Lạc

Quán Âm Bồ Tát của Thế Giới Cực Lạc có thể nói là tất cả bản vị của Quán Âm.

Trong “**Quán Vô Lượng Thọ Kinh**” nói: Bồ Tát thân dài tám mươi vạn ức na do tha hằng hà sa do tuần, màu da thịt trên thân là màu vàng tím, trên đỉnh có búi tóc, trên đầu đội mũ Trời có viên ngọc báu Tỳ Lăng Già Ma Ni chế thành, đặc biệt là trong mũ Trời có một Tôn Phật đứng A Di Đà Phật cao 25 do tuần. Tướng bạch hào giữa hai lông mày đầy đủ màu 7 báu tuôn ra tám vạn bốn ngàn loại ánh sáng, trong mỗi một ánh sáng cũng có vô số Hóa Phật, Hóa Bồ Tát. Sau gáy có Hào Quang tròn, trong Hào Quang tròn có 500 vị Hóa Phật, mỗi một vị Hóa Phật đều có 500 Hóa Bồ Tát, vô lượng Chư Thiên làm thị giả của Ngài, toàn thân trong ánh sáng, thị hiện tất cả sắc tướng của chúng sinh ở 5 nẻo. Biến hiện tự tại khắp mười phương thế giới.

Cánh tay của Bồ Tát màu như Hoa Sen hồng, có tám mươi ức ánh sáng dùng làm anh lạc, trong anh lạc hiện khắp tất cả các việc trang nghiêm. Lòng bàn tay

cũng có năm trăm ức màu Hoa Sen tạp. Hai tay: trên mỗi một đầu ngón tay có tám vạn bốn ngàn màu sắc, mỗi một màu sắc có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, ánh sáng ấy mềm mại chiếu khắp tất cả, dùng tay báu này để tiếp dẫn chúng sinh. Khi gơ bàn chân lên, dưới bàn chân có Tướng bánh xe ngàn cãm, tự nhiên hóa thành năm trăm ức Đài Quang Minh, dưới bàn chân thời có Hoa Kim Cang Ma Ni rải tán tràn đầy khắp tất cả mọi nơi.

Hình tượng của Quán Âm viên mãn đầy đủ, cùng với Đức Phật chẳng có sai biệt, chỉ có búi tóc trên đỉnh đầu và Vô Kiến Đỉnh Tướng không giống như Đức Phật.

Vì muốn tiếp dẫn chúng sinh vãng sinh về thế giới Cực Lạc ở Phương Tây hình tượng của Quán Thế Âm Bồ Tát cũng có cầm Đài Sen Kim Cang. Hình tượng như vậy cũng chẳng hạn chế dùng loại tư thế nào, loại tay ấn nào làm định hình mà là thuận theo nhân duyên nguyện vọng cần yếu của chúng sinh để thị hiện, cho nên trong Kinh Điển khác nhau cũng sẽ vẽ ra Tướng trạng khác nhau.

Ví như trong “**Bát Không Quyển Sách Thân Biến Chân Ngôn Kinh**” Quán Âm là hiệp thị của Đức Phật Di Đà, tay trái cầm Hoa Sen, lòng bàn tay phải ngửa lên để trên đùi, ngồi bán già. Chẳng qua là trong đó có nói “Trên đỉnh đầu có vị Hóa Phật đứng” so với đặc trưng của nhóm thì khác nhau, có thể tín toán là tiêu chí để đăng ký của Quán Âm. Tôn Phật đứng này, nói chung đều cho rằng Đức Phật A Di Đà cũng tức là Vô Lượng Thọ Như Lai.

33 loại Thân Ứng Hóa

Căn cứ trong “**Kinh Pháp Hoa. Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn**” nói, Bồ Tát có 33 loại thân ứng hóa, những thân ứng hóa này đều ứng với thân nào đó để hóa độ, Bồ Tát liền hiện thân đó mà giảng pháp cho kẻ đó, cần phải dùng thân Đồng Nam, Đồng Nữ để hóa độ, liền hiện thân Đồng Nam, Đồng Nữ mà giảng pháp, cần phải dùng thân Phật để hóa độ thì liền hiện thân Phật mà giảng pháp.

Do đây có thể biết, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng chẳng nhất định phải xuất hiện hình tượng Bồ Tát, Ngài có thể hóa hiện làm Bà La Môn, Có thể là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cũng có thể là thân Đế Thích, thân Đại Tự Tại Thiên, thân Dạ Xoa, thân A Tu La. Các loại thân này đều là ứng hiện thuận theo Đại Bi để giáo hóa chúng sinh.

Căn cứ trong “**Phẩm Phổ Môn**” ghi chép, 33 loại thân ứng hóa của Quán Thế Âm Bồ Tát phân biệt là:

1. Ba Tôn Thuộc Hàng Thánh (1) thân Phật, (2) thân Bích Chi Phật, (3) thân Thanh Văn;

2. Sáu Tôn Thuộc Cõi Trời (4) thân Đại Phạm Thiên, (5) thân Đế Thích, (6) thân Tự Tại Thiên, (7) thân Đại Tự Tại Thiên, (8) thân Thiên Nhân, (9) ? thiếu thân thứ 9;

3. Năm Tôn Bên Ngoài Đạo (10) thân Tiểu Vương, (11) thân Trưởng Giả, (12) thân Cư Sĩ, (13) thân Tể Quan, (14) thân Bà La Môn;

4. Bốn Tôn Bên Trong Đạo (Tứ Chúng) (15) thân Tỳ Kheo, (16) thân Tỳ Kheo Ni, (17) thân Ưu Bà Tắc, (18) thân Ưu Bà Di;

5. Sáu Tôn Thuộc Nhóm Phụ Nữ, Đồng Nam Và Đồng Nữ (19) thân Trưởng Giả Phụ Nữ, (20) thân Cư Sĩ Phụ Nữ, (21) thân Tể Quan Phụ Nữ, (22) thân Bà La Môn Phụ Nữ, (23) thân Đồng Nam, (24) thân Đồng Nữ ;

6. Tám Bộ Thuộc Hàng Trời, Rồng (25) thân Trời, (26) thân Rồng, (27) thân Dạ Xoa, (28) thân Càn Thát Bà, (29) thân A Tu La, (30) thân Ca Lô La, (31) thân Khẩn Na La, (32) thân Ma Hầu La Ca;

7. Một Tôn Kim Cang (33) thân Chấp Kim Cang.

Nhưng trong “**Nhiếp Vô Ngại Kinh**” (lại tên là “**Bổ Đà Lạc Hải Hội Quỹ**”) ngoài 33 thân ứng hóa nêu rõ ra, cũng ghi rõ hình tượng của các Tôn, nhưng trong Tôn Tượng trừ bỏ 4 thân phụ nữ nêu ở trước (19), (20), (21), (22) mà thay thế dùng thân Người, thân Phi Nhân, thân Phụ Nữ, thân Đồng Mục Thiên Nữ... Nhưng trong quyển 6 “**Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh**” thì bỏ đi 7 thân (9), (19), (20), (21), (22), (30), (33)... Ngoài ra thêm vào ở trên thân Tứ Đại Thiên Vương, thân Tứ Thiên Vương Quốc Thái Tử, thân Nữ Chủ, thân Người, thân Phi Nhân; lại chia thân Bích Chi Phật làm hai thân Độc Giác và Duyên Giác tổng cộng là 32 thân ứng hóa.

Nhưng trong “**Nhiếp Vô Ngại Kinh**” danh hiệu của 33 loại thân ứng hóa của Quán Âm và hình tượng như sau:

Ba Tôn thuộc hàng Thánh:

1. Thân Phật: Hình Đức Phật màu vàng ròng, duỗi tay trái để trên đầu gối, tay phải kết ấn Thuyết Pháp.

2. Thân Bích Chi Phật: Toàn thân màu thịt trắng, tướng Tỳ Kheo trung niên, hai tay chấp lại.

3. Thân Thanh Văn: Thân tướng màu thịt trắng, tướng Tỳ Kheo Xí Niên, cầm Tam Y Hàm, thân mặc áo Tăng Già Lê.

Sáu Tôn thuộc cõi Trời:

1_ Thân Đại Phạm Thiên: Vùng mặt màu thịt trắng, có 4 mặt 3 con mắt 8 cánh tay 2 chân. Bên trái: Tay thứ nhất cầm cái Chày Tam Cổ, tiếp theo tay cầm Hoa Sen, kế đến tay cầm cái bình Quân Trì, sau cùng tay cầm cây phát trần trắng. Bên phải: Tay thứ nhất quyền ấn, tiếp theo tay cầm cây Mâu bén, kế đến tay cầm cái gương Tứ Trí, sau cùng tay ban Thí Vô Úy.

2_ Thân Đế Thích: Vùng mặt màu thịt trắng, tay trái quyền ấn, tay phải cầm cái chày Nhất Cổ.

3_ Thân Tự Tại Thiên: Vùng mặt màu thịt trắng, cầm Hoa Sen hồng.

4_ Thân Đại Tự Tại Thiên: Vùng mặt màu Hoa Sen tím, hai tay cầm cây mâu bén, cỡi con Trâu đen lớn.

5_ Thân Thiên Đại Tướng Quân: Vùng mặt màu thịt đỏ, hai tay chấp lại.

6_ Thân Tỳ Sa Môn: Vùng mặt màu vàng sẫm, Tướng phần nộ giáng ma, tay trái cầm cái Tháp báu, tay phải cầm cây Kiếm báu.

Năm Tôn bên ngoài Đạo:

- 1_ Thân Tiểu Vương: Vùng mặt màu thịt đỏ, hai tay chấp lại.
- 2_ Thân Trưởng Giả: Vùng mặt màu thịt trắng, cầm viên ngọc báu Như Ý, tướng Đại Phú Quý Nhân.
- 3_ Thân Cư Sĩ: Vùng mặt màu thịt trắng, cầm viên ngọc báu Ma Ni, tướng Đại Gia Trưởng Giả.
- 4_ Thân Tể Quan: Vùng mặt màu thịt đỏ, hai tay chấp lại, tướng Quan Nhân.
- 5_ Thân Bà La Môn: Vùng mặt màu thịt đỏ, đầu giống như Tỳ Kheo Tăng, mặc Bạch Tố Tục Y, hai tay cầm cây Tích Trượng.

Bốn Tôn bên trong Đạo:

- 1_ Thân Tỳ Kheo: Da có vết nhăn màu thịt đỏ, tướng Đại Đức uy nghi, cầm cái Bát.
- 2_ Thân Tỳ Kheo Ni: Toàn thân màu thịt trắng, tướng người nữ lớn tuổi, cầm Hoa Sen hồng.
- 3_ Thân Ưu Bà Tắc: Vùng mặt màu thịt trắng, đầu đội Mão trắng, mặc áo trăm kết, tướng người phạm tục mặc áo trắng, cầm khí cụ tu hành.
- 4_ Thân Ưu Bà Di: Vùng mặt màu thịt trắng, tướng người nữ tóc dài, cầm Hoa Sen Trí Tuệ.

Sáu Tôn thuộc nhóm Người, Phi Nhân, Phụ Nữ, Đồng Nam, Đồng Nữ:

- 1_ Thân Người: Vùng mặt màu thịt trắng, tướng Quý Nhân, cầm Hoa Sen màu nhiệm.
- 2_ Thân Phi Nhân: Thân tướng rất xanh, tướng Ác Đơn Đà La, tay trái giương Cung, tay phải cầm Mũi Tên.
- 3_ Thân Phụ Nữ: Vùng mặt màu thịt trắng, giống như Chư Thiên Thái Nữ, thọ tướng kính yêu.
- 4_ Thân Nữ Đồng Mục Thiên Nữ: Thân tướng màu thịt trắng, hai tay cầm Hoa Sen tím.
- 5_ Thân Đồng Nam: Vùng mặt màu thịt trắng, tướng tiểu đồng còn trẻ, hai tay cầm Hoa Sen.
- 6_ Thân Đồng Nữ: Vùng mặt màu Kha Tuyết, tướng người nữ còn trẻ, cầm Hoa Sen xanh.

Tám Bộ thuộc hàng Trời Rồng:

- 1_ Thân Trời: Thân Tướng màu Hoa Sen hồng, tay trái cầm cái hộp đựng Hoa Sen, tay phải cầm Hoa Sen màu nhiệm.
- 2_ Thân Rồng: Thân Tướng màu rất xanh, trên đỉnh hiện cái đầu Rồng, tướng sân huệ phần nộ, hai tay nắm mây đen.
- 3_ Thân Dạ Xoa: Thân Tướng màu thịt đỏ, trên đỉnh có Mão lửa rực, hai tay cầm cây chày tam cổ.
- 4_ Thân Càn Thát Bà: Thân Tướng màu thịt đỏ, trên đỉnh có Mão tám góc, hai tay cầm Tiêu Địch (Tiêu: ống Tiêu, Địch: ống sáo), tay phải cầm cây Kiếm báu.

5_ Thân A Tu La: Có 3 mặt màu đen xanh, hình tượng khỏa thân phần nộ, có 6 cánh tay 2 chân, 2 tay chấp lại. Bên trái: tay thứ hai cầm Hỏa Pha Chi, kế đến tay cầm Dao Gậy. Bên phải: tay thứ hai cầm Thủy Pha Chi, kế đến tay cầm Dật Ấn.

6_ Thân Ca Lô La: Thân tướng màu đen xanh, vùng mặt là chim xí điều màu nhiệm, thân người có cánh, tay trái tác quyền để ở eo, tay phải cây móc câu Kim Cang.

7_ Thân Khẩn Na La Vương: Đầu mặt Hoảng, Huru, Ngựa, hình tượng người khỏa thân, cầm khí cụ âm thanh.

8_ Thân Ma Hầu La Già: Đầu Rắn tướng Quý Nhân, hai tay ôm Sênh Địch (Sênh: cái kèn, Địch: ống sáo), hoặc cầm cây Gậy đánh trống.

Một Tôn thuộc hàng Kim Cang:

1_ Thân Chấp Kim Cang: Thân tướng màu thịt đỏ, tướng phần nộ giáng ma, tóc búi lại thành kế, Mão có lửa rực như vòng hoa, tay trái nắm lại thành quyền để ở eo, tay phải cái Chày Kim Cang.

Những thân hình này từ Phật vị cho đến Chúng Sinh bên ngoài Đạo, từ cõi Trời cho đến A Tu La.... Đều là Quán Âm Bồ Tát vì thuận theo căn cơ của chúng sinh mà thị hiện biến hóa ra các loại, ở đây chúng tôi sẽ tiếp tục giới thiệu một số Quán Âm trọng yếu.

Sáu Quán Âm

“**Sáu Quán Âm**” là hình tượng quy nạp có hệ thống của Quán Âm cũng trở thành sáu loại Quán Âm để hóa đạo cứu độ chúng sinh ở sáu nẻo. Căn cứ trong quyển 2 “**Ma Ha Chỉ Quán**” ghi chép rằng:

1_ **Đại Bi Quán Âm**: Chủ phá trừ ba chướng ở nẻo Địa Ngục (Ba chướng là chỉ Báo Chướng của Quả Báo là Phiền Não Chướng, Nghiệp Chướng và Nghiệp Chướng Sở Chiếu Cảm). Chúng sinh của nẻo này khổ bức càng nặng, cho nên đặc biệt trọng về Đại Bi.

2_ **Đại Từ Quán Âm**: Chủ phá trừ ba chướng của nẻo Ngạ Quỷ. Nẻo này vì trọng về đói khát, cho nên dùng Đại Từ.

3_ **Sư Tử Vô Úy Quán Âm**: Chủ phá trừ ba chướng của nẻo Súc Sinh. Thú Vương của nẻo này uy mãnh, cho nên dùng vô úy (không sợ hãi).

4_ **Đại Quang Phổ Chiếu Quán Âm**: Chủ phá trừ ba chướng của nẻo A Tu La. Chúng sinh của nẻo này phần nhiều đố kỵ nghi ngờ, cho nên thích dùng Phổ Chiếu (chiếu soi khắp nơi).

5_ **Thiên Nhân Trượng Phu Quán Âm**: Chủ phá trừ ba chướng của nẻo Người. Do đây mà có danh hiệu gọi là Thiên Nhân Trượng Phu, vì trong nẻo Người có việc cũng có lý, trên sự việc với nhau hay giáng phục kiêu mạn cho nên gọi là Thiên Nhân. Nếu trên lý tự tại thì hay thấy Phật tánh, cho nên gọi là Trượng Phu.

6_ **Đại Phạm Thâm Viễn Quán Âm**: Chủ phá trừ ba chướng của nẻo Trời. Đó là vì Đại Phạm là tiêu chí của Thiên Chủ là vua của Trời Người, đại biểu hay được các bề tôi mà giáng phục tất cả.

Ngoài ra, Đông Mật cũng dùng sáu loại Quán Âm nêu rõ dưới đây trở thành Cửu Độ Giả của sáu nẻo.

- 1_ **Thánh Quán Âm** _____ chủ cứu độ chúng sinh ở nẻo Ngạ Quỷ.
- 2_ **Thiên Thủ Quán Âm** _____ chủ cứu độ chúng sinh ở nẻo Địa Ngục.
- 3_ **Mã Đầu Quán Âm** _____ chủ cứu độ chúng sinh ở nẻo Súc Sinh.
- 4_ **Thập Nhất Diện Quán Âm** _____ chủ cứu độ chúng sinh ở nẻo A Tu La.
- 5_ **Chuẩn Đề Quán Âm** _____ chủ cứu độ chúng sinh ở nẻo nhân gian.
- 6_ **Như Ý Luân Quán Âm** _____ chủ cứu độ chúng sinh ở nẻo Trời.

Nhưng hệ thống Thai Mật ở Nhật Bản thì dùng Thánh Quán Âm để hóa đạo nẻo Địa Ngục, Thiên Thủ Quán Âm để hóa đạo nẻo Ngạ Quỷ mà Bất Không Quyển Sách Quán Âm để hóa đạo nẻo Người. Nhân đây, bỏ đi Chuẩn Đề Quán Âm thêm vào Bất Không Quyển Sách Quán Âm thành sáu Quán Âm. Nhưng cũng có cách nói tổng hợp Thai Mật và Đông Mật mà đưa vào Chuẩn Đề, Bất Không Quyển Sách Quán Âm trở thành bảy Quán Âm.

Ngoài ra trong các Kinh còn có nói Tám Đại Quán Âm, nhưng nêu rõ các Tôn, mỗi một Tôn đều có ra vào, trong đó dùng hai cách nói tương đối là phổ biến. “Bất Không Quyển Sách, Tỳ Câu Chi, Thập Nhất Diện, Mã Đầu, Phần Nộ Câu, Như Ý Luân, Bất Không Câu, Nhất Kế La Sát” hoặc “Như Ý Luân, Quán Tự Tại, Đắc Đại Thế, Đa La, Tỳ Câu Chi, Bạch Xứ, Nhất Kế La Sát, Mã Đầu”

33 Thể Quán Âm

Gọi là 33 Thể Quán Âm là trong bản vị pháp giới của Quán Âm Bồ Tát, ứng duyên mà hóa hiện thân ứng hóa, trên cơ bản toàn bộ đều thị hiện hình Bồ Tát. Chỉ là những hình tượng này có một số chẳng phải trong Kinh điển ghi chép, nhưng bỏ đi bởi vì sự tích các loại linh nghiệm ứng hóa, cứu khổ cứu nạn mà lưu truyền ở dân gian vì sự tôn sùng và tín ngưỡng của mọi người.

Ngoài ra, trong “**A Sa Phộc Sao**” có nói 28 hóa thân của Quán Âm, trong “**Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Kinh**” có nói 25 hóa thân, cũng có 40 Quán Âm. Trong “**Thủ Lăng Nghiêm Kinh**” có 32 ứng thân, trong Kinh điển Tây Tạng có nói 38 hóa thân.... Hoặc có khả năng, từ nay về sau cũng sẽ vì sức bi nguyện của Bồ Tát mà lại gia thêm. Hiện tại căn cứ hình tượng ghi chép trong “**Phật Tượng Đồ Hối**” để nói rõ Ba Mươi Ba Thể Quán Âm.

1_ **Dương Liễu Quán Âm**: Quán Thế Âm Bồ Tát vì lợi ích chúng sinh, đều thuận theo nguyện vọng của chúng sinh mà thị hiện, cũng giống như cành Dương Liễu thuận theo gió bay phất phới mà không thể làm trái nghịch được, nhân đây mới được tên này, có lúc cũng biểu thị có thể vì chúng sinh mà phải đi các loại

bệnh khó trị trên thân, nói chung hình tượng của Tôn này thường thấy là: Ngồi xổm trên mỏm núi đá, tay phải cầm cành Dương Liễu (có thuyết nói biểu thị cho tam muội thuộc tay phải cầm Dương Liễu của Thiên Thủ Quán Âm), lòng bàn tay trái mở ra để ở trước ngực hoặc là tay trái cầm cái Tịnh Bình.

2_ **Long Đầu Quán Âm:** Biểu hiện tư thế đứng thẳng hoặc ngồi trong mây cõi đầu con Rồng. Được cho rằng là hóa thân của 33 thân Quán Âm để giáo hóa hàng Trời, Rồng. Đại khái dùng con Rồng là vua trong các loài thú, được ví như uy thần của Quán Âm.

3_ **Trì Kinh Quán Âm:** Ngồi trên tảng đá ghồ ghề, tay phải cầm quyển Kinh, tay trái để trên đầu gối.

Hoặc cho rằng là thân Thanh Văn trong 33 thân của Quán Âm, tức là Thanh Văn ('Sravaka) Quán Âm. Thanh Văn là nghe âm Đức Phật dạy bảo mà khai ngộ xuất gia. Trong "**Phẩm Phổ Môn**" nói: "Cần phải dùng thân Thanh Văn để hóa độ liền hiện thân Thanh Văn mà giảng pháp", cầm quyển Kinh là đặc sắc của Ngài.

4_ **Viên Quang Quán Âm:** Trong ánh sáng lửa rực của viên quang (hào quang tròn) xuất hiện sắc thân, chấp tay lại ngồi trên mỏm núi đá, trong "**Phẩm Phổ Môn**" có một đoạn Kinh văn nói:

Sáng thanh tịnh không như
Mặt Trời tuệ trừ ám
Hay trừ nạn gió lửa
Soi sáng khắp thế gian

Trong quyển 1 "**Phật Tượng Đồ Hối**" cũng có vẽ hình tượng, trên lưng có ánh sáng lửa rực, ngồi ngay ngắn trên tảng đá.

5_ **Du hí Quán Âm:** Tôn này dùng vui chơi tự tại, không trì trệ, không trở ngại cho nên gọi như vậy. Ngồi cõi trên mây ngũ sắc, tay trái để ở bên cạnh rốn, Tác Tướng Du hí Pháp Giới Tự Tại Vô Ngại (Tác tướng vui chơi tự tại trong pháp giới không có sự trở ngại)

Có người cho rằng một đoạn câu văn trong "**Phẩm Phổ Môn**"

Hoặc bị kẻ ác rượt
Rớt xuống núi Kim Cang
Do sức niệm Quán Âm
Chẳng mất một mảy lông

Là tượng trưng cho chúng sinh bị tai nạn rớt xuống núi được sự cứu giúp của Bồ Tát.

6_ **Bạch Y Quán Âm:** Mặc áo mỏng màu trắng, ngồi ở đám cỏ mềm mại trên tảng đá, tay kết Định Ấn, ngồi kiết già. Hình tượng này hoặc cho rằng là thân Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni trong 33 thân của Quán Âm.

7_ **Ngọa Liên Quán Âm:** Ngồi ở trong ao trên tòa Hoa Sen, làm tư thế chấp tay lại.

Hoặc cho rằng là thân Tiểu Vương trong 33 thân của Quán Âm, ví như thân tôn quý của Tiểu Vương nằm ngồi trên Hoa Sen.

8_ **Lung Kiến Quán Âm**: Lại tên là Phi Bộc Quán Âm, tư thế dựa vào vách núi gãy quán thác nước đổ.

Hoặc cho rằng là tượng trưng cho ý nghĩa một đoạn văn trong “**Phẩm Phổ Môn**” Nếu có chúng sinh nào bị xô vào hầm lửa lớn. Như hay xưng niệm tên Quán Âm Bồ Tát liền ứng theo âm thanh đó mà cứu, khiến cho thành lửa biến thành ao.

9_ **Thí Dược Bồ Tát**: Ngồi cạnh bờ ao, chăm chú nhìn Hoa Sen, tay phải chống má tựa trên đầu gối, hoặc có người cho rằng là tượng trưng cho câu văn trong “**Phẩm Phổ Môn**”

Hoặc ở ngọn Tu Di
Bị người xô té xuống
Do sức niệm Quán Âm
Như mặt Trời trên không.

10_ **Ngư Lam Quán Âm**: Chuyên môn bài trừ chướng ngại của La Sát, Rồng độc, Quỷ ác.... Hình tượng ấy cỡi con Cá lớn, hoặc là tay xách cái giỏ có con Cá lớn. Căn cứ theo lưu truyền tức là con gái của Bàn Uẩn Đại Sĩ.

Hoặc cho rằng là tượng trưng cho câu văn trong “**Phẩm Phổ Môn**”

Hoặc gặp La Sát dữ
Rồng độc, các loài Quỷ
Do niệm sức Quán Âm
Chúng đều không dám hại

Hệ này bắt nguồn từ triều đại nhà Đường của Trung Quốc được sự tín ngưỡng của dân gian, hiện nay thịnh hành ở Nhật Bản.

Hoặc gọi Ngư Lam Quán Âm chính là Mã Lang Phụ Quán Âm, lại có tượng gọi là Ngư Lam Quán Âm. Chính triều đại nhà Đường người ta lầm dùng Tượng Nữ Linh Chiếu Trì Lam của Long Uẩn Cư Sĩ, truyền sai mà đến.

11_ **Đức Vương Quán Âm**: Ngồi trên tảng đá, tay trái để ở trên, tay phải cầm lá xanh hoặc một cành Dương Liễu.

Hoặc cho rằng là một trong 33 thân, tức là thân Phạm Vương, trong “**Phẩm Phổ Môn**” nói rằng: “cần phải dùng thân Phạm Vương để hóa độ thì liền hiện thân Phạm Vương mà giảng pháp”. Đại khái nói Phạm Vương chính là chủ của sắc giới, Đức ấy thù thắng cho nên gọi là Đức Vương.

12_ **Thủy Nguyệt Quán Âm**: Đứng trên một cánh Sen tựa như chiếc thuyền dưới ánh trăng, nổi trên biển quán tưởng mặt trăng trong nước yên tĩnh.

Hoặc cho rằng là thân Bích Chi Phật trong 33 thân (có thể đọc thêm Thủy Nguyệt Quán Âm và Thủy Cát Tường Bồ Tát trong quyển sách này).

13_ **Nhất Diệp Quán Âm**: Cỡi một cánh Sen, nhớn như trôi nổi trên mặt nước, lại gọi là Liên Diệp Quán Âm, Nam Minh Quán Âm. Bởi vì Quán Âm Đại Sĩ cỡi một cánh Sen nổi trên mặt nước cho nên có tên này.

Tương truyền có một Tăng nhân người Nhật tên là Đạo Nguyên trên đường trở về Nhật Bản gặp phải gió lớn đành phải tránh vào núi Nam Minh, lúc ấy Đạo Nguyên ở trên thuyền khấn thầm bỗng nhiên thấy Đại Bi Tôn cỡi một cánh Sen nổi

trên biển thời sóng gió liền lặng. Lên bờ rồi, Sư tự khắc tượng Quán Âm đã nhìn thấy an trí phụng thờ trong chùa Nam Minh Quán Âm. Từ đây cho nên có hiệu là “**Nam Minh Quán Âm**”.

Hoặc cho rằng là thân Tể Quan trong 33 thân, hoặc tượng trưng trong “**Phẩm Phổ Môn**” nói rằng: “Nếu có người bị nước lớn cuốn trôi, hễ xưng danh hiệu Ngài thì sẽ gặp được chỗ cạn.

Y theo trong “**Phật Tượng Đồ Hối**” đã vẽ thì hình Tượng Tôn này ngồi trên cánh Sen, gối trái co đứng, tay trái để trên đầu gối, tay phải rũ xuống chống đỡ thân ấy, trông nhìn xa trên mặt nước, tác tướng suy tư sâu xa.

14_ **Thanh Cảnh Quán Âm**: Thanh Cảnh Quán Âm ngồi trên sườn dốc gãy, gối phải dựng đứng, tay phải để trên đầu gối, tay trái vịn vách núi.

Hoặc cho rằng là thân Phật trong 33 thân (thấy rõ Thanh Cảnh Quán Âm trong quyển sách này).

15_ **Uy Đức Quán Âm**: Tay phải trạm đất, tay trái cầm Hoa Sen, tư thế đứng ở trên mỏm núi quán nhìn nước.

Hoặc cho rằng là thân Thiên Đại Tướng Quân trong 33 thân, dùng Thiên Đại Tướng Quân có đầy đủ cả uy đức, cho nên có tên là Uy Đức Quán Âm. Quán Âm là đủ cả Uy của triết phục (bẻ gãy) và Đức của nhiếp lấy sự ái hộ (yêu thương giúp đỡ).

16_ **Diên Mạng Quán Âm**: Tựa vào mỏm núi bên cạnh nước, nhớn như mà thưởng thức cảnh vật trên mặt nước; hoặc cho rằng là tượng trưng cho hình tượng của một đoạn câu văn trong “**Phẩm Phổ Môn**”

Như thuốc độc yếm đối
Muốn hại đến mạng thân
Do sức niệm Quán Âm
Người gây bị hại ngược

Quán Âm này dùng nhóm khí vật hay trừ các độc hại thọ mạng, mà được sống lâu, cho nên tên là Diên Mạng Quán Âm. Hình tượng là trên đỉnh đầu đội mào báu lớn, Tướng tốt Từ Bi nhu hòa. Hào quang tròn trứ khắp vành trăng trong Hoa Sen, thân đeo anh lạc, vòng hoa màu nhiệm và áo Trời để trang nghiêm, 20 cánh tay là đặc sắc ấy để tiếp dẫn cứu giúp chúng sinh.

17_ **Chúng Bảo Quán Âm**: Tay phải chạm đất, chân phải duỗi thẳng, tay trái để ở trên đầu gối, hiện tướng an ổn.

Hoặc có người cho rằng là thân Trưởng Giả trong 3 thân.

Hoặc có người cho rằng trong “**Phẩm Phổ Môn**” có nói rằng: “Nếu có trăm ngàn vạn ức chúng sinh vì cầu vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, san hô các thứ trân châu báu vật vào trong biển lớn. Giả sử chiếc thuyền ấy bị gió lớn thổi tấp vào nước Quỷ La Sát, nếu trong đó có một người xưng tụng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì các người kia đều được giải thoát nạn Quỷ La Sát” chính là do đây.

18_ **Nham Hộ Quán Âm**: Ngồi ngay ngắn trong hang động nham thạch, tự tại thưởng thức mặt nước.

Hoặc cho rằng là tượng trưng cho hình tượng một đoạn văn trong “**Phẩm Phổ Môn**”

Rắn độc với bò cạp
Hơi độc, khói, lửa đốt
Do sức niệm Quán Âm
Chúng theo tiếng bỏ đi

Bởi vì rắn độc, bò cạp và các loại trùng độc khác phần nhiều trú ở trong hang động. Cho nên truyền thuyết nói Quán Âm ngồi ngay ngắn nguy hiểm trong hang động để cứu giúp chúng sinh. Nếu do sức niệm Quán Âm này thời có thể tiêu tan độc khí ấy, cho nên vẽ tượng Quán Âm này đại đa số chọn tư thế ngồi ngay ngắn trong hang động.

19_ **Năng Tĩnh Quán Âm**: Đứng lặng hồi lâu trên mỏm núi bên cạnh biển, tác tướng yên tịnh, hoặc có người cho rằng là tượng trưng cho hình tượng trong “**Phẩm Phổ Môn**” giả sử chiếc thuyền bị gió lớn thổi tấp vào nước Quỷ La Sát, nếu trong đó có một người xưng tụng danh hiệu Quán Âm Bồ Tát thì các người kia đều được giải thoát nạn Quỷ La Sát”.

20_ **A Nậu Quán Âm**: A Nậu tức là A Nậu Đạt Trì, lại gọi là A Nậu Đại Tuyền, dịch là Vô Nhiệt Trì (ao không có nóng). Hình Bồ Tát này là ngồi trên tảng đá gối trái dựng thẳng bắt chéo nhau, hai tay giao nhau, ngắm nhìn xa xa trên mặt biển.

Có người cho rằng là tượng trưng cho hình tượng trong “**Phẩm Phổ Môn**”. Nếu có người ở trên biển gặp phải Rồng, Cá, các Quỷ, nạn lớn thời do sức niệm Quán Âm này thời có thể miễn trừ hiểm họa của sóng gió.

21_ **A Ma Đề Quán Âm**: Tức là Vô Úy Quán Âm. Hình tượng ấy có màu thịt trắng, có 3 con mắt và 4 cánh tay, cỡi con Sư Tử trắng, toàn thân tràn đầy lửa rực, mặc áo Trời, anh lạc...đại biểu cho việc trang nghiêm; diện mạo từ bi, trạng thái chuyên tâm chăm chú nhìn về bên trái.

Nhưng tư thế hiển bày trong 33 Quán Âm này là ngồi trên tảng đá gối trái dựng thẳng bắt chéo nhau, hai tay để trên đầu gối.

Có người cho rằng là thân Tỳ Sa Môn trong 33 thân.

22_ **Diệp Y Quán Âm**: Ngồi ở đám cỏ trên tảng đá, có người cho rằng là thân Đế Thích trong 33 thân.

23_ **Lưu Ly Quán Âm**: Biệt danh là Cao Vương Quán Âm. Cỡi một cánh Sen nổi nhẹ trên mặt nước, hai tay nâng cái bình Lưu Ly.

Có người cho rằng là thân Tự Tại Thiên trong 33 thân.

24_ **Đa La Tôn Quán Âm**: Lại gọi là Cứu Độ Mẫu Quán Âm, tư thế toàn thân đứng thẳng cỡi trên mây.

Có người cho rằng là tượng trưng cho một đoạn văn trong “**Phẩm Phổ Môn**”

Hoặc bị oán tặc vây
Cầm đao kiếm hãm hại
Do sức niệm Quán Âm

Chúng đều sinh lòng lành

25_ **Cáp Lợi Quán Âm**: Bồ Tát ngồi trong con sò cho nên gọi như vậy, chính việc tín ngưỡng này bắt nguồn từ Triều Đại nhà Đường trở về sau, trong Phi Kinh Tập đã ghi chép.

Căn cứ trong quyển 42 “**Phật Tổ Thống Ký**” đời Đường Văn Tông năm Khai Thành Nguyên ghi chép rất mạch lạc. Đường Văn Tông ăn con sò, dùng tay tách mà không mở, thế là đốt hương khẩn cầu, bỗng nhiên con sò biến hiện thành hình tượng Bồ Tát, Hoàng Đế liền viết chiếu thư cho Chung Nam Sơn Duy Chính Thiên Sư hỏi nguyên nhân việc này. Sau đó liền chiếu cáo chùa chiền trong thiên hạ lập tượng Quán Âm. Đây là nguồn gốc và sự tín ngưỡng của Cáp Lợi Quán Âm. Phổ biến vì ngư dân rất sùng bái và tín ngưỡng.

Trong quyển 2 “**Phật Tượng Đồ Hối**” cho rằng là thân Bồ Tát trong 33 thân.

26_ **Lục Thời Quán Âm**: Lấy ý Đại Bi thâm sâu, ngày đêm sáu thời thường thương xót hộ niệm chúng sinh, cho nên gọi là Lục Thời Quán Âm.

Trong phần 2 “**Đại Đường Tây Vực Ký**” nói: Từ phía trước Bắc Ấn Độ “hợp sáu thời là một ngày một đêm”, từ sáng đến tối một ngày lại chia ra làm sáu thời, mà một năm còn chia làm “Thời nóng vừa, thời nóng dữ, thời mùa mưa, thời cây cỏ mọc um tùm, thời ít lạnh, thời lạnh dữ” nhân đây một năm cũng gọi là sáu thời, cho nên “**Lục Thời Quán Âm**” cũng giải thích là “**Thường Thị Chúng Sinh Quán Âm**”.

Hình tượng thông hành ở thế gian là cầm cái Phạn Khiếp, Phạn Khiếp này là sáu chữ chương cú Đà La Ni, tụng Đà La Ni này thì được thoát khỏi quả khổ của sáu nẻo, được sáu diệu môn, chứng sáu căn tương ứng.

Có người cho rằng là thân Cư Sĩ trong 33 thân.

27_ **Phổ Bi Quán Âm**: Tay cầm Pháp Y rũ xuống phía trước, đứng ở trên núi cao to chính là Từ Bi của Quán Âm thương xót phổ cập tất cả chúng sinh, Từ Bi ấy rộng khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

Có người cho rằng là thân Đại Tự Tại Thiên trong 33 thân. Đại Tự Tại Thiên chính là vị thần tối cao của ba cõi, dùng uy đức thù thắng ấy chiếu khắp tất cả, mà phối hợp với Từ Bi phổ biến bình đẳng của Quán Âm cho nên gọi là Phổ Bi Quán Âm.

28_ **Mã Lang Phụ Quán Âm**: Tương truyền vào Triều Đại nhà Đường, Bồ Tát hóa thân làm một cô gái rất xinh đẹp vì đại chúng phát tâm siêng năng học Phật, bèn dùng hình thức người nào tụng Kinh nhiều sẽ gã làm vợ, sau đó y theo lời ước hẹn gã cho một thanh niên họ Mã, cho nên mới có tên như vậy.

Có người cho rằng là thân phụ nữ trong 33 thân.

Hoặc có hình tượng Mã Lang Phụ Quán Âm là tay phải cầm quyển Kinh Pháp Hoa, tay trái cầm cái đầu lâu có hình người nữ.

29_ **Hợp Chưởng Quán Âm**: Đứng trên đài Hoa Sen, làm tư thế chấp tay lại, dùng hai bàn tay chấp lại ở giữa rỗng cho nên gọi như vậy.

Hoặc cho rằng là thân Bà La Môn trong 33 thân.

30_ **Nhất Như Quán Âm**: Ngồi trên tòa Hoa Sen ở trên mây, dựng đứng gối trái làm tư thế giảng phục lợi điện.

Hoặc cho rằng là tượng trưng cho hình tượng một đoạn văn trong “**Phẩm Phổ Môn**”

Mây sấm nổ, sét đánh
Tuôn mưa đá, mưa lớn
Do sức niệm Quán Âm
Nên liền tiêu tan cả

31_ **Bất Nhị Quán Âm**: Tượng ấy là hai tay bắt chéo nhau, cỡi một chiếc lá sen nổi trên mặt nước.

Hoặc cho rằng là thân Chấp Kim Cang Thần trong 33 thân, Chấp Kim Cang Thần này là vị Thần thủ hộ của Đức Phật, Thân Hệ Tích này vốn là Hệ Bản Tích nghĩa là Không hai nên gọi là Bất Nhị Quán Âm.

32_ **Trì Liên Quán Âm**: Ngồi cỡi trên chiếc lá Sen, hai tay cầm cọng Sen.

Hoặc cho rằng là thân Đồng Nam, Đồng Nữ trong 33 thân.

33_ **Sái Thủy Quán Âm**: Tay phải cầm Sái Trượng hoặc cành Dương Liễu, tay trái cầm cái bình để tưới nước, tác tướng tưới nước Cam Lộ.

Hoặc cho rằng là tượng trưng cho câu văn trong “**Phẩm Phổ Môn**”. Nếu có người bị nước lớn cuốn trôi, hễ xưng niệm danh hiệu Ngài liền gặp chỗ cạn.

Hoặc có một thuyết tượng trưng là:

Lòng Bi như sấm chớp
Ý lành diệu tựa mây
Tuôn mưa nước Cam Lộ
Dứt trừ lửa phiền não

Sái Thủy là một loại nước thơm dùng để tưới rảy, niệm tụng ấn từ, gia trì pháp tu tịnh hóa, dựa vào ý nghĩa của “Dùng tính sạch sẽ của hương thơm giới luật hòa hợp với tính sạch sẽ của nước Từ Bi tưới khắp tính sạch sẽ tâm địa pháp giới của chúng sinh” để thị hiện nước tưới rảy. Hiện tại Mật Giáo vẫn hành Pháp này. Như vậy dùng nước tưới rảy để khai phát tất cả Phật tánh của chúng sinh, chính Sái Thủy này là thệ nguyện của Quán Âm.

Ở trên lược nói 33 Quán Âm, trong đó Bạch Y, Thanh Cảnh, A Nậu, A Ma Đề, Đa La Tôn.... Chẳng phải là Quán Âm biến hóa của Ấn Độ, ước chừng là từ Triều Đại nhà Đường của Trung Quốc trở về sau, dân gian mới nổi lên sự tín ngưỡng.

Những hình tượng Quán Âm này ở một số sách trong thư tịch cách nói cũng không thống nhất, mà cùng với 33 hóa thân trong “**Phẩm Phổ Môn**” hoặc phối hợp với Kinh văn cũng chỉ là một cách nói trong đó mà thôi. Ngoài 33 thể Quán Âm trong “**Phật Tượng Đồ Hối**” ra, còn có “**Tống Tử Quán Âm**” rất là có tiếng.

Truyền thuyết về sự hóa hiện 33 Thể Quán âm

LIÊN NGỌA QUÁN ÂM

Tương truyền thời quá khứ ở địa phương Kim Lăng của Trung Quốc có một người lái buôn thành tâm tin Phật, tích đức làm lành nhưng ông đã gần 60 tuổi lại chẳng có con cái, cho nên thường lấy làm thất vọng. Có một đêm, bỗng nhiên ông nằm mơ thấy một giấc mơ lạ, trong mơ ông thấy một vị Tôn Giả mặc áo trắng gọi ông sáng sớm đến cửa sông đợi. Khi đến sẽ thấy một Tôn Tượng Đa Bảo Quán Âm, từ con sông phía bắc chảy qua nơi đây, ông phải vớt tượng này đem lên và đưa đến núi Thanh Lương chùa Kê Minh trùng tu cúng dường, ắt được công đức vô lượng.

Người lái buôn liền hướng về Tôn Giả mặc áo trắng cầu xin có được một đứa con, thế là Tôn Giả mặc áo trắng liền lấy từ trong ngực ra một quân cờ trắng giao cho ông. Sau khi ông nhận xong liền giặt mình tỉnh giấc.

Đến ngày hôm sau, người lái buôn liền đi đến cửa sông đợi, quả nhiên vớt được một Tôn Tượng Đa Bảo Quán Âm liền đem Tượng này đưa vào trong chùa Kê Minh, lại bỏ tiền ra đem tảng đá có hình hoa văn lá sen điêu khắc thành tòa Sen và đắp lại kim thân, thế là Pháp Tượng Tôn đó được bỏ bớt chỗ tổn thương, không thể đứng thẳng được chỉ thích hợp nằm nghiêng ở trên tòa Sen (Thành dạng Phật nằm) thế là người đời gọi Tôn Quán Âm này là Liên Ngọa Quán Âm.

Người lái buôn biết được trong giấc mơ của ông đó là Quán Thế Âm Bồ Tát, thế là liền mời thợ vẽ, mô tả phác họa người áo trắng thấy trong giấc mơ, trong lòng lại thêm vào một đứa trẻ gọi là Bạch Y Quán Âm cung phụng ở trong nhà. Quả thật chẳng bao lâu về sau ông liền sinh được một đứa con trắng trẻo bụ bẫm dễ thương. Từ đó về sau, vùng giang nam hể người nào không có con đều hướng về Bạch Y Quán Âm khẩn cầu, lạy cầu có được đứa con, phong tục này lưu truyền lại, liền có Pháp Tượng của Bạch Y Quán âm hoặc Tống Tử Quán Âm.

THÍ DƯỢC QUÁN ÂM

Hình tượng Tôn này, ngồi ở trên mỏm núi đá bên cạnh ao nước, mắt chăm chú nhìn Hoa Sen.

Thí Dược Quán Âm ở dân gian còn có một hình tượng khác là tư thế tay cầm dược liệu. Căn cứ vào sự lưu truyền, ở Trung Quốc có một khu vực, cứ mỗi một năm lưu hành bệnh ôn dịch, các thầy thuốc trong làng đều bó tay không có kế sách, lúc này xuất hiện một vị lão bà bán thuốc, gánh thảo dược vào trong phố xá kêu bán, mọi người vừa bắt đầu nhìn thấy người lạ này từ bên ngoài đến, đều chẳng dám thử thuốc của bà, sau đó có một số người nghèo khổ nghe nói bà đồng ý xem bệnh miễn phí cho người nghèo lại còn cho thuốc, thế là từ từ có người tìm đến cầu xin chữa trị, quả nhiên uống thuốc vào là bệnh khỏi ngay.

Sau khi tin tức này lan truyền ra, dân làng đều đến tìm kiếm bà lão để xem bệnh, tình hình dịch bệnh của toàn làng từ từ đều được trừ khỏi, lúc này bà lão mới hóa thân thị hiện tướng quý báu của Quán Thế Âm Bồ Tát cho Ưu Đàm Thiên Sư của chùa Trí Lâm nơi đó xem và đem loại thảo dược chuyên trị về bệnh dịch này truyền dạy cho ông và bảo ông thảo dược này tên là “Hoắc Hương”. Nhân đây gọi Bồ Tát này là Thí Dược Quán Âm.

MÃ LANG PHỤ QUÁN ÂM

Hình tượng Tôn này là tay cầm giỏ cá, hoặc cỡi con cá lớn, nguồn gốc là do sự tín ngưỡng của dân gian vào triều đại nhà Đường của nước ta (Trung Quốc), hiện nay ở Nhật Bản rất thịnh hành.

Tương truyền, vào đời Đường Hiến Tông, ở vùng đất Thiểm Tây cư dân phần nhiều sống bằng nghề bắt cá để sinh nhai tạo nghiệp sát sinh rất là nặng. Có một ngày ở làng Tử Lý xuất hiện một cô gái rất trẻ, mỗi ngày cô gái mang giỏ đồ cả hai chân, tay xách giỏ cá đến làng Tử Lý để mua cá. Bởi vì cô gái này đến tuổi trưởng thành mười phần rất là xinh đẹp nên có rất nhiều trai tráng trong làng đều đem lòng yêu thương, nhao nháo hưởng về cô gái để cầu hôn. Nhưng người đến cầu hôn tổng cộng có trên 20 người, cô gái này liền nói với họ rằng: “Tôi chỉ có một người không thể nào hứa gả cho tất cả các anh ở đây được, chẳng qua hiện tại tôi có một biện pháp, có thể trở thành tiêu chuẩn để lựa chọn, đó là tôi sẽ đem lời Đức Phật dạy trong “**Kinh Pháp Hoa. Phẩm Phổ Môn**” dạy truyền miệng cho các anh, hễ trong một ngày ai có thể đọc thuộc lòng tôi sẽ gả làm vợ cho anh ta.

Kết quả trong ngày hôm đó, có một nửa trai tráng đem “**Phẩm Phổ Môn**” học thuộc lòng. Thế là cô gái lại bày ra một điều kiện khác rằng: “Chỉ cần có người có thể nội trong một ngày, học thuộc “**Kinh Kim Cang**” của tôi rồi dạy truyền miệng lại cho các anh, thì tôi sẽ lấy anh ta”. Kết quả sau một ngày vẫn có 4 người học thuộc lòng “**Kinh Kim Cang**”.

Cuối cùng cô gái nói: “Hiện tại tôi lại vì 4 người các anh dạy truyền miệng “**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa**”, giả như có người nào có thể nội trong 3 ngày đem bộ Kinh điển này học thuộc lòng, thì tôi sẽ lấy anh ta”.

Cuối cùng chỉ còn lại một người bán cá họ Mã tên Lang, mọi người đều gọi anh ta là Mã Lang, học thuộc “**Kinh Pháp Hoa**”, thế là cô gái cũng tuân thủ chấp thuận lời hứa, mời anh ta đi về chuẩn bị lễ cưới; không ngờ ngay ngày thành hôn ấy, cô gái đột nhiên chết đi và thi thể lập tức thối rữa, Mã Lang đành phải nhanh chóng lo liệu việc tang lễ đem thi thể đi chôn cất và thề rằng suốt đời không lấy vợ.

Sau đó, mỗi ngày Mã Lang đều tụng niệm ba bộ Kinh mà cô gái đã dạy cho ông, vài tháng sau có một vị lão Hòa Thượng đến làng Tử Lý cùng Mã Lang đàm luận về Phật Pháp và đề cập đến việc Mã Lang lấy vợ, Mã Lang mỗi một đều nói cho biết, Hòa Thượng liền nói với ông rằng: “Anh có biết cô gái xinh đẹp mua cá đó là ai không?” nói chung cô ta không phải là người phạm tục mà là Quán Thế Âm Bồ Tát hóa hiện ra chỉ để cảm hóa các anh. Nếu như anh không tin có thể cùng

tôi đến nghĩa địa cạy nắp quan tài ra để xem”. Thế là Hòa Thượng liền dẫn Mã Lang và dân làng đến cạy nắp quan tài của cô gái nhưng lại chẳng thấy thi thể, mọi người áp sát đến xem cùng nhau kinh ngạc nói không thành lời, quay đầu lại nhìn thì cũng chẳng thấy lão Hòa Thượng, lúc này Mã Lang mới giật mình tỉnh ngộ, cô gái lúc đầu mua cá và lão Hòa Thượng đều là Quán Thế Âm Bồ Tát hóa hiện ra để độ hóa dân làng.

Sau này Mã Lang liền đem nơi ở của mình xây cất thành am Quán Âm và đem dung mạo của Quán Thế Âm Bồ Tát hóa hiện tay sách giỏ cá, hai chân mang giày đỏ đắp thành Pháp Tượng để cúng dường.

NHẤT DIỆP QUÁN ÂM

Nhất Diệp Quán Âm, lại gọi là Liên Diệp Quán Âm, hoặc Nam Minh Quán Âm. Bởi vì Quán Âm Đại Sĩ cỡi một chiếc lá nổi trên mặt nước cho nên có tên này. Hồi đó có một Tăng nhân người Nhật tên là Đạo Nguyên đến Trung Quốc du học, sau khi học thành tài xong trên đường trở về Nhật Bản, ở gần núi Nam Minh bỗng nhiên gặp phải mưa gió lớn, thế là Ngài liền thành kính tụng trì Thánh hiệu của Quán Âm Bồ Tát, cầu xin Quán Tự Tại Bồ Tát bảo hộ, trong khoảng khắc bỗng nhiên nhìn thấy Quán Tự Tại Bồ Tát ngồi cỡi trên một chiếc lá Sen nổi trên biển thời sóng gió liền lặng. Mọi người trên thuyền đều được bình an bảo toàn tính mạng. Lên bờ rồi, Pháp Sư liền tự khắc tượng Quán Âm đã nhìn thấy phụng thờ cúng dường trong chùa Nam Minh Quán Âm. Từ đây mà có hiệu gọi là Nam Minh Quán Âm và Liên Diệp Quán Âm.

LƯU LY QUÁN ÂM

Lưu Ly Quán Âm lại gọi là Cao Vương Quán Âm.

Nguyên nhân lưu truyền Cao Vương Quán Âm ở thế gian. Căn cứ trong quyển 17 “**Pháp Uyển Châu Lâm**” ghi chép rằng: Giữa năm Thiên Bình đời Bắc Ngụy, ở Định Châu có một vị cư sĩ thành kính tin tưởng Phật giáo, tên là Tôn Kính Đức, ông đã từng cung kính đắp một Tôn tượng Quán Thế Âm ở nhà để cung phụng, sớm tối đều thành kính lễ bái. Sau đó, chẳng may bị tiểu nhân hãm hại mà phải vào tù bị phán tội chết. Ngay trước đêm bị hành hình, bỗng nhiên nằm mộng thấy một vị lão Hòa Thượng dạy ông tụng “**Kinh Quán Thế Âm**” và bảo ông phải tụng mãn 1000 biến, như vậy thì có thể được cứu khỏi tội chết. Sau khi tỉnh mộng, ông liền y theo chỉ thị của Hòa Thượng, một lòng tụng niệm, chẳng hề gián đoạn; cách ngày hôm sau, bị áp giải vào pháp trường ông vẫn một lòng chẳng loạn trì tụng, đến thời khắc xử chém vừa đủ tụng xong 1000 biến.

Lúc này vị quan chủ việc hành hình nâng đao bén nhọn hướng về cổ gáy của ông chặt, kỳ lạ thay, cổ gáy ông cứng chắc giống như kim cương, đao chặt chẳng vào, một mảy may da thịt cũng chẳng hề tổn thương, cây đao bị gãy thành ba đoạn, liên tục thay đổi ba cây đao đều như vậy.

Vị Quan chủ việc hành hình và dân chúng vây quanh xem nhìn thấy tình hình như vậy, kinh ngạc khác thường, cho rằng trong này ắt có nguyên nhân, mà Tôn Đức Kính cũng căn cứ vào thực tế để bày tỏ, Phán Quan liền đem việc này báo cáo với Thừa Tướng, Thừa Tướng lại đem việc này chuyển tấu lên Hoàng Thượng, Hoàng Thượng liền hạ lệnh đặc xá miễn tội chết của ông, và lệnh cho ông về nhà biên chép Kinh Quán Thế Âm đã niệm để lưu truyền thế gian làm lợi ích cho chúng sinh, kinh này tức là “**Kinh Cao Vương Quán Thế Âm**” lưu truyền hiện nay. Sau khi Tôn Kính Đức được thả, liền về nhà lễ bái Quán Thế Âm Bồ Tát, lại phát hiện trên cổ gáy của Thánh tượng Quán Thế Âm cúng bái trong nhà có ba vết sẹo bị Dao chặt, lúc này ông mới giật mình tỉnh ngộ, hóa ra là Bồ Tát hóa hiện để cứu độ ông.

CÁP LỢI QUÁN ÂM

Văn Tông Hoàng Đế của Triều Đại Nhà Đường thích ăn con sò, nhân đây yêu cầu ngư dân vùng duyên hải đông nam cống nạp con sò. Một số Quan lại địa phương tham ô thừa cơ hội này mưu đồ trục lợi, bức bách lão bá tánh khổ nói chẳng thành lời.

Có một ngày, nhà bếp trong cung vua lựa chọn một con sò rất lớn của ngư dân tiến cống để chuẩn bị bữa ăn, nhưng dùng hết sức vẫn chẳng thể nào tách ra được, đầu bếp cảm thấy rất kỳ lạ, liền đem con sò này trình lên trước mặt Hoàng Thượng và tấu rõ nguyên nhân. Sau khi Hoàng Đế tiếp nhận liền dùng ngón tay vuốt nhẹ nhàng xem thử, bỗng nhiên con sò tự động mở ra, mọi người thình lình phát hiện một tòa trong suốt óng ánh Quán Âm đứng ở trong đó và phóng ra ánh sáng như màu vàng rực rỡ. Văn Tông nhìn thấy mười phần kinh ngạc, liền lệnh cho người trong cung dùng cái hộp Đàn Hương trang sức bằng vàng đem Tượng Quán Âm cất giữ và triệu kiến cao tăng Duy Chính Thiền Sư đương thời đến thỉnh hỏi nhân duyên làm sao mà Bồ Tát thị hiện.

Thiền Sư nói với Hoàng Đế rằng: “Đó là Bồ Tát muốn mở lòng tin của Bệ Hạ dùng sự việc đó để yêu thương người mà thôi, Kinh Phật nói: Cần dùng thân Bồ Tát để hóa độ liền hiện thân Bồ Tát mà giảng pháp”.

Văn Tông nói với Thiền Sư rằng: “Tôi tuy nhìn thấy thân tướng của Bồ Tát, mà lại chưa nghe Bồ Tát giảng pháp”.

Thiền Sư nói: “Tôi chỉ hỏi Bệ Hạ tin hay không tin”.

Văn Tông nói: “Sự thật rõ ràng, sao tôi dám không tin?”.

Thiền Sư nói: “Đã như vậy, Bệ Hạ đã nghe Bồ Tát giảng Pháp rồi”.

Nhân đây Văn Tông đại ngộ, từ đây hạ chỉ ngư dân chấm dứt tiến cống con sò và tự thể không ăn con sò.

Ngoài ra, ở Triều đại nhà Tống, có một người tên là Du Đơn Tập, từng làm quan trong năm Tuyên Hòa. Có một lần, ông mang theo gia quyến chèo thuyền qua một con sông, lúc đó con sông này sản xuất nhiều con trai và con sò, người lái buôn vùng đó vì nghề nghiệp khách đến ăn uống, mỗi ngày đều bắt con trai và con

sò vừa mập vừa to, bán cho thuyền khách để làm đồ nhắm. Vị quan nhân này thấy vậy sinh lòng chẳng chịu đựng được, thế là thường mua con trai và con sò phóng sinh. Có một ngày ông lại nhìn thấy một thùng lớn con trai và con sò, thuyền khách mua đầy xung quanh, vị quan nhân này đi qua, chuẩn bị hai xâu tiền mua để phóng sinh, nhưng lại bị thuyền khách đem con trai và con sò bán đi rồi và đổ vào trong nồi lớn nấu, lúc này bỗng nhiên từ trong nồi phát ra âm thanh rất lớn, ánh sáng lửa rực vọt lên cao, mọi người đều vô cùng sợ hãi, chẳng biết nguyên nhân vì sao, một lúc sau mới có người cả gan đem nắp nồi mở ra xem, chỉ thấy có một con trai lớn mở ra, mặt bên trong có một Tôn tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, tướng màu nhiệm trang nghiêm, mà bên cạnh thân có hai gốc tre, lá tre ấy khô cành, đều là viên ngọc báu nhỏ màu nhiệm tô điểm thành. Người trên thuyền lúc này mới biết đó là Quán Thế Âm Bồ Tát hóa hiện để độ hóa mọi người, chẳng thể chẳng đối với ác nghiệp do miệng tham ăn sát sinh mà sinh lòng hối hận.

NGƯ LAM QUÁN ÂM

Truyền thuyết nói Ngư Lam Quán Âm tức là cô con gái Linh Chiếu của nhà thiền giả Bàn Cư Sĩ.

Linh Chiếu là một nữ thiền nhân sắc bén, tâm tư linh xảo nhạy bén, nhanh như tia chớp. Sau khi Bàn Cư Sĩ từ nơi ở của Thạch Đầu Thiền Sư trở về, liền giảng pháp cho vợ và cô con gái nghe, Linh Chiếu liền đốn ngộ huyền cơ bản nhiên.

Truyền thuyết nói Bàn Cư Sĩ ở giữa năm Trinh Nguyên (785-804 công nguyên) đời Đường Đức Tông, đem hết tài tiền của quý báu trong nhà đều đem xuống sông Tương Giang và bắt đầu năm Hiến Tông (806-820 công nguyên), mang theo vợ, con gái cùng với gia nhân đi về phương Bắc đến Tương Hán, tự mình cày bừa dưới chân núi Lộc Môn ở Tương Dương, làm nghề nông để sinh sống cho việc tu Thiền.

Có một ngày, Bàn Cư Sĩ sắp nhập diệt, liền nói với Linh Chiếu rằng: “Con đi ra ngoài xem vị trí của mặt trời, xem là giờ gì rồi”.

Linh Chiếu ra ngoài ngắm nhìn xong, lập tức về thưa với cha rằng: “Giữa giờ Ngọ rồi, lại có nhật thực, hôm nay không phải là ngày cha đi đâu!”

Bàn Cư Sĩ cảm giác được có điềm kỳ quái, không kìm nổi đích thân đi ra xem, nên ông nhìn thấy mặt trời sáng đẹp, không kìm nổi thì thầm, con nhỏ này làm sao hoa mắt thế.

Linh Chiếu thừa cơ hội này lập tức lên sàng tòa (tám đệm để ngồi thiền) của cha, ngồi chấp tay tự tại rồi tự hóa đi.

Do Bàn Cư Sĩ và con gái lúc còn sống cư trú ở ngôi nhà nhỏ phía tây bên ngoài tường thành, dùng Trúc Lộc Li chế tạo thành đồ vật đem đi bán để duy trì sinh kế, Trúc Lộc Li là một loại sản vật sinh sống trong nước, hình trạng giống như cái giỏ cá, hoặc ca ngời chính vì hình tượng cô gái Linh Chiếu làm Trúc Lộc Li để

tăng thêm thiên cơ ấy nhanh chóng, mà được coi là hóa hiện của Ngũ Lam Quán Âm.

Hình tượng khác của Quán Âm Bồ tát

Ngoài 33 thể Quán Âm, 32 thân ứng hóa vừa kể ở trước ra, trong Kinh điển khác nhau cũng có cách nói ứng hóa khác nhau.

8 QUÁN TỰ TẠI

Căn cứ trong “**Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Kinh**” nói, có tám Quán Tự Tại, các loại Quán Tự Tại Bồ Tát là:

1. Kim Cang
2. Dữ Nguyệt
3. Sở Châu
4. Câu Triệu
5. Trừ Cái
6. Bảo Kiếm
7. Bảo Ấn
8. Bất Thoái Chuyển Kim Luân

15 TÔN QUÁN ÂM

Căn cứ trong “**Chư Tôn Chân Ngôn Nghĩa Sao**” nói, thì có 15 Tôn Quán Âm, phân biệt các Tôn Quán Âm là:

- (1) Chính
- (2) Thiên Thủ
- (3) Mã Đầu
- (4) Thập Nhất Diện
- (5) Chuẩn Đề
- (6) Như Ý Luân
- (7) Bất Không Quyển Sách
- (8) Bạch Y
- (9) Diệp Y
- (10) Thủy Nguyệt
- (11) Dương Liễu
- (12) A Ma Tai
- (13) Đa La
- (14) Thanh Cảnh
- (15) Hương Vương

Như đây dần dần phát triển thành 33 ứng thân, 33 thể Quán Âm, 40 Quán Âm; trên diện tượng hình tượng lại tăng thêm cánh tay, để hiển thị sức uy thần biến

hóa của Quán Âm mà sản sinh ra 3 mặt 6 cánh tay, 9 mặt 18 cánh tay, 500 mặt 42 cánh tay.... Biểu hiện thần thông chẳng thể nghĩ bàn và thế lực cứu độ rộng lớn.

Trong “**Lăng Nghiêm Kinh**” nêu rõ có 1 đầu, 3 đầu, 5 đầu, 7 đầu, 9 đầu, 11 đầu, 1.000 đầu, 10.000 đầu, 84.000 đầu, nói rõ trí lực màu nhiệm của Quán Âm ở chỗ nghe thấy và ở chỗ dung hợp hài hòa không có trở ngại. Liên quan đến con số cánh tay cũng có 2 cánh tay, 4 cánh tay, 6 cánh tay, 8 cánh tay, 10 cánh tay, 20 cánh tay, 1.000 cánh tay, 10.000 cánh tay, cho đến 84.000 Mẫu Đà La (Mudra: tay ấn), hiển thị sức uy thần từ bi không trở ngại rộng lớn. Lại liên quan đến con mắt, từ 2 con mắt, 3 con mắt, 4 con mắt, 108 con mắt, 1.000 con mắt, 10.000 con mắt, cho đến 84.000 con mắt báu thanh tịnh, hiển thị cứu giúp sức uy thần từ bi của chúng sinh.

Trong “**A Sa Phộc Sao**” nói 28 hóa thân của Quán Thế Âm, trong “**Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Kinh**” nói 25 hóa thân và 40 Quán Âm.

28 QUÁN ÂM

Trong “**A Sa Phộc Sao**” nêu rõ có 28 Quán Âm, liệt kê như sau:

- (1) Thánh Quán Âm
- (2) Thiên Thủ Quán Âm
- (3) Mã Đầu Quán Âm
- (4) Thập Nhất Diện Quán Âm
- (5) Chuẩn Đề Quán Âm
- (6) Như Ý Luân Quán Âm
- (7) Bất Không Quyển Sách Quán Âm
- (8) Tỳ Câu Chi Quán Âm
- (9) Đa La Quán Âm
- (10) Bạch Y Quán Âm
- (11) Diệp Y Quán Âm
- (12) Phần Nộ Câu Quán Âm
- (13) Cát Tường Quán Âm
- (14) Phong Tài Quán Âm
- (15) Bất Không Câu Quán Âm
- (16) Đa La Quán Âm
- (17) Nhất Kế La Sát Quán Âm
- (18) Thanh Cảnh Quán Âm
- (19) Hương Vương Quán Âm
- (20) A Ma Tai Quán Âm
- (21) Liên Hoa Đỉnh Quán Âm
- (22) Đại Phạm Thiên Tướng Quán Âm
- (23) Bá Nộ Mục Khư Quán Âm
- (24) Ương Câu Xá Quán Âm

- (25) Diên Mạng Quán Âm
- (26) Dũng Kiện Quán Âm
- (27) Tứ Diện Đại Bi Quán Âm
- (28) Trừ Bát Nạn Thiên Quán Âm.

25 QUÁN ÂM

Trong “**Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Kinh**” lại nói có 25 Quán Âm, liệt kê như sau:

- (1) Đại Cổ Quán Âm
- (2) Dữ Trí Quán Âm
- (3) Thí Mãn Nguyên Quán Âm
- (4) Trừ Kích Quán Âm
- (5) Trừ Ngu Quán Âm
- (6) Tiến Đạo Quán Âm
- (7) Quán Chính Quán Âm
- (8) Thí Vô Úy Quán Âm
- (9) Thí Quang Quán Âm
- (10) Dữ Cam Lộ Quán
- (11) Kiến Thiên Quán Âm
- (12) Thí Diệu Quán Âm
- (13) Kiến Lạc Quán Âm
- (14) Giáng Ma Quán Âm
- (15) Tĩnh Lự Quán Âm
- (16) Tác Văn Quán Âm
- (17) Kiến Thiên Quán Âm
- (18) Mẫn Định Quán Âm
- (19) Điều Trực Quán Âm
- (20) Định Tuệ Quán Âm
- (21) Hộ Thánh Quán Âm
- (22) Thanh Tịnh Quán Âm
- (23) Chánh Pháp Quán Âm
- (24) Ly Dục Quán Âm
- (25) Bất Động Quán Âm.

40 QUÁN ÂM

Trong “**Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Kinh**” cũng nêu ra 40 Quán Âm. 40 Quán Âm này toàn bộ đều là 11 mặt 2 cánh tay, mỗi một tay cầm vật khác nhau, y theo cầu nguyện khác nhau nên ban cho cũng khác nhau được nêu rõ như sau:

CÁC TÔN QUÁN ÂM	VẬT CẦM
-----------------	---------

(1) Ma Ni Dĩ Nguyễn Quán Âm	Hai tay bên trái bên phải cầm viên ngọc Ma Ni
(2) Trì Sách Quán Âm	Tay trái cầm sợi dây, tay phải nắm quyền để ở giữa eo
(3) Bảo Bát Quán Âm	Hai tay bên trái bên phải để ở trên rốn cầm cái Bát báu
(4) Bảo Kiếm Quán Âm	Tay trái kết Địa Thủy Phong ấn khế, tay phải cầm cây Kiếm
(5) Kim Cang Quán âm	Tay trái nắm quyền để ở giữa eo, tay phải cầm cái Chày Tam Cổ
(6) Trì Chử Quán Âm	Tay trái nắm quyền để ở giữa eo
(7) Trừ Bố Quán Âm	Tay trái 5 ngón tay rũ xuống biểu lộ lòng bàn tay, tay phải 5 ngón tay nắm quyền, lòng bàn tay để ở trên vú
(8) Nhật Tinh Quán Âm	Tay trái cầm Nhật Tinh, tay phải nắm quyền ngửa lên trên
(9) Nguyệt Tinh Quán Âm	Tay trái cầm Nguyệt Tinh, tay phải duỗi năm ngón tay ma thân (xoá lên thân)
(10) Bảo Cung Quán Âm	Hai tay cầm cây Cung báu
(11) Tốc Trị Quán Âm	Tay trái cầm đuôi mũi tên, tay phải cầm đầu mũi tên.
(12) Dược Vương Quán Âm	Tay trái để ở trên vú hiện chưởng (hiện rõ lòng bàn tay), tay phải cầm cành Dương Liễu
(13) Phát Nạn Quán Âm	Tay trái cầm cây phát trần trắng, tay phải co cánh tay lòng bàn tay hướng ra ngoài
(14) Trì Bình Quán Âm	Tay trái để cái Hồ Bình ở dưới, tay phải cầm cái Hồ Bình
(15) Hiện Nộ Quán Âm	Tay trái hướng ra ngoài cầm cái hình Bàn Bài, tay phải kết quyền ấn
(16) Chấn Nạn Quán Âm	Tay trái nắm quyền để ở giữa eo, tay phải cầm cây Búa
(17) Trì Hoàn Quán Âm	Tay trái cầm cái vòng ngọc để ở ngực, tay phải lật úp cái vòng ngọc
(18) Phân Trà Lợi Quán Âm	Tay trái cầm Hoa Sen trắng, tay phải kết ấn Thuyết Pháp
(19) Kiến Phật Quán Âm	Tay trái để ở trên vú, hiện chưởng, tay phải cầm Hoa Sen xanh

(20) Kính Trí Quán Âm	Tay trái cầm cái Gương báu để ở ngực, tay phải kết Trí Quyền ấn
(21) Kiến Liên Quán Âm	Tay trái để ở ngực ngửa lên trên, tay phải cầm Tử Kim Liên (Hoa Sen tím)
(22) Kiến Ấn Quán Âm	Hai tay cầm cái Rương báu
(23) Tiên Vân Quán Âm	Hai tay cầm cái áo Trời (Thiên Y Đao)
(24) Thiên Định Quán Âm	Hai tay kết Pháp Giới Định ấn
(25) Thiên Hoa Quán Âm	Tay trái cầm Hoa Sen, tay phải co cánh tay lại
(26) Phá Tặc Quán Âm	Tay trái cầm (đẳng thân chi kích) cây Kích, tay phải mở ra để ở eo phải
(27) Niệm Châu Quán Âm	Tay trái để ở eo, tay phải cầm râu chuỗi
(28) Trì Loa quán Âm	Tay trái cầm con Ốc báu, tay phải kết Quyền ấn, co ngón áp út, hiện bày (chiêu thế)
(29) Phộc Quỷ Quán Âm	Tay trái để ở giữa eo, tay phải cầm cây Gậy đầu lâu (Xúc lâu trượng)
(30) Pháp Âm Quán Âm	Tay trái cầm cái lệnh Kim Cang, tay phải kết Quyền ấn để ở giữa eo
(31) Trí Ấn Quán Âm	Tay trái nắm quyền để ở eo, tay phải cầm cái ấn báu để ở ngực
(32) Câu Triệu Quán Âm	Tay trái cầm cái móc câu, tay phải nắm quyền để ở giữa eo
(33) Từ Trượng Quán Âm	Tay trái để trên rốn, tay phải cầm cây Tích Trượng
(34) Hiện Kính Quán Âm	Tay trái: trên lòng bàn tay an trí vị Hóa Phật, tay phải: ngón tay an trí tòa vị Hóa Phật
(35) Bất Ly Quán Âm	Hai tay để ở ngực, chấp tay lại
(36) Đại Thế Quán Âm	Tay trái hiện hình Cung Điện, tay phải co cánh tay lòng bàn tay hướng ra ngoài
(37) Bát Nhã Quán Âm	Tay trái hiện cái Phạn Khiếp, tay phải cầm quyển Kinh Bát Nhã Lý Thú
(38) Bất Chuyển Quán Âm	Tay trái hiện tướng chẳng lui chuyển, tay phải cầm cái Chày Kim Cang

(39) Quán Đỉnh Quán âm	Trên đỉnh an trí vị Hóa Phật
(40) Hộ Địa Quán Âm	Tay trái kết Thí Nguyện ấn khế, tay phải cầm chùm Bồ Đào

Trong các Kinh tạng, chúng ta đều có thể thấy được Quán Âm hóa hiện vô số hình tượng, đều là Quán Thế Âm Phổ Môn Thị Hiện tùy theo căn cơ ứng với nhân duyên để cứu giúp chúng sinh mà hóa hiện.

CHƯƠNG THỨ HAI CÁC TÔN QUÁN ÂM

THÁNH QUÁN ÂM

Thánh Quán Âm (Tên Phạn là: Avalokite'svara) dịch âm tiếng Phạn là: A Phộc Lô Chỉ Đa Thấp Phạt La. Lại gọi là **Chánh Quán Âm, Đại Thánh Quán Tự Tại, Đại Bi Thánh Giả, Đại Tinh Tiến Quán Thế Tự Tại**.... Nói chung là chỉ tự thân của Quán Tự Tại Bồ Tát, Mật Hiệu là **Chánh Pháp Kim Cang, Thanh Tịnh Kim Cang**; khi phối hợp với cứu độ sáu nẻo, đó là Chủ Tôn cứu độ chúng sinh ở nẻo Ngạ Quỷ.

Trong hai giới **Thai Tạng Giới** và **Kim Cang Giới**, Thánh Quán Âm được phân chia thuộc địa phương khác nhau: Trong **Thai Tạng Giới Mạn Trà La** được phân biệt là **Trung Đài Diệp Bát Viện, Liên Hoa Bộ Viện** (Quán Âm Viện), **Thích Ca Viện, Văn Thù Viện**.... đều có tên là **Quán Tự Tại Bồ Tát**. Trong **Kim Cang Giới** thì gọi là **Kim Cang Pháp Bồ Tát**. Các Ngài đều có đầy đủ các Hình Tượng, Ấn Tướng và Tam Muội Gia Hình của mình.

Hình Tượng của Thánh Quán Âm ở Quán Âm Viện (Liên Hoa Bộ Viện) là: Tay trái cầm Hoa Sen chưa hé nở, tay phải làm tư thế bóc mở Hoa Sen, đại biểu cho dùng công đức Đại Bi để giải trừ vô minh từ vô thủy của chúng sinh. Tay trái cầm Hoa Sen, đại biểu cho tất cả tự tánh thanh tịnh xưa nay của chúng sinh, nhưng Hoa Sen chưa nở, chính là đại biểu cho chúng sinh bị vô minh che lấp, điên đảo mê hoặc.

Các loại hình tượng của Thánh Quán Âm tương đối phổ biến, nói chung **Thánh Quán Âm** phần nhiều chỉ về Tôn **Quán Tự Tại Bồ Tát** ở **Quán Âm Viện**. Tam Muội Gia Hình là Hoa Sen mới cất, Ấn Tướng là Bát Diệp Ấn.

Ngoài **Quán Tự Tại Bồ Tát** ở phương Tây Nam trong **Trung Đài Bát Diệp Viện**, thì trên đỉnh đầu đội Mão Báu có Vô Lượng Thọ Như Lai, tay phải dựng quyền cầm Hoa Sen hé nở, hoa Sen hướng lên trên vai duỗi thẳng đến vùng đầu bên phải Bồ Tát, tay trái lòng bàn tay thẳng đứng hướng ra ngoài tác Thí Vô Úy Ấn. Tam Muội Gia Hình Tôn này là Hoa Sen hé nở hoặc Pháp Trụ Ấn, Ấn Tướng là Liên Hoa Hợp Chưởng.



QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

(TRUNG ĐÀI BÁT DIỆP VIỆN thuộc THAI TẶNG MẠN TRÀ LA)

Quán TỰ Tại Bồ Tát ở Thích Ca Viện là tay phải hướng vào trong cầm cây Phất trần trắng (hoặc cây Phất trần đỏ), tay trái chống eo. Quán TỰ Tại ở Văn Thù Viện thì tay phải lòng bàn tay ngửa để ở rốn, tay trái lòng bàn tay dựng chưởng co ngón trỏ, ngón giữa, cầm Hoa Sen nở. Tam Muội Gia Hình là cây Phất trần trắng hoặc Hoa Sen chưa hé nở, Ấn Tướng là Bát Diệp Liên Hoa Ấn.



THÁNH QUÁN ÂM trong THÍCH CA VIỆN



THÁNH QUÁN ÂM trong VĂN THÙ VIỆN

Nhưng trong **Kim Cang Giới**, gọi là **Kim Cang Pháp Bồ Tát**, cũng là tay trái cầm Hoa Sen, tay phải làm tư thế bóc mở Hoa so với Quán Âm Viện thì tương đồng.

Ngoài ra trong “**Giác Thiên Sao**” cũng dẫn dụng trong “**Thọ Ký Kinh**” kể lại rằng:” Vẽ Quán TỰ Bồ Tát, ngồi trên Hoa Sen, thân màu hồng nhạt, trang sức Anh Lạc, tóc đội Mão Báu Hóa Phật, bên trái có sợi dây Thần màu trắng, tay trái cầm

Hoa Sen, tay phải để trên đỉnh đầu, hiện bày tư thế Kính Lễ. Các loại Anh Lạc trang nghiêm trên thân, diện mạo mỉm cười, đó là hình thái Tượng ngồi.

Lại cũng trong sách đó có ghi chép Tượng cầm cây Gậy:” Quán Tự Tại Bồ Tát Đại Bi Thánh Giả, đến từ phương Đông, tay cầm cây Gậy, mặc y phục màu trắng, dùng báu Anh Lạc để trang nghiêm, dùng da hươu đen quấn quanh bắp tay phải, tóc đội Mão Báu”.

Lại có Tượng tay cầm cây Phất trần và Tràng Hạt : ”Dùng da Hổ làm quần, hiện hình phần nộ, cầm cây Phất trần và Tràng Hạt, tóc trên đỉnh đội Vô Lượng Thọ Phật, có đầy đủ 3 con mắt, mặc áo màu Hoa Sen, thương xót các Hữu Tình”.

Nhưng trong “**A Sa Phộc Sao**” thì kể rằng tay phải Quán Âm cầm cây Phất trần màu trắng, tay trái cầm Hoa Sen.

Ngoài những hình Tượng này ra còn có rất nhiều vật cầm, Ấn Tướng khác nhau, đại biểu cho phương tiện Đại Bi cứu giúp chúng sinh của Bồ Tát.



THÁNH QUÁN ÂM CỨU ĐỘ NGẠ QUỶ

Nhưng nói về Thánh Quán Âm ở đây cũng tương đương với Quán Thế Âm Bồ Tát của Phật Giáo Trung Quốc.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA THÁNH QUÁN ÂM TỰ TẠI BỒ TÁT

Chữ chửng tử: 𑖀 (SA) hoặc 𑖀𑖩 (HRÌH)

Chân Ngôn:

𑖀 (1) 𑖀𑖩𑖀𑖩 (2) 𑖀𑖩 (3)

(1) **Án** (2) **a lồ lực ca** (3) **toa ha**

(1) OM (2) ALOLIKA (?AROLIK) (3) SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) Vô Nhiễm Trước Giả (3) Thành Tự

ॐ: (1) नमो (2) तममदा (3) बोटदा नम (4) तत बा दत था न्घिेत्
दा (5) अ षोक् लो कत दा (6) येत् लो निन् (7) मत दा (8) ला ला ला (9) हों
(10) दो

(1) Nam ma (2) tam mạn đa (3) bốt đà nam (4) tát bà dạt tha nghiệ
t đa (5) a phộc lộ cát đa (6) yết lỗ ninh (7) mật da (8) la la la (9) hồng
(10) đô

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA (3) BUDDHĀNĀM (4) SARVA-
TATHĀGATA (5) AVALOKITA (6) KARUṆA (?KĀRUṆA) (7) MAYA
(8) RA-RA-RA (9) HUM (?HUM) (10) JAḤ

(1) Quy Mạng (2) Phổ Biến (3) Chư Phật (4) tất cả Như Lai (5) Quán
(6) Bi (7) Thế (8) ba bụi dơ (9) Giải Thoát (10) theo Duyên sinh Pháp

[Thế Tôn Đà La Ni](Đông Bắc Phương Quán Tự Tại Bồ Tát Ấn. Là một
trong tám Ấn Bí Mật)

ॐ: (1) नमो तममदा (2) बोटदा नम (3) श्रुत वल्लवक (4)
वल्लवक (5) [ND: dư câu 5] वर्य स्र (6) नमव (7) [ND: thiếu câu 7:
नमव] समय (8) सू (9)

(1) Nam ma (2) tam mạn đa bốt đà nam (3) bốt đà đà la ni (4) sa
một lật để mặt la đà na yết phộc (5) đà la đã tát tông (6) bạc già phộc để
(7) a ca la phộc để (8) tam ma duệ (9) toa ha

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA-BUDDHĀNĀM (3) BUDDHĀ-DHĀRĀNI
(4) SMṚTIVALA (?SMṚTI-BALA) DHANAKARI (5) DHARAYA-SATVAM
(6) BHAGAVATI (7) AKĀRAVATI (8) SAMAYE (9) SVĀHĀ

(1) Quy Mạng (2) Phổ Biến Chư Phật (3) Phật Tổng Trì (4) Niệm Lục
Tác Ích (5) gìn giữ Hữu Tình (6) Thế Tôn (7) đầy đủ Hình Tượng (8) Bản
Thệ (9) Thành Tự

THIÊN THỦ QUÁN ÂM

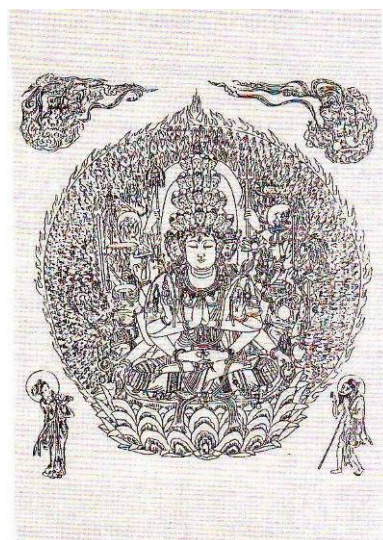
Thiên Thủ Quán Âm (Tên Phạn là: Avalokite'svara-sahasrabhuja-locana), là
chỉ Quán Âm Bồ Tát có đầy đủ ngàn tay, ngàn mắt với mỗi lòng bàn tay đều có
một con mắt. Lại gọi là: **Thiên Thủ Thánh Quán Tự Tại, Thiên Tý Quán Âm,
Thiên Quang Quán Tự Tại, Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại, Thiên Thủ
Thiên Nhân Quán Thế Âm, Thiên Nhân Thiên Tý Quán Thế Âm** hoặc gọi là
Thiên Nhân Thiên Thủ Thiên Túc Thiên Thiệt Thiên Tý Quán Tự Tại. Trong
sáu Quán Âm là vị Chủ quan trọng nhất để cứu độ tất cả chúng sinh trong nẻo địa
ngục.

Tôn này là Tôn Quả Đức trong Liên Hoa Bộ (hoặc gọi là Quán Âm Bộ, là một trong năm Bộ của Kim Cang Giới trong Mật Giáo, hoặc là một trong ba Bộ của Thai Tạng Giới), cho nên gọi là Liên Hoa Vương. Liên Hoa Bộ đều lấy Đại Bi làm Bản Thệ, nhưng Tôn này là Liên Hoa Vương, cho nên đặc biệt lấy Đại Bi Kim Cang làm mật hiệu. Vị trí được bày ở trong Hư Không Tạng Viện thuộc Thai Tạng Giới Mạn Trà La, biểu thị cho Đức của Liên Hoa Bộ.

Trong “**Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**” nói rằng: “Đại Bi Quán Tự Tại, có đủ trăm ngàn tay, mắt cũng đủ như thế, làm cha mẹ thế gian, hay cho chúng sinh nguyện”. Chữ “**Thiên**” trong này đại biểu cho Vô Lượng có nghĩa là Viên Mãn. “**Thiên Thủ**” đó cũng là tượng trưng cho phương tiện lợi tha (làm lợi ích cho người khác) Đại Bi rộng lớn vô lượng của Quán Âm này, “**Thiên Nhân**” tượng trưng cho lúc Ngài ứng vật hóa đạo (ứng với vật hóa hiện bày ra đường lối), quán sát căn cơ của Trí Tuệ Viên Mãn Vô Ngại.

Nghi Quỹ với Đồ Tượng của Tôn này, được khởi đầu vào thời nhà Đường, bắt đầu truyền đến Trung Quốc. Căn cứ theo lời tựa trong “**Thiên Nhân Thiên Tý Quán Thế Âm Bồ Tát Đà La Ni Thần Chú Kinh**” ghi chép: Vào thời nhà Đường – Trong niên hiệu Vũ Đức (618 – 626) có một vị Tăng Bà La Môn của nước Trung Thiên Trúc, tên là **Cù Đa Đề Bà** đem Bản Kinh có Hình Tượng, Kết Đàn, Thủ Ấn của Tôn này. Trong niên hiệu Trinh Quán (627 – 649) lại có vị Tăng của nước Bắc Thiên Trúc đem bản Phạn Văn của “**Thiên Tý Thiên Nhân Đà La Ni Kinh**” đến phụng tiến, sau đó do Ngài Trí Thông dịch thành Hán Văn. Từ đây có thể biết sự tín ngưỡng Tôn này đã được hình thành vào thế kỷ thứ 7 sau công nguyên.

Liên quan đến Nhân Duyên của Quán Thế Âm Bồ Tát có đầy đủ ngàn tay ngàn mắt, căn cứ vào “**Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” kể lại rằng: Trong quá khứ vô lượng ức kiếp có Đức **Thiên Quang Vương Tinh Trụ Như Lai** ra đời, bởi vì thương xót tất cả chúng sinh, cho nên tuyên nói Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni. Bấy giờ, **Quán Thế Âm Bồ Tát** một lần nghe qua chú này, liền từ hàng Sơ Địa vượt thẳng lên cảnh giới của Bồ Tát Bát Địa, tâm được vui vẻ, cho nên phát Thệ Nguyện rộng lớn, trên thân sinh ra ngàn tay ngàn mắt, để làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh, và lập tức trên tay có đầy đủ ngàn tay ngàn mắt.



THIÊN THỦ QUÁN ÂM CỨU ĐỘ NẸO ĐỊA NGỤC

Hình ảnh của Thiên Thủ Quán Âm, trong các Kinh Quý ghi chép cũng chẳng giống nhau.

1. Căn cứ trong quyển thượng “**Thiên Nhân Thiên Tý Quán Thế Âm Bồ Tát Đà La Ni Thân Chú Kinh**”, “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Mẫu Đà La Ni Thân Kinh**” nói rằng” Thân màu Đàn Kim, có một mặt và ngàn cánh tay. Ngoài ra trong “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Mẫu Đà La Ni Thân Kinh**” cũng nói: trong 1000 tay thì 18 cánh tay có Ấn Tướng cầm vật.

2. Y theo trong “**Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bí Mật Pháp Kinh**” nói rằng: Thân màu vàng rực rỡ, ngồi Bán Già trên Hoa Sen hồng, có 11 mặt và 40 tay. Trong 11 mặt, ở phía trước có 3 mặt là Tướng Bồ Tát, mặt chính có 3 con mắt, bên phải có 3 mặt là Tướng lộ răng nanh trắng hướng lên trên, bên trái có 3 mặt là Tướng giận dữ, phía sau có 1 mặt là Tướng Bạo Tiếu, trên đỉnh đầu có 1 mặt là Tướng Như Lai.



3. Y theo trong “**Nhiếp Vô Ngại Kinh**” nói, là thân màu vàng ròng, có 1000 cánh tay, 1000 con mắt và 500 mặt.

4. Y theo trong “**Thế Tôn Thánh Giả Thiên Nhân Thiên Thủ Thiên**

Túc Thiên Thiệt Thiên Tý Quán Tự Tại Bồ Đề Tát Đỏa Đất Phộc Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni” nói rằng: Là Tượng 1000 mắt, 1000 đầu, 1000 chân, 1000 lưỡi và 1000 cánh tay.

Trong **Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La** thì Tôn này có 27 mặt, 1000 cánh tay, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen Báu. Trong 1000 tay, có 40 tay (hoặc 42 tay) cầm các khí tượng, hoặc tác Ấn Tượng, các tay còn lại không cầm khí tượng.

Trong đó, “11 mặt” của Thiên Thủ Quán Âm đại biểu cho cảnh giới Bồ Tát đầy đủ 10 Địa 10 Ba La Mật, mà chứng được địa vị **Diệu Giác** của Địa thứ 11, và 11 mặt Quán Âm giống nhau. Ý nghĩa của “500 mặt” tức tương ứng với ngàn tay ngàn mắt.

TƯỢNG NỬA THÂN CỦA THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Còn như “27 mặt” trong Kinh Quý cũng chưa từng kể đến, hình như xuất xứ từ “**Bí Tạng Ký**”. Hoặc dùng 27 mặt biểu thị cho tế độ 25 loại Tôn Hữu chúng sinh, 25 mặt thêm mặt chính bên trên và Bản Sư A Di Đà Phật cộng lại là 27 mặt. Hoặc nói là trong 10 Ba La Mật, 6 độ đầu mỗi độ có 3 loại, 4 độ sau mỗi độ có 2 loại, hợp lại thành 26 mặt, lại thêm mặt chính hình thành 27 mặt.



Ngoài ra trong quyển 6 “**Chư Thuyết Bát Đồng Ký**” thì nói: “Toàn thân màu vàng có 7 mặt, mỗi mặt có 3 con mắt. Trên Đỉnh có Vị Hóa Phật (Sơn Đồ Đỉnh Thượng Hữu Hóa Phật), có 1000 tay, mỗi bàn tay có 1 con mắt, 42 tay ấy cầm giữ các loại khí giới. Tay phải cầm Hoa Sen Xanh, lần lượt 2 tay Hợp Chưởng, 2 tay Kết Định Ấn, bên phải: Tay thứ nhất cầm cái Bát, kế đến tay cầm chùm Bồ Đào, tay cầm cái Phạn Khiếp (cái rương chứa Kinh Phạn), tay cầm cái Chày Tam Cổ, tay cầm cái Ấn Báu, Tay cầm cây Tích Trượng, tay Kết Thí Nguyên Ấn, tay cầm Xâu Chuỗi, tay cầm cái Cổ Bình, tay cầm Mũi Tên, hai Mũi Tên (Sơn Đồ Nhị Tiễn), tay hóa Mây Ngũ Sắc, tay cầm cây Kiếm, tay cầm Hoa Sen Trắng, ngậm Hoa Sen Hồng (Sơn Đồ Hàm Hồng Liên), tay cầm cây Gậy Đầu Lâu, tay cầm cái Gương, tay cầm Nguyệt Tinh Ma Ni, tay cầm cây Thiết Câu, tay hiện Vị Hóa Phật. Bên trái: Tay cầm Hoa Sen Hồng, Hoa Sen Trắng (Sơn Đồ Bạch Liên), lần lượt tay cầm cái Rương Chứa Kinh (Kinh Khiếp), tay cầm Viên Ngọc Báu, tay cầm cái Loa, tay cầm cái Chày Độc Cổ, tay cầm cái Chuông, tay đeo Vòng Xuyên, tay cầm Sợi Dây, tay cầm cái Táo Bình, tay cầm Cây Cung, tay cầm cái Bàn Bài, tay cầm cây Búa, tay cầm Hoa Sen Tím, tay cầm cành Dương Liễu, tay cầm cây Phát Trần Trắng, tay cầm Bánh Xe, tay cầm Nhật Tinh Ma Ni, tay hiện Hóa Cung Điện, tay Ấn (Sơn Đồ Thủ Ấn), theo thứ tự có khác chút ít. Dưới Tòa có Hoa Sen Hồng, Hoa Sen Xanh”.

Có cách nói liên quan đến “**Thiên Tỷ**” của Thiên Thủ Quán Âm, căn cứ trong “**Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**” kể lại rằng: “**Thiên Thủ**” biểu thị cho 40 tay, mỗi tay tế độ 25 loại Tồn Hữu chúng sinh trong 3 cõi (Tức là một loại Tồn Hữu chúng sinh phối hợp với 40 tay, 40 mắt), hợp lại là ngàn tay ngàn mắt. Có thể biết gọi là “**Thiên Thủ**” cũng không nhất định phải có đầy đủ ngàn cánh tay, chỉ cần có 40 cánh tay là được. Lại nói, 5 nhân với 8 là 40, cho nên cũng gọi là “Ngũ Bát Tôn”.

Y theo trong “**Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” ghi chép, Vật Cầm và Ấn Tướng của 40 tay là: Như Ý Châu (Viên Ngọc Như Ý), Quyển Sách (Sợi Dây), Bảo Bát (cái Bình Bát Báu), Bảo Kiếm (cây Kiếm Báu), Bạt Chiết La (cái Chày Tam Cổ), Kim Cang Xử (cái Chày Kim Cang), Thí Vô Úy (ban cho sự không sợ hãi), Nhật Tinh Ma Ni (Hỏa Pha Lê Nhật Tinh), Nguyệt Tinh Ma Ni (Thủy Pha Lê Nguyệt Tinh), Bảo Cung (cây Cung Báu), Bảo Tiền (Mũi Tên Báu), Dương Liễu (cành Dương Liễu), Bạch Phát (cây Phát Trần Trắng), Hồ Bình (cái Hồ Bình), Bànng Bài (cái Bànng Bài), Phủ Việt (cây Búa), Ngọc Hoàn (cái Vòng Ngọc), Bạch Liên Hoa (Hoa Sen Trắng), Thanh Liên Hoa (Hoa Sen Xanh), Bảo Kính (cái Gương Báu), Tử Liên Hoa (Hoa Sen Tím), Bảo Khiếp (cái Rương Báu), Ngũ Sắc Vân (Mây Ngũ Sắc), Quân Trì (cái Bình Quân Trì), Hồng Liên Hoa (Hoa Sen Hồng), Bảo Kích (cây Kích Báu), Bảo Loa (cái Loa Báu), Độc Lôu Trượng (cây Gậy Đầu Lôu), Sổ Châu (Xâu Chuỗi), Bảo Đạc (cái Chuông Báu), Bảo Ấn (cái Ấn Báu), Câu Thi Thiết Câu (cây Thiết Câu), Tích Trượng (cây Tích Trượng), Hợp Chưởng (tay Hợp Chưởng), Hóa Phật (hiện Vị Hóa Phật), Hóa Cung Điện (hiện Hóa Cung Điện), Bảo Kinh (quyển Kinh Báu), Bất Thoái Kim Luân (Bánh Xe Vàng chẳng thoái chuyển), Đỉnh Thượng Hóa Phật (hai tay đưa lên đỉnh đầu, trên có Vị Hóa Phật), Bồ Đào (chùm Bồ Đào).

Ngoài ra, có người đem 40 tay thêm vào Cam Lộ Thủ (tay Cam Lộ) mà làm thành 41 tay; hoặc thêm vào Liên Hoa Hợp Chưởng hoặc Định Ấn ở chính giữa mà làm thành 42 cánh tay.

Ngoài ra trong các Kinh Quĩ “**Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” và “**Giác Thiên Sao**”.... Cũng có nêu rõ Ấn Tướng, Vật Cầm, Tác Dụng với Chân Ngôn của 42 tay này. Nay xin liệt kê như hình vẽ sau đây:

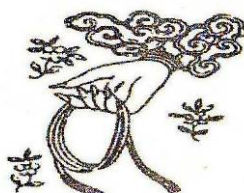
1. Nếu Chúng Sinh nào muốn được giàu lớn, có nhiều thứ Công Đức đồ dùng, nên cầu nơi tay cầm Viên Ngọc Báu Như Ý.



TAY CẦM VIÊN NGỌC BÁU NHƯ Ý

Chân Ngôn là: **Án, phộc nhật-la, phộc đa la, hồng phán tra.**

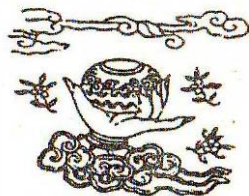
2. Nếu có việc khuấy rối bất an, muốn được an ổn, nên cầu nơi tay cầm Sợi Dây Lụa.



TAY CẦM SỢI DÂY LỤA

Chân Ngôn là: **Án, chỉ lí la la mô nại-la, hồng phán tra.**

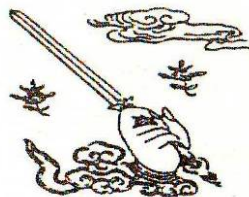
3. Nếu muốn trị các chứng bệnh khổ trong bụng, nên cầu nơi tay cầm cái Bình Bát Báu.



TAY CẦM CÁI BÌNH BÁT BÁU

Chân Ngôn là: **Án, chỉ lí chỉ lí phộc nhật-la, hồng phán tra.**

4. Nếu muốn Giáng Phục tất cả Quỷ Thần, Vọng Lượng, nên cầu nơi tay cầm cây Kiếm Báu.



TAY CẦM CÂY KIẾM BÁU

Chân Ngôn là: **Án, đế thế, đế nhã, đồ vĩ, ninh đồ đề, bà đà dã, hồng phán tra.**

5. Nếu muốn Giáng Phục tất cả Thiên Ma, Ngoại Đạo, nên cầu nơi tay cầm cái Bạt Chiết La (cái Chày Tam Cổ).



TAY CẦM CÁI BẠT CHIẾT LA

Chân Ngôn là: **Án, nhĩ bệ, nhĩ bệ, nhĩ phả dã, ma ha thất lí duệ, tát-phộc hạ.**

6. Nếu muốn Tồi Phục tất cả oán giặc, nên cầu nơi tay cầm cái Chày Kim Cang.



TAY CẦM CÁI CHÀY KIM CANG

Chân Ngôn là: **Án, phộc nhật-la, chỉ ninh bát-la, nhĩ bát đa dã tát-phộc hạ.**

7. Nếu muốn trừ sự sợ hãi không yên ở tất cả mọi lúc, tất cả mọi nơi, nên cầu nơi tay Thí Vô Úy.



TAY THÍ VÔ ÚY

Chân Ngôn là: **Án, phộc nhật-la, nãg dã, hồng phán tra.**

8. Nếu muốn trị bệnh mắt mờ không thấy ánh sáng, nên cầu nơi tay cầm Nhật Tinh Ma Ni.



TAY CẦM NHẬT TINH MA NI

Chân Ngôn là: **Án, độ tử ca dã, đồ tử bát-la, phộc lí ninh tát-phộc hạ.**

9. Nguyệt Tinh Ma Ni lại gọi là Nguyệt Quang Ma Ni, Nguyệt Ái Châu hoặc Nguyệt Tinh. Nếu bị bệnh nhiệt độc muốn được mát mẽ hết bệnh, nên cầu nơi tay cầm trái Nguyệt Tinh Ma Ni.



TAY CẦM NGUYỆT TINH MA NI

Chân Ngôn là: **Án, tô tất địa yết-lí, tát phộc hạ.**

10. Nếu muốn được thăng Quan tiến Chức, nên tu Pháp cây Cung Báu.



TAY CẦM CÂY CUNG BÁU

Chân Ngôn là: **Án, a tả vĩ lệ tát-phộc hạ.**

11. Nếu muốn được mau gặp các bạn lành, nên cầu nơi tay cầm Mũi Tên Báu.



TAY CẦM MŨI TÊN BÁU

Chân Ngôn là: **Án, ca ma la tát-phộc hạ.**

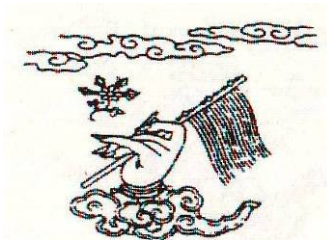
12. Nếu muốn trị các loại bệnh khó chữa trên thân, nên cầu nơi tay cầm cành Dương Liễu.



TAY CẦM CÀNH DƯƠNG LIỄU

Chân Ngôn là: **Án, tô tất địa, ca lí, phộc lí đa nam, đa mục đa duệ, phộc nhật-la, phộc nhật-la, bần đà hạ năng hạ năng, hồng phán tra.**

13. Nếu muốn diệt trừ tất cả chướng nạn ác, nên cầu nơi tay cầm cây Phất Trần Trắng.



TAY CẦM CÂY PHẤT TRẦN TRẮNG

Chân Ngôn là: **Án, bát na nhĩ ninh, bà nga phộc đế mô hạ dã, nhã nga mô hạ ninh, tát phộc-hạ.**

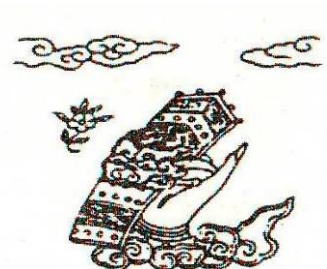
14. Nếu muốn tất cả mọi người trong Quyển Thuộc hòa thuận nhau, nên cầu nơi tay cầm cái Bình Báu.



TAY CẦM CÁI BÌNH BÁU

Chân Ngôn là: **Án, yết-lệ, tảm mẫn diệm, tát phộc-hạ.**

15. Nếu muốn xua đuổi tất cả loài Cọp, Sói, Thú Ác, nên cầu nơi tay cầm cái Bànng Bài.



TAU CẦM CÁI BÀNG BÀI

Chân Ngôn là: **Án, đượ cát sam năng na dã, chiến nại-la, đật nậu bá lí-dã, phả xá phả xá, tát phộc-hạ.**

16. Nếu muốn ở tất cả mọi lúc, tất cả mọi nơi xa lìa nạn Quan quyền, nên cầu nơi tay cầm Cây Búa.



TAY CẦM CÂY BÚA

Chân Ngôn là: **Án, vị la dã, vị la dã, tát phộc-hạ.**

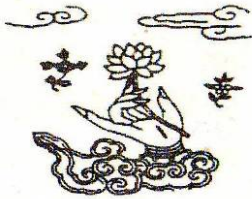
17. Nếu muốn Tội Tở trai gái để sai khiến, nên cầu nơi tay cầm Chiếc Vòng Ngọc.



TAY CẦM CHIẾC VÒNG NGỌC

Chân Ngôn là: **Án, bát na hàm vị la dã, tát-phộc hạ.**

18. Nếu muốn được các loại Công Đức, nên cầu nơi tay cầm Hoa Sen Trắng.



TAY CẦM HOA SEN TRẮNG

Chân Ngôn là: **Án, phộc nhật-la, vị la dã, tát phộc-hạ.**

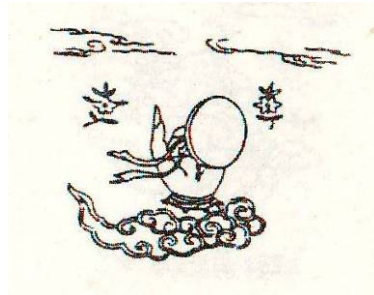
19. Nếu muốn được sinh về 10 phương Tịnh Độ, nên cầu nơi tay cầm Hoa Sen Xanh.



TAY CẦM HOA SEN XANH

Chân Ngôn là: **Án, chỉ lí chỉ lí, phộc nhật-la, bộ la bạn đà, hồng phán-tra.**

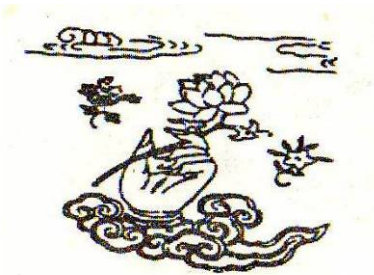
20. Nếu muốn thành tựu được Trí Tuệ rộng lớn, nên cầu nơi tay cầm cái Gương Báu.



TAY CẦM CÁI GƯƠNG BÁU

Chân Ngôn là: **Án, vĩ tát phổ la na la cát xoa, phộc nhật-la, mạn trà la, hồng phán tra.**

21. Nếu muốn diện kiến được tất cả Chư Phật ở 10 phương, nên cầu nơi tay cầm Hoa Sen Tím.



TAY CẦM HOA SEN TÍM

Chân Ngôn là: **Án, tát la tát la, phộc nhật-la, ca la hồng phán tra.**

22. Nếu muốn lấy được kho báu ẩn trong lòng đất, nên cầu nơi tay cầm cái Bảo Khiếp (cái Rương Báu).



TAY CẦM CÁI BẢO KHIẾP

Chân Ngôn là: **Án, phộc nhật-la, bá thiết ca lí, yết năng hàm la hồng.**

23. Nếu muốn nhanh chóng thành tựu Phật Đạo, nên cầu nơi tay hiện Mây Ngũ Sắc.



TAY HIỆN MÂY NGŨ SẮC

Chân Ngôn là: **Án, phộc nhật-la, ca lí, la tra, hàm tra.**

24. Quân Trì ý nghĩa là cái Bình, Táo Bình (cái Bình chứa nước rưới vẩy, tắm gội), Bình nước. Nếu muốn sinh lên cõi Phạm Thiên, nên cầu nơi tay cầm cái Bình Quân Trì.



TAY CẦM CÁI BÌNH QUÂN TRÌ

Chân Ngôn là: **Án, phộc nhật-la, thế khư la lỗ tra hàm tra.**

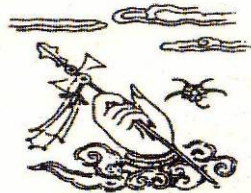
25. Nếu muốn sinh lên các Cung Trời, nên cầu nơi tay cầm Hoa Sen Hồng.



TAY CẦM HOA SEN HỒNG

Chân Ngôn là: **Án, thương yết-lệ, tát-phộc hạ.**

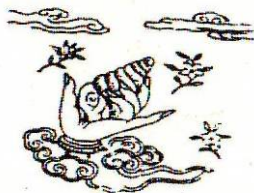
26. Nếu muốn xua đuổi giặc nghịch ở phương khác đến, nên cầu nơi tay cầm cây Kích Báu.



TAY CẦM CÂY KÍCH BÁU

Chân Ngôn là: **Án, tảm muội dã chỉ ninh, hạ lí, hồng phán tra.**

27. Nếu muốn Hộ Triệu tất cả Chư Thiên, Thiện Thần, nên cầu nơi tay cầm cái Loa Báu.



TAY CẦM CÁI LOA BÁU

Chân Ngôn là: **Án, thương yết-phộc, ma hạ tảm mẫn diệm, tát-phộc hạ.**

28. Nếu muốn sai khiến tất cả Quỷ Thần chẳng dám chống cự lại, nên cầu nơi tay cầm cây Gậy Báu Đầu Lâu.



TAY CẦM CÂY GẬY BÁU ĐẦU LÂU

Chân Ngôn là: **Án, độ năng, phộc nhật-la hách.**

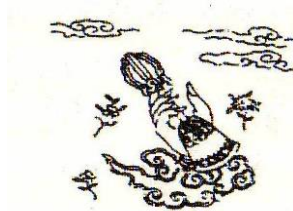
29. Nếu muốn 10 phương Chư Phật sớm đến trao vào bàn tay, nên cầu nơi tay cầm Xâu Chuỗi Ngọc.



TAY CẦM XÂU CHUỖI NGỌC

Chân Ngôn là: **Năng mô, la đát-năng, đát-la, dạ dã, án, a na bà đế, ni nhã duệ tất địa, tất đà lật trâm tát-phộc hạ.**

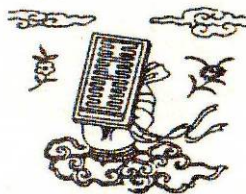
30. Nếu muốn được tất cả âm thanh của Phạm âm màu nhiệm, nên cầu nơi tay cầm cái Chuông Báu.



TAY CẦM CÁI CHUÔNG BÁU

Chân Ngôn là: **Năng mô, bát na hàm bá nã duệ, án, a mật lật đát, nghiêm bệ thất lí duệ, bảo lí chiêm lí ninh tát-phộc hạ.**

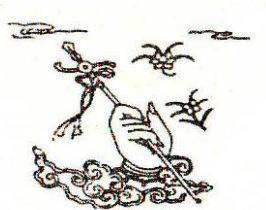
31. Nếu muốn thành tựu miệng nói biện luận hay khéo, nên cầu nơi tay cầm cái Ấn Báu.



TAY CẦM CÁI ẤN BÁU

Chân Ngôn là: **Án, phộc nhật-la, ninh đát nhã duệ, tát-phộc hạ.**

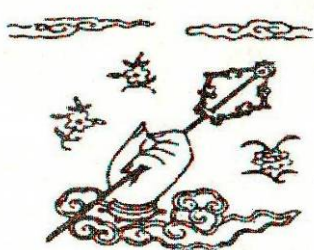
32. Nếu muốn được Thiện Thần, Long Vương thường đến ủng hộ, nên cầu nơi tay cầm cây Câu Thi Thiết Câu.



TAY CẦM CÂY CÂU THI THIẾT CÂU

Chân Ngôn là: **Án, a cốt-lỗ, đa la ca la, tì sa duệ, năng mô, tát-phộc hạ.**

33. Nếu vì lòng Từ Bi muốn cho tất cả chúng sinh được nhờ sự che chở giúp đỡ, nên cầu nơi tay cầm cây Tích Trượng.



TAY CẦM CÂY TÍCH TRƯỢNG

Chân Ngôn là: **Án, na lật trí, na lật trí, na phộc tra bát để, na la đế na dạ bát ninh, hồng phán tra hạ.**

34. Nếu muốn khiến cho tất cả Quỷ Thần, Rồng, Rắn, Cọp, Sói, Sư Tử, Người và Phi Nhân thường cung kính yêu nhau, nên cầu nơi tay Hợp Chưởng.



TAY HỢP CHƯỚNG

Chân Ngôn là: **Án, vĩ tát la, vĩ tát la, hồng phán tra.**

35. Nếu muốn đời đời nơi sinh ra thường ở bên Chư Phật chẳng xa lìa, nên cầu nơi tay hiện Vị Hóa Phật.



TAY HIỆN VỊ HÓA PHẬT

Chân Ngôn là: **Án, chiến na la bà hàm tra lí, ca lí na, chỉ lí na, chỉ lí ni, hồng phán tra.**

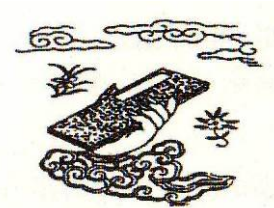
36. Nếu muốn đời đời kiếp kiếp ở trong Cung Điện Phật, không thọ thân trong bào thai, nên cầu nơi tay Hiện Hóa Cung Điện.



TAY HIỆN HÓA CUNG ĐIỆN

Chân Ngôn là: **Án, vi tát la, vi tát la, hồng phán tra.**

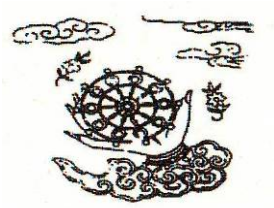
37. Nếu muốn Thông Minh học rộng nghe nhiều không quên, nên cầu nơi tay cầm Quyển Kinh Báu.



TAY CẦM QUYỂN KINH BÁU

Chân Ngôn là: **Án, a hạ la, tát la phộc vĩ nhĩ đã đà la, bố nhĩ đế, tát-phộc hạ.**

38. Nếu muốn thân này cho đến thân thành Phật, Tâm Bồ Đề thường không lui sụt, nên cầu nơi tay cầm Bát Thoái Chuyển Kim Luân (bánh xe vàng chẳng thoái chuyển).



TAY CẦM BẮT THOÁI CHUYỂN KIM LUÂN

Chân Ngôn là: **Án, thiết na nhĩ tả, tát-phộc hạ.**

39. Nếu muốn 10 phương Chư Phật mau đến xoa đầu Thọ Ký, nên cầu nơi tay Đỉnh Thượng Hóa Phật (hai tay đưa lên đỉnh đầu, trên có Vị Hóa Phật).



TAY ĐỈNH THƯỢNG HÓA PHẬT

Chân Ngôn là: **Án, phộc nhật-lí, vĩ phộc nhật-lam, nghệ tát-phộc hạ.**

40. Nếu muốn có được cây trái, ngũ cốc, nên cầu nơi tay cầm Chùm Bò Đào.



TAY CẦM CHÙM BÒ ĐÀO

Chân Ngôn là: **Án, a ma la kiếm, đế nhĩ ninh, tát-phộc hạ.**

41. Nếu muốn cho tất cả các loài Hữu Tình đói khát và các Nga Quỷ được no đủ mát mẽ, nên cầu nơi tay Hóa Cam Lộ.



TAY HÓA CAM LỘ

Chân Ngôn là: **Án, tố lỗ, tố lỗ bát-la, tố lỗ bát-la, tố lỗ, tố lỗ, tố lỗ đã, tát-phộc hạ.**

Ngoài ra, trong “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Mẫu Đà La Ni Thân Kinh**” thì nói có 18 cánh tay. Trong Kinh nói: “Mặt có ba mắt, có ngàn

cánh tay, ở ngàn bàn tay, đều có một mắt, đầu đội Mão Báu, Mão có Hóa Phật. Tay chính to lớn có 18 cánh tay, trước tiên dùng 2 tay chấp lại để ngang trái Tim, tay cầm cái Chày Kim Cang, tay cầm cây Nhị Kích Xoa, tay cầm cái Phạn Giáp, tay cầm cái Ấn Báu, tay cầm cây Tích Trượng, tay cầm Viên Ngọc Báu, tay cầm Bánh Xe Báu, tay cầm Hoa Sen nở, tay cầm Sợi Dây, tay cầm Cành Dương Liễu, tay cầm Xâu Chuỗi, tay cầm cái Bình Táo Quán, tay ban rải nước Cam Lộ, tay ban rải các loại mưa báu, tay ban cho sự không sợ hãi, lại dùng 2 tay để ở rốn, bên phải đè bên trái giữa lòng bàn tay, còn lại là 982 tay, mỗi tay đều cầm các loại Khí Trượng.... Hoặc chỉ kết tay Ấn.

40 tay của Thiên Thủ Quán Âm thuận theo căn cơ của chúng sinh, tương ứng với 5 loại Pháp của 5 Bộ Như Lai, hay đầy đủ tất cả nguyện vọng, tức là dùng 40 tay để biểu thị cho bản thể của Tôn này.

Trong Kinh cũng nêu rõ Tôn Hình và Chân Ngôn của Hóa Thân Quán Âm tương ứng với 40 tay này. 40 tay này là do 40 tay của Bồ Tát Thiên Thủ Quán Âm Hóa Hiện ra, trong Mật Giáo đặc biệt được gọi là Tứ Thập Quán Âm. Hiện tại căn cứ trong “**Thiên quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**”, “**Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” ghi chép, đem Đức Đặc Biệt và Hiển Hóa của 40 tay này biểu thị tượng trưng cho sự tương ứng với 40 Tôn Quán Âm kể sơ lược như sau:

Pháp Tức Tai thuộc Phật bộ

Hóa Phật Thủ (Bất Ly Quán Âm, biểu thị cho chẳng xa lìa Phật), Quyển Sách Thủ (Trì Sách Quán Âm, sự an ổn), Thí Vô Úy Thủ (Thâm Bố Quán Âm ? Trừ Bố Quán Âm, trừ sợ hãi), Bạch Phất Thủ (Phất Nạn Quán Âm, trừ chướng ác), Bànng Bài Thủ (Hiện Nộ Quán Âm, tịch trừ nẻo ác), Việt Phủ Thủ (Chấn Nạn Quán Âm, xa lìa nạn Quan quyền), Kích Sao Thủ (Phá Cự Quán Âm, trừ nạn giặc cướp), Dương Liễu Thủ (Dược Vương Quán Âm, trừ bệnh tật).

Pháp Điều Phục thuộc Kim Cang Bộ

Bạt Chiết La Thủ (Kim Cang Quán Âm, giáng phục Thiên Ma), Kim Cang Xử Thủ (Trì Xử Quán Âm, đập nát oán giặc), Bảo Kiếm Thủ (Bảo Kiếm Quán Âm, giáng phục Quỷ Thần, Vọng Lượng), Cung Điện Thủ (Đại Thế Quán Âm, không thọ sinh ở bào thai), Kim Luân Thủ (Bất Chuyển Quán Âm, Tâm Bồ Đề thường không lui sụt), Bảo Bát Thủ (Bảo Bát Quán Âm, trừ các chứng bệnh trong bụng), Nhật Ma Ni Thủ (Nhật Tinh Quán Âm, được sáng mắt), Nguyệt Ma Ni Thủ (Nguyệt Tinh Quán Âm, trừ bệnh nhiệt độc).

Pháp Tăng Ích thuộc Bảo bộ

Như Ý Châu Thủ (Dữ Nguyện Quán Âm, sự giàu lớn có nhiều đồ dùng), Bảo Cung Thủ (Bảo Cung Quán Âm, được Quan chức), Bảo Kinh Thủ (Bát Nhã Quán Âm, được thông minh học rộng nghe nhiều), Bạch Liên Thủ (Phân Trà Lợi Quán Âm, được Công Đức), Thanh Liên Thủ (Kiến Phật Quán Âm, sinh về cõi Tịnh Độ),

Bảo Đạc Thủ (Pháp Âm Quán Âm, được âm thanh màu nhiệm), Tử Liên Thủ (Kiến Liên Quán Âm, thấy Chư Phật), Bồ Đào Thủ (Hộ Địa Quán Âm, ngũ cốc được mùa).

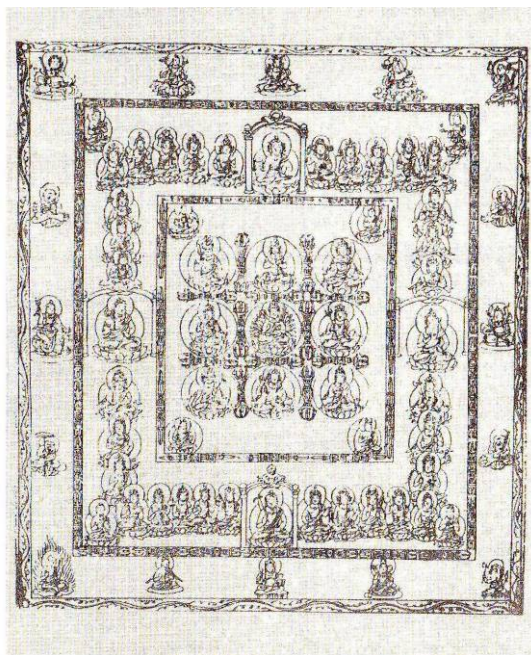
Pháp Kính Ái thuộc Liên Hoa Bộ

Hợp Chưởng Thủ (Hiện Kính Quán Âm, Người, Phi Nhân cung kính yêu nhau), Bảo Kính Thủ (Kính Trí Quán Âm, được Trí Tuệ), Bảo Ấn Thủ (Trí Ấn Quán Âm, được biện thuyết khéo léo), Ngọc Hoàn Thủ (Trì Hoàn Quán Âm, được tột trớ trai gái để sai khiến), Hồ Bình Thủ (Trì Bình Quán Âm, Quyển Thuộc được hòa thuận), Quân Trì Thủ (Thiền Định Quán Âm, sinh lên cõi Phạm Thiên), Hồng Liên Thủ (Liên Hoa Quán Âm, sinh lên các Cung Trời), Tích Trượng Thủ (Tứ Trượng Quán Âm, được Tâm Từ Bi).

Pháp Câu Triệu thuộc Yết Ma Bộ

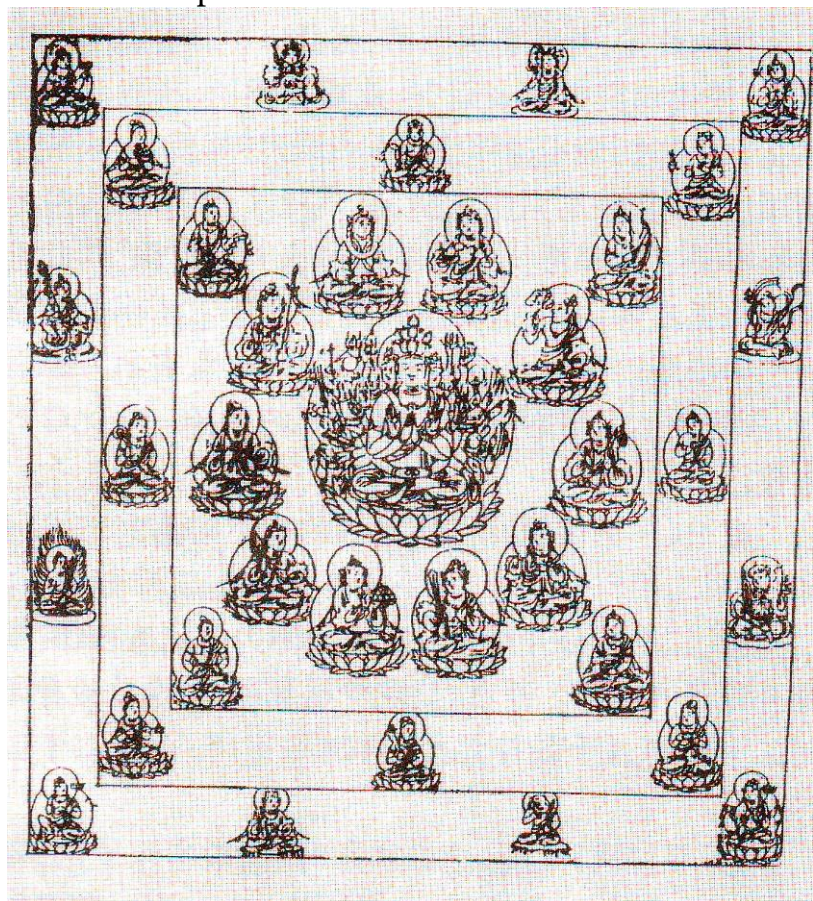
Thiết Câu Thủ (Câu Triệu Quán Âm, được Thiện Thần ủng hộ), Đỉnh Thượng Hóa Phật Thủ (Quán Đỉnh Quán Âm, được Đức Phật thọ ký), Sở Châu Thủ (Niệm Châu Quán Âm, Đức Phật đến trao vào bàn tay), Bảo Loa Thủ (Trì Loa Quán Âm, hô triệu Thiện Thần), Bảo Tiễn Thủ (Tốc Trì Quán Âm, gặp bạn lành), Bảo Khiếp Thủ (Kiến Ấn Quán Âm, được kho tàng bị che dấu), Độc Lâu Thủ (Phộc quý Quán Âm, sai khiến Quỷ Thần), Ngũ Sắc Vân Thủ (Tiên Vân Quán Âm, thành tựu Pháp Tiên).

Dùng Tôn này làm Bản Tôn để tu Pháp của nhóm Kính Ái, Tứ Tai.... Làm Pháp Tu để Hành, gọi là Thiên Thủ Quán Âm Pháp hoặc gọi là Thiên Thủ Pháp.



THIÊN THỦ QUÁN ÂM MẠN ĐÀ LA

Ngoài ra, có dùng Tôn này làm Chủ Tôn để xây dựng Mạn Trà La gọi là Thiên Thủ Quán Âm Mạn Trà La. Điều này có vài loại như: “**Thiên Nhân Thiên Tý Quán Thế Âm Bồ Tát Đà La Ni Thân Chú Kinh**” nói về Mạn Trà La rộng 10 khuỷu tay, “**Mẫu Đà La Ni Thân Kinh**” nêu ra là Mạn Trà La có 5 lớp, trong “**Thiên Quang Nhân Kinh**” nêu ra là Mạn Trà La có 3 lớp, “**Bổ Đà Hải Hội Càn**” nêu ra là Mạn Trà La có 6 lớp.



THIÊN THỦ QUÁN ÂM MẠN TRÀ LA

Tam Muội Gia hình, Ấn tướng, Chân Ngôn và chữ Chủng Tử

Liên quan đến Tam Muội Gia Hình của Quán Âm này, có rất nhiều cách nói. Hoặc nói là đối với A Di Đà là Quả Đức thì Quán Âm này là Nhân Đức, nhân đây dùng Sơ Cát Liên Hoa (Hoa Sen mới cắt) làm Tam Muội Gia Hình; hoặc nói đối với Quán Âm khác mà nói thì Tôn này là Quả Đức, cho nên dùng Hoa Sen Nở. Hoặc như trong “**Thiên Thủ Đà La Ni**”, “**Thiên Quang Nhân Kinh**”.... Nói rằng: Cầu Trí Tuệ thì dùng cái Gương Báu, cầu bạn lành thì dùng Mũi Tên Báu, được mọi sự mong cầu, vật cầm của 40 tay cầm giữ đều là Tam Muội Gia Hình. Hoặc có nói là Viên Ngọc Báu trên Hoa Sen, gọi Viên Ngọc Báu này hay tùy theo nguyện mà sinh ra tất cả, cho nên không cần phân biệt chọn dùng vật cầm trên 40 tay làm Tam Muội Gia Hình. Hoa Sen biểu thị cho Thể Tính vốn có, Viên Ngọc Báu biểu

thị cho đầy đủ vạn Đức, nhân đây Viên Ngọc Báu trên Hoa Sen tức là tương ứng với Quả Đức của Liên Hoa Bộ _ Bản Thệ của Tôn này.

Căn cứ trong “**Thiên Thủ Nghi Quỹ**” ghi chép, Căn Bản Ấn của Tôn này là Cửu Sơn Bát Hải Ấn, chính là dùng 2 ngón tay tác Kim Cang Hợp Chưởng, lưng bàn tay hơi cong xa lìa nhau, 2 ngón giữa vịn vào nhau, 2 ngón cái, 2 ngón út mở ra dựng thẳng. Ấn này gọi là Liên Hoa Ngũ Cổ Ấn (?), hoặc gọi là Bồ Đà Lạc Cửu Phong Ấn. Ngoài ra trong “**Mẫu Đà La Ni Thân Kinh**” nói, 24 Ấn của nhóm Tổng Nhiếp Thân Ấn; trong “**Thiên Nhân Thần Chú Kinh**” lại thêm vào Tâm Vương Ấn mà nói là 25 Ấn.

Trong “**Thiên Thủ Nghi Quỹ**” lại nói, khi kết Căn Bản Ấn nên tụng Căn Bản Đà La Ni thì hay thành tựu được 4 loại: Một là Tức Tai, Hai là Tăng Ích, Ba là Giáng Phục, bốn là Kính Ái Câu Triệu. Quả Báu Thế Gian và Xuất Thế Gian đều được Viên Mãn. Nhưng Đà La Ni này rất dài, do đó mà cũng có nhiều người Tụng Tiểu Chú “**Án Phộc nhật la Đạt ma Hột lí**” nhưng “**Đại Bi Chú**” lại phổ biến hơn, Phật Giáo Đồ Trung Quốc thường Trì Tụng.

Căn cứ trong “**Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” vừa kể, tụng trì Chân Ngôn Đà La Ni của Tôn này, có thể miễn trừ 15 loại chết ác như : Bị chết do đói khát, bị chết do ác thú làm hại...mà được 15 loại sinh lành, Quyển thuộc hòa thuận, tiền tài thức ăn uống được đầy đủ dư dả.... hoặc chữa khỏi các loại bệnh như : Trùng độc, khó sinh, chết khi sinh đẻ....

Chữ Chủng Tử “Hột Lí” (HRÌH) là do bốn chữ “Ha La Y Ác” (HA,RA, Ì, AH) biểu thị cho ba độc Tham (RA), Sân (Ì), Si (HA) chuyển nhập vào Niết Bàn.

Trong “**Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” nói, Thiên Thủ Quán Âm có nhóm Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ.... 28 Bộ làm Quyển Thuộc Hộ Pháp, gọi là Thiên Thủ Quán Âm Nhị Thập Bát Bộ Chúng, trong “**Thiên Thủ Quán Âm Tạo Thứ Đệ Pháp Nghi Quỹ**” nói, mỗi một nêu rõ Hình Tượng và Chân Ngôn.... Của các Ngài.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỦNG TỬ CỦA THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Chữ Chủng Tử: 𑖦𑖻 (HRÌH) hoặc 𑖦𑖿 (SA)

Chân Ngôn:

𑖠 (1) 𑖦𑖻 (2) 𑖦𑖿 (3) 𑖦𑖻 (4)

(1) **Án** (2) **phộc nhật la** (3) **đạt ma** (4) **hột lí**

(1) OM (2) VAJRA (3) DHARMA (4) HRÌH

(1) **Quy Mạng** (2) **Kim Cang** (3) **Pháp** (4) **Hột Lí (chủng tử)**

Liên quan đến việc làm sáng tỏ Căn Bản Chú- Đại Bi Chú, công đức nội chứng của tôn Thiên Thủ Quán Âm, mời đọc thêm, thiên thứ III trong “**Chân Ngôn Chú Ngữ của Phật Giáo**”.

THẬP NHẤT DIỆN QUÁN ÂM

Thập Nhất Diện Quán Âm (Tên Phạn là: Ekada'sa-mukha), âm của tên Phạn là Nhất Ca Na Xá Mục Khư, dịch ý là Thập Nhất Tối Thắng, hoặc Thập Nhất Thủ, gọi đầy đủ là Thập Nhất Diện Quán Âm Bồ Tát, là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, bởi vì có đủ 11 đầu mặt, cho nên thường gọi là Thập Nhất Diện Quán Âm. Trong sáu Quán Âm là vị Chủ để cứu độ chúng sinh trong nẻo Địa Ngục.

Danh hiệu của Thập Nhất Diện Quán Âm Bồ Tát, là từ Thần Chú mà có. Thần Chú này là “ **Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Thần Chú**”, vì 11 ức Phật Đà cùng nói, nên có uy lực rất lớn.

Căn cứ vào “ **Phật Thuyết Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Thần Chú Kinh**” ghi chép rằng: “ Bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ Tát Bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, con có Tâm Chú, tên là **Thập Nhất Diện**. Tâm Chú này được 11 ức Chư Phật cùng nói, nay con sẽ vì tất cả chúng sinh mà nói, khiến cho tất cả chúng sinh niệm Pháp lành, khiến cho tất cả chúng sinh chẳng buồn rầu, tức giận, muốn trừ tất cả bệnh của chúng sinh, vì muốn trừ diệt tất cả chướng nạn tai quái ác mộng, muốn trừ tất cả bệnh đột ngột, muốn trừ tất cả loài có tâm ác khiến được **Điều Nhu**, muốn trừ tất cả các Ma Quỷ Thần, chẳng khởi chướng nạn”.

Do đó có thể biết Thần Chú này có thế lực công đức rộng lớn.

Trong Kinh cũng có ghi chép Quán Âm Bồ Tát do đâu mà được Thập Nhất Diện Thần Chú này. Trong Kinh nói trải qua Hằng Sa Số Kiếp về trước, có một vị Phật tên là “ **Bách Liên Hoa Nhãn Đỉnh Vô Chướng Ngại Công Đức Quang Minh Vương Như Lai** “, lúc bấy giờ Quán Thế Âm Bồ Tát là Vua trong Đại Trì Chú Tiên Nhân, ở nơi Đức Phật đó mới được Chú này. Lại nói lúc Quán Thế Âm Bồ Tát được chú này, 10 phương Chư Phật đều nhìn thấy trước mắt, thấy Phật rồi, bỗng nhiên liền được **Vô Sinh Pháp Nhẫn**. Nên biết Chú này có thần lực như thế, hay lợi ích vô lượng chúng sinh. Sau khi Quán Thế Âm Bồ Tát vừa mới được chú này, lại trải qua Vô Lượng Hằng Sa Số Kiếp, ở nơi Đức **Mạn Đà La Hương Như Lai**, bấy giờ là thân Ưu Bà Tắc (Cư sĩ), Quán Thế Âm Bồ Tát lại được Chú này, một lần được nghe chú này tức vượt bờ mé sinh tử trong bốn vạn Kiếp, nói Chú này thời được pháp môn Đại Từ Đại Bi Đại Hỷ Đại Xả Trí Tuệ Tạng của tất cả Chư Phật, dùng sức của Pháp Môn này cho nên hay cứu tất cả chúng sinh.

Người chỉ trì tụng một Thần Chú này thân hiện tại có thể được 10 loại Công Đức và 4 loại Quả Báo. Trong đó 10 loại Công Đức là:

- (1). Thân thường không bệnh.
- (2). Thường được 10 phương Chư Phật nghĩ nhớ.
- (3). Tất cả Tài Vật, quần áo, thức ăn uống, tự nhiên đầy đủ thường không thiếu thốn.
- (4). Hay phá tất cả Oán Địch.

- (5). Hay khiến tất cả chúng sinh đều sinh lòng Từ.
- (6). Tất cả Cỗ Độc, tất cả Nhiệt Bệnh không thể xâm hại.
- (7). Tất cả Dao, Gậy không thể làm hại.
- (8). Tất cả tai nạn về nước chẳng thể cuốn trôi.
- (9). Tất cả tai nạn về lửa chẳng thể thiêu đốt.
- (10). Chẳng thọ nhận tất cả cái chết đột ngột.

4 loại Quả Báo là:

- (1). Lúc lâm chung, được thấy 10 phương Vô Lượng Chư Phật.
- (2). Vĩnh viễn chẳng đọa Địa Ngục.
- (3). Chẳng bị tất cả Cầm Thú làm hại.
- (4). Sau khi mạng chung, sinh ra ở nước của Vô Lượng Thọ.

Đó là cơ sở để mau chóng diệt 7 nạn trong “**Phổ Phẩm Môn**”, từ việc trừ khử bệnh khổ tai ách, lợi ích ở hiện tại là được quần áo, thức ăn uống, lại thêm lợi ích ở vị lai là được vãng sinh ở cõi Tịnh Độ, thay đổi cách nói thì Chú này kiêm có lợi ích cho hai đời hiện tại và vị lai. Do Thần Chú này có hiệu nghiệm như thế, do đó các Triều Đại về sau, có không ít người trì tụng Chú này và tôn sùng Bản Tôn của Chú là Thập Nhất Diện Quán Âm.

Trong các Kinh Quĩ theo bản dịch chữ Hán thì Thập Nhất Diện Quán Âm xuất hiện rất sớm, tiếp đến là Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát.

Vào đầu thế kỷ thứ 5 Triều Đại-Bắc Chu, Ngài Gia Xá Quật Đa đã dịch “**Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Thần Chú**”, và sau đó Triều Đại-Nhà Đường, Ngài Huyền Trang dịch thành “**Thập Nhất Diện Thần Chú Tâm Kinh**” thực tế lưu truyền ở dân gian. Trong giới học thuật hoặc có dùng Tôn này có nguồn gốc ở Thập Nhất Diện Hoan Thần (Ekada'sa-rudra) của Bà La Môn Giáo Ấn Độ Cổ Đại.

Căn cứ trong “ **Thập Nhất Diện Quán Âm Thần Chú Kinh** “ nói về hình tướng là: “ Thân dài 1 thước 3 tấc (Thước tàu), có 11 đầu, ở phía trước có 3 mặt là mặt Bồ Tát, bên trái có 3 mặt là mặt giận dữ, bên Phải có 3 mặt tựa như mặt Bồ Tát, lộ răng nanh chó hướng lên trên, phía sau có 1 mặt là mặt Đại Tiểu, trên đỉnh đầu có 1 mặt Phật, các mặt thủy đều hướng về phía trước, phía sau có hào quang. 11 mặt đều đội mào hoa, trong mào hoa ấy có Phật A Di Đà. Tay trái của Quán Thế Âm cầm cái Táo Bình, có Hoa Sen lộ ra khỏi miệng bình, tay phải mở rộng ra Tác Thí Vô Ấn cầm chuỗi Anh Lạc.



THẬP NHẤT DIỆN QUÁN ÂM CÓ BỐN CÁNH TAY
(TÔ TẤT ĐỊA VIỆN thuộc THAI TẠNG MẠN TRÀ LA)

Nhưng mà, từ xưa đến nay Đồ Tượng thường thấy, hoặc nhiều hoặc ít đều không giống nhau, mà phối trí 11 mặt có các loại chẳng đồng, thậm chí còn khác biệt như có: 2 cánh tay, 4 cánh tay, 8 cánh tay. Ví dụ như:

1. Trong “ **Thập Nhất Diện Nghi Quỹ** “ nói Quán Âm này có 4 cánh tay, trong đó bên phải tay thứ nhất Tác Thí Vô Úy, tay thứ hai cầm tràng hạt. Bên trái tay thứ nhất cầm Hoa Sen, tay thứ hai cầm bình Quân Trì.

2. Trong “ **Nhiếp Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh Kế Nhất Pháp Trung Xuất Vô Lượng Nghĩa Nam Phương Mãn Nguyên Bồ Đà Lạc Hải Hội Ngũ Bộ Chư Tôn Đẳng Hằng Thệ Lực Phương Vị Cập Uy Nghi Hình Sắc Cháp Trì Tam Ma Gia Tiêu Chí Mạn Trà La Nghi Quỹ** “ cũng nêu rõ Tượng 4 tay rằng:”

Các đầu: mao tóc kết,
Thân Phật trú trong mao.
Mặt chính màu vàng lợt,
Tướng thương lo cứu đời,
Trái, phải: mặt đen xanh,
Trái: ba tướng Phần Nộ,
Phải: ba tướng Giáng Ma,
Phía sau: tướng Bạo Tiếu, (cười một cách hung bạo)
Trên đỉnh: tướng Như Lai.
Thể bốn tay hai chân,
Trái, Đỉnh cầm Hoa Sen,
Trái, Lý: cầm Quân Trì,
Phải, Tuệ: Thí Vô Úy,
Hoặc Kết Khế Quyên Ấn,
Phải, Trí: cầm Sổ Châu. (Tràng hạt)
Đeo vòng hoa Anh Lạc,
Thiên Y (áo khoác ngoài) với Thượng Thường, (Áo Xiêm đẹp tốt)

Thương Khư (màu trắng óng ánh) Diệu Sắc Quang,
An trú Sen ngàn cánh,
Già Phu: phải đè trái.”

3. **Thập Nhất Diện Quán Âm** được an trí ở hầm đá ở Mạch Mãi Ca Nội Lợi (Kanheri) của nước Ấn Độ tức là tượng 4 cánh tay, trên đỉnh đầu của mặt chính có 3 tầng, mỗi tầng an trí 3 mặt, bên trên lại an trí 1 mặt, hợp lại là 11 mặt.

4. Quán Âm ở hang thứ 9 núi Thiên Long Huyện Thái Nguyên Tỉnh Sơn Tây, là tượng có 2 cánh tay, với 10 mặt vòng quanh trên đỉnh đầu của mặt chính, bên trên lại an trí 1 mặt Phật, co bàn tay trái cầm cái Bát, rữ bàn tay phải xuống Tác Thí Vô Úy Ấn.

5. Tượng 11 mặt khai quật ở Cao Xương thuộc Tỉnh Tân Cương thì trên đỉnh của mặt chính có 5 mặt, bên trên lại có 2 mặt, trên nữa lại có 1 mặt, hai bên tai của mặt chính mỗi bên an trí 1 mặt.

Ngoài ra, tượng vẽ trên bức vách trong động ngàn Phật (Thiên Phật) ở Đôn Hoàng và ảnh vẽ lưu truyền ở Tây Tạng đều có tượng 8 cánh tay. Phía trước là mặt chính trên đỉnh an trí 5 mặt, bên trên lại an trí 2 mặt, chính giữa 2 mặt an trí 1 thể Hoá Phật, bên trên lại an trí 1 mặt, hai bên tai của mặt chính đều an trí 1 mặt là tượng Sân Nộ. Trong 8 cánh tay, bên trái tay thứ nhất cầm Hoa Sen, tay thứ hai cầm Nguyệt Châu, tay thứ ba cầm Tràng Phan, tay thứ tư Kết Thí Vô Úy Ấn. Bên phải tay thứ nhất cầm Hoa Sen Hồng, tay thứ hai cầm Nhật Châu, tay thứ ba cầm Tích Trượng, tay thứ tư thì tróc từng mảng không rõ lắm. Phía sau là mặt chính trên đỉnh an trí 3 mặt, bên trên lại an trí 3 mặt, lại an trí 1 mặt ở trên nữa, hai bên tai của mặt chính đều an trí 1 mặt. Trong 8 cánh tay, tay phải tay trái thứ nhất chấp lại để ở trước ngực, bên trái tay thứ hai cầm Hoa Sen, tay thứ ba cầm Cung Tên, tay thứ tư cầm sợi dây. Bên phải tay thứ hai cầm Tràng Hạt, tay thứ ba cầm Pháp luân, tay thứ tư Tác Dữ Nguyên Ấn.

11 mặt của **Thập Nhất Diện Quán Âm**, mỗi mặt đều có ý nghĩa tượng trưng đặc thù của nó. Trong 11 mặt, 3 mặt ở phía trước là Tượng Đại Từ, là lúc Bồ Tát nhìn thấy chúng sinh đang hành thiện thời sinh ra Tượng Đại Từ và vui vẻ của Tâm Từ, 3 mặt ở bên trái là Tượng Đại Sân, là lúc nhìn thấy chúng sinh hành ác thời sinh ra Tượng **Đại Bi Cứu Khổ** của Tâm Bi. 2 mặt bên phải là Tượng lộ răng nanh trắng hướng lên trên, là lúc nhìn thấy chúng sinh có Tịnh Nghiệp, cho nên phát ra lời khen ngợi, là Tượng Cần Tiến (Siêng năng tinh tiến). 1 mặt phía sau cùng là Tượng Bạo Tiếu, là lúc nhìn thấy chúng sinh có thiện ác tạp uế, vì muốn sửa điều ác hướng vào đường đạo nên đã sinh ra Tượng Quái Tiếu. Mặt Phật trên đỉnh đầu, vì chúng sinh tu tập Đại Thừa nên đã hiện ra Tượng Thuyết Pháp.

Liên quan đến việc phối trí của Thập Nhất Diện này, các Triều Đại, Phật Giáo Đồ vẽ cũng khác nhau. Ngoài ra, cũng có cho rằng trong **Thập Nhất Diện Quán Âm**, phía trước bên trái bên phải đều có 3 mặt, là tượng trưng cho sự Hóa Độ chúng sinh của Ba Hữu. Mà 3 mặt là Tượng Tịch Tĩnh, biểu thị cho nghiệp chướng Ba Độc của hành giả Thanh Tịnh; 2 mặt là Tượng Uy Nộ, biểu thị cho phá

trừ Ba Chương của hành giả bị chướng ngại khiến đi vào nẻo chính; 3 mặt có Tướng răng nanh bén, biểu thị cho phá trừ Ba Chương của Chương Đạo của nhóm người ác ma ác; Mặt sau cùng là Tướng Tiểu Nộ, biểu thị cho đoạn trừ nhóm Ba Độc về sau tất được Nhất Thiết Trí. 10 mặt này là phương tiện Hóa Độ của Đại Bi. Mặt hình Phật trên đỉnh là Bản Địa Pháp Thân, đại biểu cho Đức của Phật Quả thuộc Địa thứ 11, ý nghĩa của 11 mặt này tức là biểu thị cho Nhân Quả Nhất Thể, Bản Tích không hai.



TƯỢNG ĐỨNG CỦA THẬP NHẤT DIỆN QUÁN ÂM

Trong **Thai Tạng Giới Hiện Đồ Mạn Trà La của Mật Giáo**, Đức Quán Âm này có vị trí ở đầu phía bắc của Tô Tất Địa Viện, có 4 cánh tay, ngồi xếp bằng trên Hoa Sen, hai bên mặt chính đều có 1 mặt, bên trên có 5 mặt, lại ở trên nữa có 3 mặt, hợp với mặt chính nên thành 11 mặt. Bên phải tay thứ nhất Kết Thí Vô Úy Ấn, tay thứ hai cầm Tràng Hạt. Bên trái tay thứ nhất cầm Hoa Sen, Tay thứ hai cầm bình Quân Trì. Trong đó Hoa Sen biểu thị cho Tâm **Tự Tĩnh** Thanh Tịnh vốn có của chúng sinh, bình Quân Trì là nước Cam Lộ Đại Bi nuôi lớn Hoa Sen này, Tràng Hạt đại biểu cho ý nghĩa của sự **Tinh Tiến**, đối với tất cả chúng sinh ban cho không sợ hãi cho nên Kết Thí Vô Úy Ấn. Trong Quán Âm Bộ đặc biệt dùng Tôn này là Tôn của Diệu Thành Tự, thị hiện cho Nhân Địa với Tướng Thành Tự của Quả Đức, cho nên vị trí được bày ra ở viện này.



TƯỢNG NGÔI CỦA THẬP NHẤT DIỆN QUÁN ÂM

Ngoài ra, có người thì nói mặt **Tịch Tĩnh** là thành tựu *Thuần Thiện*, mặt **Phẫn Nộ** là thành tựu *Thuần Ác*, nhưng mặt **Tiểu Nộ** thời thành tựu *cả Thiện lẫn Ác*. Bốn cánh tay biểu thị cho Nội Chứng Tứ Trí: Tay cầm Tràng Hạt biểu thị cho Căn Bản Trí, Đại Viên Cảnh Trí, Trí Đoạn Phiền Nã, cho nên ý nghĩa là **Điều Phục** (Abhicàruka). Thí Vô Úy chính là Hóa Dụng ba nghiệp của Thân Khẩu ý là Thành Sở Tác Trí, ý nghĩa là **Tức Tai** ('Sàntika). Hoa Sen biểu thị cho Thể của Quán Âm, là Diệu Quán Sát Trí, Hoa được mọi người yêu thích, cho nên ý nghĩa là **Kính Ái** (Va'sikaraṇa). Táo Bình đại biểu cho nước Trí của Cam Lộ tưới nhuần tất cả chúng sinh, là Bình Đẳng Tính Trí, ý nghĩa là **Tăng Ích** (Puṣṭika). Tổng thể của Bốn Trí là Pháp Giới Thể Tính Trí, cho nên Tôn này là Tôn Ngũ Trí Viên Mãn thuộc liên Hoa Bộ.

Thập nhất Diện Quán Âm có mặt hiệu là Biến Dị Kim Cang, hoặc gọi là Từ Mãn Kim Cang. Tam Muội Gia Hình là Hoa Sen hé nở hoặc cái bình Quân Trì. Ấn Tướng là Kim Cang Hợp Chưởng, mười đầu ngón tay giao sâu, bên phải đè bên trái, sau đó nâng lên trên đầu, tức là hành giả Quán 10 đầu ngón tay là 10 mặt, thêm 1 mặt của chính mình nên thành 11 mặt, thời thân của mình liền thành thân của 11 mặt.

Ngoài ra, có Pháp cúng dường Tôn này để trừ bệnh, gọi là Thập Nhất Diện Pháp. Dùng Thập Nhất Diện Quán Âm làm Tôn chính giữa để xây dựng Mạn Trà La, gọi là **Thập nhất Diện Quán Âm Mạn Trà La**.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỨNG TỬ CỦA THẬP NHẤT DIỆN QUÁN ÂM

Chữ Chứng Tử: 𑖀 (Ka) hoặc 𑖂 (Sa) hoặc 𑖄 (Hrìḥ)

Chân Ngôn:

ॐ (1) मन् (2) कर्मका (3) हन् (4)

(1) **Án** (2) **ma ha** (3) **ca lố ni ca** (4) **sa phộc hạ**

(1) OM (2) MAHÀ (3) KÀRUNIKA (4) SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) Đại (3) Bi (4) Thành Tự

ॐ (1) लोका (2) ह्य (3) ह्री (4)

(1) **Án** (2) **lố tuấn** (3) **nhập phộc la** (4) **hột lí**

(1) OM (2) LOKE (3) JVALA (4) HRÌH

(1) Quy Mạng (2) Thế Gian (3) Quang Minh (4) Hột Lí (Thông Chủng Tử)

NHƯ Ý LUÂN QUÁN ÂM

Như Ý Luân Quán Âm (Tên Phạn là: Cintàmaṇi- cakra), dịch âm tên Phạn là Chấn Đa Ma Ni.

Ý nghĩa **Cintà** trong Tôn này là Tư Duy, Sở Vọng, Nguyên Vọng, **Maṇi** nghĩa là viên ngọc báu, **Cakra** có thể dịch là vòng tròn hoặc bánh xe. Do đó dịch ý là Sở Nguyên Bảo Châu Luân hoặc Như Ý Châu Luân, mà từ xưa đến nay phần nhiều dịch là **Như Ý Luân**, **Như Ý Luân Vương**. Do vị Bồ Tát này có thể như ý sinh ra vô số Trân Bảo, tức được gọi là” **Như Ý Bảo Châu Tam Muội** “, thường Chuyển Pháp Luân, Nhiếp Hóa Hữu Tình, y theo tên này mà nguyện thì hay được Phú Quý, Tài Sản, Trí Tuệ, Thế Lực, Uy Đức.... Tên đầy đủ là: Như Ý Luân Quán Thế Âm Bồ Tát, hay gọi là Như Ý Luân Bồ Tát, Như Ý Luân Vương Bồ Tát.

Mật hiệu là Trì Bảo Kim Cang hoặc Dữ Nguyên Kim Cang, là Bản Tôn của Như Ý Luân Pháp trong Mật Giáo, trong sáu Quán Âm hoặc bảy Quán Âm đều có Tôn này, trong sáu nẻo là Quán Âm độ hóa chúng sinh ở cõi Trời, tương đương với Đại Phạm Thâm Viên Quán Âm Bồ Tát.

Như Ý Luân Quán Âm tay cầm Viên Ngọc Báu Như Ý, tượng trưng cho sự sinh ra hai loại Tài Bảo hay thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, để bố thí cho chúng sinh, khiến chúng sinh sinh ra Phước Đức, tay cầm Bánh Xe Vàng, tượng trưng cho hay chuyển động Diệu Pháp Vô Thượng để độ chúng sinh, khiến chúng sinh sinh ra Trí Đức.

Y theo trong “**Như Ý Luân Đà La Ni Kinh**” nói rằng: Trong đời quá khứ, Quán Thế Âm Bồ Tát từng được Thế Tôn gia trì, mà tuyên nói Như Ý Luân Đà La Ni. Một Đà La Ni này có sức Uy Thần lớn, hay đầy đủ tất cả thắng nguyện của

chúng sinh Hữu Tình. Phân biệt tác dụng có hai phương diện là Thế Gian và Xuất Thế Gian, gọi là tác dụng của Thế Gian, là lúc Tụng Niệm Khóa Pháp, hay thành tựu thắng nguyện của chúng sinh Hữu Tình, giàu sang phú quý, Thế Lực Uy Đức đều được Thành Tựu. Nhưng tác dụng của Xuất Thế Gian là hay đầy đủ Phước Đức Tuệ Giải, Tư Lương Nghiêm Trang, tăng trưởng Tâm Bi, Tế Độ Hữu Tình, mọi người kính yêu. Bởi vì một Đà La Ni này có hai công năng Đại Thù Thắng, do đó đời sau cũng có rất nhiều Phật Giáo Đồ tu trì.

Hình tượng của Như Ý Luân Quán Âm có rất nhiều loại, kể ra có 2 tay, 4 tay, 6 tay, 8 tay, 10 tay, 12 tay.... Trong đó thường thấy nhất là tượng 6 tay.

Trong đó tượng 2 tay truyền từ xưa đến nay có 4 loại.

Loại Thứ 1 là: Trên đầu đội Mão Báu, trên Mão Báu an trí Vị Hóa Phật, tay trái cầm Hoa Sen Báu, trong đó có Tam Biện Như Ý Bảo Châu, lòng bàn tay phải ngửa cầm Viên Ngọc Báu Như Ý, ngồi trên Tòa Hoa Sen.

Loại tiếp theo là: Trên đầu đội Mão Báu, trên Mão an trí Vị Hóa Phật, tay trái rũ xuống để trên gối, cánh tay phải co lại ngửa lòng bàn tay, mặc áo Cà Sa màu đỏ, ở trong ánh sáng tròn như vàng trắng trắng lớn có 3 lớp, thòng chân trái xuống, ngồi ở Hoa Sen xanh trên núi đá trong biển.

Loại thứ 3 là: Vẽ 32 Hoa Sen hé nở có 32 cánh, trên Đài Hoa vẽ Như Ý Luân Thánh Quán Tự Tại, mặt xoay về hướng Tây ngồi Kiết Già, diện mạo vui vẻ, thân màu vàng ròng, đầu đội Mão Báu, trên Mão an trí Vị Hóa Phật, tay trái cầm Hoa Sen đã nở, trên Đài Hoa Sen vẽ Viên Ngọc Báu Như Ý, tay phải kết Thuyết Pháp Ấn. Trên thân mặc quần áo, đeo khuyên tai có viên ngọc, vòng xuyên, 7 báu Anh Lạc trang nghiêm, phóng tỏa mọi ánh sáng.

Loại thứ 4 là: Tay trái cầm Viên Ngọc Ma Ni, duỗi bàn tay phải kết Thí Nguyện Ấn, thân màu hồng trắng, ngồi trên Hoa Sen lớn. Trong 4 loại Hình Thái của Tượng 2 cánh tay trên, dùng 1 loại Tọa Tượng “**Như Ý Luân Quán Thế Âm Bồ Tát**” cuối cùng, làm hình chính nguyên thủy.

Tượng 4 tay lưu truyền là : Trước mặt Quán Âm vẽ hồ nước, trên hồ có núi, trên núi có Hoa Sen hồng, Quán Âm ngồi trên Hoa Sen, chân trái buông thòng xuống, đặt chân phải gác lên trên chân trái, mang giày cỏ, trên đầu đội mão, trong mão có vị Hoá Phật, Hóa Phật như nửa mặt trăng nằm ngửa, tay trái thứ nhất hướng xuống dưới đến eo, tay thứ hai dùng ngón cái, ngón trỏ cầm hạt châu làm bằng hạt màu trắng. Tay phải thứ nhất co khuỷu tay lại để gần đầu gối, ngón cái, ngón giữa cầm râu chuỗi, tay thứ hai nâng cái Phạn Khiếp (cái Rương chứa Kinh Phạn), 4 cổ tay đều đeo vòng xuyên. Trong hồ ở phương đông lại vẽ hình Long Nữ, hàng Trời người, phương tây vẽ hình Long Quỷ và Tỳ Na Dạ Ca (Đại Thánh Hoan Hỷ Thiên).



NHƯ Ý LUÂN QUÁN ÂM ĐỘ HÓA CHÚNG SINH Ở NÈO TRỜI

Còn như tượng 6 tay thường thấy trong “ **Quán Tự Tại Bồ Tát Như Ý Luân Du Già**” ghi chép rằng:

Thân sáu tay màu vàng
Đều tưởng ở Tự thân
Đỉnh kế báu trang nghiêm
Mão có Tự Tại Vương
Tay noi tướng Thuyết Pháp
Tay thứ nhất: suy tư
Thương nhớ các Hữu Tình
Thứ hai, cầm Ý Bảo (Báu Như Ý)
Hay mãn tất cả nguyện
Thứ ba, cầm tràng hạt
Vì cứu khổ Bàng sinh
Trái đè núi Quang Minh
Thành tựu không lay động
Thứ hai, tay cầm sen
Hay Tĩnh các Phi Pháp
Thứ ba, tay cầm Luân (bánh xe)
Hay chuyển Pháp Vô Thượng
Sáu tay: Quảng Bác Thể (thể rộng lớn)
Hay dạo chơi sáu nẻo
Dùng phương tiện Đại Bi
Chặt các khổ Hữu Tình

Ngoài ra, cũng có tạo tượng trên đầu đội mão báu, trên đầu an trí vị Hóa Phật, tay trái thứ nhất mở Hoa báu, tay thứ hai cầm cái mâm màu vàng rờng, tay thứ ba mở Hoa Sen hồng. Tay phải thứ nhất cầm Bạt Chiết La (cái Chày Kim Cang), tay

thứ hai Tác Ấn Giáng Ma, tay thứ ba hướng xuống dưới rún, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen sáu, lại tạo hình dung mạo Thiên Nữ hiện lên rải Hoa ở hai bên trên đầu.

Lại còn có cách nói, đem 6 tay này và sáu Quán Âm phối hợp với 6 nẻo là: Bên phải: Tay thứ nhất làm tư thế suy nghĩ, phối trí với Thánh Quán Âm, cứu tế chúng sinh bị khổ trong nẻo Địa Ngục, tay thứ hai cầm Viên Ngọc Báu Như Ý, phối trí với Thiên Thủ Quán Âm, cứu chúng sinh bị khổ đói khát ở nẻo Ngạ Quỷ, tay thứ ba cầm Tràng Hạt, phối trí với Mã Đầu Quán Âm, độ hóa chúng sinh bị đánh đập đau khổ ở nẻo súc sinh. Bên trái: Tay thứ nhất là tay Quang Minh Sơn, phối trí với Thập Nhất Diện Quán Âm, cứu chúng sinh bị khổ vì đấu tranh ở nẻo A Tu La, tay thứ hai cầm Hoa Sen, phối trí với Chuẩn Đề Quán Âm, giáo hóa chúng sinh ở nẻo Người, tay thứ ba là tay Kim Cang Thủ, phối trí với Như Ý Luân Quán Âm, phá sự chấp có của nẻo Trời.



NHƯ Ý LUÂN QUÁN ÂM CÓ SÁU CÁNH TAY (QUÁN ÂM VIÊN thuộc THAI TẠNG MẠN TRÀ LA)

Tượng 10 tay trong “**Giác Thiên Sao**” kể rằng: “Tay thứ nhất bên phải bên trái chấp tay lại để trên đỉnh đầu, tay thứ hai cầm Nhật Châu, tay thứ ba cầm Như Ý Bảo Châu, tay thứ tư cầm cái Táo Bình gần miệng bình có Hoa Sen Xanh, tay thứ năm cầm Chú Sách (Sợi dây chú), tay phải thứ hai cầm Nguyệt Châu, tay thứ ba cầm bánh xe, tay thứ tư cầm Bạt Chiết La, tay thứ năm cầm Tràng Hạt. Trên đỉnh đầu phóng ra nguồn ánh sáng lớn, chiếu 10 phương Đại Địa, thân mặc áo Thiên Y, đầu, gáy, hai tay có anh lạc 7 báu. Ngoài ra còn có **Thập Địa Bồ Tát** (Das’abhūmayah-bodhisattva) từ dưới đất nhảy vọt lên, hai tay nâng chân của đức Quán Âm. Lại nữa, bên trái tượng Như Ý luân Quán Âm có vẽ Phạm Thiên, Tì Sa Môn (Đa Văn Thiên), Tì Lô Bác Xoa (Quảng Mục Thiên). Bên phải có vẽ Trời Đế Thích (Đế Thích Thiên), Đề Đầu La Đà (Trì Quốc Thiên), Tì Lô Lạc Xoa (Tăng Trưởng Thiên). Tượng 10 tay này lược bỏ tay thứ năm hai bên phải trái liền thành tượng 8 tay.

Tượng 12 tay, thân màu hồng trắng, dùng lụa hồng đào buộc ở bên hông tỏa rắng mây ngũ sắc, lụa mỏng màu hồng làm quần, chân đạp lên Hoa Sen trắng trong hồ nước. Hai tay bên trái bên phải chấp lại để trên đỉnh đầu, tay trái thứ hai cầm Kim Luân, tay thứ ba ngón cái, ngón áp út cầm cọng Hoa Sen sáu, trong Hoa Sen

có 1 viên ngọc báu như ý, tay thứ tư Tác Hân Hỷ Ấn, tay thứ năm cầm cái Bình Táo Quán. Tay phải thứ hai cầm Bạt Chiết La, tay thứ ba cầm cây gậy như ý, tay thứ tư cầm Tam Cổ Xoa, tay thứ năm Tác Thí Vô Úy; Tay thứ sáu bên phải bên trái Kết Tụ Tại Thần Thông Như Ý Thần Lực ấn. Ở trên lại có hai vị Trời rải hoa cúng dường, ở dưới bên trái vẽ Kim Cang Vương Bồ Tát, bên phải vẽ Quân Trà Lợi Bồ Tát.

Do **Như Ý Luân Quán Âm**, trải qua các triều đại đến nay được sùng kính rất nhiều, từ xưa đến nay các nước ở biển nam cũng có không ít người tín ngưỡng, do đó cũng chẳng thể thiếu tượng để bảo tồn, như tượng vẽ Như Ý Luân Quán Âm 6 tay trong động ngàn Phật (Thiên Phật) ở Đôn Hoàng, ngoài ra ở các nước Tư Lĩ Lan Ca, Ấn Độ Ni Tây Á, Nhật Bản...cũng có tạc các loại tượng của Bồ Tát này.



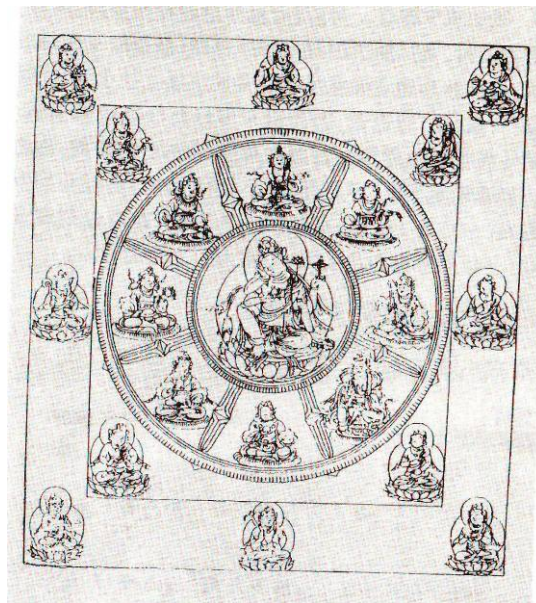
NHƯ Ý LUÂN QUÁN ÂM CÓ HAI CÁNH TAY

Dùng Như Ý Luân Quán Âm làm Bản Tôn, vì động cơ của pháp tu này là tăng trưởng Phước Đức, ý nguyện đầy đủ, các tội giảm diệt, nhờ bỏ các khổ, gọi là Như Ý Luân Quán Âm Pháp, hoặc Như Ý Bảo Châu Pháp.



NHƯ Ý LUÂN QUÁN ÂM CÓ MƯỜI HAI CÁNH TAY

Ngoài ra y theo “**Thất Tinh Như Ý Luân Bí Mật Yếu Kinh**” ghi chép, lúc Đức Phật tại thế, Đại Quốc Câu Thi La khởi binh bao vây thành Ca Di, Vua Ba Tư Nặc hướng về Đức Phật cầu xin cứu giúp. Đức Phật liền dạy xây dựng Đạo Tràng Thất Tinh Hỏa Đàn Như Ý Bảo Luân Ban Đa La, như Pháp Tu Trì, giặc giã tự nhiên lui tan, do đó các Triều Đại trở lại đây phần nhiều Tu Pháp này để trị giặc nghịch lui tan. Ngoài ra còn có dùng Như Ý Luân Quán Âm làm Chủ Tôn để xây dựng Mạn Trà La gọi là Như Ý Luân Mạn Trà La, thấy rõ trong Thai tạng Mạn Trà La, trang 146, thiên thứ I “**Mật Giáo Mạn Trà La Đồ Điển**” thuộc bộ “**Phật Giáo Tiểu Bách Khoa,3**”, vị trí Tôn này được bày ở Quán Âm Viện, Tam Muội Gia Hình là Viên Ngọc Báu Như Ý, Ấn Tướng là Như Ý Luân Quán Âm Ấn.



THẤT TINH NHƯ Ý LUÂN MẠN TRÀ LA

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỦNG TỬ CỦA NHƯ Ý LUÂN QUÁN ÂM

Chữ Chủng Tử: 唵 (Hrìh)

Chân Ngôn:

{ Trung Chú }

(1) Án (2) phả na ma (3) chấn đa ma ni (4) nhập phộc la (5) hồng

ॐ (1) ॐ (2) ॐ (3) ॐ (4) ॐ (5)

(1) OM (2) PADMA (3) CINTÀ-MANI (4) JVALA (5) HÙM

(1) Quy Mạng (2) Liên Hoa (3) Như Ý Bảo Châu (4) Quang Minh
(5) Hồng (nghĩa là Tồi Phá)

{Tiểu Chú 1}

(1) **Án** (2) **phộc la na** (3) **phả nạp minh** (4) **hông**

ॐ वरुण पद्मे हूँ

(1) OM (2) VARAṆA (3) PADME (4) HŪM

(1) Quy Mạng (2) Dữ Nguyễn (3) Hoa Sen (4) Hồng (nghĩa là Tồi

Phá)

{Tiểu Chú 2}

(1) **Án** (2) **ma ni** (3) **bát đầu mê** (4) **hông**

ॐ (1) मणि (2) पद्मे (3) हूँ (4)

(1) OM (2) MANI (3) PADME (4) HŪM

(1) Quy Mạng (2) Dữ Nguyễn (3) Hoa Sen (4) Hồng (nghĩa là Tồi

Phá)

MÃ ĐẦU QUÁN ÂM

Mã Đầu Quán Âm (Tên Phạn là: Hayariva), âm của tên Phạn là **Hạ Dã Hột Lí Phộc, A Gia Yết Lợi Bà, Hà Gia Yết Lợi Bà**, dịch âm là **Đại Lực Trì Minh Vương**. Tôn này là 1 trong 8 Đại Minh Vương, là **Phần Nộ Trì Minh Vương** của Liên Hoa Bộ trong Minh Vương của 3 bộ ở Thai Tạng Giới thuộc Mật Giáo. Có vị trí trong Quán Âm Viện của Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La, lại gọi là **Mã Đầu Đại Sĩ, Mã Đầu Minh Vương, Mã Đầu Kim Cang Minh Vương**, tục gọi là **Mã Đầu Tôn**. Mật hiệu là **Đạm Thực Kim Cang, Tấn Tốc Kim Cang**, và trong “ **Ma Ha Chỉ Quán** “ cũng nói Tôn này là **Sư Tử Vô Úy Quán Âm** khi phối trí với 6 nẻo là Cứu Hộ Tôn của nẻo súc sinh.



CỨU HỘ CHỦ MÃ ĐẦU MINH VƯƠNG của NẸO SÚC SINH

Mã Đầu Minh Vương dùng Quán Âm Bồ Tát làm Tự Tính Thân, thị hiện hình đại phẫn nộ, để đầu ngựa ở trên đỉnh, là một trong những thân biến hóa của **Quán Thế Âm Bồ Tát**. Nhân vì Tâm Từ Bi sâu rộng, cho nên bẻ gãy, diệt trừ tất cả ma chướng, dùng Đại Uy Nhật Luân chiếu soi phá tan ám tối của chúng sinh, ăn nuốt vô minh phiền não của chúng sinh.



MÃ ĐẦU QUÁN ÂM CÓ HAI CÁNH TAY

Trong quyển thượng “ **Thánh Hạ Dã Hột Lí Phộc Đại Uy Nộ Vương Lập Thành Đại Thần Nghiệm Cúng Dưỡng Niệm Tụng Nghi Quỹ Pháp Phẩm**“ nói rằng:

Hạ Dã Hột Lí Phộc (Mã Đầu Quán Âm)

Hay bẻ gãy Ma Chướng

Dùng phương tiện Từ Bi

Hiện hình đại phẫn nộ

Thành Đại Uy Nhật Luân

Chiếu sáng vô biên cõi

Người tu hành ám tối

Mau chứng được Tất Địa

Thấm nhuận nước Cam Lộ

Tẩy rửa trong tàng thức

Huân tập tạt chủng tử

Mau gom nhóm Phước Trí

Được Viên Tịnh Pháp Thân

Nên con cúi đầu lễ.

Và trong **Phẩm Nghi Quỹ** trên lại nói Ta dùng Đại Từ Đại Bi lấy miệng con ngựa làm Bản Thệ sâu nặng, hóa độ cho tất cả chúng sinh hơn hẳn các Tôn. Do Đại Từ cho nên không nhiễm dính nơi Sinh Tử, do Đại Bi cho nên không trụ ở Niết Bàn. Thường trụ trong các cảnh giới vô minh, đoạn hết các nẻo ác, diệt hết khổ não Sinh, Lão, Bệnh, Tử của 4 loài trong 6 nẻo, lại hay ăn nuốt diệt hết, chọn sự việc gần đây

ví như con ngựa gầy đói ăn cỏ, lại không có niệm khác. Vì sức Bản Nguyên này cho nên ở 10 phương Quốc Thổ không có chỗ nào không hiện thân. Lại nữa “Nếu vừa mới nhớ đến Uy Nộ Vương đó, hay khiến cho tất cả loài gây chướng nạn đều bị chặt đứt hủy hoại, tất cả chướng chẳng dám lại gần, thường được xa lìa. Ở nơi cư trú của người tu hành đó, trong 40 dặm không có việc Ma với các Quỷ Thần.... và các Bồ Tát cùng trụ ở đó”. Do đây có thể sơ lược thấy rõ, Bi Nguyên sâu nặng với thế lực quyền uy lớn của Tôn này.

Tôn hình của Mã Đầu Quán Âm có nhiều loại hình tượng khác nhau: 1 mặt 2 cánh tay, 1 mặt 4 cánh tay, 3 mặt 2 cánh tay, 3 mặt 8 cánh tay, 4 mặt 8 cánh tay.... Trong đó 1 mặt 2 cánh tay thì 2 cánh tay hoặc chấp lại hoặc kết Thí Vô Úy Ấn.

“ **Giác Thiên Sao** “ trích dẫn trong “ **Bát Không Quyển Sách Kinh** “ nói rằng: Tay trái cầm cây búa, tay phải cầm hoa sen. Nhưng cũng có khi tay trái cầm sen, tay phải cầm gậy hoặc tay trái kết Thí Vô Úy Ấn, tay phải cầm sen.



MÃ ĐẦU QUÁN ÂM

Trong “ **Hà Gia Yết Lợi Bà Tượng Pháp** “ có tạo tượng 4 mặt 2 cánh tay rằng : Mặt chính giữa là mặt Bồ tát rất đoan chính, dung mạo từ bi, nhan sắc màu trắng đỏ, tóc thuần màu xanh. Mặt bên trái là mặt Đại Sân Nộ màu đen, lông nanh chó lên trên, tóc hơi dựng đứng như màu lửa. Mặt bên phải có dung mạo Đại Tiểu (cười to) màu trắng đỏ đoan chính như mặt Bồ Tát, tóc thuần màu xanh. Trên mào có một vị Hóa Phật ngồi kiết già. Trên đỉnh đầu của mặt chính giữa là một cái đầu ngựa màu xanh biếc đang ngậm miệng. Tay trái có cánh tay để trước vú cầm hoa sen hồng, ngồi trên đài hoa ấy là một vị Hóa Phật, thân mặc áo cà sa ngồi kiết già, sau cổ và sau lưng có ánh hào quang. Ngửa lòng bàn tay phải nâng viên ngọc Chân Đà Ma Ni (ngọc như ý), viên ngọc này tròn trịa màu trắng, chung quanh viên ngọc này có ánh lửa hào quang màu đỏ bao vây. Ngay bên dưới viên ngọc ở tay phải tuôn mưa các loại báu vật. Thân đứng đoan chính trên hoa sen hồng.

Trong “ **Đại Thánh Diệu Cát Tường Bồ Tát Bí Mật Bát tự Đà La Ni Tu Hạnh Mạn Trà La Thứ Đệ Nghi Quỹ Pháp** “ thì kể Tượng có 3 mặt 8 cánh tay:

Góc đông bắc vẽ Mã Đầu Minh Vương. Có 3 mặt, 8 cánh tay cầm các Trượng Khí. Bên trái: Tay bên trên cầm hoa sen, 1 tay cầm cái bình, dùng 2 tay kết Ấn Khế. Bên phải: Tay bên trên cầm cây búa, 1 tay cầm râu chuối, 1 tay cầm sợi dây. Luân Vương ngồi trong hoa sen, có Tượng đại phần nộ, xuất hiện tư thế rất ác mạnh mẽ.

Ngoài ra trong quyển hạ “**Đại Thân Nghiệm Cúng Đường Niệm Tụng Nghi Quỹ Pháp Phẩm**” cũng có tượng 4 mặt 8 cánh tay cỡi con trâu, căn cứ vào sự ghi chép của Phẩm này, nên đúc 1 tượng Kim Cang Uy Nộ vương, tùy ý lớn nhỏ. Tượng hình có 4 mặt 8 cánh tay, mỗi miệng của 4 mặt đều xuất hiện răng nanh bén trên dưới, 8 tay cầm Kim Cang Khí Trượng, ngay trên đỉnh của mặt chính có 1 cái đầu ngựa màu xanh biếc, tóc như lửa xoắn, hình Đại Bạo Ác cỡi con trâu xanh, trên lưng trâu có hình hoa sen, ngồi chồm hồm trên hình hoa sen, khắp thân lửa rực sáng chói bóng vượt hơn kiếp tai. Đại Uy Nộ Vương giáng phục oán địch của 3 đời, có hình màu nhiệm như trên.

Nhưng trong quyển 3 “**Chư Thuyết Bất Đồng Ký**”, có ghi chép về Hình Tượng của Bồ Tát này trong Quán Âm Viện thuộc Thai Tạng Mạn Trà La là Tượng có 3 mặt 2 cánh tay: Toàn thân màu đỏ, có 3 mặt 3 mắt, tác hình Phần Nộ, răng trên cắn môi dưới, 2 răng nanh hướng lên trên. Đầu có Mào bằng sợi dây vàng, không có vẽ Mào, 2 đầu sợi dây co gập lại tung bay, đeo khuyên tai, khuyên tai có hạt châu bằng vàng, trán có Vị Hóa Phật ngồi, trên đỉnh xuất hiện đầu con ngựa trắng. Hai tay chấp lại, móng ngón tay trở vịn vào nhau, ngón vô danh cài chéo nhau bên ngoài. Mặc Thiên Y, cánh tay không có vòng xuyên, đeo vòng Hoa làm bằng viên ngọc xanh, đầu bên trái của sợi dây lưng từ trên bắp chân hướng ra bên ngoài rũ xuống, đeo vòng chân, dựng thẳng gối phải. Y theo Tượng này vào Đời Nhà Đường- trong “**Đại Nhật Kinh Sớ**” Ngài Nhất Hạnh tiến một bước nói: Thân có màu vàng có màu đỏ, như màu mặt Trời mới mọc, dùng Hoa Sen Trắng, Anh Lạc.... Trang nghiêm trên ấy, lửa sáng uy mãnh, hách dịch như vòng Hoa, móng tay dài bén, 2 răng nanh nhô ra ngoài hướng lên trên, tóc trên đầu như lông bướm con Sư Tử. Hiện bày trạng thái giận hét. Đó là Phần Nộ Trì Minh Vương của Liên Hoa Bộ. Giống như con Ngựa Báu của Chuyển Luân Vương tuần tra 4 Châu, tất cả mọi lúc, tất cả mọi nơi, rửa sạch tất cả tạp niệm, sức tinh tiến của Bồ Tát cũng như vậy, được uy thế dũng mãnh như trên, trong chướng nặng của sinh tử chẳng tiếc thân mạng, bởi vì Tội Phục nghiệp chướng ở mọi nơi, chính là Tâm Đại Bi trắng sạch, cho nên dùng Hoa Sen Trắng, Anh Lạc trang sức trên thân ấy.

Tuy nhiên hình tượng của **Mã Đầu Quán Âm** đều có điểm chung là đầu đội đầu ngựa trắng, nhưng vùng mặt biểu thị cho Tình hoặc là Tượng phần nộ hoặc là Tượng đại tiểu, so với biểu thị Tình của Bồ Tát nói chung có chỗ khác nhau.

Dùng Bồ Tát này làm Bản Tôn để tu pháp thì khẩn cầu điều phục được người ác, dứt trừ mọi bệnh, oán địch lui tan, nghị luận được thắng, gọi là **Mã Đầu Pháp**. Tam Muội Gia Hình là Đầu ngựa trắng, ấn tướng là Mã Đầu Ấn.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA MÃ ĐẦU MINH VƯƠNG

Chữ Chung Tử: हं (Ham) hoặc ष (Khà) hoặc हूं (Hùm)

Chân Ngôn:

ॐ मः (1) म म म व व व (2) ष ष ष (3) हं हं (4) हूं हूं (5) हूं (6)

(1) Nam ma (2) Tam mạn đa bột đà nam (3) khư na dã (4) bạn nhã
(5) sa phá tra dã (6) toa ha

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA-BUDDHĀNAM (3) KHĀDĀYA (4)
BHAMJA (5) SPHAṬYA (6) SVĀHĀ

(1) Quy mạng (2) Phổ Biến Chư Phật (3) ăn nuốt (4) đánh Phá (5) phá
hết (6) Thành Tựu

ॐ (1) म म म व व व (2) हूं (3) ष ष ष (4) हं हं (5) हूं हूं (6)
हूं (7)

(1) Nam mô (2) tam mạn đa bột đà nam (3) hàm (4) khư na dã (5)
bạn nhã (6) sa phá tra dã (7) toa ha

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA-BUDDHĀNAM (3) HŪM (4) KHĀDĀYA
(5) BHAMJA (6) SPHAṬYA (7) SVĀHĀ

(1) Quy mạng (2) Phổ Biến Chư Phật (3) Hàm (chung tử) (4) ăn nuốt
(5) đánh phá (6) phá hết (7) Thành Tựu

ॐ (1) म म म न न न (2) हूं हूं (3) हूं (4)

(1) Án (2) a mật lí đô nạp bà phộc (3) hàm phát tra (4) sa phộc hạ

(1) OM (2) AMRTODBHAVA (3) HŪM-PHAṬ (4) SVĀHĀ

(1) Quy mạng (2) Cam Lộ phát sinh (3) khủng bố phá hoại (phá tan sự sợ
hãi) (4) Thành Tựu



MÃ ĐẦU QUÁN ÂM
(QUÁN ÂM VIỆN thuộc THAI TẠNG MẠN TRÀ LA)

{Chư Chướng Đạm Thực Chân Ngôn}

**Nam mô tam mạn đa mẩu đà nam. Mâu, khư dạ đà, bạn đô, tát bà tra dã,
toa ha**

[ND: NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNAM _ HAM KHĀDĀYA BHAMJA
SPHAṬYA SVĀHĀ]

Chân ngôn này dùng công đức của Không Hành hay ăn nuốt chướng ngại Bồ Đề là tất cả pháp của 3 cõi trao cho chúng sinh Thực Tướng Diệu Quả của các pháp.

BẤT KHÔNG QUYẾN SÁCH QUÁN ÂM

Bất Không Quyến Sách Quán Âm (Tên Phạn là: Amogha-pà'sa). Dịch âm tên Phạn là A Mô Gia Bà Xá, **Amogha** ý nghĩa là **Bất Không**, **pà'sa** thì ý nghĩa là **Quyến Sách**. Tên đầy đủ là **Bất Không Quyến Sách Quán Thế Âm Bồ Tát, Bất Không Quảng Đại Minh Vương Quán Thế Âm Bồ Tát, Bất Không Tất Địa Vương Quán Thế Âm Bồ Tát, Bất Không Quyến Sách Bồ Tát**, Mật Hiệu là **Đẳng Dẫn Kim Cang**.



BẤT KHÔNG QUYẾN SÁCH QUÁN ÂM CÓ TÁM CÁNH TAY

Y theo “**Bất Không Quyến Sách Thân Biến Chân Ngôn Kinh**” truyền lại, trong quá khứ, 91 kiếp cuối cùng, **Quán Thế Âm Bồ Tát** từng trải qua sự tiếp nhận truyền thụ của **Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai**, mà học được **Bất Không Quyến Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni**. Lúc vừa mới được **Đà La Ni** này, liền chứng được **Thập Bá Thiên Bất Không Vô Hoặc Trí Trang Nghiêm Thủ Tam Ma Địa Môn**, do sức của **Chân Ngôn** này, hiện thấy hết thấy **Hội Chúng** của **Chư Phật Như Lai** trong vô lượng vô số mọi loại **Quốc Độ** ở mười phương, mà đều cúng dường **Pháp lảng nghe thâm sâu**, **trần trở giáo hóa vô lượng Hữu Tình**, đều được **phát sinh hương tới Vô Thượng Bồ Đề**. Sau đó **Quán Thế Âm Bồ Tát** thường dùng

Chân Ngôn Giáo Pháp này, Hóa Đạo vô lượng trăm ngàn chúng sinh. Do đó, nên Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện Hóa Thân, lúc dùng pháp này cứu độ chúng sinh, liền gọi là Bất Không Quyển Sách Quán Âm.

“**Bất Không**” (Amogha) là một tên gọi của Bất Không Quyển Sách Quán Âm, ý nghĩa là chỉ Tâm Nguyên Bất Không. “**Quyển Sách**” (Pà'sa) nguyên là chỉ ở Ấn Độ Cổ Đại, trong lúc chiến tranh hoặc săn bắn dùng dây thừng để bắt Người và Ngựa. Dùng “**Bất Không Quyển Sách**” làm tên, ý nghĩa là tượng trưng cho Quán Thế Âm Bồ Tát dùng sợi dây (La sách) của Từ Bi, cứu độ hóa đạo chúng sinh, Tâm Nguyên ấy chẳng hợp với **Lạc Không** (rơi vào sự trống không). Nhưng cũng dùng sợi dây làm Tam Muội Gia Hình.

Cho nên, hình tượng của Tôn Quán Âm này, tuy nhiên có nhiều loại: 1 mặt 8 cánh tay hoặc 3 mặt 6 cánh tay, vả lại tay cầm sợi dây có ý nghĩa là Nhiếp Phục chúng sinh. Nhưng ngụ ý chân chính là Từ Bi rộng lớn của Thệ Nguyên sâu rộng.



BẤT KHÔNG QUYỂN SÁCH QUÁN ÂM CÓ 3 CON MẶT 8 CÁNH TAY

Tôn Hình của Tôn này có nhiều loại Hình Tượng khác nhau, y theo “**Bất Không Quyển Sách Thần Biến Chân Ngôn Kinh**” kể lại, là Hình có 1 mặt 4 cánh tay, diện mạo vui vẻ, đầu đội Mão Báu, Mão có Vị Hóa Phật, trong 4 cánh tay trừ 1 tay giương chưởng ra bên ngoài, 3 tay còn lại phân biệt cầm Hoa Sen, Sợi Dây, Tam Kích Xoa. Trong Kinh này cũng nêu rõ Tượng có 3 mặt 6 cánh tay, nói rằng: Mặt chính vui vẻ, mặt bên trái nhãn mày trợn mắt há miệng, răng nanh hướng lên trên, mặt bên phải nhãn mày trợn mắt ngậm miệng. Đầu đội Mão Báu, Mão có Vị Hóa Phật, các tay cầm Hoa Sen, Sợi Dây, Tam Kích Xoa, một tay Tác Thí Vô Úy, một tay nâng Chưởng (? Thiếu tay thứ 6) ngồi Kiết Già trên Hoa Sen.

Bồ Tát này trong **Quán Âm Viện thuộc Thai Tạng Mạn Trà La**, thì Hình Tượng là có 3 mặt 4 cánh tay, mỗi mặt đều có 3 mắt, mặt chính màu thịt, mặt bên phải màu xanh, mặt bên trái màu đen, ý nghĩa là biểu thị cho 3 Đức. Bên trái: Tay

thứ nhất cầm Hoa Sen, tay thứ hai cầm Sợi Dây. Bên Phải: Tay thứ nhất cầm Tràng Hạt, tay thứ hai cầm cái Bình Quân Trì. Cũng có khoác Cà Sa làm bằng da Hươu.



BẤT KHÔNG QUYẾN SÁCH QUÁN ÂM CÓ BA MẶT BỐN CÁNH TAY (QUÁN ÂM VIỆN thuộc THAI TẠNG MẠN TRÀ LA)

Ngoài ra có 1 mặt 3 mắt 18 cánh tay, 1 mặt 4 cánh tay (hoặc 32 cánh tay), 3 mắt 2 cánh tay (hoặc 4 cánh tay, 6 cánh tay, 10 cánh tay, 18 cánh tay)... Phổ biến nhất là Tượng có 1 mặt 3 mắt 8 cánh tay, Hình Tượng như sau:

Sợi lông trắng giữa chân mày dựng lên, tay thứ nhất bên trái bên phải chấp lại để ngang ngực. Bên trái: kế đến tay cầm Hoa Sen, tiếp theo tay ở trên gối cầm Sợi Dây, tay thứ tư Tác Dữ Nguyệt Ấn. Bên Phải: Tay thứ hai cầm cây Tích Trượng, tay thứ ba ở trên Già (thế ngồi) cầm cây Phát Trần Trắng, tay thứ tư Tác Dữ Nguyệt Ấn, rũ các ngón xuống giữa lòng bàn tay, Ấn bên phải bên trái giống nhau không cầm vật. 2 bàn chân bên trái đè bên phải, mặc Cà Sa làm bằng da Hươu.

Y theo Kinh Điển ghi chép, phàm người nào như Pháp Thọ Trì Bất Không Quyến Sách Tâm Vương Mẫu Đà La Ni, hiện đời có thể được 28 loại công đức như: Không bệnh tật, giàu có, không có tai họa đột ngột, tất cả Chư Thiên thường thủ hộ, đều được bốn Tâm vô lượng, lúc Lâm Chung cũng có thể được 8 loại lợi ích như: Không có các bệnh khổ, Quán Âm đến khuyến đạo, tùy nguyện vãng sinh về cõi Tịnh Thổ của Chư Phật, hóa sinh trong Hoa Sen, thường thấy Chư Phật, thường không thoái chuyển.... Thậm chí còn có Công Đức bảo vệ đất nước giúp đỡ nhân dân, phòng ngừa Thiên Tai Địa biến. Trong Mật Giáo cũng có dùng Bản Tôn này làm Pháp Tu.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỦNG TỬ CỦA BẤT KHÔNG QUYẾN SÁCH QUÁN ÂM

Chữ Chung Tử: 𑖀 (MO) hoặc 𑖂 (SA) hoặc 𑖃 (HUM)

Chân Ngôn:

[Liên Hoa Quyến Sách]

ॐ(1) अम(2) चक्र(3) पद्म(4) क्रु(5) कथय(6) प्रहिय(7)
 मन्त्रचक्र(8) यम(9) वरुण(10) कुहर(11) वृश्चि(12) जलदर(13)
 चक्रकुर्व(14) ममि(15) ह्रं ह्रं(16)

(1) Án (2) a mô gia (3) Phá na ma (4) bá xá (5) cử lỗ đà (6) yết
 la sái dã (7) bát la phệ xá dã (8) ma ha phả thâu phả để (9) diệm ma
 (10) phộc lỗ nã (11) cử phệ la (12) một la hám ma (13) phệ sái đà la
 (14) phả na ma cử bài (15) tam ma điếm (16) hồng hồng

(1) OM (2) AMOGHA (3) PADMA (4) PÀ'SA (5) KRODHÀ (6)
 KARṢAYA (7) PRAVES'SAYA (8) MAHÀ-PA'SU-PATI (9) YAMA (10)
 VARUṆA (11) KUIVERA (12) BRAHMA (13) VEṢA-DHARA (14)
 PADMA-KULA (15) SAMAYAM (16) HÙM HÙM

(1) Quy Mạng (2) Bất Không (3) Liên Hoa (4) Quyển Sách (5) giận
 dữ (6) Tác Nghiệp (7) Biến Nhập (nhập vào) (8) Đại Thù Chủ (9) Diệm
 Ma (tên Thần) (10) Thủy Thiên (11) Cử Phệ La (tên Thần) (12) Phạm Thiên
 (13) Trì Bị Y (cầm áo khoác) (14) Liên Hoa Bộ (15) Bình Đẳng (16) Hồng
 Hồng (chủng tử)

[Tùỵ Tố Sự Thành Tự Châñ Ngôn] (Châñ Ngôn tùỵ theo sự việç mà
 Thành Tự)

ॐ(1) अम(2) वरुण(3) ह्रं क्रु(4)

(1) Án (2) a mô gia (3) òi ðo gia (4) hồng phán tra

(1) OM (2) AMOGHA (3) VIJAYA (4) HÙM PHAT

(1) Quy Mạng (2) Bất Không (3) Tối Thắng (4) Mãn Nguyễn Phá Hoại

[Bí Mật Tiểu Tâm Chú Châñ Ngôn]

ॐ(1) चक्रदर(2) अम(3) कथय(4) प्रहिय(5) मन्त्र(6)

(1)Án (2) bát ðâu ma ða la (3) a mô gia (4) nhã dã nê (5) chủ lỗ
 chủ lỗ (6) sa phộc hạ

(1) OM (2) PADMA-DHARA (3) AMOGHA (4) JAYANE (5)
 'SRU-'SRU (6) SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) cầm Hoa Sen (3) Bất Không (4) Thắng Lợi (5)
 Hảo Hình Cựç Hảo Hình (Hình tốt hình rất tốt) (6) Thành Tự



BẤT KHÔNG QUYẾN SÁCH QUÁN ÂM

CHUẨN ĐỀ QUÁN ÂM

Chuẩn Đề Quán Âm (Tên Phạn là: Cundi), lại gọi là **Chuẩn Đề**, **Chuẩn Chi**, **Chuẩn Đề Bồ Tát**, **Chuẩn Đề Phật Mẫu**, **Phật Mẫu Chuẩn Đề**, **Tôn Na** (Sunda, nghĩa là Huy lệ) **Phật Mẫu**, **Thất Câu Chi Phật Mẫu**.... Đại Bồ Tát dùng Chuẩn Đề Chú để phổ biến, làm rõ cho giáo đồ Phật Giáo Mật Tông cùng biết. Là một trong sáu vị Quán Âm, lấy việc cứu độ chúng sinh ở nhân gian làm chủ, ở Thiên Đài Tông lại được gọi là **Thiên Nhân Trượng Phu Quán Âm**. Mật Hiệu là **Tối Thắng Kim Cang**.

Chuẩn Đề dịch ý là **Thanh Tịnh**, là **Hộ Trì Phật Pháp**, là vị Bồ Tát hay vì sự hộ mạng sống lâu của chúng sinh. Còn như tên “ **Thất Câu Chi Phật Mẫu** ” (Tên Phạn là Saptakoṭi-buddha-mātṛ), thì xuất xứ từ “ **Thất Câu Chi Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Minh Đà La Ni Kinh**” trong Kinh này có nói “ **Quá Khứ Thất Câu Chi Chuẩn Đề Như Lai Đẳng Phật Mẫu Chuẩn Đề Đà La Ni** ”. Thất câu chi tức là 7 trăm triệu, có lúc Thất Câu Chi Phật Mẫu lại được gọi là **Tam Thế Phật Mẫu**, Ngài và Văn Thù Bồ Tát được gọi là Tam Thế Phật Mẫu, ý nghĩa đều giống nhau. Nhưng cách nói của “ Chuẩn Đề Phật Mẫu ” chủ yếu là từ Thất Câu Chi Phật Mẫu, ý tưởng là mẹ của Chư Phật ở ba đời, lại gọi là **Tam Giới Mẫu** hoặc **Thế Mẫu** (Thân Mẫu của Thế Gian).

Trong Thai Tạng Giới Mạn Trà La, **Thất Câu Chi Phật Mẫu**, vị trí được bày ở Biến Tri Viện là Mẫu của Liên Hoa Bộ, là Đức sinh ra mọi công đức của các Tôn trong Liên Hoa Bộ cho nên là Phật Mẫu Tôn. Tam Hình là Ấn Thuyết Pháp hoặc là cái Hiền Bình, Ấn Tướng là Liên Hoa Hợp Chưởng.



CHUẨN ĐỀ QUÁN ÂM CỨU ĐỘ CHÚNG SINH Ở NHÂN GIAN

Ở Nhật Bản, Đài Mật dùng Chuẩn Đề là một Tôn trong Phật Bộ, Đông Mật thì dùng Chuẩn Đề là một trong sáu vị Quán Âm. Nhưng bất luận là thuộc ở Bộ nào, trong tim mắt của Phật Giáo Đồ tại Trung Quốc và Nhật Bản thì Chuẩn Đề Bồ Tát là một vị Bồ Tát vĩ đại có cảm ứng rất lớn; đối với việc sùng bái Ngài thì quan tâm vô hạn.

Trong “**Thất Câu Chi Phật Mẫu Sở Thuyết Chuẩn Đề Đà La Ni Kinh**” ghi chép rằng: Đức Phật vì thương xót chúng sinh kém phước nhiều nghiệp ác ở đời vị lai, liền nhập vào Chuẩn Đề Tam Ma Địa (Cunḍhi samādhi) nói Đà La Ni mà thất câu chi (7 trăm triệu) Phật đời quá khứ đã nói. Trong quyển 4 “**Phật Thuyết Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh**”, do nguyên nhân dưới đây mà Đức Thế Tôn tuyên nói Lục Tự Đại Minh Chú, có 77 câu chi Như Lai cùng đến tuyên nói Đà La Ni này, trong Kinh nói: “ Ngay sau đó, có 77 câu chi Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác đều đến tập hội, các Như Lai ấy đều nói Đà La Ni.... Thế là lúc 77 câu chi Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác nói Đà La Ni này. Trên thân của **Quán Tự Tại Bồ Tát** có một lỗ chân lông tên là **Nhật Quang Minh**, trong đó có vô số trăm ngàn vạn câu chi na sru đa Bồ Tát”.

Liên quan đến công đức thù thắng của Chú này trong “**Thất Câu Chi Phật Mẫu Sở Thuyết Chuẩn Đề Đà La Ni Kinh**” nói rằng: ” Nếu có Bồ Tát tại gia hay xuất gia tu **Hạnh Chân Ngôn**, tụng trì Đà La Ni này mãn 90 vạn biến, thì 10 tội ác, 4 tội nặng, 5 tội vô gián đã gây tạo ra trong vô lượng kiếp thấy đều tiêu diệt, nơi sinh ra thường gặp Chư Phật Bồ Tát, tài bảo dư dả, thường được xuất gia.

Nếu là Bồ Tát tại gia, tu trì **Giới Hạnh** bền chắc chẳng thoái lui, tụng Trì Đà La Ni này sinh vào cõi Trời. Hoặc ở nhân gian thường làm Quốc Vương, chẳng bị đọa

vào nẻo ác, gần gũi Thánh Hiền, Chư Thiên yêu kính ủng hộ gia trì. Nếu kinh doanh các việc ở đời thì không có tai hoạ, nghi dung đoan chính, lời nói oai vệ, tâm không lo lắng buồn phiền.

Nếu là Bồ Tát xuất gia giữ đầy đủ các Cấm Giới, 3 thời tụng niệm y theo giáo tu hành. Đời này mong cầu Tất Địa xuất thế gian thì Định Tuệ hiện tiền, chứng Địa Ba La Mật tròn đầy, mau chóng chứng **Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề**.



THẤT CÂU CHI PHẬT MẪU
(BIẾN TRI VIÊN thuộc THAI TẠNG MẠN TRÀ LA)

Ngoài ra, nếu tụng mãn 1.000 biến, liền vào trong mộng thấy Đức Phật Bồ Tát, liền nôn ra vật màu đen. Nếu người đó bị tội rất nặng, tụng 20.000 biến, liền mộng thấy Chư Thiên, nhà, chùa, phòng ốc. Hoặc lên núi cao, hoặc thấy trên cây, hoặc thấy tắm gội ở trong ao lớn, hoặc thấy bay trên hư không....

Nếu chẳng thấy cảnh giới như vậy nên biết người này đời trước tạo 5 tội Vô Gián, cần phải tụng đủ 70.000 biến, liền thấy cảnh giới như trên. Nên biết diệt tội liền thành Tiên Hạnh (Pháp hành trước tiên). Sau đó y theo Pháp vẽ Tượng Bản Tôn. Hoặc 3 thời, hoặc 4 thời, hoặc 6 thời y theo pháp cúng dường cầu Tất Địa Thế Gian, Xuất Thế Gian cho đến Vô Thượng Bồ Đề thấy đều đạt được.

Trong đó các Kinh Quỹ ghi chép số biến tụng Chú với cảnh trong mộng tuy có khác nhau, nhưng tóm lại có thể thấy tụng trì Pháp Chuẩn Đề chú này rất hiệu nghiệm và thù thắng.

Đồ Tượng của Chuẩn Đề Quán Âm có 9 loại: 2 cánh tay, 4 cánh tay.... Cho đến 84 cánh tay. Nói chung phần lớn đồ tượng cúng dường của Phật Giáo Đồ là Tôn Tượng 3 mắt 18 cánh tay.



CHUẨN ĐỀ QUÁN ÂM CÓ BỐN CÁNH TAY trong TẠNG MẬT

Trong 18 cánh tay, mỗi cánh tay hoặc Kết Ấn, hoặc cầm Kiếm, cầm Xâu Chuỗi, cầm cái Chày Kim Cang....

Có một số Phật Giáo Đồ khi nhìn thấy tượng Chuẩn Đề, thường lầm tưởng là Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Âm (Sahasrabhujaryavalokite'svarah), nhưng Thiên Thủ Quán Âm thông thường đều là 11 mặt hoặc 27 mặt có 40 cánh tay (thêm 2 tay trên chấp lại, Định Ấn thành 42 cánh tay), vả lại vật phẩm các tay cầm so với Chuẩn Đề Bồ Tát cũng khác nhau, nên có thể lấy đó để phân biệt.

Căn cứ trong “**Thất Phật Câu Chi Phật Mẫu Sở Thuyết Chuẩn Đề Đà La Ni Kinh**” ghi chép, Chuẩn Đề Phật Mẫu thân màu trắng vàng, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen, thân tỏa hào quang tròn, mặc áo có đính hạt thóc, phía bên trên bên dưới đều là màu trắng, có áo khoác ngoài quấn góc, Anh Lạc, đội mào Trời, các cánh tay đều đeo vòng xuyên bằng vỏ ốc, mặt có 3 con mắt.

Hai tay bên trên tác tướng Thuyết Pháp.

Bên phải: Tay thứ hai tác Thí Vô Úy, tay thứ ba cầm cây Kiếm, tay thứ tư cầm vòng hoa báu, trên lòng bàn tay thứ năm để Câu Duyên Quả, tay thứ sáu cầm cây búa, tay thứ bảy cầm móc câu, tay thứ tám cầm cái chày Kim Cang, tay thứ chín cầm tràng hạt.

Bên trái: Tay thứ hai cầm cây Phướng báu như ý, tay thứ ba cầm Hoa Sen hồng hé nở, tay thứ tư cầm Quân Trì, tay thứ năm cầm sợi dây, tay thứ sáu cầm bánh xe, tay thứ bảy cầm Thương Khư (‘Sañkha_ vỏ ốc), tay thứ tám cầm Hiền Bình, trên lòng bàn tay thứ chín để cái rương Kinh Bát Nhã.

Trong “**A Sa Phộc Sao**” nêu rõ Tượng 8 cánh tay rằng: Tượng đứng trên đỉnh an trí vị Hoá Phật, hai tay chấp lại, tay trái thứ hai cầm Hoa Sen, tay thứ ba cầm sợi dây, tay thứ tư hướng lòng bàn tay ra ngoài, rũ các ngón tay xuống dưới. Tay phải thứ hai cầm cây Tích Trượng, tay thứ ba cầm cây phát trần màu trắng, tay thứ tư như tay bên trái.

Chuẩn Đề Quán Âm của Tây Tạng truyền lại là Tượng có 4 cánh tay, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen, tay thứ nhất bên trái bên phải để trên đầu gối cầm cái Bát,

tay phải thứ hai rũ xuống tác Thí Vô Úy Ấn, tay trái thứ hai co lại để ở trước ngực cầm Hoa Sen, trên Hoa Sen an trí một cái Phạn Khiếp (Cái rương chứa Kinh Phạn).

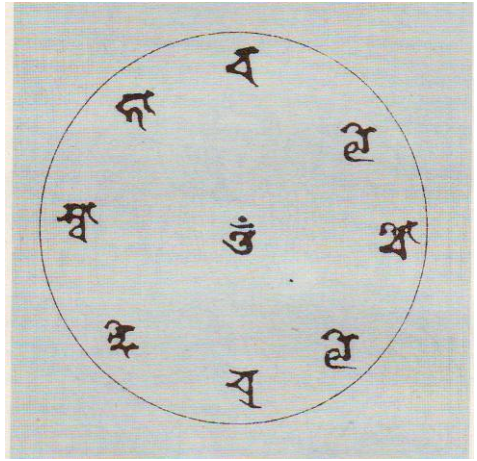
Tượng Chuẩn Đề Quán Âm làm bằng đồng ở Tư Lí Lan Ca là Tượng 4 cánh tay, trên đỉnh đội Định Ấn là một vị Hóa Phật, tay trái thứ nhất để ở trước rốn, tay thứ hai cầm Bảo Châu (viên ngọc báu); Tay phải thứ nhất cầm cái chày Độc Cổ, tay thứ hai nâng cao lên đem ngón cái và ngón vô danh cùng vịn nhau, nhũ bộ sung mãn biểu thị cho Tướng của Phật Mẫu.

Tranh vẽ nổi Bà La (Borobudur) khắc mặt nổi trên tường ở Ấn Độ Ni Tây Á, thì có thể thấy Tượng 4 cánh tay với 6 cánh tay. Tượng 4 cánh tay bên trái bên phải tay thứ nhất Kết Định Ấn, tay thứ hai bên trái cầm cái Phạn Khiếp, tay thứ hai bên phải cầm tràng hạt. Lại có Tượng 6 cánh tay ngồi trên Tòa Sư Tử, tay thứ ba bên trái và tay thứ hai bên phải bị hư tổn, xem không rõ lúc đầu cầm là vật gì; Tay thứ nhất bên trái cầm Hoa Sen, tay thứ hai cầm Bảo Bình Châu, tay thứ nhất bên phải bày Dữ Nguyễn Ấn, tay thứ ba cầm Tràng Hạt. Ngoài ra, còn có Tượng 14 cánh tay, 6 cánh tay....

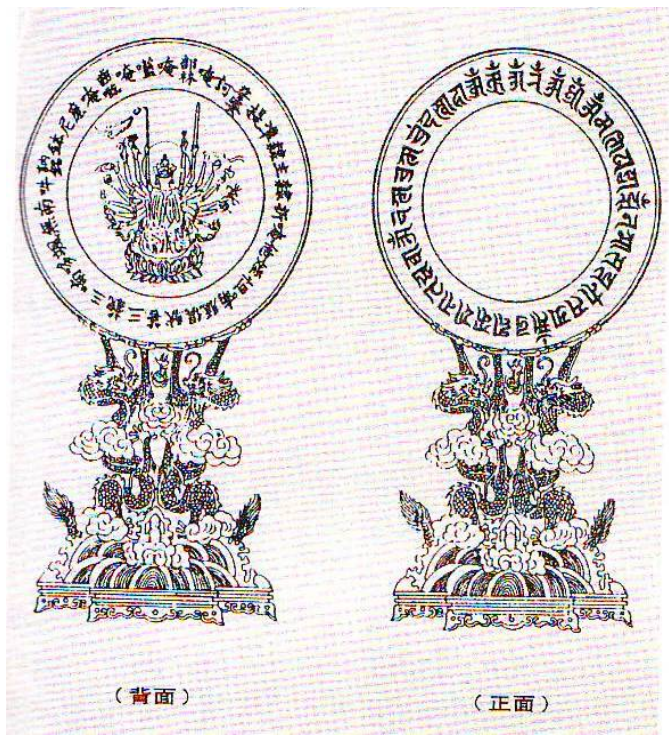
Căn cứ trong “**Đại Minh Đà La Ni Kinh**” ghi chép về **Pháp Quán Tướng** cầu nguyện của Chuẩn Đề, Hành Giả y theo đó mong cầu cũng khác nhau, có thể Quán 2 cánh tay, 6 cánh tay, 8 cánh tay hoặc 84 cánh tay: “Nếu muốn cầu Pháp Môn **Bát Nhi**, thì Quán 2 cánh tay. Nếu muốn cầu Tứ Vô Lượng, thì Quán 4 cánh tay. Nếu muốn cầu Lục Thông, thì Quán 6 cánh tay. Nếu muốn cầu Bát Thánh Đạo, thì Quán 8 cánh tay. Nếu muốn cầu viên mãn 10 Ba La Mật, 10 Địa, thì Quán 10 cánh tay. Nếu muốn cầu Như Lai Phổ Biến Quảng Địa, thì Quán 12 cánh tay. Nếu muốn cầu 18 Pháp Bất Cộng, thì Quán 18 cánh tay, tức như Pháp vẽ Tượng để Quán đời. Nếu muốn cầu 32 Tướng, thì Quán 32 cánh tay. Nếu muốn cầu tám vạn bốn ngàn Pháp Môn, thì Quán 84 cánh tay.

Ngoài ra, Tôn này còn có **Bố Tụ Pháp** truyền ở đời. Tu Pháp Chuẩn Đề là cần phải thiết lập một cái Kính Đàn, nói chung là nói về Chuẩn Đề Kính, Kính Đàn này tức là Bản Tôn Đàn, có thể mang theo bên mình cũng có thể dâng cúng ở Phật Đàn.

Dùng Tôn này làm **Bản Tôn** của Pháp tu gọi là **Chuẩn Đề Pháp, Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp**, pháp môn tu này hay trừ tai nạn, cầu được thông minh, trị bệnh.... Căn cứ trong “**Thất Câu Chi Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Minh Đà La Ni Kinh**” ghi chép rằng: Tụng trì Chuẩn Đề Chú, đời đời kiếp kiếp xa lìa các nẻo ác, mau chứng Vô Thượng Bồ Đề.



CHUẨN ĐỀ CHÚ LUÂN



MẶT LƯNG MẶT CHÍNH
CHUẨN ĐỀ KÍNH ĐÀN THƯỜNG DÙNG TRONG PHÁP TU CHUẨN ĐỀ
CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA CHUẨN ĐỀ QUÁN ÂM

Chữ Chủng Tử: 𑖀 (Bu)
Chân Ngôn:

{ Chân Ngôn Căn Bản }

ॐ (1) नमो (2) सप्तमि सप्तसुवर्ण कौटिलि (2) न सुवर्ण (3) उं (4) शिव (5)
 सुव (6) सुव (7) सुव (8)

(1) Nam mô (2) tát đa nam tam miệu tam bột đà câu chi nam (3) đát
 diệt tha (4) án (5) chiết lệ (6) chủ lệ (7) chuẩn đề (8) toa ha

(1) NAMO (2) SAPTANAM-SAMYAKSAMBUDDHA-KOTINAM (3)
 TADYATHA (4) OM (5) CALE (?SALA) (6) CULE (?SULE) (7)
 SUNDHE (?SUDDHE) (8) SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) bảy ngàn vạn Chính Đẳng Giác (3) liền nói (4) Án
 (5) Giác động (6) đưa lên (7) Thanh Tịnh (8) Thành Tự

{ Ấn Căn Bản Thứ Hai }

ॐ (1) कमल (2) कमल (3) सुव (4) सुव (5)

(1) Án (2) ca ma lê (3) vĩ ma lê (4) chuẩn nê (5) sa phộc hạ

(1) OM (2) KAMALE (3) VIMALE (4) SUNDHE (?SUDDHE) (5)
 SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) Hoa Sen (3) Vô Cấu (4) Thanh Tịnh (5) Thành
 Tự

THANH CẢNH QUÁN ÂM

Thanh Cảnh Quán Âm (tên Phạn là: Nilakanṭha), lại gọi là **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát** hoặc **Thanh Đỉnh Quán Âm**. Dịch âm của tên Phạn là **Ni Nhĩ, La Kiến Chế**, là một trong những Hóa Thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, thuộc Tôn thứ 14 trong 33 Quán Âm.



THANH CẢNH QUÁN ÂM CÓ BỐN CÁNH TAY

Y theo trong “**Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Đà La Ni Kinh**” ghi chép nhân duyên của Tôn này rằng: Đức Thế Tôn ngự tại cung điện của Tỳ Sa Môn Thiên Vương nói về nhân duyên xa xưa của Quán Tự Tại Bồ Tát: Trong thời quá khứ cách nay vô lượng vô biên A Tăng Kỳ Kiếp có Đức Phật tên là **Quán Chiếu Quán Sát Như Lai**. Lúc thành Phật xong, Ngài trụ trong 27 ngày nói Pháp. Khi Ngài sắp vào Niết Bàn có một vị Thiên Tử tên là **Việt Na La Diên Lực**. Lúc đó, Đức Như Lai vì vị Thiên Tử đó mà nói về Tâm Chân Ngôn của **Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát**. Vừa mới nghe xong vị Thiên Tử ấy liền đắc được **Đại Bi Tam Ma Địa**. Vì vậy mà phát ra lời nguyện rằng: “Hết thấy tất cả chúng sinh, nếu có sự sợ hãi ách nạn mà nghe được tên của tôi thì đều được lìa khổ mau được giải thoát và mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề. Chẳng thà tôi xưng một lần Danh Tự, Tên Hiệu của Quán Tự Tại Bồ Tát chứ chẳng xưng Tên Hiệu của trăm ngàn các Hằng Sa Như Lai”.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo Tỳ Sa Môn Thiên Vương rằng: “Nên biết vị Thiên Tử này. Sau khi ta diệt độ sẽ đem Tâm Chân Ngôn này lưu chuyển, rộng làm Phật sự đem lợi ích cho vô biên chúng sinh được an trí nơi Đạo Vô Thượng Bồ Đề”.

Ngoài ra cũng có cách nói cho rằng **Thanh Cảnh** (Nila-kantha) có liên quan đến truyền thuyết **Thấp Bà Thần**, tương truyền có các Thiên Thần quấy động biển sữa (Nhũ Hải) muốn cầu Cam Lộ, phát hiện trong biển có cái bình độc, lúc này Thấp Bà Thần chỉ sợ cái bình độc này sẽ độc hại chúng sinh, cho nên Phát Tâm Đại Bi tự mình nuốt hết cái bình độc, đó là nguyên nhân độc hại phát tác cho nên cổ gáy biến thành màu xanh.

Tôn Hình của Thanh Cảnh Quán Âm, trong Kinh cũng kể lại rằng: “Là Tượng có 3 mặt, mặt chính có dung mạo từ bi vui vẻ, bên phải là mặt Sư Tử, bên trái là mặt Heo. Đầu đội Mão Báu, trong Mão có Vị Hóa Vô Lượng Thọ Phật. Toàn

thân có 4 cánh tay: Bên phải: Cánh tay thứ nhất cầm cây Gậy, cánh tay thứ hai cầm Hoa Sen; Bên trái: Cánh tay thứ nhất cầm Bánh Xe (Luân), cánh tay thứ hai cầm Vỏ Ốc (Loa), dùng da Cọp làm quần, da Hươu đen quần góc bấp tay trái, khoác con Rắn đen làm Thần Tuyến. Đứng trên Hoa Sen 8 cánh. Anh lạc, vòng xuyên tỏa ánh lửa trang nghiêm thân ấy, Thần Tuyến đó quần bên dưới góc bấp tay trái.

Y theo quyển 9 “**Bát Không Quyển Sách Kinh**” ghi chép, thì tay trái cầm Hoa Sen, tay phải giương chướng, ngồi Kiết Già. Hoặc có nói thân ấy màu trắng hồng, cổ màu xanh, ý nghĩa đại biểu cho Phiền Não tức Bồ Đề.

Ấn Tượng của Tôn này các thuyết nói khác nhau, hoặc nói là **Thanh Cảnh Ấn**: 2 tay cùng cài chéo nhau bên ngoài, cắm ngón cái trái vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng ngón cái phải. Hai ngón giữa làm hình cánh Hoa Sen. Dựng thẳng 2 ngón vô danh. Hai ngón út cài chặt nhau sao cho bên trái đè bên phải.

Hoặc nói là chắp 2 tay lại giữa rỗng, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay. 2 ngón trở đều nắm lỏng trên của 2 ngón cái. 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út hơi co đầu ngón chạm nhau... Tam muội Gia Hình là Hoa Sen mới nở hoặc Bánh Xe Báu, cũng có thuyết nói là Hoa Sen đã nở.

Nếu như có chúng sinh nào ghi nhớ Quán Âm này thì hay xa lìa sự sợ hãi ách nạn, được giải thoát mọi khổ. Dùng Tôn này làm Bản Tôn để cầu nguyện trừ bệnh, diệt tội sống lâu mà Tu Trì Bí Pháp gọi là Thanh Cảnh Quán Âm Pháp.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA THANH CẢNH QUÁN ÂM

Chữ Chung Tử: 𑖀 (Hriḥ) hoặc 𑖂 (Sa)

Chân Ngôn:

𑖀(1) 𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂(2) 𑖂𑖂𑖂(3) 𑖀(4)

(1) **Án** (2) **lộ kế thấp phộc la** (3) **la nhược** (4) **hiệt lí**

(1) OM (2) LOKE'SVARA (3) RÀJA (4) HRÌH

(1) Quy Mạng (2) Thế Tự Tại (3) Vương (4) Hiệt Lí (Chủng Tử)

𑖀(1) 𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂(2) 𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂(3) 𑖂𑖂𑖂(4) 𑖂𑖂𑖂(5) 𑖀(6)

(1) **Án** (2) **bát đầu mê** (3) **nhĩ la kiến chế** (4) **thấp phộc la** (5) **bộ lỗ bộ lỗ** (6) **hồng**

(1) OM (2) PADME (3) NĪLA-KANṬHE (4) 'SVARA (5) BHRU-BHRU (6) HŪM

(1) Quy Mạng (2) Liên Hoa (3) Thanh Cảnh (4) Tự Tại (5) bộ lỗ bộ lỗ (6) Hồng

THỦY NGUYỆT QUÁN ÂM

Thủy Nguyệt Quán Âm (Tên Phạn là: Tànkasri), thuộc một trong 33 Quán Âm. Do Hình Tượng của Tôn Quán Âm này, phần nhiều có liên quan với Mặt Trăng trong nước, cho nên được gọi là Thủy Nguyệt Quán Âm.

Thủy Nguyệt Quán Âm là ứng hóa thân của Quán Thế Âm một lòng Quán Tướng nước.



THỦY NGUYỆT QUÁN ÂM MỘT LÒNG QUÁN NHÌN MẶT TRĂNG TRONG NƯỚC

Nguyên nhân liên quan đến Tôn này sở dĩ được mệnh danh là Thủy Nguyệt Quán Âm, có nhiều cách nói khác nhau, có thuyết nói là bởi vì Tướng Trạng của Hình Tượng ấy Quán nhìn Mặt Trăng trong nước cho nên tên là Thủy Nguyệt Quán Âm. Cũng có thuyết nói là do Hình Tượng ấy nổi trên mặt biển, giống như Mặt Trăng trong nước, do đó mà đặt tên.

Hình Tượng của Tôn này có nhiều loại, có loại đứng trên cánh Hoa Sen, cánh Hoa Sen thì nổi trên mặt biển, Quán Thế Âm đang Quán nhìn Mặt Trăng trong nước; riêng một loại là dùng tư thế ngồi trên Hoa Sen, ngồi xếp bằng trên núi đá trong biển lớn, tay phải cầm Hoa Sen chưa hé nở, tay trái Tác Thí Vô Úy Ấn, và lại trong lòng bàn tay có nước tuôn ra. Ngoài ra lại có nhiều loại Tướng ngồi, Tướng 3 mặt 6 cánh tay....

Như căn cứ trong quyển 7 “**Đồ Tượng Sao**” nói, Thủy Nguyệt Quán Âm ngồi trên bàn đá trong biển lớn, thông chân trái xuống, dựng thẳng gối chân phải, câu móc chéo nhau với gối trái, khuôn mặt hơi ngửa, tác Tướng suy nghĩ. Ngoài ra có Tượng 3 mặt 6 cánh tay, 3 tay bên trái phân biệt cầm Hoa Sen Báu, Bánh Xe Vàng, Đuôi Chim Công, 3 tay bên phải phân biệt cầm Cây Kiếm bén, Viên Ngọc Báu, Hoa Sen Xanh, thân màu như ánh sáng Mặt Trời, ngồi trên Núi Báu.



THỦY NGUYỆT QUÁN ÂM

Từ xưa đến nay Tôn này phần nhiều đồng Tôn với **Thủy Cát Tường Bồ Tát** trong Quán Âm Viện thuộc Thai Tạng Mạn Trà La. Thủy Cát Tường Bồ Tát toàn thân màu vàng trắng, tay trái cầm Hoa Sen chưa hé nở, tay phải Kết Thí Vô Úy Ấn, ngồi trên Hoa Sen đỏ.

Đồ Tượng của Thủy Nguyệt Quán Âm từng được phát hiện trong động ngàn Phật ở Đôn Hoàng. Ở nước Pháp trong cung Lô Phù tại nhà trưng bày mỹ thuật, trong đó có cất giữ một loại rất cổ xưa, tương truyền được làm trong Triều Đại nhà Đường, hiển bày ngồi bán già trên bàn đá được phun ra trong biển lớn, xung quanh có cây nở hoa rất đẹp.

Tu Pháp Tôn này chủ yếu cầu Quan Vị, Tài Bảo và Độ người lữ hành thoát khỏi các loại tai nạn nguy hiểm.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA THỦY NGUYỆT QUÁN ÂM

Chữ Chủng Tử: 𑖀 (SA)

Chân Ngôn:

[Chân Ngôn căn bản]

𑖀(1) 𑖀𑖀𑖀(2) 𑖀𑖀(3) 𑖀𑖀(4) 𑖀𑖀(5) 𑖀𑖀(6)

(1) Án (2) vĩ sắt đa (3) bát nạp ma (4) tát đất phộc (5) kế đa (6)

sa phộc hạ

(1) OM (2) VI'SUDDHA (3) PADMA (4) SATVA (5) KETA (6)

SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) Thanh Tịnh (3) Hoa Sen (4) Hữu Tình (5) hy vọng

nguyện (6) Thành Tựu

[Tâm Trung Tâm Chân Ngôn]

𑖀(1) 𑖀𑖀(2) 𑖀𑖀(3) 𑖀𑖀(4)

(1) Án (2) bát nạp ma (3) thất lợi duệ (4) sa phộc hạ

(1) OM (2) PADMA (3) 'SRIYE (4) SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) Hoa Sen (3) Cát Tường (4) Thành Tựu

BẠCH Y QUÁN ÂM

Bạch Y Quán Âm (Tên Phạn là: Pāṇḍaravāsini), đó là Tôn thứ sáu trong 33 Quán Âm. Dịch âm tiếng Phạn là: **Bán Nã La Phộc Tát Ninh, Phả Nã La Phộc Tát Ni**. Dịch ý là: **Bạch Xứ, Bạch Trụ Xứ**. Lại gọi là **Bạch Xứ Tôn Bồ Tát, Đại Bạch Y Quán Âm, Phục Bạch Y Quán Âm, Bạch Y Quán Tự Tại Mẫu**.



BẠCH Y QUÁN ÂM TAY CẦM XÂU CHUỖI

Trong quyển 5 “**Đại Nhật Kinh Sớ**” ghi chép rằng: Bán Nã La Phộc Tát Ninh đặt ở bên phải Đa La (Bồ Tát), dịch là Bạch Xứ. Tôn này thường ở trong Hoa Sen trắng, cho nên dùng làm tên. Quyển 10 lại nói: “Bạch tức là Tâm của Bồ Đề, Trụ cũng là Tâm Bồ Đề, Tức là Bạch Trụ Xứ vậy. Tâm Bồ Đề này sinh ra từ cảnh giới Phật, thường trụ này hay sinh ra Chư Phật vậy. Đó là Quán Âm Mẫu, tức là Liên Hoa Bộ Chủ vậy.

Do đây có thể biết, Tôn này thường ở trong Hoa Sen trắng, cho nên gọi là Bạch Xứ hoặc Bạch Trụ Xứ Bồ Tát. Là khiến tất cả khổ não tiêu mất, chuyển Quán Âm của chẳng tốt lành thành cát tường.

Tôn này có vị trí ở góc tây bắc trong Liên Hoa Bộ Viện thuộc Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La trong Mật Giáo. Mật hiệu là Ly Cấu Kim Cang, Phổ Hóa Kim Cang. Tam Muội Gia Hình là Hoa Sen nở hoặc Hoa Bát Mạn Ma, ấn tướng là hai tay chấp lại ở giữa rỗng, hai ngón vô danh co vào trong lòng bàn tay, hai ngón cái cùng tiếp xúc với hai ngón vô danh. Tức là Tôn này đại biểu cho Liên Hoa Bộ Mẫu, hay sinh ra các Tôn trong Liên Hoa Bộ.

Trong “**Giác Thiên Sao**”, “**A Sa Phộc Sao**” đều đề cập đến Tôn này đồng với Diệp Y Quán Âm, trong “**Bạch Bảo Khẩu Sao**” lại ghi rằng: “Lại toàn thể trú

nhập vào trong lá Sen, dùng lá Sen làm quần áo, cho nên nói rằng Diệp Y Quán Âm vậy”.

Hình tượng của Bạch Y Quán Âm, trong Kinh Quý đều nêu khác nhau. Căn cứ trong quyển 5 “**Đại Nhật Kinh Sở**” ghi chép, là trên đỉnh đội Mão Trời Phát Kế (Thiên Phát Kế Quan), thân mặc áo màu xanh mỏng, tay trái cầm Hoa Sen nở. Trong quyển 3 “**Nhất Tự Phật Đỉnh Luân Vương Kinh**”, thì tay trái tác Thí Nguyên Ấn, tay phải cầm viên ngọc báu Chân Đa Ma Ni.

Trong “**Giác Thiền Sao**” có nêu rõ Bạch Y Quán Âm hình ấy Từ Bi mềm mại, như là Thiên Nữ mặc áo trắng mỏng, tóc trên đầu phủ vải lụa trắng, trên đỉnh đội Tôn Bản Sư A Di Đà, tay trái cầm Tràng Hạt, tay phải cầm Ấn Văn, chân đạp lên Hoa Sen trắng.

Lại có nêu tay trái cầm Ấn Thược, tay phải cầm cành Dương Liễu, hoặc đứng trên hai Hoa Sen, tay phải cầm Tràng Hạt, tay trái dùng móng ngón cái và ngón vô danh vịn nhau.... Chẳng giống với đồ hình đã lưu truyền.



BẠCH Y QUÁN ÂM CÓ THỂ CHUYỂN TẤT CẢ CHẶNG TỐT LÀNH THÀNH CÁT TƯỜNG

Ngoài ra trong “**A Sa Phộc Sao**” còn có nói tay trái cầm cây Gậy hoặc sợi Dây, tay phải cầm Bát Nhã Phạm Giáp.

Nhưng trong quyển 8, quyển 9, quyển 30 “**Bát Không Quyển Sách Kinh**” ghi chép, tay trái cầm Hoa Sen, tay phải giơ chuông hoặc duỗi bàn tay ngửa hướng lên trên....

Hình tượng của **Thai Tạng Hiện Đồ Mạn Trà La, Thai Tạng Đồ Tượng Sở Xuất** đại thể giống như trên, là toàn thân màu vàng trắng, mặc áo trắng, tay trái cầm Hoa Sen nở, tay phải tác Dữ Nguyên Ấn (Tức duỗi 5 ngón tay, lòng bàn tay hướng ra ngoài mà đặt ở trước eo) ngồi Kiết Già trên Hoa Sen đỏ.



BẠCH XỨ TÔN BỒ TÁT (tức là **BẠCH Y QUÁN ÂM**)
TRONG QUÁN ÂM VIỆN thuộc **THAI TẠNG MẠN TRÀ LA**

Từ xưa đến nay dùng Bạch Y Quán Âm làm Bản Tôn để Tu Pháp cầu thỉnh được Tức Tai, Diên Mạng, gọi là Bạch Y Quán Âm Pháp hoặc Bạch Xứ Tôn Pháp.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỨNG TỬ CỦA BẠCH Y QUÁN ÂM

Chữ Chứng Tử: 𑖀 (Pam) hoặc 𑖀 (Sa)

Chân Ngôn:

𑖀𑖀(1) 𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀(2) 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀(3) 𑖀𑖀𑖀(4) 𑖀𑖀
 𑖀𑖀𑖀(5) 𑖀𑖀(6)

(1) Nam mô (2) tam mạn đa bột đà nam (3) đát tha nghiệt đa vi sái
 dã (4) tam bà phệ (5) bát đàm ma ma lý nhĩ (6) toa ha

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA-BUDDHĀNĀM (3) TATHĀGATA-
 VIŚAYA (4) SAMBHAVE (5) PADMA-MĀLINI (6) SVĀHA

(1) Quy Mạng (2) Phổ Biến Chư Phật (3) Như Lai Đối Cảnh (4) Sinh
 (5) có vòng Hoa Sen (6) Thành Tựu

DƯƠNG LIỄU QUÁN ÂM (DƯỢC VƯƠNG QUÁN ÂM)

Dương Liễu Quán Âm lại gọi là **Dược Vương Quán Âm**, dùng Quán Âm Bồ Tát làm lợi ích cho chúng sinh, chính là thuận theo nguyện vọng của chúng sinh mà thị hiện, cũng giống như cành Dương Liễu theo gió bay phất phới mà chẳng thể làm trái nghịch lại, do đó mà đặt tên.

Đặc trưng của Tôn này là tay phải cầm cành Dương Liễu, lấy sự cứu tế bệnh tật mọi người làm Bản Thệ. Do đó trong Kinh Điển có nói: “Nếu muốn tiêu trừ mọi bệnh trên thân, phải nên Tu tập Dương Liễu Chi Dược Pháp. Tượng Dược Vương Quán Tự Tại này Tượng tốt trang nghiêm, tay phải cầm cành Dương Liễu, tay trái chấp lại để trên vú trái “. Dược xem là nơi hóa hiện tay Dương Liễu trong Thiên Thủ Quán Âm. Nếu có người nào tu Dương Liễu Chi Dược Pháp, cũng có thể tiêu trừ các loại bệnh nan y. Là 1 trong 33 Quán Âm.



DƯƠNG LIỄU QUÁN ÂM

Hình Tượng Tôn này từ xưa phần nhiều là hình vẽ khắc, Tượng Quán Âm Bồ Tát lưu hành ở thế gian là tay phải cầm cành Dương Liễu hoặc cầm cành Liễu vào trong bình bên phải tòa ngồi, ngồi ngay thẳng trên bàn đá bên cạnh dòng nước. Ở Nhật Bản tại Chùa Nại Lương Đại An, có bảo tồn Tượng đứng được điêu khắc bằng gỗ của Dương Liễu Quán Âm, là nghệ thuật cao cấp Quốc Bảo của Nhật Bản.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỦNG TỬ CỦA LIỄU DIỆP QUÁN ÂM

Chữ Chủng Tử: 𑖀 (SA)

Chân Ngôn:

𑖀(1) 𑖀𑖀𑖀𑖀(2) 𑖀𑖀𑖀𑖀(3) 𑖀𑖀𑖀𑖀(4) 𑖀𑖀(5)

(1) Án (2) phộc nhật la đạt ma (3) bệ sát nhĩ gia (4) la nhã gia
(5) sa phộc hạ

(1) OM (2) VAJRA-DHARMA (3) BHAISAJYA (4) RÀJÀYA (5)
SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) Kim Cang Pháp (3) Dược (4) Vương (5) Thành
Tự

DIÊN MẠNG QUÁN ÂM

Diên Mạng Quán Âm là một trong 33 Quán Âm. Tương đương trong “**Pháp Hoa Kinh _ Phẩm Phổ Môn**” ghi chép rằng: “ Chứ Tổ (bùa chú) các độc dược, muốn làm hại thân ấy, niệm sức Quán Âm kia, hoàn trả lại bản thân”. Là Hóa

Thân của Quán Âm, dùng để trừ bùa chú, độc dược làm hại, cho nên gọi là Diên Mạng Quán Âm.

Tôn Hình của Tôn này có tư thế dựa vào trên bàn đá bên cạnh nước, dung mạo nhớn như thưởng thức cảnh vật mặt nước; Nhưng trong Diên Mạng Quán Âm Điều ở cửa Đông thuộc Viện thứ 3 “**Bổ Đà Lạc Hải Hội Quỹ**” kể lại Hình Tượng của Tôn Quán Âm này là, trên đỉnh đội Mão Đại Bảo, trong Mão có Phật Thân, Thân Tượng màu vàng sẫm, hiện tượng Từ Bi mềm mại. Có 20 cánh tay, dùng để biểu thị tiếp dẫn các loại chúng sinh, các cánh tay bên trái phân biệt cầm: Viên Ngọc Báu, Cây Kiếm Báu, Bánh Xe Vàng, Kim Cang Quyết (cái Chày Kim Cang. Quyết: cái cộc Gỗ), cái Bàn Bài, Kim Cang Linh (cái chuông Kim Cang), Hoa Sen lớn, Xâu Chuỗi và Kết Quyền Ấn. Các cánh tay bên phải cầm: Kích Tiêu, cây Kiếm Kim Cang, Tượng Hóa Phật, Kim Cang Bảo, cái Gương Báu, Sợi Dây Kim Cang, cái Bạt Chiết la, Cái Chày Ngũ Cổ, Phộc Nhật La và Kết Vô Úy Ấn.... Hai chân có Bức Luân Tượng, an trú trong vành trăng trên Hoa Sen, hào quang khắp châu thân. Lại có trăm ngàn thứ anh lạc, vòng Hoa màu nhiệm, Thiên Y, trang nghiêm trên thân.

A MA ĐỀ QUÁN ÂM

A Ma Đề Quán Âm lại gọi là A Ma Đề Quán Âm, A Ma Tai Quán Âm, Am Ma Tai Quán Âm; Dịch ý là Vô Úy Quán Âm, Khoan Quảng Quán Âm, tức là Vô Úy Quán Tự Tại Quán Âm. Là Tôn thứ 21 trong 33 Quán Âm.

Y theo trong “**Quán Tự Tại Bồ Tát A Ma Tai Pháp**” đề cập đến nhân duyên tuyên nói A Ma Tai chân ngôn rằng: “Xưa kia, ở nước Vu Điền có vị Thanh Tín Sĩ (người có niềm tin trong sạch) một lòng tinh tiến trì niệm **Quán Tự Tại Bồ Tát Chân Ngôn**, cầu nguyện có thể thấy được Đại Thánh. Như thế Trải qua nhiều năm vẫn chẳng có Pháp nào để đạt thành Tâm Nguyện, vậy mà ông vẫn nuôi chí chẳng đổi thay tâm ý, trái lại càng siêng năng tu trì.

Sau đó, vào một đêm, nghe trên không trung có tiếng nói rằng: “*Người có thể đi đến nước láng giềng, xin yết kiến Quốc Vương của họ*”. Thế là Hành Giả y theo lời liền đi đến nước ấy, khi đến nước ấy thời lại nghe thấy Pháp Lệnh của Quốc Vương nước này vô cùng tàn khốc, hễ có ai phạm tội ắt bị hình phạt chém chết. Hành Giả theo sau thỉnh cầu yết kiến Quốc Vương, nên được dẫn vào phía sau Vương Cung thì thấy nơi ấy như là quốc độ của Phật còn Quốc Vương chính là Quán Tự Tại Bồ Tát.

Thế là Hành Giả bạch với Bồ Tát rằng: “Đại Thánh Trị Quốc, lấy việc Giáo Hóa, há còn dùng Hình phạt chém chết, thời Đại Bi là ở chỗ nào?”

Bồ Tát đáp lại rằng: “Chúng sinh ở đất này vốn cương ngạnh khó cai quản. Ta thương xót nên khuyên bảo chúng sinh cho nên mới phân thân làm vua. Kẻ bị hình phạt chém chết đều là người được biến hóa ra, đó chính là muốn giáng phục

tâm tính hung bạo thô lỗ của họ, khiến cho sợ uy mà thuận theo nếp tốt. Nếu Chính Lệnh đã thành thời Ta sẽ ẩn mất”

Hành Giả được nhà vua giữ lại nhiều tháng, thông ngộ Đại Thừa, sau đó xin từ giã quay về. Bồ Tát mặc nhiên hứa cho.

Hành Giả bạch với Bồ Tát rằng:”Đệ Tử may mắn gặp được Đại Thánh Từ Bi, được thấy nghe Pháp, gần gũi thấm gội **Từ Hóa**, 12 mùa sau mới được Nghiệm này. Ở đời vị lai nếu cầu thấy Bồ Tát, chẳng đổi tâm xưa (tức Tâm), siêng năng khổ nhọc lâu dài thì không có chỗ nào không thành. Một khi khởi tâm Nghi, phỉ báng Pháp sẽ bị tội. Cho nên nguyện xin Từ Bi bày Pháp Yếu cho đời vị lai”.

Bồ Tát bảo rằng: ”Ta có chương cú của **A Ma Tai Chân Ngôn** (Avatāmantra), nay trao cho người, cúng dường giản dị, lại ngày giờ chẳng nhiều, chí tâm tụng trì thì Ta sẽ hiện thân khiến người mãn nguyện.

Người tu hành đã nhận được sự dạy bảo (Giáo Hối), từ giã quay về nước của mình lưu truyền. Nếu có Tín Sĩ (người tin tưởng) nào y theo Pháp Tụng Trì năm ngày tức được ứng nghiệm, số ấy chẳng phải một.

Tụng Chân Ngôn này hay có sức Thần lớn, hay diệt tất cả nghiệp chướng của chúng sinh, nhanh chóng được thần nghiệm, mong cầu như ý.

Nếu người trì tụng Chân Ngôn này. Ở nơi nhàn tĩnh, hoặc A Lan Nhã, ở trước Tháp Xá Lợi an đặt Quán Tự Tại Bồ Tát, tùy sức cúng dường, tắm gội sạch sẽ, ăn thức ăn Tịnh, một mình ở Đạo Trường, một ngày một đêm trì niệm, đến sáng sớm thì Đại Thánh sẽ nhìn thấy, khiến các Nguyện đầy đủ, mọi người yêu kính, được Túc Mạng Trí, hiện đời hay chứng được Thập Địa Tam Muội. Nếu phạm tội nặng năm Nghịch thì hai ngày hai đêm sẽ thấy.

Nhưng có liên quan đến việc Tu Pháp Quán Âm này trong “**Quán Tự Tại Bồ Tát A Ma Tai Pháp**” ghi chép rằng: tùy theo sức mà tinh thành cúng dường, tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới sạch, cẩn thận giữ che ba Nghiệp, đừng vọng tưởng đến vui giận. Một ngày một đêm, ở một mình, cắt đứt tất cả việc nói năng, tâm chẳng theo Duyên khác, chuyên tưởng Quán Âm, tâm chẳng gián đoạn, tụng Chân Ngôn này. Đốt Trầm Thủy Hương, hoặc đốt Ngũ Vị Hòa Hương, đừng để cho khói hương chấm dứt. Ở bốn góc của Đàn đều đặt 1 ngọn đèn, lại đều để một cái chén nước thơm, một là uống nước Thạch Mật Tương (Mật Ong), một là nước Uất Kim Hương, một là nước Bạch Đàn Hương như thường.

Lại nói: Lại tưởng trong Hào Tướng (sợi lông trắng xoáy vòng ở tam tinh) của Bồ Tát có hai luồng ánh sáng, một luồng vào thẳng trong các Địa Ngục cứu chúng sinh khiến được giải thoát, một luồng nhập vào đỉnh đầu của người tu hành. Tướng khắp thân mình, mọi ác các nghiệp thảy đều tiêu trừ.

Hình Tượng của A Ma Đề Quán Âm là có ba mắt bốn cánh tay, cỡi Sư Tử trắng, mặt hướng về bên trái, đầu đội mũ bảo, dùng Hoa Sen trắng trang sức phía trước, hai tay cầm cây đàn **Phượng đầu Không Hầu**, ngoài ra tay trái bên trên lòng bàn tay ngửa cầm con cá **Ma Kiệt**, tay phải bên trên cầm con chim **Cát Tường**

* NAMO RATNA-TRAYÀYA

NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA, MAHÀ
SATVÀYA MAHÀ KÀRUṆIKÀYA.

TADYATHÀ: AVAṬAI PRAVAṬAI VIVAṬAI TARAṬAI
SAMPRAVYEṬAI, ILINE KILINE KILINE, ARUHANE DIRUHANE,
DHARANE DHARANE DHAPANE, AVATARANE SARVA-TARANE,
REPANE AREPANE, NAPHA NAPHA NAPHANE, NAḌA NAḌA NAḌA,
NEDO ĐONE, SA-MRḌHYAṀ ME, A'SAVANA PARAPURIDHANEYAṀ
NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA, SVÀHÀ

SƯ HỔNG QUÁN ÂM

Sư Hống Quán Âm (Tên Phạn là: Siṃhanàda-avalokite'svara), dịch Tên tiếng Hán là **Kì Hống Quán Âm, Sư Tử Hống Quán Âm**. Là một trong những hóa thân của Quán Âm Bồ Tát, là sự hóa hiện của Quán Âm để giảng phục tất cả bệnh khổ nơi sinh ra Long Ma (Ma của loài Rồng), khiến chúng sinh trong 3 cõi thoát lìa biển khổ, có lực lượng rất là uy mãnh. Quán Âm này và A Ma Đề Quán Âm cùng một loại, đều ngồi cỡi trên con Sư Tử. Tại Ấn Độ, Trung Quốc, Tây Tạng đều có lưu truyền, cùng với A Ma Đề Quán Âm có thể có liên quan với nhau.



SƯ HỔNG QUÁN ÂM

Sư Tử Hống Quán Âm thân màu trắng tỏa ánh sáng, đầu đội Mão Phật A Di Đà, có tóc kết thành búi trên đỉnh đầu; có 3 mắt 2 cánh tay, tay trái cầm Hoa Sen; Tay phải cầm Tràng Hạt hoặc Kết Dữ Nguyên Ấn, phía sau thân mình còn có cây Kịch Tam Xoa, trên cây Kịch Tam Xoa có con rắn quấn quanh. Chân phải co chân trái duỗi, ngồi tự tại cỡi trên con Sư Tử trắng. Tay phải cầm Tràng Hạt hoặc

Kết Dữ Nguyên Ấn, ý nghĩa là biểu thị cho hay giải trừ nhóm ác của 3 cõi, và thường ban tặng cho chúng sinh ở 3 cõi sự Từ Bi; Tay trái cầm Hoa Sen, biểu thị cho bản thân mình không dơ bẩn.

Tu Trì Sư Tử Hống Quán Âm, ngoài việc hay thu được công đức chung của Quán Âm Bồ Tát, vả lại hay giải cứu được các loại bệnh tật do Rong độc gây hại như bệnh Ma Phong... Thu được công đức điều phục Long Vương Ác Pháp và Thủy Ma (Ma ở dưới nước), ban cho chúng sinh hạnh phúc an vui. Cho nên trong quá khứ vùng Tây Tạng truyền bệnh Ma Phong, có rất nhiều Tăng, Tục cúng dường Tôn Quán Âm này.

DIỆP Y QUÁN ÂM

Diệp Y Quán Âm (Tên Phạn là: Parn'savari), ý nghĩa là mặc áo lá. Lại gọi là **Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát, Bị Diệp Y Quán Âm, Diệp Y Bồ Tát**. Là một trong những thân biến hóa của Quán Âm, trong 33 Quán Âm là Tôn thứ 32. Bởi vì toàn thân quấn trong lá Sen, cho nên gọi là Diệp Y Quán Âm.

Căn cứ trong “ **Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát** “ kể lại, Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát Đà La Ni, chính là **Quán Tự Tại Bồ Tát** trong Pháp Hội ở thế giới Cực Lạc, đáp lại sự thỉnh cầu của **Kim Cang Thủ Bồ Tát** mà tuyên nói. Trong Kinh Đà La Ni này cũng có nói, không chỉ hay trừ bệnh dịch đói khát của các hữu tình, tất cả tai họa về giặc cướp binh đao, lũ lụt, hạn hán không điều hòa, Tú Diệu bị mất thứ tự.... Và có công đức thù thắng, tăng trưởng phước đức, đất nước giàu mạnh, nhân dân an vui.



DIỆP Y QUÁN ÂM CÓ BỐN CÁNH TAY

Trong **Thai Tạng Giới Mạn Trà La** Diệp Y Quán Âm có vị trí được bày ở trong Quán Âm Viện, Mật Hiệu là **Di Hạnh Kim Cang**, toàn thân màu thịt, tay trái cầm sợi dây, tay phải cầm cây gậy, gối phải co lại dựng đứng, ngồi trên hoa sen đỏ. Tam Muội Gia Hình là Hoa Sen chưa nở và cây gậy; Ấn Tướng thì tay phải Tác Dữ Nguyễn Ấn, tay trái cầm sợi dây.

Ngoài ra trong “ **Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát Kinh** “ miêu tả Tôn Hình rằng: “Tượng hình Thiên Nữ, đầu đội mào báu, có Phật Vô Lượng Thọ. Trên thân có anh lạc, vòng xuyên trang nghiêm. Thân có hào quang tròn, xung quanh rực lửa. Tượng có 4 cánh tay, lòng bàn tay phải thứ nhất cầm quả Cát Tường, tay thứ hai Tác Thí Nguyễn Thủ; Tay trái thứ nhất cầm cây búa, tay thứ hai cầm sợi dây, ngồi trên Hoa Sen “. Ngoài ra, “ **Bạch Bảo Khẩu Sao** “ cũng có nêu trong “ **Bí Tạng Ký** “ nói rằng: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm sợi dây, tay phải cầm Hoa Sen chưa nở. Lại nói tay phải cầm cây Phướng Như Ý.



DIỆP Y QUÁN ÂM
(QUÁN ÂM VIỆN thuộc THAI TẶNG MẠN TRÀ LA)

Dùng Diệp Y Quán Âm làm Bản Tôn, niệm tụng “ **Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát Kinh** “ có thể khử trừ các loại bệnh tật, gọi là Diệp Y Pháp. Nếu dùng để xin cho Quốc Vương Đại Thần được sống lâu không bệnh tật, thì xưng là **Diệp Y Trấn**. Nếu dùng Pháp Tu này để trấn an nhà cửa thì xưng là **Trấn Trạch Pháp**.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỦNG TỬ CỦA DIỆP Y QUÁN ÂM

Chữ Chủng Tử: 𑖦 (SA) hoặc 𑖧 (HỤM)

Chân Ngôn:

𑖦 (1) 𑖦𑖧𑖦𑖦𑖦 (2) 𑖧 (3) 𑖦𑖦

(1) **Ấn** (2) **phả lí na xả phộc lí** (3) **hồng phát tra**

(1) **OM** (2) **PARṆA'SAVARI** (3) **HỤM PHAT**

(1) Quy Mạng (2) Diệp Y (3) Hồng Phát Tra (Tồi Phá các Chương)

TỨ TÝ QUÁN ÂM

Tứ Tý Quán Âm (Tên Phạn là: Caturbhuja-avalokite'svara), là **Tôn Chủ Đại Bi Quán Âm** của Tạng Mật, đại biểu cho Đại Bi, Đại Trí, Đại Lực, là pháp môn của người tu theo Mật Thừa. Ngài cùng với Văn Thù Bồ Tát, Kim Cang Thủ Bồ Tát hợp lại gọi là” Tam Tộc Tịch Tôn“. Ngài có địa vị là Hộ Chủ của vùng núi Tuyết, là Bản Tôn tối cao của Tạng Mật và Tạng Địa.

Tượng Tứ Tý Quán Âm có một mặt có bốn cánh tay, thân màu trắng như mặt trăng, đầu đội mũ Ngũ Phật, tóc đen kết thành búi, hai tay chính giữa chấp lại để ở trước ngực, nâng viên ngọc báu Ma Ni; Tay bên phải cầm Tràng Hạt Thủy Tinh, tay bên trái cầm Hoa Sen tám cánh ngang bằng lỗ tai. Diện mạo Tịch Tĩnh mỉm cười, dùng mắt Tuệ của Bồ Tát lặng nhìn chúng sinh. Phạm người nào được Quán chiếu, tận cùng đều hay được giải thoát.

Thân mặc quần áo làm bằng tơ lụa ngũ sắc, eo buộc Bảo Thái Đái (dây lụa màu quý báu), toàn thân có vòng hoa trang nghiêm, hai chân ngồi Kiết Già trong vành trăng trên Hoa Sen.

_ Cái đầu của Tứ Tý Quán Âm đại biểu cho một vị của Pháp giới

_ Bốn cánh tay biểu thị cho Phát Tâm Tứ Nguyện (Phát Tâm làm bốn điều Nguyện)

_ Thân màu trắng biểu thị cho Tự Tín Thanh Tịnh không dơ, chẳng vương bởi hai chướng là: Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng.

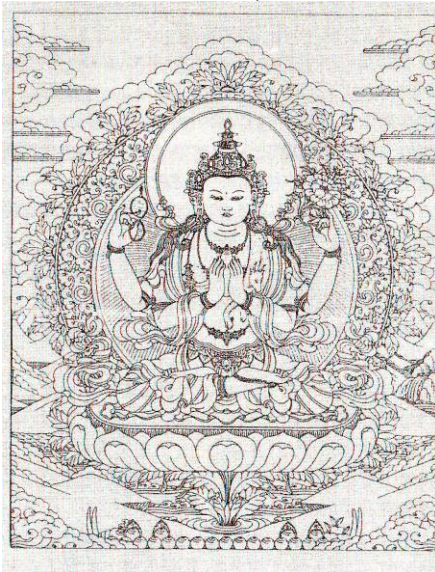
Trong Tạng truyền Phật giáo, Tôn này là Chủ Tôn của Lục Tự Đại Minh Chú “**Ông Ma Ni Bối Muội Hồng** “. Mà Lục Tự Đại Minh Chú có thể nói là Chân Ngôn được lưu truyền rất rộng lớn ở Trung Quốc và Tây Tạng, lợi ích và công đức của Chú này vô cùng rộng lớn.

Trong “**Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh** “ từng ghi chép một đoạn lịch trình gian khổ và nhân duyên của **Thích Tôn** xưa kia Hành Đạo Bồ Tát, mới cầu lấy được Pháp Đại Minh Chú.

Căn cứ trong Kinh kể lại, Đức Phật Đà ở đời quá khứ, đã từng vì Lục Tự Đại Minh Đà La Ni này, trải qua khắp vi trần số thế giới, và cúng dường vô số trăm ngàn vạn câu chi na dữu đa Phật, hay ở nơi các Như Lai kia, chẳng những không được Lục Tự Đại Minh này, liền nghe thấy cũng chưa từng nghe thấy qua. Lúc đó, **Ngài Thích Ca Bồ Tát** ở trước **Đức Bảo Thượng Vương Như Lai** đau lòng mà khóc rơi nước mắt. Thế là, **Đức Bảo Thượng Vương Như Lai** Từ Bi bảo với Bồ Tát nên đi về nơi ở của **Đức Liên Hoa Thượng Vương Như Lai**, Đức Như Lai ấy biết Lục Tự Đại Minh Chú này.

Sau khi Ngài **Thích Ca Bồ Tát** từ già **Đức Bảo Thượng Như Lai**, liền đi đến cõi Phật của **Đức Liên Hoa Thượng Như Lai**, khi đến nơi liền đánh lễ chân Phật, chấp hai tay lại ở trước ngực nói: “*Nguyện xin Đức Thế Tôn cho con Lục Tự Đại Minh Đà La Ni. Chân Ngôn Vương ấy là tất cả Bản Mẫu, nhớ niệm tên ấy thời tiêu trừ tội dơ, mau chứng Bồ Đề. Vì điều này cho nên nay con mệt mỏi khôn cùng, con đi qua vô số thế giới mà chẳng thể được, nay con quay trở lại chốn này*”.

Thế là **Đức Liên Hoa Thượng Như Lai** đáp lại sự thỉnh cầu của Bồ Tát liền diễn nói **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** với công đức rộng lớn chẳng thể luận bàn: “Pháp này rất vi diệu, Gia Hạnh Quán Trí tất cả tương ứng, ở đời sau này ông sẽ được Tâm Pháp vi diệu đó, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát khéo trụ ở Lục Tự Đại Minh Đà La Ni như vậy”. Nhân duyên tiếp theo đó nói với Thích Ca Bồ Tát rằng: Liên Hoa Thượng Như Lai tự mình cầu nhận Đại Minh Chú này.



TỨ TÝ QUÁN ÂM

Xưa kia Liên Hoa Thượng Như Lai cũng là một dạng **Thích Tôn**, mà đã từng trải qua khắp vô số thế giới, về sau mới đến được nơi của **Đức Vô Lượng Thọ Như Lai**, vì cầu Pháp cho nên khóc chảy nước mắt. Thế là Đức Vô Lượng Thọ Như Lai liền thỉnh Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, trao cho Đức Liên Hoa Thượng Như Lai Pháp Lục Tự Đại Minh Chú này.

Do đó, Lục Tự Đại Minh Chú Đà La Ni này, chính là Đức Liên Hoa Thượng Như Lai xưa kia ở nơi Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, từ Quán Âm Bồ Tát cầu mà được, lại trao cho Thích Tôn ngay lập tức.

Trong Kinh nói trước khi Quán Tự Tại Bồ Tát tuyên nói “**Án Ma Ni Bát Nạp Minh Hồng**” nguyên nhân căn cứ trong Kinh nói: “Người chẳng thấy Mạn Nã La (Maṇḍala: Đàn Trường) thì chẳng thể được Pháp này”, cho nên trước tiên phải biết kỹ càng tỉ mỉ rồi mới truyền thụ Pháp xây dựng an trí Mạn Nã La (Mạn Trà La):”

Nay Tướng của Mạn Nã La này: Chu vi bốn phương vuông vức, đều dài khoảng năm khuỷu tay, chính giữa (trung tâm) Mạn Nã La an lập Đức Vô Lượng Thọ Phật (Amitâyus). Dùng phấn an bày, nên dùng bột báu Nhân Nại La Nhĩ La (Indra-ni-la-cùṇam), bột báu Bát Nột Ma La Nga (Padma-ràga-cùṇam), bột báu Ma La Yết Đa (Marakata-cùṇam), bột báu Pha Chi Ca (Sphāṭika-cùṇam), bột báu Tô Ước La Nã Lỗ Bá (Suvarṇarūpya-cùṇam).

Bên phải Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, để Trì Đại Ma Ni Bảo Bồ Tát (Mahāmaṇidhara-bodhisattva)

Ở bên trái Đức Phật để Lục Tự Đại Minh (Ṣaḍakṣari-mahāvidya) có bốn cánh tay, màu thịt trắng như màu mặt trăng mùa Thu với mọi loại báu trang nghiêm. Tay trái cầm Hoa Sen, bên trên Hoa Sen để báu Ma Ni. Tay phải cầm Tràng Hạt, hai tay bên dưới kết Nhất Thiết Vương Ấn.

Ở bên dưới bàn chân của Lục Tự Đại Minh để Trời Người với mọi thứ trang nghiêm, tay phải cầm lò hương, lòng bàn tay trái bưng cái bát chứa đầy các thứ báu.

Ở bốn góc của Mạn Nã La bày hàng Bốn Vị Thiên Vương, cầm giữ mọi loại Khí Trượng.

Ở bốn góc bên ngoài Mạn Nã La để bốn cái Hiền Bình (Pūrṇa-kumbhā) chứa đầy mọi loại báu Ma Ni (Maṇiratna)”.

Lại nói công đức của Mạn Nã La này: “Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện muốn vào Mạn Nã La đó thì hết thấy quyến thuộc chẳng được theo vào trong Mạn Nã La mà chỉ viết tên của họ. Người vào trước tiên ném tên họ của quyến thuộc ấy vào trong Mạn Nã La thời các quyến thuộc đều được địa vị của Bồ Tát. Ở trong người ấy lìa các khổ não, mau chứng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.”

Tụng trì Lục Tự Đại Minh Chú không chỉ có thể tiêu trừ sự sợ hãi của bệnh khổ, Hình Phạt, cái chết đột ngột không đúng thời, mà còn khiến tăng thêm thọ mạng, tiền của dư dả giàu có. Tức là khiến sau khi mạng chung đi đến (thông vãng) các cửa ở 3 nẻo ác cũng được đóng kín lại, mà vãng sinh nẻo lành và lại được học tập Phật Pháp, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, lợi ích công đức rất là rộng lớn.

CHÂN NGÔN CỦA TỬ TÝ QUÁN ÂM



CHÚ LUÂN của LỤC TỰ ĐẠI MINH CHÚ TRONG TẠNG MẬT

Chân Ngôn:

ॐ (1) म्म (2) पद्मे (3) हूँ (4)

(1) Án (2) ma ni (3) bát đầu mê (3) hồng

(1) OM (2) MANI (3) PADME (4) HÙM

(1) Quy Mạng (2) viên ngọc báu (3) Hoa Sen (4) Hồng (nghĩa là Tội Phá)

Tụng Văn: **Ông Ma Ni Bát Mê Hồng**

ॐ म्म पद्मे हूँ

OM MANI PADME HÙM

ĐA LA BỒ TÁT (ĐỘ MẪU)

Đa La Bồ Tát (Tên Phạn là: Tà-rà), là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát và cũng là Phật Mẫu của Quán Âm Bộ trong Mật Giáo. Lại gọi là **Thánh Đa La Quán Âm, Đa La Tôn, Đa La Tôn Quán Âm, Đa La Quán Âm, Lục Độ Mẫu, Cửu Độ Mẫu, Thánh Cửu Độ Phật Mẫu**. Dịch ý là con mắt, Cực Độ, Cửu Độ, cho nên sơ lược gọi là “Độ Mẫu”. Trong 33 Quán Âm là Tôn thứ 24.

Căn cứ trong “**Kinh Đại Phương Quảng Mạn Thù Thất Lợi. Phẩm Quán Tự Tại Thọ Kỳ**” ghi chép, Quán Tự Tại Bồ Tát nhập vào Tam Muội Phổ Quang Minh Đa La, dùng sức Tam muội, từ trong con mắt phóng ra ánh sáng lớn, Đa La Bồ Tát liền từ trong ánh sáng sinh ra, là hình người nữ màu nhiệm (Diệu Nữ), dùng ánh sáng trong mắt chiếu soi chúng sinh, thương xót chúng sinh giống như người mẹ hiền, thế nguyện cứu độ xa lìa biển khổ sinh tử.



ĐA LA BỒ TÁT

(QUÁN ÂM VIỆN thuộc THAI TẠNG MẠN TRÀ LA)

Liên quan đến Hình Tượng Tôn này, các thuyết nói chẳng giống nhau như :

1. Căn cứ trong “**Kinh Đại Nhật. Phẩm Cự Duyên**” kể rằng, Tôn này là hình người phụ nữ trung niên. Thân màu xanh trắng hòa lẫn với nhau, hai tay chấp lại, cầm Hoa Sen xanh; thân mặc áo trắng, đầu có Thiên Kế, tác trạng thái hơi cười.
2. Y theo trong “**Thai Tạng Đồ Tượng**” thì vẽ, Tôn này không có đội Mão tóc (Vô Phát Quan), cánh tay phải co lòng bàn tay duỗi, đầu ngón tay hơi hướng về bên phải. Tay trái lòng bàn tay duỗi để ở dưới rốn, giữa ngón cái và ngón trỏ có cầm Hoa Sen. Ngồi bán già trên Tòa Hoa Sen, mặt hơi hướng về bên phải. Có hai Thị Giả đều chấp hai tay lại, ngồi trên Tòa Lá Sen.
3. Y theo trong “**Thai Tạng Cự Đồ Dạng**” thì vẽ, Tôn này đầu đội Mão tóc, trên có Vị Hóa Phật. Cánh tay phải co lòng bàn tay duỗi, tay trái tác Kim Cang Quyền để ở eo, không cầm Hoa Sen; ngồi trên Tòa Hoa Sen. Có hai Sứ Giả, thân đều màu thịt hồng trắng, hai tay chấp lại, ngồi trên Tòa Lá Sen.
4. Y theo **Hiện Đồ Mạn Trà La** thì vẽ, Tôn này toàn thân màu trắng xanh, mặc áo Yết Ma, đầu đội Mão tóc, trên có vị Hóa Phật. Hai tay chấp lại, không có cầm Hoa Sen, ngồi bán già trên Tòa Hoa Sen. Bên trái có một Sứ Giả, thân màu thịt, hai tay tác trạng thái cầm Hoa Sen.
5. Căn cứ trong quyển 7 “**Đồ Tượng Sao**”, quyển 24 “**Biệt Tôn Tạp Ký**”, “**Giác Thiên Sao. Đa La Tôn Pháp**”, “**A Sa Phộc Sao. Đa La Bồ Tát Quyền**” ghi chép, Tôn này toàn thân màu thịt xanh lục, mặc áo Yết Ma. Đầu đội Mão Báu Vô Lượng Thọ Phật; tay phải rũ xuống, tác Dữ Nguyễn Ấn; tay trái cánh tay co lại, cầm Hoa Sen xanh; ngồi trên Tòa Hoa Sen xanh.

Bồ Tát này có vị trí ở Quán Âm Viện thuộc Thai Tạng Mạn Trà La, Mật Hiệu là Bi Sinh Kim Cang, Hạnh Nguyễn Kim Cang, Tam Hình là Hoa Sen xanh (đã hé nở), Ấn Tướng là nội phộc, hai ngón tay trỏ và ngón tay cái thẳng đứng, đầu ngón tay cùng hợp vào nhau.

Ở Ấn Độ rất thịnh hành lễ bái Đa La Bồ Tát, cho nên Phạm Văn có “**Kinh Tán Dương 108 Danh Đa La Bồ Tát**” (Àrya-tàrà-nàmàṣṭottra’sataka-stotra), “**Kinh Lễ Tán 21 loại Cứu Độ Phật Mẫu**” (Ekaviṃ’sati-stotra), “**Kinh Tán Thánh Đa La Trì Quan**” (Àrya-tàrà-sragdharà-stotra)... Ở Ấn Độ góc bên trái của Đại Tháp Bồ Đề Già Gia, có một Tôn Tượng điêu khắc nổi của Đa La Bồ Tát, truyền thuyết nói mười phần linh nghiệm, được gọi là “**Độ Mẫu của Hội Thuyết Thoại**”.

Đa La Bồ Tát là Chủ Tôn của tất cả Độ Mẫu. Ở Trung Quốc, Tây Tạng và Mông Cổ tín ngưỡng ấy mười phần phát triển rất mạnh mẽ, như hai Phi Tử Văn Thành Công Chúa và Xích Tôn (Bhṛkṣi) Công Chúa của Vua Tây Tạng Tùng Tán Can Bố (Sron-bstan-sgam-po) đều được coi như là hóa thân của Đa La Bồ Tát. Trong đó, Văn Thành Công Chúa là Bạch Đa La Bồ Tát (Sgrol-ma-dkar-po, Bạch

Độ Mẫu), Xích Tôn Công Chúa là Lục Đa La Bồ Tát (Sgrol-ma-ljan-khu, Lục Độ Mẫu).

Nhìn chung ở Tây Tạng Đa La Bồ Tát được nhắc đến nhiều nhất là Lục Độ Mẫu. Y theo trong “**ĐỘ MẪU BẢN NGUYÊN**” ghi chép rằng: Quán Thế Âm Bồ Tát ở trong Vô Lượng kiếp trước, làm lợi ích Hữu Tình, nhưng cứu Độ Chúng Sinh chẳng thể hết được, Bồ Tát thương xót khóc rơi nước mắt, giọt nước mắt rơi xuống biến thành Hoa Sen hóa hiện ra Độ Mẫu, Độ Mẫu này hướng về Quán Tự Tại Bồ Tát nói rằng: “*Ngài đừng nên buồn phiền, tôi là bạn của Ngài, sẽ làm việc để độ thoát khỏi vô lượng chúng sinh*” và nói Kệ rằng: *Ngài đừng nên buồn phiền, tôi thể trợ giúp Ngài; chúng sinh còn Vô Lượng, nguyện của tôi Vô Lượng.*” Đó chính là nhân duyên hóa hiện của Độ Mẫu.

Từ đây vị Độ Mẫu này liền bắt đầu rộng độ chúng sinh. Thế là tên gọi của Bà được nghe khắp mười phương thế giới. Mười phương Chư Phật cùng đến vì Bà Quán Đỉnh, khác lời đồng âm ngợi khen và gọi là “**ĐỘ MẪU**”, ý nghĩa là “Phật Mẫu cứu độ tất cả chúng sinh.” Đó là nguồn gốc của danh hiệu “**Cứu Độ Phật Mẫu**”.

Thánh Cứu Độ Phật Mẫu tổng cộng có 21 Tôn hóa thân, gọi đơn giản là 21 Độ Mẫu. Ngoài Chủ Tôn Lục Độ Mẫu ra còn lại là 20 Tôn.

1. Cứu Tai Nạn Độ Mẫu.
2. Cứu Địa Tai Độ Mẫu.
3. Cứu Thủy Tai Độ Mẫu.
4. Cứu Hỏa Tai Độ Mẫu.
5. Cứu Phong Tai Độ Mẫu.
6. Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu.
7. Cứu Thiên Tai Độ Mẫu.
8. Cứu Binh Tai Độ Mẫu.
9. Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu.
10. Cứu Đạo (nạn trộm cướp) Nạn Độ Mẫu.
11. Tăng Uy Quyền Độ Mẫu.
12. Cứu Ma Nạn Độ Mẫu.
13. Cứu Súc Nạn Độ Mẫu.
14. Cứu Thú Nạn Độ Mẫu.
15. Cứu Độc Nạn Độ Mẫu.
16. Phục Ma Độ Mẫu.
17. Dược Vương Độ Mẫu.
18. Trường Thọ Độ Mẫu.
19. Bảo Nguyên Độ Mẫu.
20. Như Ý Độ Mẫu.

Độ Mẫu được lưu truyền rộng rãi ở Tây Tạng là Lục Độ Mẫu và Bạch Độ Mẫu. Lục Độ Mẫu hiện tướng là cô gái xinh đẹp (Diệu Linh Nữ Tử). Bởi vì toàn thân màu xanh lục, cho nên gọi là “Lục Độ Mẫu”. Dung mạo hiền từ, ngồi bán già trên Hoa Sen trong vành Mặt Trời Mặt Trăng, có một mặt hai cánh tay, đầu đội

Mão Báu Ngũ Phật, châu báu anh lạc trang sức và khoác áo Thiên Y có màu sắc, thân dưới mặc quần có hai lớp dùng để trang nghiêm. Tay phải hướng ra bên ngoài để trên gối phải, tác Dữ Nguyên Ấn và cầm Hoa Ô Ba Lạp (Utpala- Hoa Sen xanh da trời), tay trái lòng bàn tay cũng cầm Hoa Ô Ba Lạp.



LỤC ĐỘ MẪU

Lục Độ Mẫu cũng là Chủ Tôn của 21 Độ Mẫu, Lục Độ Mẫu Chủ chính là Căn Bản Chủ của 21 Độ Mẫu. Thường xuyên Niệm tụng, hay chặt đứt gốc rễ luân hồi; miễn trừ tất cả Ma Chướng, Ôn Dịch đau khổ; tiêu trừ tất cả tai nạn về nước, lửa, binh đao, trộm cướp.... Và hay tặng trưởng Phước Tuệ, Quyền Uy, Thọ Mạng; phàm có người nào mong cầu, chẳng thể chẳng được như nguyện; mạng chung vãng sinh ở Cực Lạc.

Thành Tâm Phụng Trì, linh ứng như tiếng vang. Công đức ấy rộng lớn, khó mà kể hết được.



LỤC ĐỘ MẪU CHÚ LUÂN

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỦNG TỬ CỦA ĐA LA BỒ TÁT

Chữ Chủng Tử: ऩ (Tà) hoặc ऩ (Tra) hoặc ऩ (Tam)

Chân Ngôn:

ॐ (1) ॐ (2) ॐ (3) ॐ (4) ॐ (5) ॐ (6) ॐ (7)
ॐ (8)

(1) Nam ma (2) tam mạn đa (3) bột đà nam (4) đa lệ (5) đa lợi ni
(6) karuṇa (7) ốt bà phộc (8) toa ha

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA (3) BUDDHÀNÀM (4) TÀRE (5)
TARINI (6) KARUṆA (7) UDBHAVA (8) SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) Phổ Biến (chiếu khắp) (3) Chư Phật (4) Đa Lệ
(Tên của Tôn) (5) Độ (6) Bi (7) Sinh (8) Thành Tựu

ॐ(1) ॐ (2) ॐ (3) ॐ (4)

(1) Án (2) bát na ma (3) đa lê (4) hồng

(1) OM (2) PADMA (3) TÀRE (4) HÙM

(1) Quy Mạng (2) Hoa Sen (3) Đa Lê (Tên của Tôn) (4) Hồng (Chữ
Chủng Tử)

MẬT TẠNG LỤC ĐỘ MẪU CHÂN NGÔN

Ông, đáp liệt, đô đáp liệt, đô liệt, thoa cáp



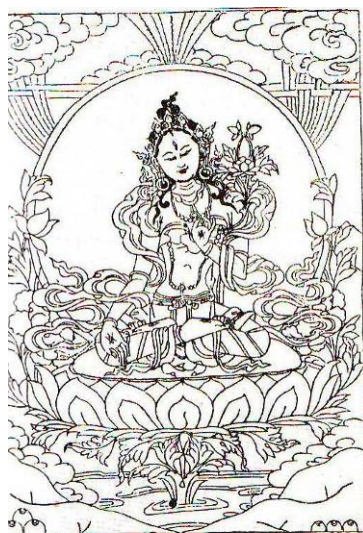
OM _ TÀRE TUTTÀRE TURE _ SVÀHÀ

BẠCH ĐỘ MẪU

Bạch Độ Mẫu (Tên Phạn là: Sita-tàrvà), lại gọi là **Tăng Thọ Cứu Độ Phật Mẫu** Là thị hiện Tâm Bi của Quán Âm, là một trong 21 Tôn hóa thân của **Thánh Cứu Độ Mẫu**. Ở Tây Tạng, **Lục Độ Mẫu** và **Bạch Độ Mẫu** là **Độ Mẫu** trong 21 Tôn được lưu truyền rất rộng.

Bạch Độ Mẫu thân như trắng sáng, có đủ Uy Đức để cứu độ 8 nạn, mặt, tay, chân của Bà cộng lại có 7 con mắt, cho nên cũng gọi là **Thất Nhãn Phật Mẫu**.

Tạo Tượng Bạch Độ Mẫu, trong Tạng Mật có một đầu hai cánh tay, thân màu trắng, đầu đội mào Ngũ Phật, tóc đen chia làm 3 phần, 2 phần búi ở trên đỉnh, phần còn lại phủ trên hai vai. Tay phải để trên đầu gối Tác Tiếp Dẫn Ấn, tay trái để trước ngực, dùng Tam Bảo Ấn cầm hoa Ô Ba Lạp. Hoa trái dài theo cổ tay, cánh tay, đến bên cạnh tai, gồm có 3 đóa hoa, 1 đóa hoa nụ, 1 đóa hoa hé nở, 1 đóa hoa nở tròn, đại biểu cho Tam Bảo.



BẠCH ĐỘ MẪU

Trong 7 con mắt, con mắt ở trên trán của **Bạch Độ Mẫu**, quán 10 phương Vô Lượng cõi Phật Tận Tịnh Không Giới, không có chướng ngại, 6 con mắt còn lại quán sát chúng sinh trong 6 nẻo. Phàm có chúng sinh nào được Bà quán thấy đều được giải thoát.

Thân mặc Thiên Y ngũ sắc quần lụa, khuyên tai, vòng tay, nhẫn báu, vòng cánh tay, vòng ống chân có đầy đủ châu bảo anh lạc. Chuỗi thứ nhất đeo ở cổ, chuỗi thứ hai dài đến ngực, chuỗi thứ ba dài đến rốn. Toàn thân có vòng hoa trang nghiêm, eo nhỏ vú đầy đặn, như thiếu nữ tuổi 16. Thân phát ánh sáng trắng Như ý, hai chân ngồi Kiết Già trong vành trăng trên Hoa Sen.

Trong “ **Tán Bạch Độ Mẫu Kinh** “ nói rằng: Pháp tu trì Bạch Độ Mẫu, hay tăng trưởng Thọ Mạng với Phước Tuệ, chặt đứt gốc rễ sinh tử luân hồi, miễn trừ tất cả Ma Chướng, Ôn Dịch, Bệnh Khổ, phàm có người nào mong cầu không gì không như nguyện.

CHÂN NGÔN CỦA BẠCH ĐỘ MẪU

藏文: ཨོཾ་ཏཱ་རེ་ཏུ་ཏཱ་རེ་ཏུ་རེ་མཁའ་ལྷ་ཡུ་ཤུ་ཧྲེ་རྣམ་པུ་ཤི་ཀུ་རུ་སྐྱེ་ལྷ།

Tạng Văn: **Ông, đạt liệt, đô đạt liệt, đô liệt, mã mã a ưu, bố thấp ca na, bố tấn cô âm, thoa cáp**

Tạng Văn:

OM – TÀRE TUTTÀRE TURE – ÀYUḤ PUNYE JÑÀNA PUṢṬIM KURU – SVÀHÀ.

HƯƠNG VƯƠNG QUÁN ÂM

Hương Vương Quán Âm (Tên Phạn là: Gandha-ràja), dịch âm là Kiên Đà La Xà, lại gọi là **Hương Vương Bồ Tát**. “**Hương**” ý nghĩa là tràn khắp, “**Vương**” ý nghĩa là tự tại, tức là Tự Tại Độ Hóa khắp cả chúng sinh trong Pháp Giới.

Căn cứ trong “**Hương Vương Bồ Tát Đà La Ni Chú Kinh**” ghi chép, Quán Âm này có thân màu thịt trắng, diện mạo đoan chính, đầu đội Mão Trời, cổ đeo Anh Lạc. Cánh tay phải rũ xuống, giương duỗi 5 ngón tay làm tay Thí Vô Úy; 5 đầu ngón tay ấy đều tuôn mưa Cam Lộ, ban cho chúng sinh ở sáu nẻo, bên dưới bàn tay đều có năm, ba con Quỷ màu đen. Cánh tay trái co lại, tay cầm Hoa Sen để ở trước ngực, Hoa này được sinh ra từ Hoa Sen ở Tòa ngời. Phía sau gáy lưng có hào quang tròn, bên trên có cái lọng che. Dùng gấm 5 màu làm quần áo; có 2 lớp làm bằng lưới nạm ngọc quấn trên vai, một lớp màu đỏ, một lớp màu vàng.



HƯƠNG VƯƠNG BỒ TÁT

Nếu muốn cầu tăng ích Phước Đức hoặc diệt trừ tội lỗi tai nạn, thì nên phụng thờ Bồ Tát này làm Bản Tôn của Pháp Tu gọi là Hương Vương Bồ Tát Pháp. Khi Tu Pháp ở trước Tượng làm 1 cái Đàn vuông rộng 4 tấc, dâng cúng các vật của nhóm: Hương, Hoa kèm thắp đèn dầu, nửa đêm thức dậy, mặc quần áo khô sạch, tụng Hương Vương Bồ Tát Đà La Ni Chú 1008 biến cho đến sáng mà không buồn ngủ, thì cầu nguyện Phước sẽ được đầy đủ.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA HƯƠNG VƯƠNG QUÁN ÂM

Chữ Chủng Tử: 𑖀 (Ga) hoặc 𑖀 (Gam)

Chân Ngôn:

𑖀𑖄(1) 𑖀𑖄𑖄𑖄(2)

नम(3) ऋट् वलोकितेश्वर(4) बोधिसत्व(5) महासत्व(6)
 नम(7) गन्धर्वाणाम्(8) बोधिसत्व(9) महासत्व(10)
 ॐ ह्रीं मंत्र मंत्र(11) सत्त्व सर्व(12) कर्म च(13) [अथ] (14)
 पश्य(15) स्व(16)

(1) Nam Mô (2) hạt lạt đất na đất lạt dạ dã (3) nam mô (4) a li gia
 phá lô cát đề thuyết la dã (5) bồ đề tát đỏa dã (6) mạc ha tát đỏa dã (7)
 nam mô (8) kiện đà la hạt la xã dã (9) bồ đề tát đỏa dã (10) mạc ha tát
 đỏa dã (11) y chỉ trí di chỉ trí mô để mạn để (12) Tát Bà át tha sa đàn
 nhĩ (13) ca lợi sa ban nã (14) địa cảm mê (15) bát lợi duệ sắt (16) toa
 ha

(1) NAMO (2) RATNA-TRAYÀYA (3) NAMO (4)
 ÀRYÀVALOKITE'SVARÀYA (5) BODHI-SATVÀYA (6) MAHÀ-
 SATVÀYA (7) NAMO (8) GANDHÀRA-RÀJÀYA (9) BODHI-SATVÀYA
 (10) MAHÀ- SATVÀYA (11) IṢṬI-INIṢṬI (?MIṢṬI) -MATI-MANTI (12)
 SARVÀRTHA-SÀDHANE (13) KARSA-PANḌA (14) [?DHIDHI ME] (15)
 PÀRYEṢU (16) SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) Tam Bảo (3) Quy Mạng (4) Quán Tự Tại (5)
 Dũng Kiện (6) Bậc Đại Dũng Kiện (7) Quy Mạng (8) Kiện Đà La Vương
 (9) Dũng Kiện (10) Bậc Đại Dũng Kiện (11) mong cầu Trí Tuệ (12) Thành
 Tự tất cả Nghĩa Lợi (13) dẫn dụ Trí Thức (14) _____ (15) giúp cho Thành
 (16) Thành Tự

TỖ CÂU CHI BỒ TÁT

Tỳ Câu Chi Bồ Tát (Tên Phạn là: Bhrikutih), dịch âm tiếng Phạn là Tỳ Lí
 Câu Chi, ý nghĩa là nhúu mà; Mật Hiệu là **Giáng Phục Kim Cang, Định Tuệ
 Kim Cang, Trừ Chướng Kim Cang.**

Y theo quyển 10 “**Đại Nhật Kinh Số**” ghi chép rằng: “Trong Đại Hội của
 Phật thời các Kim Cang hiện trạng thái giáng phục rất là đáng sợ, trạng thái đó như
 không có ai có thể giáng phục, thời trong nếp nhăn trên trán Quán Âm hiện vị Bồ
 Tát này, phương Tây gọi nếp nhăn trên trán là Tỳ Câu Chi, như người đời nay khi
 giận dữ thời trên trán có nếp nhăn vậy. Bồ Tát hiện thân tác trạng thái rất giận dữ,
 thời các Kim Cang đều sinh lòng sợ hãi, nhập vào trong thân Kim Cang Tạng. Thời
 Tỳ Câu Chi ấy tiến đến trước Cháp Kim Cang Tạng thời Ngài cũng rất sợ hãi, liền
 vào dưới Tòa Như Lai mà nói rằng: “Nguyện xin Đức Phật cứu giúp con” thời Đức
 Phật bảo Tỳ Câu Chi ấy rằng: “Chị hãy dừng lại” thời Tỳ Câu Chi ấy liền đứng yên
 và Bạch Đức Phật rằng: “Chỉ có Đức Phật ban giáo sắc thì con sẽ phụng hành”. Bấy
 giờ sự sợ hãi của các Kim Cang cũng tiêu trừ, đều rất vui mừng mà nói rằng: “

Đấng Đại Bi này hay hiện sức uy mãnh lớn này, quả là hiếm có”. Do đây có thể biết nhân duyên hiện khởi của Tỳ Câu Chi Bồ Tát cùng với thế lực đại uy chẳng thể nghĩ bàn.



TỠ CÂU CHI BỒ TÁT

Trong Thai Tạng Giới Mạn Trà La, vị Bồ Tát này ở trong Liên Hoa Bộ Viện (Quán Âm Viện), **Tam Muội Gia Hình** là Xâu Chuỗi, **Ấn Tướng** là Tỳ Câu Chi Ấn.

Thân hình Tôn này toàn thân màu thịt, hiện Tướng có 4 cánh tay, Bên trái: Tay thứ nhất cầm Hoa Sen (hoặc có thuyết nói trên Hoa Sen có cái Phạn Giáp: Túi đựng Kinh), kế đến tay cầm cái Bình, Bên phải: Tay thứ nhất Kết Thí Vô Úy Ấn, kế đến tay cầm Tràng Hạt, mặc áo Yết Ma, ngồi ngay thẳng trên Hoa Sen Xanh (hoặc có thuyết nói là Hoa Sen đỏ), trên trán có con mắt.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA TỠ CÂU CHI BỒ TÁT

Chữ Chửng Tử: 𑖀 (Bhri ? Bhr) hoặc 𑖄 (Trà)

Chân Ngôn:

𑖀𑖄(1) 𑖄𑖄𑖀 𑖄𑖄𑖀(2) 𑖄𑖄(3) 𑖄𑖄(4) 𑖄𑖄𑖀(5) 𑖄𑖄(6)
𑖄𑖄𑖀(7) 𑖄𑖄(8)

(1) Nam mô (2) tam mạn đa bột đà nam (3) tát bà (4) bồi dã (5) tát la tán nhĩ (6) hồng hồng (7) tát phá tra dã (8) toa ha

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA-BUDDHĀNĀM (3) SARVA (4) BHAYA (5) TRĀSANI (6) HŪM HŪM (7) SPHAṬAYA (8) SVĀHĀ

(1) Quy Mạng (2) Phổ Biến Chư Phật (3) tất cả (4) sợ hãi (5) sợ hãi (6) Hồng Hồng (Hành. Giải Thoát. Nghĩa là Đại Không) (7) phá hoại (8) Thành Tự

𑖀(1) 𑖀𑖄𑖀(2) 𑖄𑖄(3) 𑖄𑖄(4) 𑖄(5)

(1) Ấn (2) tất lí cử chi (3) bát đầu mê (4) đa la đa la (5) hồng

(1) OM (2) BHRĀKUTĪ (3) PADME (4) TRĀ TRĀ (5) HŪM

(1) Quy Mạng (2) Tất Lí Cử Chi (Tôn danh) (3) Hoa Sen (4) Đa La Đa La (Chủng Tử) (5) Hồng

ĐẠI MINH BẠCH THÂN BỒ TÁT

Đại Minh Bạch Thân Bồ Tát (Tên Phạn là: Gauri-mahà-vidya), dịch âm tiếng Phạn là Hào Lợi Ma Ha Vi Địa Dã, là vị Bồ Tát trong Liên Hoa Bộ Viện thuộc Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La. **Mật Hiệu** là Thường Tĩnh Kim Cang, Phóng Quang Kim Cang, **Tam Muội Gia Hình** là Hoa Sen hé nở, **Ấn Tượng** là Liên Hoa Hợp Chưởng.

Trong “**Kinh Đại Bi Không Trí Kim Cang Đại Giáo Vương Nghi Quỹ. Phẩm Kim Cang Xuất Hiện**” dùng Tôn này là một trong tám Minh Phi, tên là Ngao Lì Minh Phi (Tên Tây Tạng là: Gos-dkar-mo, dịch ý là Bạch Y Nữ), nói đại khái Tôn này đồng thể với **Bạch Y Quán Âm**.



ĐẠI MINH BẠCH THÂN BỒ TÁT

Thân hình Tôn này màu vàng lợt, Tay phải: cánh tay co lại Kết Dữ Nguyệt Ấn để ở trước ngực; Tay trái: khuỷu tay co lại cầm Hoa Sen hé nở, ngồi trên Hoa Sen đỏ.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỦNG TỬ CỦA ĐẠI MINH BẠCH THÂN BỒ TÁT

Chữ Chủng Tử: ༄ (Sa), nghĩa là Đệ Nhất Nghĩa Đế chẳng thể đắc.

Chân Ngôn:

ॐ मः समंता बुद्धानं कः सः ३ यं कं ५

Nam Ma tam mạn đa bột đà nam ngật sa nã la diêm kiểm
 NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM KṢAḤ DAḤ RA YAM
 KAM

ĐẠI TÙY CẦU BỒ TÁT

Đại Tùy Cầu Bồ Tát (Tên Phạn là: Mahà-pratisàra), dịch âm tiếng Phạn là Ma Ha Bát La Đế Tát Lạc, hoặc có thuyết nói là thân biến hóa của Quán Âm Bồ Tát, nói tóm lại gọi là Tùy Cầu Bồ Tát, hay khiến cho tất cả chúng sinh viên mãn sự mong cầu. Tôn này có vị trí ở Quán Âm Viện trong Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La. Vị Bồ Tát này hay tùy theo sự khẩn cầu của chúng sinh mà trừ khổ ách, diệt nẻo ác, hay viên mãn tất cả hy vọng của chúng sinh, do đó gọi là **Đại Tùy Cầu**.



ĐẠI TÙY CẦU BỒ TÁT

Y theo trong “**Đại Tùy Cầu Đà La Ni Kinh**” ghi chép, nếu như có người nào nghe thấy Chú này, liền hay tiêu diệt tội chướng. Nếu Thọ Trì đọc tụng, thì lửa chẳng thể thiêu đốt, đao chẳng thể gây thương tích, chất độc chẳng thể hại, hay được sự hộ thủ của tất cả Hộ Pháp. Nếu viết chép Chú này đeo ở trên cánh tay và ở dưới cổ, thì người này thường hay được sự gia trì của tất cả Như Lai.

Trong “**Phật Thuyết Tỳ Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú Kinh**” nói về Công Đức của Đại Tỳ Cầu Bồ Tát Thần Chú này rằng: Đại Tỳ Cầu này liền được Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú, hay ban cho chúng sinh sự an vui tối thắng, chẳng bị tất cả Dạ Xoa, La Sát và các bệnh điên loạn, cùi hủi, Quỷ đói, Quỷ Tắc Kiến Đà, các hàng Quỷ Thần gây nhiễu, cũng chẳng bị bệnh nóng lạnh xâm tổn. Nơi cư ngụ luôn luôn được thù thắng, chẳng bị sự xâm hại về chiến đấu oán thù, lại hay đập tan kẻ địch, chú trở yểm đảo chẳng có thể làm hại, tội của nghiệp trước thấy đều tiêu diệt, chất độc chẳng thể hại, lửa chẳng thể thiêu đốt, đao chẳng thể gây thương tích, nước chẳng thể cuốn chìm, chẳng bị sấm sét (lôi điện, phích lịch) gió ác, mưa bão không đúng thời.... Gây tổn hại.

Nếu có người Thọ Trì Thần Chú này thì nơi cư ngụ được thù thắng. Nếu có thể viết chép rồi đeo trên cổ hoặc cột trên cánh tay thì người đó hay thành tất cả việc lành thanh tịnh tối thắng. Thường được Chư Thiên Long Vương ủng hộ. Lại được Chư Phật, Bồ Tát nghĩ nhớ, các Thiên Thần Chúng luôn luôn theo ủng hộ.

Nếu có người nữ Thọ Trì Thần Chú này sẽ có thế lực lớn, thường sinh con trai, Thọ Trì lúc mang thai thì thai được an ổn, khi sinh sản được an vui, không có các bệnh tật. Mọi tội tiêu diệt nhất định không còn nghi ngờ gì, do lực Phước Đức mà tiền của, lúa gạo được tăng trưởng. Lời bảo ban khiến cho người đều tin nhận, thường được tất cả điều cung kính.

Liên quan đến Linh Nghiệm ấy, căn cứ trong “**Phổ Biến Quang Minh Thanh Tịnh Xí Thịnh Như Ý Bảo Ấn Tâm Vô Năng Thắng Đại Minh Vương Đại Tỳ Cầu Đà La Ni Kinh**” ghi chép: “Ở trong đại thành Ca Tỳ La, lúc La Hầu La Đồng Tử còn nằm trong thai mẹ. Mẹ Ngài tên là Gia Du Đà La, Bà bị ném vào trong hầm lửa, bất chợt La Hầu La nhớ niệm Đà La Ni này nên hầm lửa ấy bỗng nhiên hóa thành ao Sen. Lại nói, ở thành Ma Già Đà có vị vua tên là Thí Nguyện Thủ không có con, dùng Đà La Ni này viết chép đeo ở dưới cổ phụ nhân mà cuối cùng thỏa mãn được ước nguyện”

Lại nói, nếu có nơi nào lưu truyền Đại Tỳ Cầu Đà La Ni này, nên dùng Hương Hoa, Phướng, Lọng mọi thứ cúng dường thượng diệu. Phải dùng vải lụa thù thắng bao bọc Kinh lại, đặt ở trong cái Tháp hoặc để trên đầu cây Phướng. Dùng mọi loại âm nhạc ca vịnh tán thán, nhiều quanh cúng dường, chân thành lễ bái thì mọi mong cầu ước nguyện đều được đầy đủ.

Nếu hay y Pháp viết chép, đeo giữ trên thân thì mọi mong cầu đều được. Cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái. Thai nhi an ổn lớn dần tròn đủ và sinh nở được an vui.

Ngoài ra, trong quyển 3 “**Tỳ Cầu Bồ Tát Cảm Ứng Truyện**” lại có ghi chép các loại Linh Nghiệm có liên quan, tóm lại nói, Phạm người nào nghe thấy Thọ Trì, đọc tụng, viết chép, lưu truyền Đại Tỳ Cầu Đà La Ni thì có thể được các loại công đức như sau: Lửa chẳng thể đốt, đao chẳng thể hại, giáng phục kẻ địch, phá ngục Vô Gian, trừ nạn Rồng Cá, sinh sản an vui, trừ nạn vua chúa.... Các loại công đức.

Liên quan đến Chú này, có thể đọc thêm Kinh Điển tương quan của Đại Tỳ Cầu Bồ Tát trong quyển thứ 20 “**Đại Chính Tạng**” thuộc Mật Giáo Bộ 3.

ĐẠI CÁT TƯỜNG ĐẠI MINH BỒ TÁT

Đại Cát Tường Đại Minh Bồ Tát (Tên Phạn là: Mahà’srì-mahà-vidya), dịch âm tiếng Phạn là Ma Ha Thất Lợi Ma Ha Vi Địa Dã. “Đại Cát Tường” biểu thị cho không nhiễm ở sinh tử, **Tam Muội Thanh Tịnh Vô Cấu Liên Hoa**. “Đại Minh” ý nghĩa là chỉ ánh sáng lớn chiếu soi tới Vô Biên Tế Địa mọi loại cơ duyên chúng sinh của các loài đáng được độ. Vị trí ở trong Quán Âm Viện thuộc Hiện Đồ Thái Tạng Giới Mạn Trà La, lại gọi là **Đại Cát Tường Quán Tự Tại Bồ Tát, Đại Cát Tường**.



ĐẠI CÁT TƯỜNG ĐẠI MINH BỒ TÁT

Tôn hình là toàn thân màu thịt, ngồi trên Hoa Sen đỏ. Tay trái cầm Hoa Sen hé nở, để ở cạnh eo. Bên trái có Sứ Giả cầm vòng Hoa. **Mật Hiệu** là Linh Đoan Kim Cang, **Tam Muội Gia Hình** là Hoa Sen hé nở, **Ấn Tướng** là Liên Hoa Hợp Chưởng.

CHÚ NGŨ, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA ĐẠI CÁT TƯỜNG ĐẠI MINH BỒ TÁT

Chữ Chung Tử: 𑖐 (Sa)

Chân Ngôn:
𑖀𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄 𑖀𑖄𑖄

Nam ma tam mạn đa bột đà nam ngật sa nã la diêm kiể
 NAMAḤ SAMANTA-BUDDHÀNÀM _ KṢAḤ DAḤ RA YAM
 KAM

ĐẠI CÁT TƯỜNG MINH BỒ TÁT

Đại Cát Tường Minh Bồ Tát (Tên Phạn là: ‘Sri-maha-vidya), dịch âm tiếng Phạn là Thất Lợi Ma Ha Vi Địa Dã. Bồ Tát này có vị trí trong Quán Âm Viện thuộc Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La, lại gọi là **Cát Tường Quán Tự Tại Bồ Tát, Cát Tường Bồ Tát, Cát Tường**. “Đại Cát Tường” biểu thị cho chẳng nhiễm ở sinh tử, trong sạch không dơ bẩn tức là dùng Pháp Môn trong sạch chẳng nhiễm để phá trừ vô minh ám tối của chúng sinh.



ĐẠI CÁT TƯỜNG MINH BỒ TÁT

Tôn Hình là toàn thân màu thịt, ngồi trên Hoa Sen đỏ. Cánh tay trái cầm Hoa Sen chưa hé nở. Tay phải dựng lòng bàn tay lên hướng ra ngoài, co ngón vô danh, ngón út, 3 ngón còn lại dựng thẳng đứng. **Mật Hiệu** là Thường Khánh Kim Cang, **Tam Muội Gia Hình** là Hoa Sen chưa hé nở, **Ấn Tượng** là Liên Hoa Hợp Chưởng.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỦNG TỬ CỦA ĐẠI CÁT TƯỜNG MINH BỒ TÁT

Chữ Chủng Tử: 𑖀 (Sa)

Chân Ngôn:

ॐ(1) मन्त्र (२) सूत्र(3)

(1) Án (2) ma ha thất lợi vi địa dã (3) sa phộc hạ

(1) OM (2) MAHÀ'SRÌ-VIDYE (3) SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) Đại Cát Tường Minh (3) Thành Tự

BẠCH THÂN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Bạch Thân Quán Tự Tại Bồ Tát (Tên Phạn là: 'Svetabhagavatì), dịch âm tiếng Phạn là Thi Phệ Đa Ba Nga Phộc Để, lại gọi là **Thấp Phệ Đa Bồ Tát, Bạch Thân Bồ Tát, Ma Ha Thấp Phế Đa Bồ Tát, Thấp Phế Đa Bạch Thân Bồ Tát, Đại Bạch Bồ Tát, Bạch Thân Quán Âm, Bạch Tôn Giả, Bạch Quán Tự Tại Bồ Tát**. Vị trí ở trong Quán Âm Viện thuộc Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La.



BẠCH THÂN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Tôn Hình là toàn thân màu vàng trắng, tay trái cầm Hoa Sen, tay phải duỗi 5 ngón bàn tay úp hướng lên vai, khuỷu tay co lại để trên đầu gối phải, đầu gối phải hơi dựng đứng, ngồi trên Hoa Sen đỏ. **Mật Hiệu** là Phổ Hóa Kim Cang, **Tam Muội Gia Hình** là Hoa Sen hé nở, **Ấn Tượng** là Phổ Biến Hợp Chưởng.

Bồ Tát toàn thân màu vàng trắng, tay trái cầm Hoa Sen, đại biểu cho Đức xưa nay trong sạch, để tu hành được thành tựu cho nên hiển bày Phật Trí; Tay phải để trên đầu gối, biểu thị cho phổ hóa chúng sinh. “**Bạch**” đại biểu cho Đại Bi trong sạch; “**Thân**” đại biểu cho sự tụ tập, “**Bạch Thân**” ý nghĩa là đại biểu cho sự tụ tập Đại Bi trong sạch.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA BẠCH THÂN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Chữ Chủng Tử: 𑖦 (Sa)

Chân Ngôn:

𑖠(1) 𑖦𑖦𑖦𑖦(2) 𑖦𑖦𑖦𑖦(3) 𑖦𑖦𑖦𑖦(4) 𑖦𑖦(5)

(1) Án (2) ma ha bát đầu mê (3) thấp phế dương nghe (4) hổ lỗ hổ lỗ (5) sa phộc hạ

(1) OM (2) MAHÀ-PADME (3) 'SVETÀNGE (4) HURU HURU (5) SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) Hoa Sen lớn (3) thân màu trắng (4) Phúc Phúc (che chở, che chở) (5) Thành Tự

THỦY CÁT TƯỜNG BỒ TÁT

Thủy Cát Tường Bồ Tát (Tên Phạn là: Dakari), lại gọi là **Thủy Cát Tường Quán Âm** hoặc **Đại Thủy Cát Tường Bồ Tát**. Tôn này có vị trí ở Quán Âm Viện thuộc Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La. Từ xưa đến nay phần nhiều cho rằng đồng Tôn với Thủy Nguyệt Quán Âm. Mật Hiệu là **Nhuận Sinh Kim Cang**, ấy là nước Trí của Đại Nhật Như Lai hay ban rót cho chúng sinh.



THỦY CÁT TƯỜNG BỒ TÁT

Tôn này toàn thân màu vàng trắng, tay trái cầm Hoa Sen chưa hé nở, tay phải kết Thí Vô Úy Ấn, ngồi trên Hoa Sen đỏ, bên trái bên phải đều đốt hương cúng dường Sứ Giả với hương xoa bôi cúng dường Sứ Giả. **Tam Muội Gia Hình** là Hoa Sen, **Ấn Tướng** là Liên Hoa Hợp Chưởng.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA THỦY NGUYỆT CÁT TƯỜNG BỒ TÁT

Chữ Chủng Tử: 𑖦 (Sa)

Chân Ngôn:

𑖀 𑖦𑖩 𑖢𑖤𑖥 𑖦𑖩 𑖦𑖩

Án a lợi dã năng ca sa phộc hạ

OM ÀRYODAKA'SRÌ SVÀHÀ

PHẦN NỘ CÂU QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Phần Nộ Câu Quán Tự Tại Bồ Tát (Tên Phạn là: Amogha-krodhàṅkuà's), dịch âm là A Mục Khư Câu Lộ Đà Ưng Câu Xá La Nhã. Bồ Tát này có vị trí ở Hư Không Tạng Viện thuộc Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La, lại gọi là **Phần Nộ Câu Bồ Tát**.



PHẦN NỘ CÂU QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Tôn Hình là có 3 mặt 4 cánh tay, mặt chính màu thịt, mặt bên trái màu xanh, mặt bên phải màu xanh lục, mỗi mặt đều có 3 con mắt, trên mặt có Vị Hóa Phật. Bên trái: Tay thứ nhất cầm Hoa Sen, tay thứ hai cầm Sợi Dây, Bên Phải: Tay thứ nhất cầm cây Móc Câu Sắt, tay thứ hai Tác Dữ Nguyên Ấn, ngồi Kiết già trên Hoa Sen đỏ. **Mật Hiệu** là Trì Câu Kim Cang, **Tam Muội Gia Hình** là cây Búa có móc câu (Việt Câu), **Ấn Tướng** là Liên Hoa Hợp Chưởng hoặc Liên Hoa Ấn.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA PHẦN NỘ CÂU QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Chữ Chủng Tử: ॐ (O)

Chân Ngôn:

ॐ म्म म्म वृ ह्म न्म कु व ल य न्म स्व ष्ट ॥

Nãng mạc tam mạn đa một đà nam câu phộc lệ dã sa phộc hạ
 NAMAḤ SAMANTA-BUDDHÀNÀM _ KUVALAYA SVÀHÀ

BẤT KHÔNG CÂU QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Bất Không Câu Quán Tự Tại Bồ Tát (Tên Phạn là: Amoghànku'sa), có vị trí ở trong Xứ Không Tạng Viện thuộc Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La. Bản thể của Bồ Tát này là dùng cái Móc của Đại Bi để nhiếp dẫn cứu hộ chúng sinh, hay câu triệu Chư Phật Thánh Trí vào Tâm của chúng sinh, và hay câu triệu tất cả chúng sinh vào cảnh giới Chư Phật, ý nguyện ấy quyết định Bất Không.



BẤT KHÔNG CÂU QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Hình Tượng này căn cứ trong “**Bí Tạng Ký**” kể lại là có 3 mặt 4 tay, toàn thân màu thịt, 2 mặt bên trái bên phải màu xanh. Bên trái: Tay ở trên cầm Hoa Sen trên có cái móc câu, tay ở dưới cầm Sợi Dây, Bên Phải: Tay ở trên cầm cây Móc Câu, tay ở dưới cầm cái Chày Tam Cổ. **Mật Hiệu** là Hóa Hiện Kim Cang, **Tam Muội Gia Hình** là Hoa Sen trên có cái móc câu đứng, **Ấn Tượng** là Bát Diệp Ấn. Cũng có lưu truyền Hình Tượng có 3 mặt 4 cánh tay.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA BẤT KHÔNG CÂU QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

Chữ Chủng Tử: 𑖀 (A) hoặc 𑖅𑖄 (Dhiram)

Chân Ngôn:

Nam ma tam mạn đa bột đà nam địa lam bát nạp ma a lại đã
sa phộc hạ

𑖀𑖄𑖂𑖂𑖂𑖂 𑖅𑖄𑖂𑖂𑖂𑖂 𑖅𑖄𑖂𑖂𑖂𑖂 𑖅𑖄𑖂𑖂𑖂𑖂

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ DHIRAM _ PADMĀLAYA _
SVĀHĀ

NHẤT KẾ LA SÁT QUÁN ÂM

Nhất Kế La Sát Quán Âm (Tên Phạn là: Ekajaṭā-rakṣaḥ), lại gọi là **Nhất Kế La Sát Vương Bồ Tát**, gọi đơn giản là **Nhất Kế La Sát**. Bồ Tát này có vị trí ở đầu phương Nam của Tô Tất Địa Viện thuộc Thai Tạng Giới Mạn Trà La trong Mật Giáo. Mật Hiệu là **Điện Lôi Kim Cang**. Dùng Nhất Trí của Bất Nhị thị hiện hình giận dữ, giáng phục phiền não cho nên được gọi tên này.

Trong “**Nhất Kế Tôn Đà La Ni Kinh**” có ghi chép về nhân duyên hóa hiện của Tôn này. Căn cứ vào Kinh Điển kể lại, “ Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát, được Đức Phật Ấn Khả, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đỉnh lễ chân Phật, lui về ngồi ở một bên rồi nhập vào Vô Năng Thắng Tam Muội, từ trên đỉnh hóa ra **Ế Ca Nhã Tra Sát Vương** (Nhất Kế La Sát), có 3 con mắt 4 cánh tay.

Lúc La Sát Vương này Hiện Khởi, hết thấy tám bộ Trời, Rồng, Đại Lực Nhiên Đỉnh Quỷ Vương, đều sợ hãi bỏ chạy, mất hết bản uy, không biết ở chỗ nào. Thế là rối rít cầu thỉnh rằng: “Nguyện xin cứu hộ! Nguyện xin cứu hộ! Điều buông bỏ hết thấy tâm hại ác, từ nay trở đi cùng với các quyến thuộc quy y Phật Pháp Tăng Bảo”. Khi ấy Ế Ca Nhã Tra giáng phục được Nhiên Đỉnh Quỷ Vương cùng với các quyến thuộc xong, liền đi đến trước mặt Quán Tự Tại Bồ Tát Chấp tay lại cung kính bạch Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Tôi có Đà La Ni Chân Ngôn bí mật thâm sâu, hay đập nát Thiên Ma với Dục Xoa ác, La Sát Tư, Quỷ Thần ác độc.... Với các dịch bệnh, nước, lửa, trộm cướp, cũng hay chặn đứng các oán địch. Nguyện xin lắng nghe hứa cho tôi nói Đà La Ni”. Sau khi được Quán Tự Tại Bồ Tát cho phép, Nhất Kế La Sát liền tuyên nói Pháp Môn Đà La Ni thù thắng này.

Trong quyển “**Thai Tạng Giới Tập 7**” kể lại Hình Tượng ấy là toàn thân màu xanh lục, hiện tướng giận dữ, có 4 cánh tay. Bên phải: Tay thứ nhất cầm cây Kiếm, kế đến tay cầm Việt Phủ Câu (cây Búa có cái móc câu). Bên trái: Tay thứ nhất cầm sợi dây rũ xuống, kế đến tay cầm cái Chày Tam Cổ, ngồi trên Hoa Sen đỏ.



NHẤT KẾ LA SÁT QUÁN ÂM

Tam Muội Gia Hình của Tôn này là cây Kiếm hoặc Cái Móc Câu. **Ấn Tượng** thì dùng 2 tay đều đem ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa hướng vào bên trong cài chéo nhau, bên phải đè bên trái, dựng đứng 2 ngón vô danh vịn nhau, 2 ngón út cùng đè nhau.

Ngoài ra cũng có thuyết nói tượng này là: “Vẽ Nhất Kế La Sát, mắt màu đen đỏ, nhìn xuống bên dưới. Rắn làm anh lạc, răng chó hướng lên trên, mặc quần da cộp, tóc có Mãng Xà quấn tròn như cái mâm. Tay phải cầm cây Búa, tay trái cầm sợi dây rắn, dùng máu xoa bôi lên thân, 2 tay chấp lại, chau mày trợn mắt, tác Tượng đáng sợ, móng vuốt nhọn bén, da voi quấn quanh”.

CHÂN NGÔN, CHỮ CHỦNG TỬ CỦA NHẤT KẾ LA SÁT QUÁN ÂM

Chữ Chủng Tử: ㄩ (E)

Chân Ngôn:

Na mô la đa – na đa - la dạ, gia na mạc a, lí – gia phộc lỗ, chỉ đế thấp – phộc la, gia mạo địa tát đa – phộc gia ma ha, tát đa – phộc gia ma ha, ca lỗ ni ca, gia na mô ế ca nhã tra gia ma ha, la hất – xoa tư a ha hiệt – lí đà diêm ma ma la hất – xoa tư ma ma mẩu khư tả tát phộc ca lí – dạ nhĩ ca lỗ tứ minh đất nhĩ – đã tha án a nan để nhã gia sa – phộc hạ nhã gia nhã dạ gia gia sa – phộc hạ, ma – ha, vĩ nhã duệ sa – phộc hạ, ma ha, lô tử duệ sa – phộc hạ tát phộc vĩ cận – na vĩ na, dạ ca, nan gia sa – phộc hạ giả la gia nã sắt – tra sa – phộc hạ la hất – xoa la hất – xoa sa – phộc hạ phả xa ha tắc – đa gia sa – phộc hạ.

[TÙY TÂM CHÂN NGÔN]

Ế tứ duệ tứ ế ca nhã tra ma ma mục khư nhã gia sa phộc hạ
(Thai Tạng Giới)

ଏହାକି ଏକାଜାତା ମାମା ମୁକ୍ତହାୟା ସ୍ଵାହା

EHYEHI EKAJATA MAMA MUKHAJAYA SVÀHÀ

THIÊN THỨ BA PHÁP MÔN CỦA QUÁN ÂM BỒ TÁT

CHƯƠNG THỨ NHẤT PHÁP MÔN TU HÀNH CỦA QUÁN ÂM BỒ TÁT

Trong Phật Giáo Đại Thừa, Pháp Môn tu hành của Quán Thế Âm Bồ Tát ảnh hưởng rất sâu xa và cũng là Pháp Môn rất có năng lực. Do Tâm Bi của Quán Thế Âm Bồ Tát rất rộng lớn, nhân đây tâm thanh cứu khổ (tâm âm thanh để cứu khổ), Đại Bi Phổ Môn cứu độ tất cả chúng sinh, liền trở thành đặc sắc của Pháp Môn ấy.

Chẳng qua trên thực tế Pháp Môn tu hành của Quán Thế Âm Bồ Tát, không những chỉ rộng lớn mà còn rất sâu xa, Đại Bi không chỉ độ khắp tất cả chúng sinh, hay ban cho chúng sinh sự không sợ hãi, lại hay khiến cho chúng sinh thành tựu Trí Tuệ viên mãn, như “**Bát Nhã Tâm Kinh**” đó là Pháp Môn Trí Tuệ của Quán Thế Âm Bồ Tát.

Pháp Môn của Quán Thế Âm Bồ Tát có tính chất đặc biệt *gợi Trí nơi Bi* (Ngụ Trí vu Bi), nhân đây quyển sách này giới thiệu Pháp Môn Tu Hành.

Ngoài “Đại Bi Hạnh Môn” của Quán Thế Âm Bồ Tát trong “**Hoa Nghiêm Kinh**” ra, còn có Pháp Môn Quán Tự Tại Bát Nhã đã khai thị trong “**Bát Nhã Tâm Kinh**” của Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhưng Quán Thế Âm Bồ Tát trong “**Lăng**

Nghiêm Kinh” đã tuyên nói “**Nhĩ Căn Viên Thông**” lại là đặc sắc trọng yếu của Pháp Môn Quán Âm, là học tập Diệu Hạnh của Quán Thế Âm Bồ Tát, trong quyển sách này cũng giới thiệu thêm điểm chính cần phải tu học.

Pháp Môn tu hành của Quán Thế Âm Bồ Tát đã rộng lớn lại sâu xa, có đầy đủ tính chất Đại Bi, Đại Trí, Đại Định và Diệu Hạnh thực tiễn, mỗi một vị tu hành đều nên theo Pháp Môn đó.

PHÁP TU TRÌ TÂM KINH

Trong Pháp Môn của Quán Thế Âm Bồ Tát, có một bộ Kinh mọi người nghe mãi thuộc lòng, cũng là một bộ Kinh văn rất ngắn, bộ Kinh Điển này hầu như là người học Phật nào cũng đều thuộc lòng nó, bộ Kinh này cũng là một bộ Kinh Điển rất sâu sắc, đó là “**Bát Nhã Tâm Kinh**”.

Quán Tự Tại Bồ Tát độ tất cả ách khổ đau

Trong “**Bát Nhã Tâm Kinh**” bắt đầu liền nói: “*Khi Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát tu hành và quán sát kỹ về Hạnh Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu. Ngài soi thấy tự tính của nhóm năm uẩn đều trống rỗng, vượt qua tất cả ách khổ đau*”. Tức là một cái công dụng trực tiếp để xây dựng việc tu hành của Quán Tự Tại Bồ Tát. Năm uẩn tức là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Năm uẩn, sáu căn.... Những Pháp Tướng này, chỉ là nghĩa bên ngoài (biểu nghĩa), trên thực tế nó đại biểu cho tất cả hiện tượng các Pháp của chúng ta đã xây dựng. Nhân đây mà câu “*Không có: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Không có: Hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, cảm xúc, pháp cảnh. Không có giới của mắt cho đến không có giới của ý thức*” có thể biết được. Chúng ta cũng có thể nói không có ba cõi, có thể nói không có bốn Sinh cho đến không có mười Pháp Giới đều có thể xây dựng, cho nên không có tất cả. Ngay lúc Tâm sinh khởi loại giác quan này thời liền có thể xuyên qua Trí Tuệ của chúng ta, triệt để chém đứt tất cả sự chấp trước. Nên tất cả sự chấp trước này đều tiêu diệt, hiện khởi Tâm tủy sáng chói của Bát Nhã Ba La Mật Đa, mà cái Tâm tủy này hay khiến chúng ta đạt đến bờ bên kia của sự xa lìa sinh tử. Tu trì “**Tâm Kinh**” trước tiên cần phải hiểu rõ triệt để chánh kiến của “**Tâm Kinh**” khiến chúng ta xây dựng Pháp Tu của sự nên chặt đứt, nên xây dựng, sau đó y theo sự tu hành nên chặt đứt, nên xây dựng, đạt đến Quả Đức Tâm Kinh để hiện thành Phật.

Phương pháp Tu trì “**Tâm Kinh**” thời nên đơn giản nhất, cơ bản nhất, chính là học thuộc lòng “**Tâm Kinh**” đó là việc rất trọng yếu. Sau khi chúng ta đem “**Tâm Kinh**” này học thuộc lòng, ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày, thì có thể luôn luôn khắc ghi ý nghĩa chân thật từ trong Kinh để lý giải, thể hội “**Tâm Kinh**”.

Dịch lời bạch thoại của Tâm Kinh

Khi Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu thời Ngài soi thấy năm uẩn đều trống rỗng mà vượt qua tất cả ách khổ đau.

Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát, ở ngay thực tiễn nhìn thấy sự viên mãn cho đến Trí Tuệ thâm sâu, đạt đến sự giải thoát, Diệu Hạnh của bờ bên kia.

Lập tức giác chiếu đến sự tồn tại (tồn hữu) năm loại hiện tượng thuộc thân tâm của sinh mệnh là: Sắc Thân, Cảm Thọ, Tư Tưởng, Tâm Hạnh, Ý Thức.... đều là **Hiện Không**, nhân đây vượt qua, độ thoát tất cả ách khổ đau.

Ngài bảo ông Xá Lợi Tử rằng: “Hình chất chẳng khác với tính trống rỗng. Tính trống rỗng chẳng khác với hình chất. Chính hình chất là tính trống rỗng, chính tính trống rỗng là hình chất. Bốn uẩn: Cảm giác, Tri giác, tạo ứng, nhận thức cũng đều như vậy.

Này Xá Lợi Tử ! Hết thấy hiện tượng của sắc tướng sinh mạng đều trống rỗng mà tính trống rỗng chính là trạng thái Tồn Hữu của sắc thân sinh mạng.

Nhân đây, sắc thân chẳng khác với tính trống rỗng, tính trống rỗng cũng chẳng khác với sắc thân; sắc thân tức là tính trống rỗng, mà tính trống rỗng tức là sắc thân của bản thân mình.

Đồng thời bốn loại hiện tượng tinh thần: Cảm Thọ, Tư Tưởng, Tâm Hạnh, Ý Thức.... còn lại của sinh mạng, cùng với tình hình Tồn Hữu của sắc thân hoàn toàn tương đồng, đều là tính trống rỗng.

Này Xá Lợi Tử ! Tính trống rỗng của các Pháp vốn không có tướng: chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng cấu nhiễm, chẳng lìa cấu nhiễm, chẳng tăng, chẳng giảm.

Này Xá Lợi Tử! Tất cả các Pháp Tồn Hữu này đều là tướng trạng của tính trống rỗng, là chẳng sinh, chẳng diệt, không có nhiễm bụi, không có trong sạch, không có tăng thêm, cũng không có giảm đi.

Như vậy, trong tính trống rỗng ấy, không có hình chất, không có cảm giác, không có tri giác, không có tạo ứng, không có nhận thức. Không có: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Không có: hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, cảm xúc, pháp cảnh. Không có giới của mắt cho đến không có giới của ý thức. Không có Minh, không có Vô Minh. Không có chấm dứt minh. Không có chấm dứt Vô Minh. Cho đến không có già chết cũng không có chấm dứt già chết. Không có: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Không có Trí cũng không có đắc.

Cho nên, trong trạng thái tính trống rỗng, không có Tồn Hữu của hiện tượng sắc thân, cũng không có tồn tại hiện tượng tinh thần : Cảm Thọ, Tư tưởng, Tâm Hạnh và Ý Thức. Không có chủ thể của tác dụng sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.... Cũng không có tồn tại hiện tượng cảnh bên ngoài của sáu trần: hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, cảm xúc, pháp cảnh.... Không có giới của mắt, cho đến không có bản chất thuộc hiện tượng của nhóm Ý Thức Giới.... Không có Vô Minh cũng không có chấm dứt Vô Minh. Cho đến không có già chết, cũng không có chấm

dứt già chết. Không có khổ, không có nguyên nhân tụ tập của khổ, không có chấm dứt khổ, cũng không có con đường thực tiễn diệt trừ đau khổ. Nhân đây, không có Trí Tuệ hay hiểu biết (năng tri chi Trí Tuệ), cũng không có đối tượng của chỗ hay được ngộ (sở năng đắc ngộ).

Chính vì không có sở đắc cho nên các vị Bồ Tát y trú vào Bát Nhã Ba La Mật Đa mà Tâm không có chướng ngại. Do Tâm không có chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa hẳn mộng tưởng điên đảo, cuối cùng thành tựu Niết Bàn.

Bởi vì không có dùng Duyên của Sở Đắc nào cho nên Bồ tát y theo sự nhìn thấy tác dụng của Trí Tuệ viên mãn, đạt đến bờ bên kia.

Trong lòng không có nhận chịu điều gì là chướng ngại, bởi vì không có dùng Duyên của bất kỳ sự chướng ngại nào, vì thế cũng không có nhận chịu điều gì là nổi kinh hãi hoảng sợ... xa lìa vượt qua hết tất cả mộng tưởng điên đảo của sự hư ảo không thực, nên chứng nhập cảnh giới Niết Bàn của sự viên mãn cứu cánh.

Chư Phật trong ba đời đều y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, đạt được Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác

Chư Phật trong ba đời quá khứ, hiện tại... vị lai, đều y theo tác dụng của Trí Tuệ viên mãn đạt đến bờ bên kia, chứng được cứu cánh vô thượng bình đẳng viên mãn là Chính Đẳng Chính Giác.

Cho nên phải biết rằng: Bát Nhã Ba La Mật Đa là Đại Thân Chú, là Đại Minh Chú, là Vô Thượng Chú, là Vô Đẳng Đẳng Chú, hay chận đứng tất cả sự khổ đau, và đấy là lời chân thật không có tà bậy.

Cho nên, phải biết rằng: Bát Nhã Ba La Mật Đa là Trí Tuệ Viên Mãn đạt đến bờ bên kia, là lời Chú vĩ đại thần diệu, là lời Chú của Đại Trí Tuệ, là lời Chú của Vô Thượng, là lời Chú vượt qua tất cả không thể so sánh được; hay chận đứng tất cả sự khổ đau, hoàn toàn là sự thật mà không có hư vọng.

*Nên nói Bát Nhã Ba La Mật Đa Chú. Liền nói chú là: **Yết Đế, Yết Đế, Ba La Yết Đế, Ba La Tăng Yết Đế, Bồ Đề Tát, Sa Bà Ha.***

Cho nên, tuyên nói Bát Nhã Ba La Mật Đa Chú. Tức tuyên nói Chú Ngữ là: **“Hãy đi! Hãy đi! Đi đến bờ bên kia! Hoàn toàn đi đến bờ bên kia! Hãy Giác Ngộ! Nguyên xin thành tựu!”**

Bờ bên kia là chỉ cảnh giới Niết Bàn vượt qua sinh tử, phiền não.

Tâm yếu của Bát Nhã Tâm Kinh

Tu hành và quán sát kỹ về Hạnh Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu

Câu nói thứ nhất “*Khi Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu*”.

Chữ “ **Thâm**” đó nhằm chỉ rằng “Ngài đã trải qua thực tế viên mãn, cảnh giới của Bát Nhã Ba La Mật Đa viên mãn”. Viên mãn Bát Nhã Ba La Mật Đa đó là đạt đến cảnh giới viên mãn của bờ bên kia. Cho nên nói, “*Tu hành và quán sát kỹ về Hạnh Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu*” chẳng phải là hành Bát Nhã Ba La Mật Đa, mà là hoàn thành Bát Nhã Ba La Mật Đa. Dùng cảnh giới của Quả Địa này đi đến thời gian của thực tiễn, thời dạng này mới có thể “*Soi thấy năm uẩn đều trống rỗng*”. Nhưng cái chiếu soi này là nên quán soi bên dưới, còn hành Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu là không có đối tượng Năng Chiếu (cái hay chiếu soi), Sở Chiếu (cái bị chiếu soi). Cho nên ngay trong cái **đang là** này chẳng phải là Đông Tây của Bát Nhã mà là lúc hành Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu thì đồng thời cũng ở ngay Giác Chiếu (biết chiếu soi); cũng tức là ngay lúc vận làm, hành Bát Nhã Ba La Mật Đa thì đồng thời soi thấy năm uẩn đều trống rỗng. Hai động tác này đồng thời **nhất như**, tức là đồng thời quán soi, đồng thời an trú ngay trong cảnh giới của Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Quán Hạnh của “không có Trí, không có Đắc”

“Không có Trí cũng không có Đắc” trong Kinh văn, cũng là một loại Quán Hạnh. Nếu trong lúc Tu hành khởi Tâm có **chỗ được** (hữu sở đắc tâm) thời lúc này cần phải phá tan đi (hồi phá). Chúng ta có thể Hiện Quán, nhưng phải là Tâm không có Đắc. “Không có Trí cũng không có Đắc” đó là một loại cảnh giới Tu hành của sự soi chiếu lại.

Ngoài ra, lúc Tu trì Tâm Kinh thời có thể dùng “*Thực hành Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu*” để làm công phu của Quán Hạnh thực tiễn

Hạnh của Tâm không có chướng ngại

Chính vì không có sở đắc cho nên Bồ Đề Tát Đỏa y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa mà Tâm không có chướng ngại. Do Tâm không có chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa hẳn sự điên đảo, cuối cùng thành tựu Niết Bàn.

Nếu chúng ta căn cứ theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, *cái Tâm này* ngay lúc vận làm khởi đến, thời không có chướng ngại, không có trụ *sinh tâm*, nên *sinh tâm* này cũng không có chướng ngại. Lúc Tâm của chúng ta sinh khởi đến mà không có chướng ngại, thì có thể khử trừ sửa đổi hết thảy nỗi sợ hãi trước kia của chúng ta, xa lìa tất cả mộng tưởng điên đảo, an tâm mà trụ. Nhưng cảnh giới an trụ lúc này chẳng phải là sự viên mãn nào đó mà chỉ là đạt đến một cái cảnh giới, nghỉ ngơi một chút.

Dựa theo Bồ Tát mà nói là “**chứng được Niết Bàn, không có sự chướng ngại**”. Đó là một loại giác cảm rất vui vẻ, rất vui sướng, đạt đến một địa phương an trú.

Quả Đức viên mãn “Tâm Kinh”

Quán Tự Tại Bồ Tát có hai ý nghĩa: Một là Quán Tự Tại Bồ Tát hiện rõ chủng tính Đại Bi của Chư Phật. Hai là tự bản thân của chúng ta hành trì Quán Tự Tại Bồ Tát của “**Bát Nhã Tâm Kinh**”, đó cũng là tự bản thân của chúng ta.

Chúng ta hay quán chính mình, đó là Quán Tự Tại Bồ Tát. Chẳng thể hành quán ngay chính mình, đó là phát nguyện hành Đấng Quán Tự Tại. Nhưng Quán Tự Tại Bồ Tát, Ngài có thể độ tất cả ách khổ đau, như vậy tương ứng với sự trở về, còn chúng ta là Hành Giả của Hạnh Bồ Tát ở cảnh giới Phật.

Cho nên, chính là toàn bộ Kiến Địa của “**Bát Nhã Tâm Kinh**”, Đạo Địa đi theo Quả Vị, có thể nhiếp chung vào một câu nói, đó cũng là chúng ta ở trên Thế Tính có đầy đủ toàn bộ Kiến, Đạo, Quả Vị của Phật mà thị hiện hành trì Quán Tự Tại Bồ Tát.

Tu hành Pháp Môn Nhĩ Căn Viên Thông

Trong “**Lăng Nghiêm Kinh**” Quán Thế Âm Bồ Tát tuyên nói Pháp Môn Nhĩ Căn Viên Thông mà Ngài đã tu tập. Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát ở ngôi vị dưới tòa Như Lai phát Tâm Bồ Đề nên danh hiệu cũng là Quán Thế Âm, còn Pháp Môn Nhĩ Căn Viên Thông đó tức là điều mà Đức **Quán Thế Âm Như Lai** đã dạy bảo cho Ngài.

Vì Tâm Đại Bi mà tu học

Trong “**Lăng Nghiêm Kinh**” nói, Quán Tự Tại Bồ Tát dùng Pháp Môn Nhĩ Căn Viên Thông tu trì thành tựu. Nếu như chúng ta có thể tiến thêm một bước hiểu rõ Pháp Môn của Quán Thế Âm Bồ Tát đã tu học, thì tự nhiên có thể tương ứng một phần cùng với Bồ Tát.

“**Lăng Nghiêm Kinh**” nói rằng:

“Bạch Đức Thế Tôn! Con nhớ vô số hàng hà sa kiếp về trước, bấy giờ có Đức Phật xuất hiện ở đời tên là Quán Thế Âm. Con ở trước Đức Phật ấy phát Tâm Bồ Đề, Đức Phật ấy dạy con nên lắng nghe, suy tư và Tu mà vào Tam Ma Địa”.

“Lúc đầu ở trong tính nghe, vào được dòng liền quên tướng bị nghe, trần tướng đã vắng lặng thì hai tướng động tĩnh rõ ràng là không sinh, như vậy dần dần tăng thêm, Năng Văn (cái hay nghe), Sở Văn (cái bị nghe) đều hết, không dừng ở chỗ dứt hết Năng Văn, Sở Văn, thì Năng Giác (cái biết) và Sở Giác (cái bị biết) đều trống rỗng; không giác tốt bực viên mãn, nên các tướng năng không (cái không), sở không (cái bị không) đều diệt; sinh diệt đã diệt thì bản tính tịch diệt hiện tiền. Bỗng nhiên vượt qua thế gian và xuất thế gian, mười phương sáng tròn được hai pháp thù thắng. Một là trên hợp với Bản Giác Diệu Tâm của mười phương Chư Phật, cùng với Đức Phật Như Lai đồng một từ lực; Hai là dưới hợp với tất cả sáu nẻo chúng sinh trong mười phương, cùng với các chúng sinh đồng một bi ngưỡng”.

Trước tiên, Quán Âm Bồ Tát ở nơi Đức Phật phát Tâm Bồ Đề, tiếp theo là nên lắng nghe, suy tư và tu tập mà vào Tam Ma Địa. Phát Tâm Bồ Đề đó là phát Tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Chúng sinh vô biên, thệ nguyện độ

Phiền não vô biên, thệ nguyện đoạn

Pháp Môn vô lượng, thệ nguyện học

Phật Đạo vô thượng, thệ nguyện thành

Tức là Tâm tròn đầy Bi, Trí. Tâm Bồ Đề không thành thì Nhĩ Căn Viên Thông cũng không thành, cho nên tu trì pháp môn này trước tiên phải phát Tâm Bồ Đề.

Tâm an trú trong âm thanh

Lại là từ lắng nghe, suy tư và tu tập mà vào Tam Ma Địa của Nhĩ Căn, hiểu rõ bản chất của âm thanh vốn là tính trống rỗng, là duyên khởi. Các loại âm thanh mừng, giận, buồn, vui... sản sinh ra đều chỉ là nhân duyên hòa hợp mà thôi.

Người tu học có thể tuyển chọn nghe âm thanh của chính mình thì mới có thể dễ dàng an trú, như: âm thanh dòng sông, âm thanh con nước, âm thanh sóng biển... Chúng ta nghe những âm thanh này, tức là “Lúc đầu ở trong tính nghe”. Âm thanh khởi thời âm thanh khởi, âm thanh diệt thời âm thanh diệt, âm thanh khởi âm thanh diệt, chẳng khác biệt. Âm thanh khởi thời nghe âm thanh đến, âm thanh diệt thời không nghe âm thanh đến, âm thanh khởi âm thanh diệt, Thể Tính cũng như vậy. Dạng nghe thấy này, nghe thấy, nghe thấy.... Nghe âm thanh này tính nghe thấy chẳng diệt, nghe, nghe, nghe.... Nghe âm thanh này dễ dàng vào định, vào Tam Ma Địa, ngưng trụ xong, tức là Diệu Xa Ma Tha trong Lăng Nghiêm.

Tiêu mất chủ thể và khách thể

Sau khi Tâm ngưng trụ, tức biết nguồn gốc phải tiến vào Thể Tính của nghe. Cho nên “**vào dòng Pháp Tính**” tức là vào Thể Tính của nghe. Sau khi “vào dòng Pháp Tính”, tính nghe như vậy, đầy khắp tất cả, chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài, chẳng phải chính giữa, lúc này âm thanh đã nghe liền từ từ tiêu mất, đối tượng liền không có, tức cùng vào tính nghe.

“**Trần tướng đã vắng lặng**”, âm thanh Sở Văn (cái bị nghe) đều không có, mà cái Tâm này cũng không có Thể Tính để “vào”, tịch diệt... lúc này Tâm hoàn toàn ngưng trụ ở trong Diệu Xa Ma Tha. Hết thấy hai tướng động, tĩnh đều không sinh. Bởi vì ngưng trụ, hoàn toàn tiến vào trong cảnh giới Diệu Chỉ (sự ngưng dứt màu nhiệm), Diệu Chỉ vào Thể Tính, Diệu Chỉ vào trong dòng Pháp, cho nên hai tướng động, tĩnh rõ ràng là không sinh.

“**Năng Giác (cái biết) và Sở Giác (cái bị biết) đều trống rỗng**”. Từ trong Thể Tính nghe của không trụ, biết tất cả Thể Tính đều trống rỗng, Tâm của Năng Giác và tính nghe của Sở Giác, đều trống rỗng. Lúc này phải đem Tâm giác ngộ có Giác Minh này cũng phải đến Phản Quan, Phản Phá. Đem “cái biết” toàn bộ Phản

Phá, Không Trạo (trống rỗng mất đi), của Tâm Sở Giác, Năng Giác, Không Trạo. Sau khi Không Trạo sẽ đánh thành một mảng. Cuối cùng **“Không Giác tột bậc viên mãn”**, là đầy khắp, không gián đoạn, đầy khắp tất cả mọi nơi, thời gian an trụ không gián đoạn.

Tất cả thời trống rỗng từ từ đánh tan đi, Năng Không, Sở Không đều diệt hết. Giác Tính này là Giác Ngộ và Năng Không của chúng ta cần phải trống rỗng, hai cái đó cũng đồng thời tịch diệt; lúc này hết thấy tất cả hiện tượng sinh diệt đều không có, Liên Không (trống không) cũng không có.

Lúc hiện tượng sinh diệt hoàn toàn tịch diệt, pháp tính hiện khởi, tịch diệt hiện tiền, biết một cách rõ ràng, tác dụng có thể lớn, lúc này bỗng nhiên hiện khởi, tất nhiên vượt qua Thế Gian và Xuất Thế Gian, mười phương sáng tròn, được hai pháp thù thắng.

Trong khi nghe âm thanh phải tương ứng với Bi Trí. Sự vận chuyển của Bi Trí khiến chúng ta có lực, không ngừng nhớ lại, cuối cùng đạt đến sinh diệt tịch diệt.

Thế lực rộng lớn của Nhĩ Căn Viên Thông

“Bỗng nhiên vượt qua Thế Gian và Xuất Thế Gian”. Đó là thị hiện cảnh giới mười phương ba đời đồng thời sáng sủa, nên chứng được Nhĩ Căn Viên Thông trong khoảng sát na, tất cả đối lập đều hoàn toàn tiêu mất, lúc này toàn bộ Pháp và toàn bộ Pháp Tính Thế kết hợp ở một chỗ, bản thân mình chính là Pháp Giới, Pháp Giới tức là bản thân mình, phá hai chướng ngại nặng nề, mười phương sáng tròn, được hai thù thắng, trên cùng với Chư Phật Như Lai đồng một Từ Lực, dưới cùng với tất cả chúng sinh trong sáu nẻo ở mười phương đồng một Bi Ngưỡng... đó mới là rốt ráo của Nhĩ Căn Viên Thông. Cùng chứng nhập cảnh giới Lăng Nghiêm Diệu Hạnh, như trong Kinh đã nói:

“Bạch Đức Thế Tôn! Do con cúng dường Đức Quán Âm Như Lai, nhờ Đức Như Lai ấy truyền thụ cho con như Huyền Văn, Huân Văn, Tu Kim Cang Tam Muội. Cùng với Đức Phật Như Lai đồng một Từ Lực, cho nên khiến cho thân con thành ba mươi hai Ứng Thân vào các cõi nước”.

Bởi vì thế lực của Nhĩ Căn Viên Thông, hay khiến Bồ Tát hóa thân vô số, có thể thị hiện thân Phật, thân Độc Giác, thân Phạm Vương.... Có thể ở trong Pháp Giới của mười phương hiện ra các loại thân. Một số cảnh giới này đều là Lăng Nghiêm Diệu Hạnh cũng là toàn bộ 32 ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát hiện ra đông đủ.

Sự thù thắng của Pháp Môn Nhĩ Căn Viên Thông

Nhĩ Căn Viên Thông rất chủ yếu, đó là phải đả phá sự chấp trước chướng ngại của lắng nghe âm thanh (Thính Văn Thanh Âm), mà không phải là bỏ đi sự lắng nghe âm thanh. Nhĩ Căn Viên Thông tức là thông qua người có lỗ tai hội với âm thanh làm cơ sở Nhân Duyên của cái đó, để đả phá sự chấp trước nơi âm thanh.

Chúng ta đều có đủ Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý. Lỗ tai là tiếp thu tin tức bên ngoài bất cứ lúc nào, mà lỗ tai đối với việc nghe âm thanh lại nhạy cảm thích hợp, đó là chỗ thù thắng của Nhĩ Căn Viên Thông. Bởi vì con mắt của nhân loại không có cách nào một ngày 24 giờ đều mở to con mắt, mũi phân biệt khí vị cũng không có cách nào nhạy cảm chính xác mãi, miệng cũng rất khó thường xuyên mở, lưỡi cảm giác rất dễ mỏi mệt, ý thì duy trì lâu dài chuyên một lòng suy nghĩ vào một số sự vật nào đó cũng không dễ, cho nên chỗ thù thắng của Nhĩ Căn Viên Thông là ở chỗ này, lúc nào nó cũng có thể dùng.

Cho nên **“Lãng Nghiêm Kinh”** cho rằng phương pháp Nhĩ Căn Viên Thông là rất nhanh chóng, sau khi thành tựu pháp môn tu hành Nhĩ Căn Viên Thông, thì năm căn (Ngũ Căn) khác đương nhiên cũng thành tựu, như vậy một cái đến (nhất lai) tức có thể giúp đỡ (hỗ dụng) cho sáu căn (Lục Căn).

Ở trên là pháp môn Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Thế Âm Bồ Tát.

Pháp Môn Đại Bi Hạnh Giải Thoát của Bồ Tát

Trong **“Hoa Nghiêm Kinh”** quyển 68: **Thiện Tài** đi về phía trước yết kiến Quán Tự Tại Bồ Tát, Bồ Tát liền vì Ngài tuyên nói Pháp Môn Đại Bi Hạnh Giải Thoát của chính mình.

Khi Quán Tự Tại Bồ Tát nhìn thấy Thiện Tài từ xa đi đến, liền vui mừng nói rằng:

“Này kẻ trai lành! Ông đến được là quá tốt rồi, ông đã trải qua Tư Tưởng, Chí Nguyện, nhiếp thọ khắp cả chúng sinh, hay phát khởi Đại Thừa; phát khởi Tâm chính trực chuyên cầu Phật Pháp. Phát khởi Tâm Đại Bi sâu nặng cứu giúp chúng sinh, khiến tất cả Hạnh màu nhiệm của Phổ Hiền nối tiếp nhau hiện ngay trước mắt. Đại nguyện thâm tâm viên mãn thanh tịnh. Phàm người nào siêng năng thỉnh cầu Phật Pháp đều hay lãnh thọ và tụ tập các loại căn lành, xưa nay chưa bao giờ mãn túc và hay thuận theo thiện tri thức chẳng trái lời dạy dỗ ấy”.

“Này Thiện Tài! Ông từ biển lớn Trí Tuệ Công Đức của Văn Thù Sư Lợi mà sinh ra, Tâm của Ông đã thành thực, lại hay được thế lực lớn của Chư Phật, thu được ánh sáng Tam Muội rộng lớn, chuyên tâm mong cầu Pháp màu nhiệm thâm sâu, thường xuyên yết kiến Chư Phật, sinh khởi Tâm vui mừng lớn”.

“Trí Tuệ thanh tịnh của Ông giống như hư không, không chỉ tự chứng minh lại hay vì người khác diễn nói, khiến người khác đều hay an trụ trong ánh sáng Trí Tuệ của Như Lai”.

Lúc này, Thiện Tài Đồng Tử cung kính đỉnh lễ hai bàn chân của Quán Tự Tại Bồ Tát, sau khi nhiễu quanh vô số vòng xong, mới chấp tay lại nói rằng: “Bạch Đức Thánh! Con đã trải qua phát khởi Tâm Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, nhưng lại chẳng biết phải tu học Hạnh Bồ Tát như thế nào, tu tập Đạo Bồ Tát ra sao? Con nghe nói Đức Thánh hay khéo dạy bảo chúng sinh, xin Ngài có thể vì con diễn nói”.

Bồ Tát bảo ông rằng:

“Lành thay! Lành thay! Nay kẻ trai lành! Ông đã trải qua, hay phát khởi Tâm Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác !

“Này kẻ trai lành! Ta đã trải qua thành tựu Pháp Môn Đại Bi Hạnh giải thoát của Bồ Tát”.

“Này kẻ trai lành! Ta hay dùng môn Hạnh Đại Bi này, bình đẳng giáo hóa chúng sinh nối tiếp nhau chẳng dứt”

“Này kẻ trai lành! Ta luôn luôn an trụ môn Hạnh Đại Bi này, lại an trụ ở nơi tất cả Như Lai và hay phổ biến thị hiện ở trước mặt tất cả chúng sinh. Ta có lúc: Hoặc là dùng bố thí để nhiếp lấy chúng sinh; Hoặc là dùng lời nói yêu thương; Hoặc là dùng hành vi làm lợi ích cho người khác (lợi tha); Hoặc là dùng hành vi hòa chung với công việc của chúng sinh để nhiếp lấy họ; Hoặc là thị hiện các loại lưới ánh sáng (quang minh võng) trong sạch chẳng thể nghĩ bàn để nhiếp lấy chúng sinh; Hoặc là dùng âm thanh, hoặc là có đủ uy nghi để vì họ nói Pháp; Hoặc là thị hiện thần thông biến hóa, khiến họ đều hay hoàn thiện lĩnh ngộ (thành thực khai ngộ); Hoặc vì họ hóa hiện thân đồng loại, cùng với họ ở chung nhau mà thành tựu họ.

“Này kẻ trai lành! Bởi vì Ta tu hành môn Hạnh Đại Bi này, nguyện xin cứu giúp chúng sinh, nguyện khiến cho tất cả chúng sinh đều hay xa lìa sợ hãi con đường khó khăn nguy hiểm: xa lìa sợ hãi phiền não; xa lìa sợ hãi mê hoặc; xa lìa sợ hãi bị trói buộc; xa lìa sợ hãi bị giết hại; xa lìa sợ hãi nghèo túng; xa lìa sợ hãi chẳng thể sống; xa lìa sợ hãi được tiếng xấu; xa lìa sợ hãi chết chóc; xa lìa nơi sợ hãi trong Đại Chúng; xa lìa sợ hãi đau thai nẻ ác; xa lìa sợ hãi ám tối (hắc ám); xa lìa sợ hãi dời đổi (thiên di); xa lìa sợ hãi cùng với quyến thuộc thân yêu biệt ly; xa lìa sợ hãi cùng với oán thù gặp nhau; xa lìa tất cả sợ hãi bức bách sinh lý; xa lìa tất cả sợ hãi bức bách tâm lý; xa lìa sợ hãi lo lắng buồn rầu (ưu sầu bi thương).

“ Thế là, Ta lại phát nguyện rằng: Phạm có người nào nhớ niệm Ta, tụng xưng tên Ta, hoặc là thấy được thân tướng chúng sinh của Ta, đều hay miễn trừ hết thấy sợ hãi.”

“ Này kẻ trai lành! Ta dùng phương tiện Pháp Môn này, hay khiến cho chúng sinh xa lìa các loại sợ hãi, và dạy bảo họ phát khởi Tâm Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển”.

Đó là trong “**Hoa Nghiêm Kinh**” Quán Tự Tại Bồ Tát vì Thiện Tài Đồng Tử mà tuyên nói Pháp Môn Giải Thoát Hạnh Đại Bi của Bồ Tát.

Pháp Môn quán tưởng Quán Âm Bồ Tát

Trong “**Quán Vô Lượng Thọ Kinh**” lần lượt dẫn dắt Hành Giả ngay lập tức Quán (hiện quán) Thế Giới Cực Lạc thành tựu, trong đó phương pháp tưởng Quán Thế Âm Bồ Tát như sau: Bồ Tát này (Quán Thế Âm Bồ Tát) có thân cao tám mươi vạn ức na do tha hằng hà sa do tuần, toàn thân là màu vàng tía (Tử Ma Kim Sắc), trên đỉnh có búi tóc, sau gáy có Hào Quang tròn, mặt hướng đều trăm ngàn do tuần. Trong Hào Quang tròn ấy có 500 vị Hóa Phật, như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mỗi

một vị Hóa Phật lại có 500 Hóa Bồ Tát, vô lượng Chư Thiên làm thị giả, toàn thân Bồ Tát trong ánh sáng, tất cả sắc tướng của chúng sinh ở 5 nẻo đều hiện rõ trong đó.

Trên đỉnh của Bồ Tát dùng viên ngọc báu Tỳ Lăng Già Ma Ni chế thành mào Trời, trong mào Trời ấy có một vị Hóa Phật đứng cao 25 do tuần. Dung mạo của Quán Thế Âm Bồ Tát hiện bày như sắc vàng ròng Diêm Phù Đề, tướng Bạch Hào giữa hai lông mày đầy đủ màu 7 báu tuôn ra tám vạn bốn ngàn loại ánh sáng, trong mỗi một ánh sáng cũng có vô lượng vô số trăm ngàn vị Hóa Phật, mỗi một vị Hóa Phật đều có vô số Hóa Bồ Tát dùng làm Thị Giả, biến hiện tại chỗ đầy khắp mười phương Thế Giới. Cánh tay của Bồ Tát màu như Hoa Sen hồng, trên có tám mươi ức ánh sáng vi diệu dùng làm anh lạc, trong anh lạc ấy thị hiện phổ biến tất cả việc trang nghiêm tốt màu nhiệm.

Lòng bàn tay làm từ năm trăm ức màu báu Hoa Sen tạp, mười đầu ngón tay của bàn tay, mỗi một đầu ngón tay có tám vạn bốn ngàn bức tranh nói chung giống như vết tích trên văn tự (ấn văn); mỗi một bức tranh có tám vạn bốn ngàn màu, mỗi một màu có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, ánh sáng ấy mềm mại chiếu khắp tất cả, Bồ Tát liền dùng tay báu này để tiếp dẫn chúng sinh. Khi Bồ Tát giơ bàn chân lên, dưới bàn chân có Tướng bánh xe ngàn cựa, tự nhiên hóa thành năm trăm ức Đài Quang Minh; dưới bàn chân thời lại có Hoa Kim Cang Ma Ni rải tán tràn đầy khắp tất cả mọi nơi. Thân tướng của Bồ Tát còn lại rất nhiều đầy đủ mọi Tướng tốt màu nhiệm, giống như Đức Phật chẳng có sai biệt, chỉ có búi tóc trên đỉnh đầu và Vô Kiến Đỉnh Tướng không giống như Đức Phật Đà Thế Tôn.

Ở trên là Quán Tướng sắc thân chân thật của Quán Thế Âm Bồ Tát, cũng là Quán thứ mười trong mười sáu Quán của cõi Tịnh Thổ Cực Lạc ấy.

Nếu như người Quán Tướng Quán Thế Âm Bồ Tát, phải lần lượt như trên để Quán Tướng tu hành pháp này thì chẳng gặp các tai họa, hay trừ sạch tất cả nghiệp chướng và trừ khử tội ở vô số kiếp sinh tử. Hay nghe thấy danh hiệu của vị Đại Bồ Tát này, thì có thể thu được vô lượng thọ báo, huống hồ lại là một lòng quán sát lẽ thật (Đế Quán)! Nếu như có quán tướng thân tướng của Quán Thế Âm Bồ Tát, trước tiên phải quán tướng búi tóc trên đỉnh của Ngài, lại quán tướng mào Trời, nhóm Tướng còn lại cũng lần lượt quán như vậy, khiến cho ánh sáng ấy, giống như quán một thứ đồ vật trong lòng bàn tay.

Ở trên là Pháp Môn Quán Tướng **Quán Thế Âm Bồ Tát**.

CHƯƠNG THỨ HAI **CHÚ NGŨ THƯỜNG THẤY CỦA QUÁN ÂM BỒ TÁT**

Quán Thế Âm Bồ Tát vì muốn cứu độ tất cả chúng sinh, trong Pháp giới dùng vô lượng hóa thân, tìm âm thanh cứu khổ (Tâm thanh cứu khổ), thuyên Từ độ khắp (thuyên từ phổ độ), trong Pháp giới hóa thân vô lượng đều muốn khiến cho chúng sinh an trụ vào cảnh giới Quang Minh của giải thoát tốt lành (cát tường).

Trong Phật pháp Đại Thừa, do Đại Bi nên Quán Thế Âm Bồ Tát trong lòng cảm thấy bức thiết, nhân đây có thể nói là dùng rất nhiều hóa thân, mở ra rất nhiều Pháp Môn, trong cảnh giới, các loại nhân duyên khác nhau, tùy lúc tùy nơi cứu giúp chúng sinh.

Trong vô số Pháp Môn này thì Chân Ngôn Chú Ngũ cũng là một nhánh trọng yếu. Quán Thế Âm Bồ Tát dùng Tâm yếu Đại Bi của Ngài, tùy theo nhân duyên cầu xin của chúng sinh mà truyền tụng ra vô số, cứu độ chúng sinh và giúp đỡ cho chúng sinh tu hành Chân Ngôn Đà La Ni được viên mãn, khiến cho tất cả chúng sinh gặp phải bệnh khổ, chướng nạn thời hay tiêu tai giải ách. Tư Lương Bồ Đề (xu hướng vốn liếng của Bồ Đề) cần phải có ở Thế Gian và Xuất Thế Gian thời hay như nguyện mãn túc; tu hành cần phải tăng trưởng Định Lực, Từ Bi, Trí Tuệ thời hay được gia trì đạo dẫn; ở đường lớn vào nẻo Vô Thượng Chính Đẳng Giác hay đủ tất cả chứng ngộ.

Nhân đây Pháp Môn Chân Ngôn của Quán Thế Âm Bồ Tát là chiếu cố đến toàn phương vị của chúng sinh, giống như người mẹ hiền chiếu cố đến họ, không có tai nạn để tu hành thẳng đến thành Phật. Cho nên, chẳng kể là tất cả nhu cầu tu hành của Thế Gian và Xuất Thế Gian, kho báu Chân Ngôn của Quán Thế Âm Bồ Tát hình như là một thứ bảo tàng vô tận, không hạn chế cung cấp cho nhu cầu của chúng sinh, thẳng đến thành tựu Phật Quả Vô Thượng. Đương nhiên là rất trọng yếu, cần phải làm thế nào để sử dụng kho tàng quý báu chân ngôn vô tận này.

Một lòng nhận thức Mật Ý Đại Bi “**Ngũ Trí vào Bi**” của Quán Thế Âm Bồ Tát, một lòng trì tụng Chân Ngôn Chú Ngũ của Quán Thế Âm Bồ Tát, một lòng ghi nhớ vào cảnh giới viên mãn của Quán Thế Âm Bồ Tát, là bí quyết căn bản để trì tụng Chân Ngôn của Quán Âm.

Ở đây, chúng tôi giới thiệu Chân Ngôn thường thấy của Quán Âm Bồ Tát, khiến độc giả làm phương tiện dựa vào đó ngưng dứt (y chỉ) để tu hành.

Nhưng trong lúc chúng ta tụng niệm tu trì Mật Chú, Tâm của chúng ta càng trống rỗng, càng chẳng chấp trước, như vậy loại Tâm niệm này cùng với Đức Phật, Bồ Tát càng tương ứng, phạm vi bao hàm ấy thì cảnh giới chứng được cũng càng sâu rộng, viên mãn, cho nên lúc trì tụng Chú Ngũ ngàn vạn lần cũng chẳng thể chấp trước vào tướng bên ngoài của Chú Ngũ, mà là muốn biết ý nghĩa bên trong của bản thân Chú Ngũ và tâm ý Đại Bi của Chư Phật, Bồ Tát.

Chú Ngữ của Chư Phật, Bồ Tát đều an trụ nơi cảnh giới của chúng ta, trong duyên khởi (nguyên nhân của sự việc) của nơi an trụ, trong Tâm bí mật Pháp Tính của mình (Tự Pháp Tính) sẽ tuôn ra. Khi chúng ta chân chánh muốn biết tất cả Mật Ý Chú Ngữ của bản thân mình thời sẽ cảm thấy rộng mở: Tất cả âm thanh của núi, sông, mặt đất phát ra đều là Mật Chú của Pháp Giới, đều là âm thanh không hai của cảnh giới Tam Muội, cũng là Tâm Ý Đại Bi của Quán Thế Âm Bồ Tát, Chân Ngôn Mật Chú của Quán Thế Âm Bồ Tát.

ĐẠI BI CHÚ

Đại Bi Chú, tức là Đại Bi Tâm Đà La Ni, lại gọi là “**Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**”. Quảng là Tâm thương xót (Bi Tâm), Đại là Trí Tuệ, ý nói tức là có Trí Tuệ, có Tâm thương xót lại viên mãn vô ngại. Tâm Đại Bi là Bản Tâm của Quán Thế Âm Bồ Tát, mà Bản Tâm của Quán Thế Âm Bồ Tát và Bản Tâm của chúng ta cũng chẳng thể chẳng giống nhau, hoàn toàn là đồng nhất. Tại sao Ngài có thể dùng trạng thái thị hiện như vậy? Tác dụng lớn ấy hoàn toàn là tác dụng của Tâm Đại Bi và ở trên duyên khởi tương ứng.

Trong “**Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” Lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở Đạo Tràng của Quán Thế Âm Bồ Tát tại núi Bồ Đà Lạc Ca (Potalaka) vì Quán Thế Âm Bồ Tát mà tuyên nói là:” Bồ Tát ở quá khứ vô lượng ức về trước, từ Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như Lai đem Tâm Chú này truyền dạy cho Ngài. Lúc này Bồ Tát mới trụ ở Sơ Địa (Eka-bhùmi), một lần nghe Chú này liền vượt lên Đệ Bát Địa (Aṣṭa-bhùmi) . Sinh lòng vui vẻ liền phát lời nguyện rằng:

“Nếu ngày sau tôi có thể hay làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh thì khiến cho tôi ngay tức thời thân sinh đầy đủ ngàn tay ngàn mắt”.

Cho nên Quán Thế Âm Bồ Tát vì Chú này mà phát nguyện hiện đủ ngàn tay ngàn mắt đại biểu cho tai mắt của toàn thân cứu độ chúng sinh. Dùng ngàn mắt Từ Bi nhìn thấy phiền não của chúng sinh, cứu độ chúng sinh. Dùng ngàn tay để nhiếp độ, hộ trì chúng sinh, chính là đại biểu cho dùng sức Đại Bi vô tận, mà trung tâm của Chú Đại Bi chân chính, đó là mười loại Tâm sâu sắc (Thâm Tâm) dưới đây, đầy đủ mười Tâm này, lực lượng của Chú Đại Bi cũng được tăng cường gấp trăm ngàn vạn lần.

1_ Tâm Đại Từ Bi: Đại Từ là giúp cho chúng sinh vui vẻ, Đại Bi là nhổ sạch khổ đau của chúng sinh, cần phải đầy đủ Tâm Đại Từ Bi này mới là Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni. Tâm Đại Từ Bi là từ trong Thể Tính của Pháp Giới sinh ra, lực lượng là từ trong Tâm Bồ Đề trực tiếp sinh ra.

2_ Tâm Bình Đẳng: Là biết tất cả Pháp Giới đều bình đẳng. Chư Phật, chúng sinh chẳng có sai biệt, ta và Chư Phật ngang bằng không hai. Ta trì tụng Chú này tức là Chư Phật cũng trì tụng Chú này, mà trong Tâm không có bất cứ ngã mạn nào, toàn bộ là ở sức Pháp Giới trì tụng Chú này, phân biệt căn bản không có ta cũng không có Chư Phật. Ta trì tụng Chú này cúng dường tất cả chúng sinh, tất cả chúng

sinh cũng phải nhận cúng dường của Đức Phật Đà. Tất cả bình đẳng bình đẳng, không hai không hai.

3_ Tâm Vô Vi: Vô Vi là không chấp trước, không tác ý, tự nhiên mà khởi, không cần theo thứ tự mà tiến lên (Bất giả tuần dụ), buột miệng nói ra; tự nhiên sinh khởi, Tâm không có chướng ngại, bấy giờ tức là Vô Trụ Sinh Tâm, chẳng thể được ba Tâm ở Quá khứ, hiện tại, vị lai (Thử Tức Vô Trụ Sinh Tâm, Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai Tam Tâm Bất Khả Đắc). Vô Vi không chế tác, tự nhiên buột miệng mà niệm.

4_ Tâm không có nhiễm dính (Vô nhiễm trước): Không chấp dính cảnh giới của Chú Đại Bi, không chấp dính cảnh giới của Chư Phật, không chấp dính cảnh giới của chúng sinh, không chấp dính hết thấy cảnh giới của thần thông, cũng không chấp dính vào công dụng của Chú Đại Bi, tất cả đều là **Như Huyền** của Hiện Quán.

5_ Tâm Không Quán: Không Quán đó là như huyền. Quán sát sự trống rỗng của Tính Duyên Khởi, Như Huyền của Hiện Quán, đồng dạng cũng không có bất cứ sự nhiễm dính, ngay cả Chú Đại Bi cũng là trống rỗng (‘Sùnya: Không). Nhân vào Duyên của **trống rỗng** (Không) cho nên hay sinh khởi Chú Đại Bi.

6_ Tâm Cung Kính: Cho dù chúng ta biết rõ là trống rỗng, cho dù là như huyền, cho dù là không nhiễm dính, nhưng đối với Chú Đại Bi vẫn có Tâm cung kính vô thượng, đối với Quán Thế Âm Bồ Tát có Tâm cung kính vô thượng, đối với Chư Phật có Tâm cung kính vô thượng. Nhân đây trước khi tụng trì Chú Đại Bi, chúng ta có thể cung kính xưng niệm:

Nam Mô Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như Lai

Nam Mô A Di Đà Phật

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát

7_ Tâm Thấp Kém: Cho dù biết các Pháp bình đẳng không hai, nhưng không tự mãn, không tự đủ, cúng dường Chú này. Nói chung giống như trái đất, cúng dường tất cả, Tâm không dâng lên cao.

8_ Tâm không có Tạp Nhiễm: Tâm không có tạp nhiễm là Định, buột miệng nói ra, an trụ vào trong Chú Đại Bi, Tâm không hỗn loạn bất cứ cái gì, an trụ ở cảnh giới Đẳng Trì (Tam Ma Địa) của Định Tuệ, là Tâm không có tạp nhiễm.

9_ Tâm không có Kiến Thủ: Kiến Thủ là ở trong pháp Ngũ uẩn quên loại bỏ ngã chấp, loại bỏ sự dính mắc các Pháp. Tâm không có Kiến Thủ là tương ứng với Tâm Không Quán, Tâm không có Kiến Thủ là Không Quán, đó là khởi Hiện Không, không có chấp dính, niệm niệm chẳng thể đắc. Là pháp môn Vô Niệm, là pháp môn Bát Nhã, là Nhất Hạnh Tam Muội. Đi, đứng, ngồi, nằm trong Nhất Hạnh đều ở trì tụng Chú Đại Bi mà không có chấp dính; tuy độ tất cả chúng sinh mà quả thực không một chúng sinh nào được độ.

10_ Tâm Vô Thượng Bồ Đề: Cần phải phát khởi Tâm Vô Thượng Bồ Đề cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát và mười phương chư Phật đồng một Từ Lực, cùng

với chúng sinh đồng một tín ngưỡng Từ Bi (Bi Ngưỡng), đầy đủ Vô Thượng Bồ Đề, cứu độ tất cả chúng sinh.

Chúng ta cần phải nhớ trì mười loại tướng mạo Đà La Ni này, đầy đủ mười loại tướng mạo này, mới chân thật là tụng trì Chú Đại Bi.

Người muốn tu trì Chú Đại Bi, trước tiên phải phát khởi Tâm cảm ơn, nguồn gốc pháp thanh tịnh (Pháp Nguyên Thanh Tịnh), Quy Mạng Đại Bi Quán Âm Bản Tôn, cùng với Thần Chú này, tiếp theo phải phát khởi nguyện lớn tương ứng với Quán Thế Âm Bồ Tát như sau:

Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Đồng Nam, Đồng Nữ muốn tụng trì, đối với các chúng sinh khởi Tâm Từ Bi. Trước tiên nên theo con phát nguyện như vậy:

*_ Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
 Nguyện con mau biết tất cả Pháp
 Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
 Nguyện con sớm được mắt Trí Tuệ
 Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
 Nguyện con mau độ tất cả Chúng
 Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
 Nguyện con sớm được phương tiện khéo
 Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
 Nguyện con mau ngồi thuyền Bát Nhã
 Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
 Nguyện con sớm được qua biển khổ
 Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
 Nguyện con mau được Đạo Giới Định
 Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
 Nguyện con sớm lên núi Niết Bàn
 Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
 Nguyện con mau gặp nhà Vô Vi
 Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm
 Nguyện con sớm đồng Thân Pháp Tính
 Lại một lần nữa phát nguyện rằng:
 _ Nếu con hướng núi Đao
 Núi Đao tự sụp đổ
 Nếu hướng lửa, nước sôi
 Lửa, nước sôi tự diệt
 Nếu con hướng Địa Ngục
 Địa Ngục tự cạn khô
 Nếu con hướng Ngạ Quỷ
 Quỷ đói tự no đủ
 Nếu con hướng Tu La*

Tâm ác tự điều phục

Nếu con hướng Súc Sinh

Tự được Trí Tuệ lớn

Đó là câu xin Quán Thế Âm Bồ Tát giúp đỡ chúng ta đến được cảnh giới viên mãn thanh tịnh, đập nát tất cả chướng ác.

Khi phát nguyện đó xong, chí tâm xưng niệm tên gọi của con, cũng nên chuyên niệm Bản Sư **A Di Đà Như Lai** (Amitàbha-Tathàgata) của con, sau đó liên tụng Đà La Ni Thần Chú này, một đêm tụng đủ 5 biến sẽ trừ diệt trừ được tội nặng của trăm ngàn vạn ức Kiếp sinh tử trong thân”.

Nếu hay như Pháp tụng trì Chú này, không chỉ thông đạt Phật Pháp mà tất cả học vấn thế gian cũng đều hiểu biết hết, các loại Kinh Điển, Pháp Thuật cũng hay thông đạt, hay xua đuổi tất cả bệnh tật, cũng hay chế phục tất cả Thiên Ma và Quỷ Thần.... Khiến cho không thể cùng chướng ngại.

Nếu như hay theo phương pháp kể trước để tụng trì Chú Đại Bi, và hay đối với tất cả chúng sinh khởi lên mười loại Tâm sâu sắc, thì Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ phái 28 bộ chúng và thệ nguyện hộ trì tất cả, cùng thủ hộ hành giả.

LỤC TỰ ĐẠI MINH CHÚ

Nguồn gốc của Lục Tự Đại Minh Chú, tương truyền xưa kia Quán Thế Âm Bồ Tát là đệ tử của Đức Phật A Di Đà, có đủ các Hạnh, thể giải vạn Pháp đều bình đẳng Từ Bi thấy chúng sinh (Bình đẳng từ thị chúng sinh), phát khởi thệ nguyện lớn rằng: *“Con dùng hết cả thọ mạng của mình để cứu độ khắp tất cả chúng sinh, nếu như có một chúng sinh nào không được độ, thì con nguyện không thành Chính Giác. Nếu như chúng sinh ở con chưa độ hết hoặc chính con vứt bỏ lời thề to lớn này thì khiến cho não của con vỡ ra thành ngàn mảnh”*. Sau khi Bồ Tát phát lời Thề xong, liền chuyên tâm toàn ý, hóa thân độ thoát chúng sinh.

Thời gian như vậy trải qua vô lượng kiếp, chúng sinh nơi ấy độ thoát cùng tận hằng hà sa nơi chẳng thể tính toán được. Nhưng lúc này, Bồ Tát ngoài nhìn chúng sinh ở Thế Gian liên tục sinh ra vô lượng, mà Ngu Si (ND: là Vô Minh cũng là 3 độc: Tham, Sân, Si) rơi xuống, nhận các loại đau khổ; tạo các loại ác nghiệp, cũng là vô lượng; như đây luân hồi chẳng dứt, mà cuối cùng sự đau khổ đối với chúng sinh chẳng thể cùng tuyệt, thế là Bồ Tát sinh khởi phiền não lớn, Ngài nghĩ rằng: *“Cái Khổ của chúng sinh, chính là chúng sinh đều tái sinh lại, thời gian đã tồn tại, cái khổ làm thế nào có thể cùng tận được? Nếu như Khổ chẳng hết, chúng sinh há có thể độ hết? Xưa nay ta đã phát lời thệ lớn chỉ là tự làm khổ cho mình mà thôi còn đối với chúng sinh cũng chẳng có giúp ích gì; loại Hạnh Ngu Si này vô ích, việc gì phải kiên trì?”*.

Vừa mới sinh khởi Tâm thoái chuyển này thì não của Quán Thế Âm Bồ Tát bỗng nhiên tự vỡ thành ngàn mảnh, giống như một loại Hoa Sen có ngàn cánh; nhưng Đức Phật A Di Đà bậc Thượng Sư của Ngài liền hiện thân vào trong não của

Bồ Tát, phát ra âm thanh Từ Bi khuyên giải và an ủi Bồ Tát rằng: “*Lành thay ! Quán Thế Âm Bồ Tát ! Lời thệ lớn của ông chẳng thể nào vứt bỏ, nếu không thì tất cả nỗ lực xưa kia của ông tất cả sẽ trở thành hư vọng. Chỉ cần ông cần cù cố gắng tinh tiến, thệ nguyện ắt nhiên thành tựu. Tất cả Chư Phật, Bồ Tát ở mười phương ba đời, nhất định gia trì bảo vệ giúp đỡ ông, giúp đỡ ông thành tựu*”. Đức Phật A Di Đà liền nói Lục Tự Đại Minh Chú.

Quán Thế Âm Bồ Tát nghe Chân Ngôn này xong, được độ Trí Tuệ lớn, sinh khởi Giác Ngộ lớn, thế là kiên trì lời thệ cũ vĩnh viễn chẳng thoái chuyển.

Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn: **Án Ma Ni Bát Mễ Hồng**

Ý ấy là: Quy mạng Hoa Sen báu trong sạch. Chữ “**Án**” này tức là quy mạng tổng trì tất cả chân ngôn gia trì nghiệp thanh tịnh. Lúc niệm chữ này, chí tâm quy mạng, Chư Phật với ta, đầy đủ ánh sáng, đầy đủ Từ Bi, đầy đủ Giới, Định Tuệ, đầy đủ tất cả. “**Ma Ni**” (Ma ni) là quý báu, lấy ví dụ Phật Pháp hay sinh ra Đức của Vạn Pháp, không nơi nào không bao hàm, không nơi nào không đầy đủ; “**Bát Mễ**”: tiếng Phạn là Hoa Sen, lấy ví dụ trong sạch màu nhiệm, tất cả chẳng nhiễm, như như viên mãn, tất cả thành tựu. “**Hồng**” đại biểu cho chân ngôn là thành tựu các nguyện.

Âm tiếng Phạn của Lục Tự Đại Minh Chú là “**Ông Ma Ni Phạ Mễ Hồng**”, nhưng hiện tại phần lớn dùng âm tiếng Tây Tạng “**Ông Ma Ni Bối Muội Hồng**”, rất ít người dùng âm tiếng Trung Quốc “**Án Ma Ni Ba Mễ Hồng**”.

Có một cách nói riêng là dụng ý ấy ở đoạn trừ sáu nẻo, “**Ông**” là nẻo Trời, “**Ma**” là nẻo Tu La, “**Ni**” là nẻo Người, “**Bối**” là nẻo Súc Sinh, “**Muội**” là nẻo Quỷ, “**Hồng**” là nẻo Địa Ngục. Niệm Chú này dùng để che lấp (Già Trừ) sáu nẻo, chứng vào ngôi vị Chính Giác, đó là bình thường tùy lúc đều có thể tụng niệm.

Văn tự chú ngữ của chúng ta thông thường đều là Quán Tưởng Phạn Văn hoặc là Tạng Văn, nếu là không hiểu rõ cũng có thể Quán Tưởng Trung văn, trọng yếu nhất là cần phải biết rõ ý nghĩa Tâm của Chú Ngữ.

Lục Tự Đại Minh Chú có thể phối hợp với màu sắc để Quán Tưởng (Quán Tưởng Pháp), **Ông** là màu trắng, **Ma** là màu hồng, **Ni** là màu vàng, **Bối** là màu xanh lục, **Muội** là màu xám xanh, **Hồng** là màu đen.

Khi chúng ta trì Chú, thân thể cần phải buông lỏng hết sức (tận lượng phóng túng), bay lên (Phóng Không), từ một chữ trong mạch khiến nó nổi lên (tùng trung mạch nhất tự tự nhượng tha phù khởi). Toàn thân càng buông lỏng, bay lên chấn động Chú Âm (âm thanh của Chú) thì lực lượng càng mạnh.

Ngoài ra chúng ta cũng có thể Quán Tưởng, nơi Hải Đế Luân an tọa một Tôn Quán Thế Âm Bồ Tát, vào nơi này trì tụng Lục Tự Đại Minh Chú. Thậm chí không chỉ là ở Hải Đế Luân quán tưởng một Tôn Quán Thế Âm Bồ Tát, có thể ở mỗi ngũ luân (Đỉnh Luân, Hầu Luân, Tâm Luân, Tê Luân, Hải Đế Luân) của thân thể một Bản Tôn đều quán tưởng, mỗi một Luân đều có một Tôn Quán Âm đang trì tụng Lục Tự Đại Minh Chú. Quán Tưởng đến cuối cùng, mỗi một cái tế bào của toàn thân đều là Quán Thế Âm trì tụng Lục Tự Đại Minh Chú, cho nên đến cuối cùng

mỗi một lỗ chân lông của thân thể gần trăm triệu tế bào, mỗi một đoạn mạch (Mạch Tiết), chẳng nơi nào chẳng phải là Quán Thế Âm Bồ Tát.

Từ Tiểu Quán Thế Âm Bồ Tát biến thành Đại Quán Thế Âm Bồ Tát cuối cùng bản thân Hành Giả chính là một Tôn Quán Thế Âm Bồ Tát rất lớn, lại đến toàn bộ vũ trụ, toàn bộ Pháp Giới cũng đều là Quán Tát Âm Bồ Tát đang trì tụng Lục Tự Đại Minh Chú. Đến cuối cùng, thậm chí có thể phát hiện toàn bộ vũ trụ đều là âm thanh của Lục Tự Đại Minh Chú.

CHUẨN ĐỀ CHÚ

Pháp Môn của **Chuẩn Đề Bồ Tát** đối với Phật Giáo Trung Quốc ảnh hưởng rất sâu xa, Triều Đại nhà Đường hai bộ Đại Pháp là Kim Cang Giới và Thai Tạng Giới truyền vào Trung Quốc, về sau **Đường Võ Tông** tiêu diệt Phật Giáo. Loại này phải căn cứ vào Nghi Quỹ, Kinh Điển, Pháp Khí của chùa chiền toàn bộ kiểu Mật Tông truyền thừa liền bị phá hoại gần hết. Bấy giờ Pháp Môn của Mật Giáo ở Trung Quốc chỉ lưu lại một bộ Pháp Môn để lưu truyền, pháp môn Chuẩn Đề chính là một bộ trong đó.

Căn cứ vào Duyên Khởi (theo duyên mà khởi) trong Kinh đã nói, chúng ta có thể dùng bài Kệ sau đây để tổng nhiếp:

Dựa chỗ khác không tốt (Ý bĩ vô hữu lượng)

Trí Đại Bi phát tâm (Đại Bi Trí Phát Tâm)

Bốn chín Câu Chi Phật (Thất Thất Câu Chi Phật)

Cùng nói âm Mật Chú (Cộng tuyên Mật Chú Âm)

**Nam mô táp đa nam tam miệu tam tam bột đà câu chi nam đát
điệt tha án chiết lệ chủ lệ chuẩn đề toa ha**

Duyên Khởi của Pháp Chuẩn Đề là căn cứ vào “**Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh**” đã nói. Từ ngữ “Câu Chi” trong câu là nói về đơn vị số lượng, có thuyết nói là trăm vạn hoặc ngàn vạn, nói chung là đơn vị số lượng ngàn vạn. Mà Thất Thất Câu Chi Phật này tức là bảy ngàn vạn Chư Phật, ở nhân duyên Lục Tự Đại Minh Chú dưới đây, đồng thời hiện thân, cùng nhau đến tuyên nói Thần Chú Chuẩn Đề này.

Giống như Chuẩn Đề Phật Mẫu lại gọi là Thất Câu Chi Phật Mẫu, Thất Câu Chi Chuẩn Đề Phật Mẫu hoặc là bảy ngàn vạn Phật Mẫu, chính là vì duyên khởi hiện tại của Chú này sinh ra từ đây, cho nên Chuẩn Đề Phật Mẫu cũng có thể nói là hóa thân của Thất Câu Chi Phật cùng nhau gia trì.

QUY MẠNG CHUẨN ĐỀ QUÁN ÂM

{ Chuẩn Đề Chú }

(1) Nam mô (2) táp đa nam tam miệu tam bột đà câu chi nam
(3) đát diệt tha (4) án (5) chiết lệ (6) chủ lệ (7) chuẩn đề (8) toa ha

(1) NAMO (2) SAPTÀNAM SAMYAKSAMBUDDHA KOTÌNÀM
 (3) TADYATHÀ (4) OM (5) CALE (6) CULE (7) CUNDHE (8) SVÀHÀ

{Câu Chú Ngấn}

(1) OM (2) CALE (3) CULE (4) CULE (5) CUNDHE (6) SVÀHÀ

(1) Nam mô (NAMA) là Quy Mạng.

(2) Táp đa nam tam miếu tam bột đà câu chi nam (SAPTÀNAM SAMYAKSAMBUDDHA KOTÌNÀM), đó là Quy Mạng bảy ngàn vạn Chính Đẳng Giác.

(3) Đát diệt tha (TADYATHÀ) ý nghĩa ấy là “Liền nói Chú rằng”, nói chung câu này luôn luôn xuất hiện trong Chú Ngũ, như chính giữa Chú Dược Sư cũng có câu này. Nhưng Chú Ngũ trước “Đát diệt Tha” chính là phần mở đầu, tiếp theo sau mới là chủ đề.

(4) Án (OM), là âm bắt đầu của Chú. Quy mạng của chữ Án cũng có thể nói là bắt đầu của Chú.

(5) Chiết lệ (CALE), Chủ Lệ (CULE), Chuẩn Đề (CUNDHE), Sa Phộc Hạ, đó là ý nghĩa của Giác Động, Sinh Khởi, Thanh Tịnh, Thành Tựu.

Ý nghĩa Chú này là: Từ Giác Động ____ động của Đại Giác, mà Sinh Khởi Thành Tựu sự Thanh Tịnh. Căn cứ vào ý nghĩa Chú này để xem, Giác Động là thuộc vào tác dụng của Tâm Đại Bi sinh khởi lên khắp nơi, cho nên thể tính của Ngài là Thanh Tịnh, mà dùng thể tính của Thanh Tịnh để sinh khởi tác dụng Đại Bi, đó là Thất Câu Chi Phật cùng nhau gia trì. Nhân đây chúng ta Quy Mạng với Chuẩn Đề Bồ Tát, Chuẩn Đề Phật Mẫu.

Ý nghĩa chân thật về chín chữ của Chú Chuẩn Đề

Câu Chú ngấn của Chú Chuẩn Đề:

(1) Án (2) chiết lệ (3) chủ lệ (4) Chuẩn Đề (5) sa phộc hạ

Ý nghĩa của chín chữ này như bài Kệ là:

Chữ **Án** các pháp vốn chẳng sinh

Chữ **Chiết** các pháp vốn chẳng hành

Chữ **Lệ** không đắc cũng không tương

Chữ **Chủ** không khởi cũng không trụ

Chữ **Lệ** xa lìa nhiễm bụi dơ

Chữ **Chuẩn** không đẳng đẳng Đại Giác

Chữ **Đề** không lấy cũng không bỏ

Sa Bà bình đẳng chẳng nói hết

Chữ **Ha** không nhân Đại Niết Bàn

Pháp Giới Chân Như Tam Ma Địa

Ý nghĩa của chữ Ân (𑖇) các pháp vốn chẳng sinh; chữ Chiết (𑖇_CA) là các pháp vốn chẳng hành; chữ Lệ (𑖇_LE) là không đắc cũng không tương; chữ Chủ (𑖇_CO) là không khởi cũng không trụ; Chữ Lệ (𑖇_LE) là xa lìa tạp nhiễm của đơ bản và trong sạch; Bởi vì có phân biệt đơ bản và trong sạch, cũng là một loại tạp nhiễm. Chữ Chuẩn (𑖇_CU) là không Đẳng Đẳng Đại Giác; chữ Đề (𑖇_NDHE) là không lấy cũng không bỏ; chữ Sa Bà (𑖇_SVA) là bình đẳng mà chẳng nói hết; chữ Ha (𑖇_HA) là không nhân Đại Niết Bàn, đó là ý nghĩa chín chữ Phạm văn của Chú Chuẩn Đề.

Nguyên nhân do tất cả Pháp vốn chẳng sinh, liền được chẳng sinh chẳng diệt. Do chẳng sinh chẳng diệt, liền được không tương không sở đắc. Do không tương không sở đắc, liền được không đơ bản. Do không đơ bản, liền được Vô Đẳng Giác. Do Vô Đẳng Giác, liền được không lấy không bỏ. Do không lấy không bỏ liền được bình đẳng không nói lời nào. Do bình đẳng không nói lời nào, liền được không nhân không quả. Bát Nhã Tương Trí Vô Sở Đắc, dùng làm phương tiện, vào Thắng Nghĩa Đế, thời chứng Pháp Giới Chân Như. Loại Pháp Giới này là Chân Như Tam Ma Địa, nên chúng ta thể ngộ ý nghĩa chín chữ này liền an trú vào chính giữa Mật Nghĩa của ý nghĩa chín chữ này, thời hay thể hội Pháp Giới Chân Như Tam Ma Địa.

Hiệu nghiệm của sự tu trì Chú Chuẩn Đề

Trong Kinh nói, nếu như có người nào hay một lòng yên tịnh suy nghĩ (Tĩnh Tư), trì tụng Chú này mãn 9 vạn biến, thời có thể diệt trừ tội đã tạo Thập Ác Ngũ Đạo (Mười điều ác ở năm nẻo), bốn tội nặng, năm tội Vô Gian... ở vô lượng kiếp, không những nơi sinh ra thường hay gặp các hàng Bồ Tát, bậc Thiện Tri Thức mà còn giàu có về tiền của. Nếu như hay tụng mãn 26 vạn biến, cho đến 46 vạn biến, như vậy pháp ở thế gian và xuất thế gian cũng chẳng thể chẳng vừa ý.

Phương pháp kiểm nghiệm thành quả, nếu như ở trong mộng thấy được Đức Phật, Bồ Tát và dùng Hoa Quả, mưa ra vật màu đen, ăn uống vật màu trắng, tức là dấu hiệu của sự thành tựu. Hoặc là trong mộng thấy mình bay lên không trung tự tại, hoặc là nổi trên sông, hoặc là leo lên lâu đài, cây cao, hoặc lên trên núi cao, hoặc là cỡi Sư Tử, Ngựa trắng, Voi trắng, hoặc là mộng thấy Hoa Quả, hoặc là mộng thấy mặc áo vàng, áo trắng, hoặc là mộng thấy mưa ra mặt Trời, mặt Trăng, đó là dấu hiệu khiến diệt trừ tội ở vô thủy. Hoặc là mộng thấy tượng Đức Phật, hoặc là nghe Pháp Âm, hoặc là cảm giác bản thân mình cao lớn đồ sộ, hoặc là rừng rụng sau đó lại mọc lên, hoặc là tóc trên đầu từ trắng chuyển thành đen, hoặc là Tâm Tham, Sân, Si tự nhiên tiêu diệt, hoặc là Trí Tuệ dần dần (Trí Tuệ Độn Sinh), tự nhiên thông hiểu tất cả Kinh Luật Luận, hoặc là tất cả Pháp Môn Tam Muội tự nhiên hiện ngay trước mắt, hoặc là Phước Đức bỗng nhiên tăng cao, đại chúng quy ngưỡng. Nếu như có tình hình như trên thời là Phước Đức Trí Tuệ tăng trưởng, Tướng đã gần thành tựu, chẳng cần phải sinh khởi Tâm nghi hoặc, nhưng cũng

chẳng thể sinh khởi niệm tham dính, lại càng phải dụng công, nỗ lực trì tụng, biết rõ Tâm Pháp của Chuẩn Đề Bồ Tát mới có thể thành tựu viên mãn.

CHƯƠNG THỨ BA KINH ĐIỂN LIÊN QUAN ĐẾN QUÁN ÂM BỒ TÁT

KINH ĐIỂN SƠ LƯỢC CHỦ YẾU CỦA QUÁN ÂM

“**Diệu Pháp Liên Hoa Kinh. Quán Thế Âm Bồ Tát phổ Môn Phẩm**” đời Diêu Tần, do Cưu Ma La Thập dịch

“**Pháp Hoa Kinh**” là một bộ kinh điển Phật Giáo Đại Thừa rất trọng yếu, đặc biệt là ở Trung Quốc, bởi vì Tông Phái Phật Giáo ở Trung Quốc rất trọng yếu — Thiên Đài Tông chính là căn cứ vào Kinh này mà lập ra. Thiên Đài Tông cho rằng “**Pháp Hoa Kinh**” là một bộ Kinh điển rất viên mãn, cho nên đem “**Pháp Hoa Kinh**” coi là “**Vua các loại Kinh**”, coi là “**Thánh Điển Giáo**”. Sau khi “**Pháp Hoa Kinh**” truyền đến Nhật Bản, đối với Thiên Đài Tông của Nhật Bản, cho đến Nhật Liên Tông.... Cũng sản sinh ảnh hưởng rất lớn, họ đều chọn lấy “**Pháp Hoa Kinh**” làm tiêu chuẩn để quyết định (phán giáo). Cuối cùng chính là giảng “**Pháp Hoa Kinh**” để viên mãn Phật cảnh.

Trong bản Kinh này cũng hiện rõ địa quả chân thật của Như Lai, tuyên nói thọ lượng của Như Lai, thần lực của Như Lai, thể tính của Như Lai, hiện rõ như là thực tướng của Pháp Giới. Đồng thời, cũng tuyên dương phương tiện tu trì trên chẳng thể nghĩ bàn: “Một lần xưng Nam Mô Phật, đều cùng thành đạo Phật”, đó là trên mặt tu hành bày ra phương tiện rất sâu chẳng thể nghĩ bàn.

Trong “**Pháp Hoa Kinh**” nói: Sự xuất hiện của Đức Phật chính là một việc nhân duyên lớn. Một việc nhân duyên lớn này giống như mặt Trời, mặt Trăng đi vào khoảng Trời không, là có Nhân có Duyên tương ứng với chúng sinh, nguyên nhân vì khiến cho chúng sinh “**Khai Thị Ngộ Nhập**” thấy biết Đức Phật” mà xuất hiện ở thế gian, thị hiện nhân duyên, phương tiện rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn.

Mà “**Phổ Môn Phẩm**” trong “**Pháp Hoa Kinh**”, tức là Kinh điển được truyền tụng rộng rãi của Quán Thế Âm Bồ Tát, trong đó tuyên nói Quán Thế Âm Bồ Tát dùng Tâm Đại Bi cho nên nghe âm thanh cứu khổ, uy lực rộng lớn của Phổ Môn thị hiện.

“**Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh**” một quyển. Triều đại nhà Đường, do **Huyền Trang** dịch.

Bản này nói rõ Quán Tự Tại Bồ Tát, dùng Trí Tuệ rộng lớn tu hành và quán sát kỹ về Hạnh Bát Nhã Ba La Mật Đa thâm sâu, soi thấy tất cả các Pháp đều trống rỗng, nhân đây độ hóa tất cả ách khổ đau.

“**Bát Nhã Tâm Kinh**” là hệ thống mật bên trong của Bát Nhã, là một bộ Kinh mà văn tự rất ít. Ở Trung Quốc có rất nhiều bản dịch phiên dịch “**Bát Nhã Tâm Kinh**” khác nhau; bản dịch xưa còn tồn tại đến nay ước chừng có 9 loại, trong đó có hai loại đã thất lạc.

“**Bát Nhã Tâm Kinh**” đó là Kinh Điển tâm tủy trực tiếp làm sáng tỏ Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa. Muốn đạt đến Quả Đức của kinh điển Bát Nhã, thời cần phải từ trong thể hội nêu lên Chánh kiến nơi “**Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh**” và đưa ra Chánh Kiến xuyên qua Kinh điển, chúng ta quan niệm (Kiến Địa) tu hành nên Đoạn Tuyệt (Đương Đoạn), nên đứng thẳng (Đương Lập), xác định toàn bộ không nghi ngờ gì, và Tín thọ phụng hành (tin tưởng thọ nhận pháp của Đức Phật đã nói để thi hành). Chỉ có dạng tin tưởng thọ nhận không nghi ngờ này nơi xây dựng của Chánh Kiến, để chỉ đạo ý thức tu tập, mới có thể sản sinh công dụng chuyển Thức (sự hiểu biết) thành Trí; mà dùng Trí Tuệ để thăng hoa.

“**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” một quyển.

Trong pháp môn tu hành của Quán Thế Âm Bồ Tát được lưu truyền rất rộng rãi, chẳng qua ở việc tụng trì Chú Đại Bi. Chú Đại Bi xuất xứ từ “**Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**”, tên đầy đủ là “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” toàn bộ một quyển, do Già Phạm Đạt Ma dịch vào triều đại nhà Đường. Có “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Bi Tâm Đà La Ni**” khác, do **Bất Không Hòa Thượng** dịch vào triều đại nhà Đường, nội dung ấy là chọn lấy tinh hoa của **Già Phạm Đạt Ma** dịch, tức là từ Phát nguyện trở xuống đến Đà La Ni, sau đó lại thêm vào hình vẽ và chân ngôn của 40 tay và giải thích công đức của mỗi một tay.

Tên gọi của Chú Đại Bi về sau là như thế đấy:

Ở trong Hải Hội, A Nan hỏi Đức Phật rằng: “Chú này tên là gì? thọ trì thế nào?”

Đức Phật bảo A Nan rằng: “ như vậy Thần Chú có các loại tên, một tên là **Quảng Đại Viên Mãn**, một tên là **Vô Ngại Đại Bi**, một tên là **Cứu Khổ Đà La Ni**, một tên là **Diên Thọ Đà La Ni**, một tên là **Diệt Ác Thú Đà La Ni**, một tên là **Phá Ác Nghiệp Chướng Đà La Ni**, một tên là **Mãn Nguyện Đà La Ni**, một tên là **Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni**, một tên là **Tốc Siêu Thượng Địa Đà La Ni**, thọ trì như vậy”.

Những tên gọi này đều đại biểu cho tác dụng của Chú này, cho nên Chú này có tác dụng rộng lớn Viên Mãn, tác dụng Vô Ngại Đại Bi, tác dụng Cứu Khổ, tác dụng sống lâu, tác dụng diệt nẻo Ác, tác dụng phá nghiệp chướng ác, tác dụng Mãn Nguyện, tác dụng Tùy Tâm Tự Tại, tác dụng Siêu Tốc Thượng Địa (nhanh chóng vượt qua trái đất). Nhân đây, chúng ta nên theo danh hiệu để suy nghĩ về Đà La Ni này, hiểu rõ Đà La Ni này sau đó mới đến trì tụng thời sẽ càng Viên Mãn.

“**Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Thần Chú Kinh**” một quyển. Đời Bắc Chu, do **Gia Xá Quật Đa** dịch.

Kinh này là do Quán Thế Âm Bồ Tát trình bày rõ về lợi ích của Thập Nhất Diện Tâm Chú, có thể miễn trừ bệnh khó chữa và tai họa khác, mạng chung thời có thể thấy mười phương Chư Phật, sinh vào nước Vô Lượng Thọ. Trong Kinh cũng ghi chép kỹ lưỡng phương Pháp của tụng Chú này, Pháp thức điêu khắc tượng Thập Nhất Diện Quán Âm và Đàn Trường Nghi Quỹ. Đường Huyền Trang Tam Tạng cũng có truyền lại bản dịch Kinh này.

“**Thỉnh Quán Thế Âm Bồ Tát Tiêu Phục Độc Hại Đà La Ni Chú Kinh**” một quyển. Đời Đông Tấn, do **Trúc Nan Đề** dịch

Kinh này kể lại khi dịch ác lưu hành ở nước Tỳ Xá Ly, có Đức Phật A Di Đà cùng với Quán Âm, Thế Chí Bồ Tát từ Tịnh Thổ ở phương Tây đến nước ấy. Trong đó, bởi vì Quán Thế Âm Bồ Tát xưng niệm các loại Thần Chú Đà La Ni, nhân đây dịch ác tiêu trừ, và miễn trừ các loại tai nạn. Trong Kinh cũng nói khuyên chúng sinh nên thường xưng niệm Quán Âm Thánh Hiệu và Tụng các loại Đà La Ni.

“**Quán Thế Âm Bồ Tát Thọ Ký Kinh**” một quyển. Đời Lưu Tống, do **Đàm Vô Kiệt** dịch.

“**Quán Thế Âm Bồ Tát Thọ Ký Kinh**”, Kể lại thời ấy Quán Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ Tát cùng là hai đại đệ tử của Đức A Di Đà Như Lai. Lại nói Bồ Tát này rộng phát thệ nguyện cứu độ chúng sinh, sau này sẽ tiếp nối Đức Phật A Di Đà Như Lai thành Phật.

“**Bi Hoa Kinh**” mười quyển. Đời Bắc Lương, do **Đàm Vô Sấm** dịch.

Trong “**Chư Bồ Tát Thọ Ký Phẩm**” của Kinh này, kể lại Đệ Nhất Vương Tử của Chuyển Luân Thánh Vương xuất gia, phát thệ nguyện Đại Từ Bi ____ Bấy giờ tất cả chúng sinh vì khổ não, sợ hãi bị tập kích (Khủng Bố Sở Tập Thời), nếu hay xưng niệm tên ta, nắm quyền xa lìa nạn khổ ấy. Bởi vì phát thệ nguyện này, mạng danh của Bảo Tạng Như Lai chính là “**Quán Thế Âm**” và thọ ký sau này Ngài sẽ nối tiếp Đức A Di Đà Như Lai sau đó thành Phật.

“**Nhiếp Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh Kế Nhất Pháp Trung Xuất Vô Lượng Nghĩa Nam Phương Mãn Vô Trung Xuất Vô Lượng Nghĩa Nam Phương Mãn Nguyện Bồ Đà Lạc Hải Hội Ngũ Bộ Chư Tôn Đẳng Hoàng Thệ Lực Phương Vị Cập Uy Nghi Hình Sắc Chấp Trì Tam Ma Gia Tiêu Chí Mạn Trà La Nghi Quỹ**” một quyển. Triều đại nhà Đường, do **Bất Không** dịch.

Kinh này là Đức Phật Đà, an trú vào Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, dùng sức Tự Tại Tam Muội, diễn nói sức thệ nguyện lớn của Bồ Đà Lạc Hải Hội Ngũ Bộ Chư Tôn, cùng các việc ấy như: Uy Nghi, Hình Tượng, Vật cầm tay, Tam Muội Gia Hình.....

“**Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh**” đời nhà Tống, do **Thiên Tức Tai** dịch.

Lại gọi là Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh, nội dung chủ yếu kể về công đức của Lục Tự Đại Minh Đà La Ni “Án (OM) ma (MA) ni (NI) bát nột minh (PADME) hồng (HŪM) và uy lực hóa hiện của Quán Thế Âm Bồ Tát.

“**Thất Câu Chi Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Minh Đà La Ni Kinh**” một quyển. Triều đại nhà Đường, do **Kim Cang Trí** dịch.

Nội dung Kinh này giới thiệu Thất Câu Chi Phật Mẫu hóa hiện nơi Quán Thế Âm Bồ Tát, tức là Chuẩn Đề Phật Mẫu hóa hiện. Nhân Duyên, Hình Tượng, Thần Chú và lợi ích công đức của việc trì tụng.

CÁC KINH ĐIỂN LIÊN QUAN KHÁC

- 1_ “**Tát Đàm Phân Đà Lợi**” một quyển. Không rõ người dịch.
- 2_ “**Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Thần Chú Kinh**” một quyển. Đời Bắc Chu, do **Gia Xá Quật Đa** dịch.
- 3_ “**Bất Không Quyển Sách Thần Chú Kinh**” Đời Bắc Chu, do **Đô Na Quật Đa** dịch.
- 4_ “**Bất Không Quyển Sách Thần Chú Tâm Kinh**” một quyển. Đời nhà Đường, do **Huyền Trang** dịch.
- 5_ “**Thập Nhất Diện Thần Chú Tâm Kinh**” một quyển. Giống như trên.
- 6_ “**Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh Đệ Thập Nhất Lý Thú Phân**” giống như trên.
- 7_ “**Du Già Sư Địa Luận**” quyển thứ bảy. Giống như trên.
- 8_ “**Thanh Tịnh Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Hiền Đà La Ni Kinh**” một quyển. Đời nhà Đường, do **Trí Thông** dịch.
- 9_ “**Quán Tự Tại Bồ Tát Đát Phộc Đa lợi tùy Tâm Đà La Ni Kinh**” giống như trên.
- 10_ “**Thiên Nhân Thiên Tý Quán Thế Âm Bồ Tát Đà La Ni Thần Chú Kinh**” hai quyển. Giống như trên.
- 11_ “**Thiên Chuyển Đà La Ni Quán Thế Âm Bồ Tát Chú**” một quyển. Giống như trên.
- 12_ “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Trị Bệnh Dược Kinh**” một quyển. Giống như trên.
- 13_ “**Quán Thế Âm Bồ Tát Đà Bí Mật Tạng Thần Chú Kinh**” một quyển. Đời nhà Đường, do **Thực Xoa Nan Đà** dịch.
- 14_ “**Bất Không Quyển Sách Đà La Ni Kinh**” một quyển. Đời nhà Đường, do **Lý Vô Siểm** dịch.
- 15_ “**Bất Không Quyển Sách Tâm Chú Vương Kinh**” ba quyển. Đời nhà Đường, do **Bảo Tư Duy** dịch.
- 16_ “**Quán Thế Âm Bồ Tát Như Ý Ma Ni Đà La Ni Kinh**” một quyển. Giống như trên.

17_ **“Quán Tự Tại Bồ Tát Như Ý Tâm Đà La Ni Chú Kinh”** một quyển. Đời nhà Đường, do **Nghĩa Tịnh** dịch.

18_ **“Bất Không Quyển Sách Chú Tâm Kinh”** một quyển. Đời nhà Đường, do **Bồ Đề Lưu Chí** dịch.

19_ **“Bất Không Quyển Sách Thần Biến Chân Ngôn Kinh”** ba mươi quyển. Giống như trên.

20_ **“Như Ý Luân Đà La Ni Kinh”** một quyển. Giống như trên.

21_ **“Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Lão Đà La Ni Thân Kinh”** một quyển. Giống như trên.

22_ **“Bất Không Quyển Sách Đà La Ni Nghi Quỹ Kinh”** hai quyển. Đời nhà Đường, do **A Mục Pháp** dịch.

23_ **“Tán Quán Thế Âm Bồ Tát Tụng”** một quyển. Đời nhà Đường, do **Tuệ Trí** dịch.

24_ **“Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Đại Thân Chú Kinh”** một quyển. Giống như trên.

25_ **“Quán Tự Tại Như Ý Luân Bồ Tát Du Già Pháp Yếu”** một quyển. Giống như trên.

26_ **“Kim Cang Đỉnh Du Già Thanh Cảnh Đại Bi Vương Quán Tự Tại Niệm Tụng Nghi Quỹ”** một quyển. Giống như trên.

27_ **“Kim Cang Đỉnh Du Già Quán Tự Tại Vương Như Lai Tu Hành Pháp”** một quyển. Giống như trên.

28_ **“Thiên Thủ Quán Âm Bồ Tọa Thứ Đệ Pháp Nghi Quỹ”** một quyển. Đời nhà Đường, do **Thiện Vô Úy** dịch.

29_ **“Thất Phật Câu Chi Phật Mẫu Tâm Đại Chuẩn Đà La Ni Pháp”** một quyển. Giống như trên.

30_ **“Quán Tự Tại Bồ Tát Thuyết Phổ Hiền Đà La Ni Kinh”** một quyển. Đời nhà Đường, do **Bất Không** dịch.

31_ **“Quán Tự Tại Bồ Tát Hóa Thân Nhưng Ngu Lí Duệ Đồng Nữ Tiêu Phục Độc Hại Đà La Ni Kinh”** một quyển. Giống như trên.

32_ **“Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát Kinh”** một quyển. Giống như trên.

33_ **“Đại Lạc Kim Cang Bất Không Chân Thực Tam Muội Gia Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa Lý Thú Kinh”** hai quyển. Đời nhà Đường, do **Bất Không** dịch.

34_ **“Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Quán Thế Âm Tự Tại Thiên Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Tự Tại Thanh Cảnh Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh”** một quyển. Giống như trên.

35_ **“Kim Cang Khủng Bố Tập Hội Phương Quảng Nghi Quỹ Quán Tự Tại Bồ Tát Tam Thế Tối Thắng Tâm Minh Vương Kinh”** một quyển. Giống như trên.

36_ “**Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Bi Tâm Đà La Ni**” một quyển. Giống như trên.

37_ “**Đại Phương Quảng Mạn Thù Thất Lợi Kinh Quán Tự Tại Đa La Bồ Tát Nghi Quỹ Kinh**” một quyển. Giống như trên.

38_ “**Thập Nhất Diện Quán Thế Tự Tại Bồ Tát Tâm Mật Ngôn Niệm Tụng Nghi Tụng**” ba quyển. Giống như trên.

39_ “**Kim Cang Đỉnh Du Già Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Tu Hành Nghi Quỹ Kinh**” hai quyển. Giống như trên.

40_ “**Quán Tự Tại Bồ Tát Đại Bi Trí Ấn Chu Biến Pháp Giới Lợi Ích Chúng Sinh Huân Chân Như Pháp**” một quyển. Giống như trên.

41_ “**Quán Tự Tại Bồ Tát Như Ý Luân Niệm Tụng Nghi Quỹ**” một quyển. Giống như trên.

42_ “**Quán Tự Tại Bồ Tát Như Ý Luân Du Già**” một quyển. Giống như trên.

43_ “**Kim Cang Vương Bồ Tát Bí Mật Niệm Tụng Nghi Quỹ**” một quyển. Giống như trên.

44_ “**Quán Tự Tại Đa La Du Già Niệm Tụng Pháp**” một quyển. Giống như trên.

45_ “**Kim Cang Đỉnh Kinh Quán Tự Tại Vương Như Lai Tu Hành Pháp**” một quyển. Giống như trên.

46_ “**Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Tâm Chân Ngôn Du Già Quán Hạnh Nghi Quỹ**” một quyển. Giống như trên.

47_ “**Quán Tự Tại Đại Bi Thành Tựu Du Già Liên Hoa Bộ Niệm Tụng Pháp Môn**” một quyển. Giống như trên.

48_ “**Quán Tự Tại Bồ Tát Chân Ngôn Nhất Ấn Niệm Tụng Pháp**” một quyển. Giống như trên.

49_ “**Quán Tự Tại Bồ Tát Mẫu Đà La Ni Kinh**” một quyển. Đời nhà Tống, do Pháp Hiền dịch.

50_ “**Phật Thuyết Nhất Thiết Phật Nhiếp Tướng Ứng Đại Giáo Vương Kinh Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Niệm Tụng Nghi Quỹ**” một quyển. Giống như trên.

51_ “**Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Phạn Tán**” một quyển. Giống như trên.

52_ “**Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Nhất Bá Danh Kinh**” một quyển. Giống như trên.

53_ “**Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Bất Không Vương Bí Mật Tâm Đà La Ni Kinh**” một quyển. Đời nhà Tống, do Thi Hộ dịch.

54_ “**Thỉnh Quán Âm Kinh Sơ Xiển Nghĩa Sao**” bốn quyển. Đời nhà Tống, do Trí Viên dịch.

55_ “**Quán Tự Tại Bồ Tát Như Ý Luân Chú Khóa Pháp**” một quyển. Đời nhà Tống, do Nhân Nhạc dịch.

56_ “**Thỉnh Quán Âm Tiêu Phục Độc Hại Tam Muội Nghi**” một quyển. Đời nhà Tống, do **Tuân Thức** thuật lại.

57_ “**Quán Âm Nghĩa Sớ**” đời nhà Tống, do **Nhân Nhạc** thuật lại.

58_ “**Thỉnh Quán Âm Kinh Sớ**” giống như trên.

CHƯƠNG THỨ TƯ SỰ TÍCH CẢM ỨNG CỦA QUÁN THẾ ÂM

Pháp sư Tuệ Cung tụng phẩm Phổ Môn xuất hiện điềm lành

Vào đời nhà Tùy, Pháp sư **Tuệ Cung** ở trước thời phạt pháp bị tàn phá (tại Chu phế phạt pháp tiên), đi về Kinh Dương tìm hiểu đạo lí. Huệ Viễn ở trong chùa cùng với Ngài, cũng đi đến Trường An nghe Kinh. Sau đó trải qua trên 30 năm, hai người mới gặp nhau, chỉ thấy Huệ Viễn nói như suối chảy, vậy mà Tuệ Cung chẳng nói một tí gì về đạo lí. Huệ Viễn rất thất vọng nói rằng: “Chúng ta xa cách đã nhiều năm, vui mừng gặp nhau ở nơi đây, vậy mà ông chẳng nói gì về đạo lí, lẽ nào 30 năm qua ông chưa từng mong cầu mình tìm hiểu và chứng đạo (cầu ngộ chứng đạo) sao?” Tuệ Cung nói rằng: “Tôi chỉ tụng được một quyển “**Quán Thế Âm Kinh**”.

Tuệ Viễn thay đổi nét mặt và dùng lời lẽ nghiêm khắc nói rằng: ”Kinh này ngay cả đứa con nít cũng có thể tụng, ông và tôi từng lập lời thệ nguyện, hy vọng chứng được đạo quả. Sao ông lại không lưỡng tín được trên 30 năm, mà chỉ tụng được một quyển Kinh! Đó chẳng phải là ngu muội trì độn, mà là ông lười biếng, cho nên khiến tôi quyết định cắt đứt quan hệ với ông”.

Tuệ Cung cũng chẳng tức giận, chỉ nói là: “ Quyển Kinh này tuy nhỏ, lại là từ miệng Đức Phật nói ra, nếu có người nào khinh mạn thời sẽ bị vô lượng tội. Hiện tại nguyện xin ông hãy nguôi đi sự giận dữ, tôi sẽ vì ông tụng một biến, sau đó chúng ta hãy cáo biệt nhau!”

Tuệ Cung nói xong liền kết Đàn Thành, đỉnh lễ tam bảo, rồi lên Pháp Tòa (thăng vu pháp tòa), phát giọng đề xướng, lập tức hương thơm lạ tỏa ra bát ngát đầy khắp gian phòng và nhập vào Kinh văn, trên Trời lại có âm nhạc màu nhiệm, mưa xuống 4 loại Hoa tươi, nhạc Tiên trong trẻo làm chấn động vào hư không, Hoa màu nhiệm thơm ngát lan tỏa khắp mặt đất, Tuệ Cung tụng xong ngồi xuống tòa, mưa

Hoa và nhạc Tiên mới ngưng dứt, Huệ Viễn cảm thấy rất kinh ngạc, liền đi đến bên cạnh đỉnh lễ bàn chân. Rơi nước mắt và sám hối rằng: “Huệ Viễn tôi giống như xác chết hôi hám, lại còn dám đi dưới ánh sáng mặt Trời, cầu xin hãy tha thứ và ban cho sự dạy bảo”.

Tuệ Cung nói rằng: “Đó cũng chẳng phải là năng lực (Sở Năng) của Tuệ Cung, thực tại là sức của Chư Phật!” sau khi nói xong vái chào mà đi.

Chu Tăng Thực tụng Thánh Hiệu Quán Âm cứu đại chúng

Chu Tăng Thực, lúc sinh ra mắt sáng long lanh, dưới nách chứa trứng chim Phụng, đạo hạnh ấy tích tụ, phẩm đức tôn kính. Có một ngày, ông vội vã lên lầu đánh chuông, tranh thủ truyền bảo chúng tăng thấp hương và nói với đại chúng rằng: “Hiện tại tòa giảng đường Phật Tự nào đó ở Giang Nam sắp bị sụp đổ, có thể sẽ đè chết trên ngàn người, mỗi cá nhân đại chúng hãy cùng nhau niệm Thánh Hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát để cứu họ!”

Thế là nhóm Tăng nhân cùng nhau tụng Thánh Hiệu, trong phút chốc Phật Hiệu vang lên chấn thiên môn. Sau đó ở Giang Nam truyền đến tin tức nói là vào ngày đó tại giảng đường ở Dương Châu, có trên ngàn người nghe Pháp, bỗng nhiên ngửi thấy hương thơm ngào ngạt kỳ lạ, vả lại trên không trung truyền đến âm thanh Kinh văn tiếng Phạm vang lên rất lớn, vào từ cửa bắc của giảng đường, ra ở cửa nam, Đại Chúng nghe Pháp đều cảm thấy mười phần kinh dị, chẳng thể chẳng đuổi theo âm thanh đó chạy ra ngoài. Ngay lúc Đại Chúng tuôn ra khỏi giảng đường, giảng đường liền nhanh chóng sụp đổ , không có một người nào bị thương cả.

Tam Tạng Đàm Vô Kiệt một lòng niệm Quán Âm vượt qua nguy nạn

Tam Tạng Đàm Vô Kiệt, nghe Pháp làm vẻ vang cho mọi người, vì Pháp quên thân, trải qua muôn vàn khó khăn nguy hiểm, đi đến nước Ấn Độ để cầu Pháp, liền khẳng khái sinh khởi lời thệ vì Pháp quên thân.

Vào năm thứ nhất niên hiệu Vĩnh Hòa, ông mới 25 vị Sư khỏe mạnh họp mặt cùng chung chí hướng đàm luận mong muốn làm sáng tỏ về Phật pháp, từ Trường An xuất phát, nhắm hướng Tây vượt qua sa mạc, ven đường chẳng có con chim nào bay ở trên, cũng chẳng có con thú nào chạy ở dưới, ngắm kỹ cả bốn mặt đều mênh mông, hoàn toàn chẳng biết mình ở nơi nào, chỉ có thể ngửa lên nhìn mặt Trời để phán định phương hướng, nhìn thấy ven đường xương người chất lại thành đồng để đánh dấu hiệu đường đi. Trên con đường này lại chông chát khó khăn nguy hiểm , như đến Thông Lĩnh {ND:thuộc dải núi lớn ở cao nguyên (Pamir Plateau) Phạ Mễ Nhĩ ở tây nam Tỉnh Tân Cương, chính là ngọn núi có vị trí cốt yếu của các mạch núi Á Tế, Á Đại Lục}, nơi đây mùa đông và mùa hè thường có bão tuyết, rông ác nhả ra khí độc, mưa gió cát sỏi bay mù mịt. Lại đi đến vùng núi tuyết (Tuyết Sơn) , dưới chân núi có con sông lớn, nước chảy xiết nhanh như tên, giao thông chỉ dựa vào sợi dây treo bắt qua giữa 2 vách núi làm cầu, một lần chỉ có thể đủ cho 10

người đi, sau khi qua đến bờ bên kia, lại đốt lửa cho khói bay lên để đánh dấu cắm mốc, người chưa qua bờ nhìn thấy khói bay lên, liền biết người trước mặt đã vượt qua, lúc này mới có thể tiến về phía trước. Nếu như qua rồi rất lâu mà không thấy khói, liền biết được có gió thổi động sợi dây cầu, người qua cầu đã rơi xuống sông.

Sau khi qua sông, lại đến núi nhìn thấy vách núi dựng đứng treo lơ lửng, căn bản chẳng phải là nơi an toàn, chỉ ở trên vách núi có lưu lại cái hang động nơi người trước đã đục, lỗ hang tương đối nhỏ, mỗi người phải đứng ở dưới mà vịn lên trên mới trèo qua được, tay cầm 4 cái cọc nhỏ, trước tiên cắm cái cọc xuống dưới sau đó lại cắm cái cọc khác lên trên rồi dùng tay nắm chặt di chuyển qua nhiều nơi và cứ làm như vậy, trải qua 3 ngày mới có thể đến được mặt đất bằng phẳng. Lúc đó mọi người mới kiểm tra lại người đi cùng, thời có 12 người mất tích. Bấy giờ nhóm người lại tiếp tục hướng về Trung Thiên Trúc đi về phía trước, con đường đã mệnh mông và sáng sủa hơn, cũng không có lương thực, chỉ có thể dùng mật ong ăn cho đỡ đói. Con đường từ trên cao xuống dưới thấp, trong 13 người còn sót lại trong đó lại mất thêm 8 người.

Đàm Vô Kiệt tuy trải qua nhiều lần nguy cấp, nhưng vẫn một lòng cột buộc niệm (hệ niệm) Quán Thế Âm mà chưa từng quên lãng, tiến thẳng đến nước Xá Vệ, lại gặp được rất nhiều con Voi lớn, lúc này ông lại chí thành quy mạng Quán Âm, bỗng nhiên xuất hiện bầy Sư Tử liền đe dọa con Voi lớn mà bỏ đi. Ở sông Hằng lại gặp một bầy Tê Giác, Cọp nhìn chằm chằm dữ tợn, Đàm Vô Kiệt vẫn quy mạng như lúc ban đầu, thế là bỗng nhiên xuất hiện con chim Kên Kên lớn bay đến, bầy Tê Giác kinh sợ mà bỏ đi. Sau đó đến ở Nam Thiên Trúc, họ theo thuyền về đến Quảng Châu, bình an lấy Kinh trở về.

Tam Tạng Bất Không dùng Quán Âm Thần Chú dẹp yên tai nạn trên biển

Pháp Sư **Bất Không** Tam Tạng, nguyên là Bà La Môn ở phía bắc Ấn Độ. Hồi đó Pháp Sư đi theo thuyền buôn đến Nam Hải, đến địa phận nước Ha Lăng, bỗng nhiên gặp phải cơn bão lớn, những người thương nhân trên thuyền đều bàng hoàng lo sợ, mỗi người đều dùng phương pháp cầu nguyện của nước mình để làm phép đều không có hiệu quả. Chỉ biết đưa hai tay lên quỳ gối cúi lạy sát đất van xin, cầu xin tất cả Thiên Thần mau đến cứu giúp. Bất Không Tam Tạng liền nói với mọi người: “Hiện nay tôi có phương pháp Tức Tai { ND: **Pháp Tức Tai** (‘Sàntika): Là Pháp tu tiêu trừ tai nạn, chướng hại, phiền não với tội chướng ở bên ngoài}, các ông chẳng cần phải lo lắng”. Chỉ thấy tay phải Pháp Sư cầm cái Chày Ngũ Cổ Bồ Đề Tâm, tay trái cầm cái tráp chứa Kinh Bát Nhã (Bát Nhã Kinh Giáp), tụng “**Quán Âm Đại Tỳ Cầu Chú**” một biến. Ngay lập tức gió yên sóng lặng dẹp yên được cơn bão, mặt biển phẳng lặng như xưa. Lúc này thuyền mới tiếp tục đi về phía trước, lại tình cờ gặp con Cá Voi rất lớn phun ra cái cột nước, khiến cho sóng dâng lên giống như ngọn núi cao, so với cơn bão lúc trước lại càng sợ hãi hơn. Mọi người tưởng lần này có lẽ chẳng còn hy vọng gì, thế là Bất Không lại làm phép giống như

lúc trước, và xưng tụng “**Sa Yết Long Vương Kinh**”, mới được bình an và dẹp yên tai nạn.

Pháp sư Huyền Trang nương vào sức Quán Âm thoát cảnh khổ khổ trên sa mạc

Huyền Trang Pháp Sư vốn tên Y, họ Trần (tục tính Trần), là hậu duệ của Hán Thái Khưu Trọng Cung, lúc Pháp Sư mới sinh ra, mẹ của ông nằm mộng thấy Pháp Sư mặc áo trắng muốn đi về phương Tây. Thế là mẹ của ông vội vả kêu ông lại bảo rằng: “Ông là con của tôi, hiện tại muốn đi về đâu?”

Pháp Sư trả lời rằng: “ Nguyên nhân vì tôi muốn cầu Pháp, nên phải đi về phương Tây”. Về sau mới biết đó là điềm báo trước Pháp Sư sẽ đi Tây Thiên vân du bốn phương.

Năm Pháp Sư được 11 tuổi, theo huynh trưởng là **Tiếp Pháp Sư** mỗi ngày học tập đạo lý tinh yếu, bên cạnh đó kiêm cả việc tìm hiểu chân lý huyền diệu, lý luận vững chắc, nhạy bén tuyệt vời, chẳng phải ai cũng sánh kịp. Năm 13 tuổi liền lên Tòa giảng Pháp, đạo lý sắc bén đầy đủ, tiếng lành bay xa.

Hồi đó Huyền Trang Pháp Sư ở Tứ Xuyên, gặp một người bệnh, trên thân đầy ghẻ lở, mùi hôi thối nồng nặc, quần áo dơ bẩn rách nát, mọi người rất ghê tởm, chỉ có Pháp Sư thương xót hẳn, không chỉ bố thí quần áo cho hẳn, mà còn chiếu cố giúp đỡ cho ăn uống. Người bệnh cảm niệm ân đức của Pháp Sư, bèn truyền thụ cho Pháp Sư “**Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh**”, Pháp Sư cũng thường xuyên tụng đọc và học tập. Lúc Pháp Sư được 29 tuổi thời trong lòng suy nghĩ rằng: “Câu học quý ở đi xa, thông hiểu nghĩa lý sâu sắc, chỉ dựa vào sự lạc quan đi sâu nghiên cứu, thì chưa hoàn thành việc tìm tòi những điều sâu xa bí hiểm. Nếu như chẳng may chết đi thì thệ nguyện đi Tây Thiên thỉnh Kinh, làm sao mà thực hiện được chẳng thể nào thốt lên thành lời, ta phải dùng nghị lực và sự sáng suốt để mà lý giải, thế là Ngài quyết định đến Ấn Độ thỉnh Kinh.

Sau đó Pháp Sư đi về phương Tây cầu Pháp gặp sa mạc, rộng đến hơn 800 dặm, có các loài Quỷ ác khác nhau, trước sau quấy phá người. Pháp Sư một lòng xưng niệm Thánh Hiệu Quán Âm, mặc dù có một số tản đi, nhưng một số còn lại cứ bám theo, ông chỉ có thể tụng niệm Tâm Kinh, âm thanh đó phát ra khiến nhóm Quỷ đều tan biến mất.

Trong quá trình Huyền Trang Pháp Sư đến Tây Thiên thỉnh Kinh, thường xuyên gặp phải các loại tai nạn nguy hiểm, Pháp Sư một lòng xưng niệm Quán Âm Bồ Tát mà được thoát hiểm. Lúc đầu Pháp Sư đến Đôn Hoàng rồi phải qua cửa ải Ngọc Môn Quan. Chỉ thấy phía trước là sa mạc bằng phẳng rộng đến hơn 800 dặm không có một con chim nào bay trên trời, không có một con thú nào chạy dưới đất lại không có nước và cỏ mọc, Pháp Sư chỉ một lòng xưng niệm Thánh Hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát và Bát Nhã Tâm Kinh.

Pháp Sư hướng về phía Tây Bắc thẳng tiến ngắm kỹ cả bốn mặt đều mênh mông, trước sau đều không có một bóng người ngựa qua lại. Ban đêm ở sa mạc thời

có Ma Quỷ lấp lánh chói sáng như sao trên trời, ban ngày thời có cuồng phong nổi dậy, cuồng phong thổi cát bay lên giống như mưa xuống. Như vậy bốn đêm năm ngày, Huyền Trang Pháp Sư không có một giọt nước nào thấm ướt cổ họng đang nóng khát của Ngài và cũng không có gì để ăn, gần như sắp mất mạng, chẳng có cách nào để tiến lên và cũng chẳng thể nào đứng dậy kìm nổi dây cương để dắt ngựa, Ngài ngã lăn trên cát. Tuy nhiên đến lúc này Pháp Sư vẫn một lòng mặc niệm Thánh Hiệu Quán Âm và cung kính nói với Bồ Tát rằng: *“Huyền Trang này đi chẳng vì cầu tài cầu lợi, cũng chẳng phải là cầu lấy danh vọng, chỉ là vì Chánh Pháp Đạo Tâm Vô Thượng mà đi, ngưỡng xin Quán Thế Âm Bồ Tát xin Ngài hãy từ bi thương xót chúng sinh, dùng cứu khổ làm nhiệm vụ chủ yếu, thân tâm con ở đây rất là đau khổ, Ngài có biết không?”* như vậy Pháp Sư cầu xin, trong lòng không gián đoạn, như thế cho đến giữa đêm ngày thứ năm, bỗng nhiên Ngài cảm thấy có một luồng gió mát thổi đến thân mình mát mẻ dễ chịu như vừa được tắm trong ao nước mát lạnh, thế là hai mắt của Ngài trông thấy rõ trở lại và cũng có thể cỡi ngựa để lên đường.

Như thế đi được vài dặm, bỗng nhiên nhìn thấy một đồng cỏ xanh tươi, lại có một cái giếng nước, ở đây nước ngọt lịm mát mẻ, trong suốt như mặt gương, người ngựa đều uống, thân mạng được bảo toàn cuộc sống thay đổi mới người ngựa đều được cứu sống. Trong lòng Pháp Sư biết rằng nước và cỏ nơi đây chẳng phải tự nhiên mà có, mà là do tâm chí thành của mình cảm động đến Quán Âm Bồ Tát nên Ngài đã thương xót mà hóa hiện ra. Nhân đây Pháp Sư mới được bình an mà vượt qua sa mạc để đi đến nước Cao Xương.

Sau khi đến nước Cao Xương, vua nước Cao Xương dùng nghi lễ đón tiếp Pháp Sư rất ân cần và long trọng. Một lòng muốn lưu giữ Pháp Sư ở lại, liền bị Pháp Sư từ chối, nhà vua chỉ còn biết thỉnh Sư Giả hộ tống Pháp Sư đến Tây Vực. Pháp Sư đi du lịch 5 cảnh Thiên Trúc, tổng cộng đi mất 18 năm, trên đường đi qua 135 nước, trải qua các loại tai nạn nguy hiểm, đều có thể vượt qua một cách an toàn. Phương diện này là do lời cầu nguyện của Pháp Sư đã thành sự thật và cũng là sự từ bi cứu giúp của Quán Âm Bồ Tát.

Quán Âm dùng Cam Lộ rót vào miệng pháp sư Tuân Thức

Tuân Thức Pháp Sư ở vào đời nhà Tống, người Lâm Hải huyện Thai Châu. Học hành của ông thanh lịch và cao nhã, danh tiếng vang đến sông Chiết Giang và tỉnh Chiết Giang (thanh danh quan vu lưỡng chiết). Pháp Sư chuyên chí vào pháp môn tịnh thổ ở Cực Lạc, từng kinh hành trì **Bát Chu Tam Muội**, lấy 90 ngày làm kỳ hạn, bởi vì khổ tâm khích lệ chí tu trì cho nên thổ huyết. Lúc đó da thịt hai chân của Pháp Sư đều bị xé rách, nhưng Pháp Sư chẳng lấy làm vừa ý, dùng cái chết làm thế nguyện cho mình. Có một ngày Pháp Sư bỗng nhiên cảm giác giống như đang ở trong mộng, chỉ thấy Quán Thế Âm Bồ Tát rũ ngón tay vào miệng của Pháp Sư, rút ra rất nhiều sâu trùng, lại từ đầu ngón tay tuôn ra Cam Lộ rót vào miệng Pháp Sư,

ngay lập tức ông cảm giác thân tâm trong mát, bệnh tật thổ huyết cũng dần dần khỏi.

Giữa năm Thiên Thánh, vào ngày Pháp Sư sắp diệt hóa, ông đốt hương lễ Phật, nguyện xin Chư Phật chứng minh cho ông vãng sinh về thế giới Cực Lạc an dưỡng, đến giữa đêm thì tọa hóa. Đại Chúng đều nhìn thấy có ngôi sao lớn rơi vào đỉnh núi Linh Thứu. Lúc ở trong chùa ông xây dựng sám đường Quang Minh, mỗi một cái gác, đòn tay, thành giếng đều có bàn tay của ông, Pháp Sư liền tụng Chú Đại Bi 7 biến, nhân đây, tuy nhiều lần trải qua binh lửa chiến tranh vẫn tiếp tục có thể sừng sững một mình, chính là sức nguyện của Pháp Sư gây nên.

Tôn Thức Pháp Sư, vì thấy Quán Âm rưới Cam Lộ, từ đó về sau thông minh biện tài vô ngại. Lúc lâm chung hương về tượng Quán Âm cầu thỉnh, đốt hương khẩn cầu: “*Con quán tưởng Quán Thế Âm, bờ mé lúc trước không đến, bờ mé lúc sau không đi (Tiền Tể Bất Lai, hậu tể bất khứ), mười phương Chư Phật, thực tế cùng trụ, nguyện xin Thánh Giả nhận một nén hương của con, cầu thỉnh Chư Phật chứng minh, đệ tử vãng sinh an dưỡng*”.

Phạm Trọng Yêm cảm động đến Bạch Y Đại Sĩ, cứu mẹ thoát khỏi cõi Địa Ngục

Phạm Trọng Yêm sinh vào đời nhà Tống, mẹ của ông đã già từ cõi đời được 21 ngày, ông nằm mộng thấy mẫu thân khóc lóc rơi lệ và nói với ông rằng: “Mẹ vì nghiệp ác cho nên bị **Thái Sơn Phủ Quân** giam giữ, phải nhận lấy hình phạt khổ đau chẳng thể nói hết được, cầu xin con hãy mau đi thỉnh quý Sư tụng “**Kim Cang Kinh**” để tiến hành cứu giúp cho mẹ mau được giải thoát, chớ nên chậm trễ! Nếu không thì mẹ phải vào Địa Ngục, suốt đời chẳng được siêu sinh!”.

Phạm Trọng Yêm thương xót cho mẹ chẳng cầm lòng được òa khóc liền giắt mình tỉnh dậy, lập tức đi thỉnh quý Sư đọc tụng “**Kim Cang Kinh**” vì muốn siêu thoát cho mẹ.

Như vậy vào đêm thứ sáu, ông nằm mộng thấy mẹ nói với ông rằng: “Do con của mẹ chí thành, cảm động đến Bạch Y Đại Sĩ giáng phàm, trì tụng nửa quyển Kinh văn, mẹ mới được sinh lên cõi Trời, con nên hậu đãi người thân và khẩu đầu lạy tạ báo đáp Đại Sĩ “.

Thế là ông đợi ngày viên mãn, báo đáp tạ ơn Chúng Tăng, nhân tiện thỉnh hỏi ai là người tụng nửa quyển Kinh? Chúng Tăng đều thay đổi nét mặt trả lời lại rằng: “Chúng tôi tụng Kinh văn một chữ cũng không thể bỏ sót, há có lẽ nào lại đọc thiếu đến nửa quyển?”

Lúc này, bên cạnh có một vị Sư trả lời rằng: “Hôm qua Đại Chúng đang tụng Kinh, Sơn Tăng tôi (lời kẻ tăng sĩ tự xưng) đứng gần lặng lẽ nhìn, đến nửa quyển thời gặp họ Phạm ông đi đến đốt hương, tôi liền trở vào bếp làm công việc, gánh chịu sự hỏi han của ông nên thật thà nói cho biết”. Thế là ông họ Phạm lập tức cúi đầu chào, Sơn Tăng liền nói rằng: “Mạc Mạc!” lập tức bay lên không trung chẳng

nhìn thấy được, họ Phạm nhân đây xây dựng “Mạc Mạc Đường” để ghi nhớ đoạn sự tích cảm ứng này.

Bao Tín vì lòng cung kính được Quán Âm giúp đỡ

Vào giữa năm Vạn Lịch đời nhà Minh, có một vị cư sĩ tên là Bao Tín, hàng ngày trì “**Quán Âm Kinh**”. Ngẫu nhiên ra bên ngoài nhìn thấy một tòa Phật Điện nghiêng đổ, tượng Quán Âm bị dầm mưa dãi nắng, lập tức cởi bỏ hết tư trang tiền của trên người mua vải lụa cho chôn thường trụ với hy vọng có thể trùng tu lại Phật Điện. Sau đó ông lại suy nghĩ, không yên tâm, tiền không có đủ để xây dựng lại, liền đem 7 kiện quần áo mới tất cả đều bố thí. Người nô bộc của ông tỏ vẻ chằng bằng lòng, xin chủ nhân để lại quần áo. Không cần suy nghĩ Bao Tín liền nói: “Chỉ cần Thánh Tượng được an toàn, cho dù tôi chằng còn bộ quần áo nào để mặc cũng chằng ảnh hưởng gì đến sự nguy hại của ta?”

Tăng Nhân trong chùa rơi lệ nói rằng: “Bố thí cho tiền bạc quần áo.... Việc này chằng phải là chằng gặp nhiều khó khăn trắc trở, chỉ một điểm thành tâm này của thí chủ, thật chằng phải là dễ dàng!”

Sau đó Bao Tín nằm mộng thấy Già Lam Thần bảo ông rằng: “Quán Âm Bồ Tát cảm niệm tinh thần của ông, ban cho con cháu ông hưởng quan lộc ở thế gian”. Về sau con cháu của ông quả nhiên đều vinh quang lừng lẫy trên con đường khoa cử.

18/09/2009

MỤC LỤC

1_ Lời tựa	Tr.01
2_ Thiên thứ nhất _ Tổng Luận	Tr.01
_ Chương thứ nhất _ Đại Từ Đại Bi của Quán Thế Âm Bồ Tát	Tr.01
.) Tính chất đặc biệt của Quán Thế Âm Bồ Tát	Tr.05
_ Chương thứ hai _ Câu chuyện về đời quá khứ của Quán Thế Âm Bồ Tát	Tr.08
.) Thái Tử phát nguyện cứu độ tất cả chúng sinh	Tr.08
.) Hoa sen hóa sinh Đồng Tử	Tr.10
.) Xưa kia là Thánh Mã Vương	Tr.12
_ Chương thứ ba _ Câu chuyện về Quán Âm độ hóa sáu nẻo	Tr.16
.) Quán Âm Bồ Tát tiêu phục bệnh dịch độc hại	Tr.16
.) Quán Âm Bồ Tát hóa độ Thiên Tử	Tr.17
.) Quán Âm Bồ Tát hóa độ nữ La Sát và loài sâu giòi	Tr.19
.) Quán Âm Bồ Tát cứu độ chúng sinh ở cõi Địa Ngục	Tr.19
.) Quán Âm Bồ Tát cứu độ quỷ đói	Tr.22
.) Quán Âm Bồ Tát hóa hiện làm Quỷ Vương	Tr.23
_ Chương thứ tư _ Tịnh Thổ của Quán Âm Bồ Tát	Tr.25
.) Tịnh Thổ ở phương Tây	Tr.25
.) Tịnh Thổ nơi lỗ chân lông	Tr.25
.) Núi Bồ Đà Lạc của Thế Giới Sa Bà	Tr.27
_ Chương thứ năm _ Quyển thuộc của Quán Âm Bồ Tát	Tr.30
3_ Thiên thứ hai _ Các loại hình tượng Quán Âm	Tr.36
_ Chương thứ nhất _ Khái Quát	Tr.36
_ Chương thứ hai _ Các Tôn Quán Âm	Tr.59
.) Thánh Quán Âm	Tr.59
.) Thiên Thủ Quán Âm	Tr.62
.) Thập Nhất Diện Quán Âm	Tr.81
.) Như Ý Luân Quán Âm	Tr.87
.) Mã Đầu Quán Âm	Tr.92
.) Bát Không Quyển Sách Quán Âm.....	Tr.97
.) Chuẩn Đề Quán Âm	Tr.101
.) Thanh Cảnh Quán Âm	Tr.106
.) Thủy Nguyệt Quán Âm	Tr.108
.) Bạch Y Quán Âm	Tr.110

.) Dương Liễu Quán Âm	Tr.113
.) Diên Mạng Quán Âm.....	Tr.114
.) A Ma Đề Quán Âm	Tr.114
.) Sư Hống Quán Âm	Tr.117
.) Diệp Y Quán Âm	Tr.118
.) Tứ Tý Quán Âm	Tr.120
.) Đa La Bồ Tát	Tr.123
.) Bạch Độ Mẫu	Tr.127
.) Hương Vương Quán Âm	Tr.128
.) Tỳ Câu Chi Bồ Tát	Tr.130
.) Đại Minh Bạch Thân Bồ Tát	Tr.131
.) Đại Tùy Cầu Bồ Tát	Tr.132
.) Đại Cát Tường Đại Minh Bồ Tát	Tr.135
.) Đại Cát Tường Minh Bồ Tát	Tr.136
.) Bạch Thân Quán Tự Tại Bồ Tát	Tr.137
.) Thủy Cát Tường Bồ Tát	Tr.139
.) Phần Nộ Câu Quán Tự Tại Bồ Tát	Tr.139
.) Bất Không Câu Quán Tự Tại Bồ Tát	Tr.140
.) Nhất Kế La Sát	Tr.141
4_ Thiên thứ ba_ Pháp Môn của Quán Âm Bồ Tát	Tr.144
_ Chương thứ nhất_ Pháp Môn tu hành của Quán Âm Bồ Tát	Tr.144
.) Pháp tu trì Tâm Kinh	Tr.144
.) Tu hành Pháp Môn Nhĩ Căn Viên Thông	Tr.145
.) Pháp Môn Đại Bi Hạnh Giải Thoát của Bồ Tát	Tr.151
.) Pháp Môn quán tưởng Quán Âm Bồ Tát	Tr.153
_ Chương thứ hai_ Chú Ngữ thường thấy của Quán Âm Bồ Tát ..	Tr.155
.) Đại Bi Chú	Tr.156
.) Lục Tự Đại Minh Chú	Tr.159
.) Chuẩn Đề Chú	Tr.161
_ Chương thứ ba_ Kinh Điển liên quan đến Quán Âm Bồ Tát	Tr.165
_ Chương thứ tư_ Sự tích cảm ứng của Quán Thế Âm	Tr.172
5_ Mục lục	Tr.178

